

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài)

Hưng Yên, tháng 7 năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	1
DANH MỤC HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU	3
Phần I. KHÁI QUÁT	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN.....	20
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	20
<i>Tiêu chí 1.1.....</i>	<i>20</i>
<i>Tiêu chí 1.2.....</i>	<i>22</i>
<i>Tiêu chí 1.3.....</i>	<i>25</i>
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	27
<i>Tiêu chí 2.1.....</i>	<i>28</i>
<i>Tiêu chí 2.2.....</i>	<i>30</i>
<i>Tiêu chí 2.3.....</i>	<i>33</i>
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	35
<i>Tiêu chí 3.1.....</i>	<i>35</i>
<i>Tiêu chí 3.2.....</i>	<i>39</i>
<i>Tiêu chí 3.3.....</i>	<i>42</i>
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học	45
<i>Tiêu chí 4.1.....</i>	<i>46</i>
<i>Tiêu chí 4.2.....</i>	<i>48</i>
<i>Tiêu chí 4.3.....</i>	<i>50</i>
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	53
<i>Tiêu chí 5.1.....</i>	<i>54</i>
<i>Tiêu chí 5.2.....</i>	<i>57</i>
<i>Tiêu chí 5.3.....</i>	<i>59</i>
<i>Tiêu chí 5.4.....</i>	<i>61</i>
<i>Tiêu chí 5.5.....</i>	<i>63</i>
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	65
<i>Tiêu chí 6.1.....</i>	<i>65</i>
<i>Tiêu chí 6.2.....</i>	<i>67</i>
<i>Tiêu chí 6.3.</i>	<i>70</i>
<i>Tiêu chí 6.4.....</i>	<i>71</i>
<i>Tiêu chí 6.5.....</i>	<i>73</i>
<i>Tiêu chí 6.6.....</i>	<i>75</i>
<i>Tiêu chí 6.7.....</i>	<i>77</i>
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	80
<i>Tiêu chí 7.1.</i>	<i>81</i>
<i>Tiêu chí 7.2.</i>	<i>84</i>
<i>Tiêu chí 7.3.....</i>	<i>86</i>

<i>Tiêu chí 7.4.</i>	88
<i>Tiêu chí 7.5.</i>	91
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	93
<i>Tiêu chí 8.1.</i>	94
<i>Tiêu chí 8.2.</i>	96
<i>Tiêu chí 8.3.</i>	98
<i>Tiêu chí 8.4.</i>	100
<i>Tiêu chí 8.5.</i>	103
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	105
<i>Tiêu chí 9.1.</i>	106
<i>Tiêu chí 9.2.</i>	108
<i>Tiêu chí 9.3.</i>	110
<i>Tiêu chí 9.4.</i>	112
<i>Tiêu chí 9.5.</i>	114
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	117
<i>Tiêu chí 10.1.</i>	117
<i>Tiêu chí 10.2.</i>	119
<i>Tiêu chí 10.3.:</i>	122
<i>Tiêu chí 10.4.</i>	125
<i>Tiêu chí 10.5.</i>	129
<i>Tiêu chí 10.6.</i>	132
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	135
<i>Tiêu chí 11.1.</i>	135
<i>Tiêu chí 11.2.</i>	139
<i>Tiêu chí 11.3.</i>	141
<i>Tiêu chí 11.4.</i>	144
<i>Tiêu chí 11.5.</i>	147
PHẦN III. KẾT LUẬN	152
Phần IV: PHỤ LỤC	172
Phụ lục 7: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	172

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Đọc là
1.	BLQ	Bên liên quan
2.	BGH	Ban giám hiệu
3.	CBGV	Cán bộ giảng viên
4.	CĐR	Chuẩn đầu ra
5.	CLPT	Chiến lược phát triển
6.	CNTT	Công nghệ thông tin
7.	CSGD	Cơ sở giáo dục
8.	CSV	Cựu sinh viên
9.	CSVC	Cơ sở vật chất
10.	CSVC&TV	Cơ sở vật chất và thư viện
11.	CTDH	Chương trình dạy học
12.	CTĐT	Chương trình đào tạo
13.	CTH&QHQT	Chính trị học và Quan hệ quốc tế
14.	CVHT	Cổ vấn học tập
15.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
16.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
17.	ĐH	Đại học
18.	ĐHTB	Đại học Thái Bình
19.	ĐT&HSSV	Đào tạo và Học sinh sinh viên
20.	GDĐT	Giáo dục và đào tạo
21.	GDĐH	Giáo dục đại học
22.	GV	Giảng viên
23.	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
24.	HP	Học phần
25.	HSSV	Học sinh sinh viên
26.	HTPT	Hợp tác phát triển
27.	KĐCL	Kiểm định chất lượng
28.	KH	Kế hoạch
29.	KHCN	Khoa học công nghệ
30.	KLTN	Khoá luận tốt nghiệp
31.	KQHT	Kết quả học tập
32.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
33.	NH	Người học
34.	NTD	Nhà tuyển dụng

STT	Chữ viết tắt	Đọc là
35.	NV	Nhân viên
36.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
37.	PPGD	Phương pháp giảng dạy
38.	PVCD	Phục vụ cộng đồng
39.	SV	Sinh viên
40.	TN	Tốt nghiệp
41.	TC	Tín chỉ
42.	TCCB, TT&KĐCL	Tổ chức cán bộ, Thanh tra và Kiểm định chất lượng
43.	TTTN	Thực tập tốt nghiệp
44.	TS	Tuyển sinh
45.	VC	Viên chức

DANH MỤC HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU

Bảng	Nội dung bảng	Trang
03.1.01.	Ma trận giữa các khối kiến thức với CDR CTĐT ngành Luật năm 2023	36
07.1.01.	Bảng thống kê số lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ NV Trường ĐHTB (Số liệu tính đến ngày 30/06/2025)	83
07.2.01.	Bảng thống kê số lượng NV được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động Giai đoạn 2020 – 2024	85
07.3.01.	Bảng thống kê kết quả đánh giá chất lượng đội ngũ NV Giai đoạn 2020 – 2024	87
07.4.01.	Bảng thống kê số lượng NV được cử đi đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn giai đoạn 2020 – 2024	90
10.4.01	Các công trình khoa học đã công bố của khoa Luật, CTH&QHQT giai đoạn 2020-2024	125
10.4.02.	Danh mục đề tài NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung giảng dạy ngành Luật giai đoạn 2020-2024	125
10.5.01.	Bảng tổng hợp mức độ hài lòng của NH toàn trường về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích năm 2020-2024	130
10.5.02.	Tổng hợp mức độ hài lòng của người học về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của trường ĐHTB và ngành Luật giai đoạn 2024	130
10.5.03.	Tổng hợp mức độ hài lòng của người học về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của trường ĐHTB và ngành Luật giai đoạn 2025	131
11.1.01.	Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học ngành Luật theo các khóa học	136
11.1.02.	Đối sánh về tỷ lệ tốt nghiệp tỷ lệ thôi học SV CTĐT ngành Luật với các CTĐT trong Trường	137
11.1.03.	Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp CTĐT ngành Luật, với cùng ngành của các CSGD ĐH khác	138
11.2.01.	Bảng tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình SV ngành Luật các khóa đào tạo	139
11.3.01.	Số lượng SV khảo sát, tỷ lệ có việc làm SV ngành Luật sau 1 năm	141
11.3.02.	Môi trường làm việc của SV ngành Luật qua các năm khảo sát	142

11.3.03.	Mức thu nhập bình quân của SV ngành Luật	142
11.3.04.	Đối sánh tỷ lệ SV có việc làm của SV CTĐT ngành Luật với các CTĐT khác trong Trường	142
11.3.05.	Đối sánh tỷ lệ SV có việc làm CTĐT với cùng nhóm ngành Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	143
11.4.01.	Đối sánh đề tài cấp trường các ngành trong trường	146
11.4.02.	Đối sánh đề tài SV NCKH cấp trường ngành Luật của Trường ĐHTB và Học viện Phụ nữ Việt Nam	146
11.5.01.	Tỷ lệ hài lòng các BLQ CTĐT ngành Luật qua các năm	148
11.5.02.	Đối sánh tỷ lệ hài lòng các BLQ GV, NH, NH tốt nghiệp, NTD trung bình trong 5 năm 2020-2024 giữa 4 CTĐT	150

Phần I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Luật Trường Đại học Thái Bình (ĐHTB) được phép đào tạo theo Quyết định mở ngành số 3722/QĐ-BGDĐT ngày 22/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT). Đến năm 2018, mã ngành Luật được đổi tên theo Quyết định số 824/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ GDĐT về việc chuyển đổi tên và mã số các ngành đào tạo trình độ đại học (ĐH) của Trường ĐHTB theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Mục tiêu của CTĐT ngành Luật là “Đào tạo SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên, xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật”.

Chất lượng đào tạo và nâng cao chất lượng CTĐT tại các trường ĐH luôn đóng vai trò rất quan trọng, vì đây là yếu tố quyết định chất lượng nguồn nhân lực của một trường ĐH nói riêng và toàn xã hội nói chung. Nhận thức rõ điều này, trong nhiều năm qua, Trường ĐHTB nói chung, khoa Luật, Chính trị học và Quan hệ quốc tế (Khoa Luật, CTH&QHQT) thường xuyên quan tâm, chú trọng đến chất lượng CTĐT. Khoa và Nhà trường đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT như định kỳ khảo sát, lấy ý kiến từ các bên liên quan (BLQ) làm căn cứ điều chỉnh, cập nhật CTĐT theo hướng đổi mới, hội nhập. Việc thẩm định, đánh giá CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Khoa Luật, CTH&QHQT nhận thấy đây là một cơ hội tốt để đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT ngành Luật để từ đó cải tiến chất lượng của CTĐT, tiến tới đào tạo theo hướng chuẩn khu vực. Do vậy, khoa, Trường đã triển khai công tác tự đánh giá và đăng ký đánh giá chất lượng CTĐT ngành Luật theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Việc tự đánh giá CTĐT ngành Luật sẽ giúp Nhà trường và khoa Luật, CTH&QHQT tự xem xét, đánh giá được hiện trạng, xác định được những điểm mạnh, những mặt còn tồn tại để xây dựng và triển khai các KH hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cho giai đoạn tiếp theo.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT: Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 ban hành Quy định và chu kỳ KĐCL CTĐT các trường ĐH, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về Hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Cục Quản lý chất

lượng, Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ ĐH ngành Luật theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHTB, ngày 03/01/2025 và ban hành KH số 108/KH-ĐHTB ngày 22/01/2025 tự đánh giá 04 CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT. Đến nay, khoa Luật, CTH&QHQT đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ ĐH ngành Luật.

1.1.1. Cấu trúc báo cáo

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ ĐH ngành Luật bao gồm 04 phần:

Phần I: Khái quát

Giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT theo các tiêu chuẩn. Mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá, giải thích cách mã hóa minh chứng trong Báo cáo tự đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các BLQ nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Trong phần này, Báo cáo cũng mô tả tóm tắt về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và các chính sách chất lượng và hoạt động ĐBCL của Trường và của khoa.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Đây là phần chính của bản báo cáo tự đánh giá CTĐT, mô tả chi tiết kết quả tự đánh giá CTĐT trình độ ĐH ngành Luật, Trường ĐHTB, lần lượt theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GDĐT. Trong mỗi tiêu chuẩn, có Phần mở đầu, Đánh giá tiêu chí, Phần kết luận, trong đó Đánh giá tiêu chí được thực hiện lần lượt các tiêu chí trong tiêu chuẩn theo cấu trúc: (1) Mô tả hiện trạng; (2) Điểm mạnh; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động; (5) Tự đánh giá.

Phần III: Kết luận

Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT; những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn; các KH cải tiến chất lượng CTĐT; tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT (theo các PL6a, 6b của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020).

Phần IV: Phụ lục

Bao gồm các nội dung theo hướng dẫn của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng như Cơ sở dữ liệu kiểm định CTĐT (PL7), cung cấp các thông tin tổng quát về đơn vị thực hiện CTĐT; các quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, ... (PL1); Kế hoạch tự đánh giá (PL2); các bảng biểu tổng hợp, thống kê, ...; danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá (PL9).

1.1.2. Nội dung chính của báo cáo tự đánh giá theo các tiêu chuẩn

Báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ ĐH ngành Luật cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động ĐBCL và KĐCL theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GDĐT, gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí với các nội dung tự đánh giá về: (1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT, (2) Bản mô tả CTĐT, (3) Cấu trúc và nội dung CTDH, (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học, (5) Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học (NH), (6) Đội ngũ giảng viên (GV), (7) Đội ngũ nhân viên (NV), (8) NH và hoạt động hỗ trợ NH, (9) CSVC và trang thiết bị, (10) Nâng cao chất lượng, (11) Kết quả đầu ra.

Trong các tiêu chuẩn, mỗi tiêu chí đều được mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất KH phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, tự đánh giá tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức tự đánh giá, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH. Sau khi mô tả và phân tích từng tiêu chí, bản báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

1.1.3. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có 08 ký tự, bao gồm: 1 chữ cái, 2 dấu chấm và 5 chữ số, theo ký hiệu Hab.c.de, trong đó:

H: viết tắt “Hộp minh chứng”

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10, tiêu chuẩn 11 viết 11)

c: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 1, tiêu chí 7 viết 7)

de: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15, ...)

Ví dụ:

H01.1.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1.

H02.3.15: là minh chứng thứ 15 của tiêu chí 3 thuộc tiêu chuẩn 2.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

1.2.1 Mục đích tự đánh giá

Việc tự đánh giá CTĐT ngành Luật sẽ giúp Nhà trường và khoa Luật, CTH&QHQT đạt được các mục đích sau:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân ngành Luật với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do BGDĐT ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu

quả hoạt động đào tạo NCKH, nhân lực, CSVC, cũng như các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành Luật.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá CTĐT ngành Luật, khoa và Nhà trường tiến hành điều chỉnh, bổ sung các nguồn lực và cải tiến quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của Trường đối với xã hội và cộng đồng, từng bước xây dựng khoa Luật, CTH&QHQT trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật có khả năng hội nhập với khu vực và quốc tế.

1.2.2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động thực hiện CTĐT ngành Luật theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH của BGDĐT, ban hành kèm theo Thông tư 04/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng BGDĐT, Công văn hướng dẫn 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GDĐT về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH và Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục QLCL, BGDĐT.

Khoa Luật, CTH&QHQT tiến hành hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành Luật dưới sự chỉ đạo của BGH và sự cung cấp thông tin của các phòng chức năng trong Trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây (từ năm 2020 đến năm 2024).

1.2.3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Luật được quy định trong Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020, cụ thể như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin và minh chứng.

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Luật được thực hiện từ tháng 01 năm 2025 đến tháng hết tháng 06 năm 2025.

1.2.4. Phương pháp và công cụ đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Luật của khoa Luật, CTH&QHQT, Trường ĐHTB được dựa theo bộ tiêu chuẩn KĐCL CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGDĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục QLCL, Bộ GDĐT: Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình

độ GDĐH; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 - Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT; Công văn số 2058/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

1.2.5. Sự tham gia của các bên liên quan

Quá trình tự đánh giá có sự tham gia tích cực của các BLQ trong và ngoài trường: BGH, đại diện thành viên Hội đồng trường, các CB, CV phòng chức năng, các CB, GV của khoa Luật, CTH&QHQT, SV đang học tập tại trường; các nhà khoa học, NTD, CSV ngành Luật, ... Cụ thể, BGH chỉ đạo chung, các phòng chức năng cung cấp thông tin, minh chứng; sự phản hồi của SV, các CSV và nhà sử dụng lao động, **nhà khoa học, nhà quản lý,...** là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá; khoa Luật, CTH&QHQT viết báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ ĐH ngành Luật.

1.2.6. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng Tự đánh giá CTĐT trình độ ĐH ngành Luật được thành lập theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHTB, ngày 03/01/2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB, Hội đồng gồm có 19 thành viên, gồm: BGH, trong đó Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng, Phó Trường khoa Luật, CTH&QHQT là Phó Chủ tịch thường trực; thành viên Hội đồng trường; các CB phòng chức năng trong trường; các CB, GV của khoa Luật, CTH&QHQT và đại diện SV ngành Luật đang học tập tại trường. Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá là Ban thư ký gồm 06 thành viên và 05 nhóm chuyên trách. Hội đồng tự đánh giá ban hành KH số 108/KH-ĐHTB ngày 22/01/2025 tự đánh giá 04 CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, trong đó có CTĐT ngành Luật.

Hội đồng tự đánh giá đã chỉ đạo, triển khai phân công thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT ngành Luật theo đúng KH đề ra với sự tham gia của các BLQ. Những CB, GV không trực tiếp nằm trong các nhóm chuyên trách sẽ hỗ trợ đồng nghiệp trong việc thu thập minh chứng và đóng góp ý kiến để xây dựng báo cáo tự đánh giá.

Trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn kĩ thuật; các Nhóm chuyên trách đã tiến hành xem xét, tự đánh giá và làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, tồn tại và KH hành động phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm tồn tại.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Thái Bình

Trường ĐHTB là trường ĐH công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, là CSGD ĐH duy nhất trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, được thành lập theo Quyết định 1555/QĐ-TTg ngày 08/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thái Bình, tiền thân là Trường Tài chính được thành lập năm 1960.

Trong chặng đường 65 năm xây dựng và phát triển (1960 - 2025), trải qua nhiều lần tiếp nhận, sáp nhập, Trường ghi dấu bởi các mốc lịch sử quan trọng: Trường Tài

chính (1960), Trường Kinh tế - Tài chính (1973), Trường Trung học Kinh tế (1978), Trường Kinh tế - Kỹ thuật (1989), Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật (2000), Trường ĐHTB (2011). Tháng 10/2014, Trường ĐHTB tiếp nhận nguyên trạng Cơ sở phía Bắc Trường ĐH Công nghiệp TP HCM, thực hiện bố trí, sắp xếp và di chuyển địa điểm đào tạo về phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên như hiện nay.

2.1.1 Sức mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng

Sức mạng

Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, có tính ứng dụng cao, có khả năng thích ứng cao với nhu cầu của thị trường lao động, các khu kinh tế, khu công nghiệp tại các địa phương trong toàn quốc.

Tầm nhìn

Đến năm 2050, Trường ĐHTB là CSGD ĐH đa ngành, đa lĩnh vực, trọng điểm về công nghệ và kỹ thuật chất lượng cao, đào tạo theo định hướng ứng dụng thuộc TOP 100 trường ĐH hàng đầu cả nước.

Giá trị cốt lõi

Chất lượng cao - Ứng dụng cao - Thích ứng cao

Khẩu hiệu hành động

Tự hào truyền thống - Vững bước hiện tại - Toả sáng tương lai

Triết lý giáo dục

Khai phóng - Toàn diện - Chuyên sâu - Thiết dụng

Mục tiêu giáo dục

Trường ĐHTB là trường ĐH đa ngành, đa lĩnh vực, trọng điểm về công nghệ và kỹ thuật theo định hướng ứng dụng, CSGD ĐH có uy tín, trở thành trường thành viên của ĐH Quốc gia Hà Nội.

Chính sách chất lượng

Trường ĐHTB cam kết liên tục cải tiến để có khả năng cung cấp các dịch vụ có chất lượng, đảm bảo mức độ hài lòng cao nhất của NH và đối tác, qua một hệ thống quản lý năng động, xuất sắc, chuyên nghiệp và đổi mới.

2.1.2. Tóm tắt thành tích nổi bật của Trường ĐHTB

Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHTB đã thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao, có nhiều đóng góp to lớn trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Bình, khu vực Đồng bằng Sông Hồng cũng như cả nước, được Đảng và Nhà nước ghi nhận bằng những phần thưởng cao quý như: Huân chương Độc lập hạng Nhì của Chủ tịch nước (số 1318/QĐ-CTN ngày 30/7/2020), Huân chương Độc lập hạng Ba (số 1659/QĐ/CTN ngày 17/11/2008); Huân chương Lao động hạng Nhất (số 886/2005/QĐ/CTN ngày 15/8/2005), Huân chương Lao động hạng Nhì (số 12/QĐ/CTN

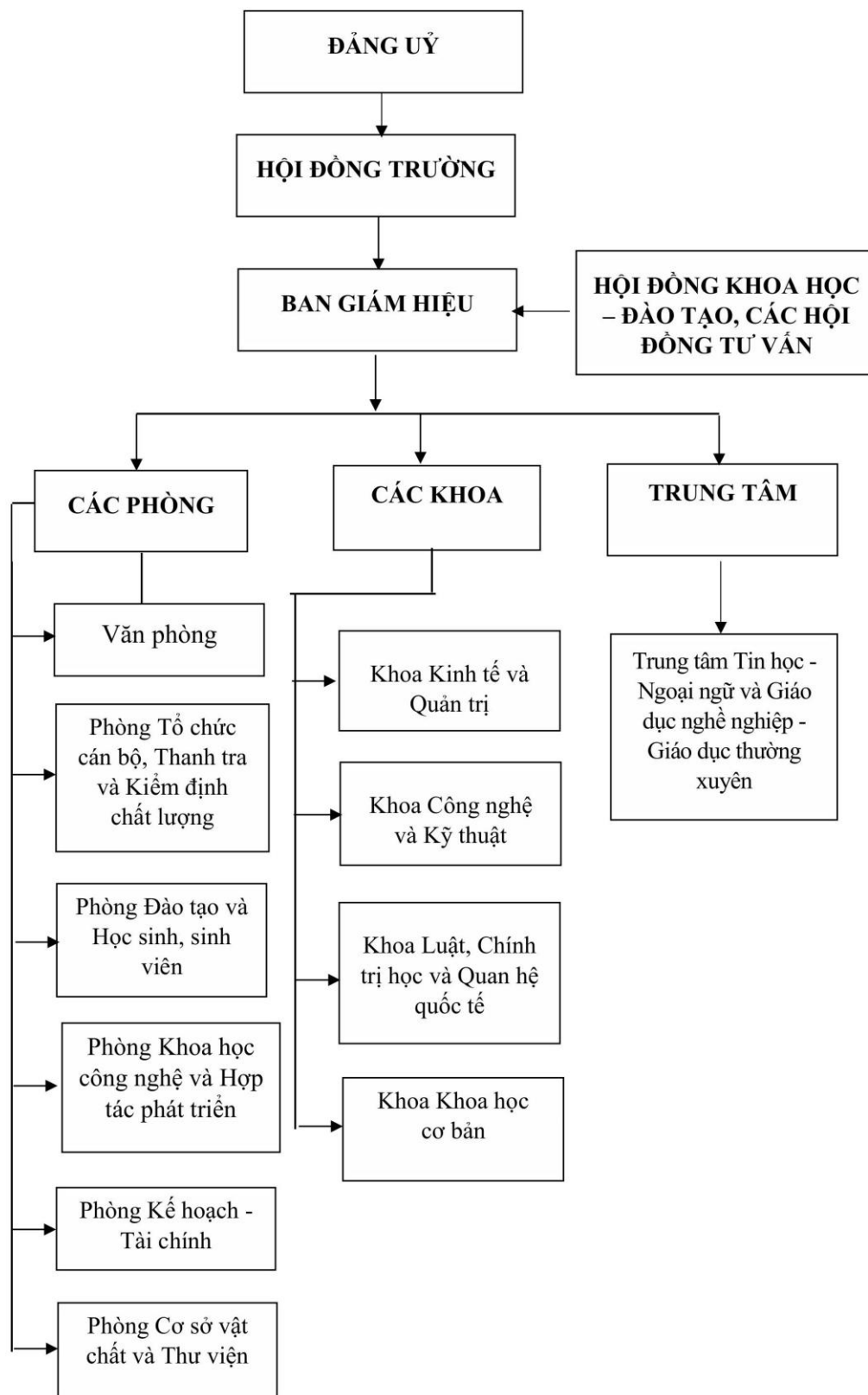
ngày 10/01/2003), Huân chương Lao động hạng Ba (số 124KT/CT ngày 16/11/1999) và nhiều danh hiệu cao quý khác. Nhiều đơn vị và cá nhân Nhà trường đã được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ghi nhận và trao tặng nhiều phần thưởng cao quý.

Nhà trường không ngừng đầu tư về CSVC, trang thiết bị, phát triển đội ngũ, mở rộng ngành nghề đào tạo, đột phá về hoạt động KHCN và HTPT, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, phù hợp yêu cầu xã hội, đáp ứng CĐR đã công bố.

Về cơ cấu tổ chức và quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHTB được thực hiện theo Điều 14 Luật GDĐH số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018, gồm Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH, 06 phòng chức năng, 04 khoa, 01 trung tâm, các Hội đồng tư vấn.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY



Về đội ngũ

Nhà trường có tổng số 234 CBVC, NLĐ, trong 150 CBGV có 01 Phó giáo sư (0,7%), 19 Tiến sĩ (12,7%), 130 Thạc sĩ (86,6%) trong đó 16 GV đang làm NCS; 55 CBVC khối hành chính; 29 lao động phục vụ. GV của Nhà trường có kinh nghiệm và

năng lực trong công tác đào tạo và NCKH, được đào tạo, bồi dưỡng ở các trường ĐH có uy tín trong nước và nước ngoài. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, khoa học xã hội. Với chất lượng đội ngũ CBGV hiện có sẽ tạo tiền đề cho sự phát triển của Trường ĐHTB và hội nhập với khu vực, thế giới.

Về đào tạo

Hiện tại, Trường đang đào tạo 10 CTĐT trình độ ĐH (trong đó, 03 CTĐT thuộc khối ngành Khoa học xã hội và hành vi, 03 CTĐT thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý, 02 CTĐT thuộc khối ngành Công nghệ kỹ thuật, 01 CTĐT thuộc khối ngành Máy tính và CNTT, 01 CTĐT thuộc khối ngành Pháp luật. Các CTĐT được xây dựng, định kỳ rà soát, điều chỉnh theo quy định của Bộ GDĐT, Nhà trường theo hướng linh hoạt, liên thông, tiếp cận năng lực, hiện đại và theo định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Tỷ lệ SV TN trong thời gian không quá 2 năm so với KH học tập chuẩn đạt 85,6%; tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành đào tạo đạt 85,9%. Trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Thái Bình, khu vực và cả nước một số lượng đáng kể nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu của NTD.

Về NCKH

Trong 5 năm (từ năm 2020 - 2025), Trường đã chú trọng công tác NCKH và đạt kết quả nổi bật: đề tài cấp quốc gia hoàn thành 01 đề tài, đang thực hiện 01; cấp tỉnh hoàn thành 04 đề tài và đang thực hiện 03 đề tài; cấp cơ sở 376 đề tài, đang thực hiện 25 đề tài; có 104 đề tài SV NCKH; bài báo có 41 bài đăng trên tạp chí quốc tế, 213 bài đăng trên tạp chí trong nước, 222 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo trong nước có chỉ số ISBN, 19 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, 184 bài đăng trên tập san của trường; 12 sáng kiến và 26 giáo trình sách được xuất bản và lưu hành nội bộ; 38 giải pháp Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh. Nhà trường tổ chức 23 hội thảo, hội nghị khoa học cấp trường, cấp quốc gia. Hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo là một hoạt động mang tính đột phá của Trường ĐHTB trong những năm qua. Tính đến 6/2025, số công bố trên GV là 0.94, đạt và vượt yêu cầu của Chuẩn CSGD ĐH (0.3).

Về hợp tác phát triển

Về quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng và phát triển. Trường đã ký hợp tác với nhiều CSGD, doanh nghiệp trong nước: ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Thái Nguyên, ĐH Quốc Gia Hà Nội, Trường ĐH Vinh, ... Hiệp hội các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thái Bình, nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình và các tỉnh lân cận, Đồng thời cũng đã ký kết hợp tác với 45 đối tác là các trường ĐH, các đơn vị và tổ chức quốc tế ở Châu Á và thế giới về đào tạo, NCKH, trao đổi GV, SV, phối hợp đồng tổ chức nhiều hội thảo khoa học trong nước, quốc tế. Có CBGV của Nhà trường đang làm NCS ở nước ngoài, một số CBGV đã tham gia vào các dự án NCKH với

các trường ĐH trong khối ASEAN. Thông qua việc hợp tác với các trường ĐH, viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế và doanh nghiệp trong và ngoài nước, Nhà trường có điều kiện tiếp cận với tri thức hiện đại, PPGD tiên tiến, cũng như cơ hội triển khai các đề tài nghiên cứu chung, góp phần nâng cao năng lực GV và chất lượng đào tạo. Hợp tác với doanh nghiệp và tổ chức xã hội mở ra các chương trình thực tập, trao đổi SV, học bổng... giúp SV tiếp cận thực tế, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động, có cơ hội việc làm sau khi TN. Việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác góp phần nâng cao uy tín, vị thế của nhà trường trong hệ thống giáo dục.

Về hoạt động PVCD

Nhà trường đã xác định rõ các chính sách kết nối và PVCD thông qua CLPT đào tạo, KHCN và HTQT. CBVC, NLĐ, SV Trường tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ người dân bị thiên tai, Chương trình “Tiếp sức mùa thi”, Học bổng hỗ trợ SV hoàn cảnh khó khăn; phối hợp với ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Bách khoa Hà Nội tổ chức các đợt thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy cho học sinh lớp 12 trên địa bàn tỉnh Thái Bình và các tỉnh lân cận. Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh Thái Bình tổ chức nhiều sự kiện, hoạt động của Tỉnh.

Hoạt động đảm bảo chất lượng (ĐBCL):

Với quan điểm: “*chất lượng là yếu tố cốt lõi cho sự tồn tại và phát triển bền vững*”, Trường ĐHTB luôn quan tâm và chú trọng công tác ĐBCL, KĐCL. Nhà trường xây dựng và vận hành Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong theo mô hình 3 cấp: cấp trường (BGH, Hội đồng ĐBCL); đơn vị chuyên trách (phòng TCCB, TT&KĐCL); tổ ĐBCL các đơn vị. Với mục tiêu của Hệ thống ĐBCL bên trong Trường ĐHTB là bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục ĐH; đánh giá, giám sát, rà soát, đo lường, kiểm soát chất lượng toàn diện và cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường; đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn, quy định của các tổ chức, cơ quan KĐCL giáo dục trong nước và quốc tế được Bộ GDĐT công nhận. Đồng thời, Trường cũng ban hành các quy định, quy trình, công vụ về hoạt động ĐBCL, xây dựng, chỉ đạo triển khai các KH ĐBCL hằng năm, trong đó chú trọng công tác tự đánh giá cấp CSGD và CTĐT. Năm 2022, Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá CSGD, được cấp Giấy chứng nhận KĐCL giáo dục; năm 2023, Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá 04 CTĐT, được cấp Giấy chứng nhận KĐCL 04 CTĐT các ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kế toán; Kinh tế; Quản trị kinh doanh. Nhà trường đã xem xét các khuyến nghị của Đoàn chuyên gia, Hội đồng KĐCL giáo dục và xây dựng KH cải tiến, khắc phục tồn tại sau đánh giá để nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường.

Hiện nay Trường đang triển khai tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài 04 CTĐT. Trải qua các đợt tự đánh giá và KĐCL CSGD, CTĐT đã tạo ra những thay đổi căn bản về tư duy, hành động và văn hóa trong toàn trường; tập thể CB, GV, NV Nhà trường đã hiểu

rõ hơn về tầm quan trọng về chất lượng trong giáo dục, từ đó mỗi cá nhân tự điều chỉnh phương pháp làm việc phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng, cải tiến PPGD và quản lý, tăng cường năng lực chuyên môn. Kết quả KĐCL CSGD và các CTĐT là điều kiện hết sức quan trọng để Nhà trường bảo đảm, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện đạt Chuẩn CSGD ĐH theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT đồng thời thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, giải trình với các BLQ và xã hội trong quá trình tiến tới tự chủ và trách nhiệm theo quy định của Luật Giáo dục và Luật GDĐH.

Về cơ sở vật chất, tài chính

Trường có diện tích trên 39.675,1 m², gồm 174 phòng Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, GV cơ hữu với đầy đủ trang thiết bị đảm bảo điều kiện làm việc, giảng dạy và học tập, trong đó có 03 hội trường được trang bị đầy đủ thiết bị, hệ thống CNTT phục vụ các hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế; tỉ lệ GV có chỗ làm việc riêng biệt đạt 81,2% theo Chuẩn Cơ sở GDĐH, Thư viện có 14.220 đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí; Tập san Trường ĐHTB xuất bản mỗi năm 02 số cùng với hệ thống thư viện số đảm bảo phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo và NCKH, PVCĐ. Ký túc xá của SV khép kín, khu thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ đầy đủ các loại hình phục vụ cho hoạt động ngoài giờ của CBGV, SV và người dân trong khu vực. Hạ tầng CNTT được trang bị đồng bộ và hiện đại, hỗ trợ toàn bộ hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu và quản trị trường, đảm bảo an toàn, bảo mật cơ sở dữ liệu, gồm phòng điều hành có 05 máy chủ, hệ thống mạng LAN kết nối các phòng làm việc, mạng Wi Fi phủ sóng toàn trường, đường truyền Internet tốc độ cao; sử dụng phần mềm quản lý các hoạt động của Nhà trường; Nhà trường hiện có 13 phòng máy tính với 455 máy cấu hình phù hợp, được kết nối Internet, có 02 phòng học đa phương tiện có máy quay, bảng tương tác, âm thanh, ánh sáng tích hợp cho giảng dạy hiện đại đảm bảo phục vụ tốt cho việc giảng dạy, học tập của GV và SV toàn trường. Nhà trường có nguồn tài chính ổn định với tổng thu (ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp khác) trong 05 năm gần đây luôn đảm bảo đáp ứng chi cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường.

2.2. Khoa Luật, Chính trị học và Quan hệ quốc tế, chương trình đào tạo ngành Luật

- *Địa điểm đơn vị:* Tầng 1 nhà F, Trường ĐHTB
- *Quá trình thành lập:* Khoa Luật, CTH&QHQT được thành lập theo Quyết định số 974/QĐ-ĐHTB ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB trên cơ sở nâng cấp khoa Luật trước đây. Với chức năng nhiệm vụ chủ yếu xây dựng CTĐT, KH giảng dạy, học tập, NCKH, PVCĐ theo quy định của Nhà trường; chịu trách nhiệm về chuyên môn và đảm bảo thực hiện tốt các khâu trong CTĐT của những ngành, các HP thuộc chuyên môn do khoa quản lý. Khoa trực tiếp quản lý CTĐT, nội dung, PPGD nhằm nâng cao

chất lượng từng HP; trực tiếp quản lý GV, SV của Khoa, quản lý và sử dụng có hiệu quả các thiết bị và phương tiện làm việc được Nhà trường trang bị. Hiện tại Khoa đang đào tạo nguồn nhân lực trình độ ĐH các ngành Luật, CTH&QHQT cung ứng nguồn lao động cho các đơn vị, cơ quan HCSN và các tổ chức trong và ngoài tỉnh.

- Cơ cấu tổ chức, đội ngũ khoa Luật, CTH&QHQT:

Cán bộ quản lý: 01 Trưởng khoa, 01 Phó Trưởng khoa;

Tính đến tháng 06/2025, tổng số CBGV của khoa là 25 người. Trong đó, 23 GV, đảm bảo 100% có học vị từ thạc sĩ trở lên gồm 05 tiến sĩ, 18 thạc sĩ (02 NCS); 02 cán bộ trình độ ĐH gồm 01 văn phòng khoa và 01 trợ giảng.

Ngoài ra, còn một số GV đang công tác tại các đơn vị khác trong trường tham gia giảng dạy và sinh hoạt chuyên môn tại khoa.

Đội ngũ GV của khoa trẻ năng động, sáng tạo, cầu thị, ham học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong 05 năm qua, CBGV khoa Luật, CTH&QHQT không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng dạy học trong Nhà trường, GV tích cực học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ, từ năm 2023 đến nay, Khoa có 02 GV đang làm NCS, trong đó có 01 NCS tại nước ngoài.

- Hoạt động NCKH và HTPT

NCKH và HTPT không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững và nâng cao vị thế của khoa trong Nhà trường.

Do vậy, khoa Luật, CTH&QHQT xác định NCKH là một trong những nhiệm vụ chính yếu của Khoa cũng như của mỗi GV. Việc gắn kết chặt chẽ giữa giảng dạy và nghiên cứu giúp GV cập nhật kiến thức mới, nâng cao năng lực chuyên môn; SV có cơ hội tham gia vào các đề tài nghiên cứu, hình thành tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề. Khoa Luật, CTH&QHQT đã tập trung vừa làm tốt hoạt động đào tạo, vừa đẩy mạnh NCKH, NCKH đã trở thành hoạt động bắt buộc của GV và khuyến khích tích cực đối với SV trong Khoa.

Trong 5 năm qua, loại hình và số lượng NCKH của GV của Khoa Luật, CTH&QHQT ngày càng đa dạng về số lượng và chất lượng: 09 đề tài cấp trường, 16 đề tài cấp khoa, 7 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và 7 bài báo quốc tế, 14 bài đăng tập san khoa học của Nhà trường. Trong năm học 2024-2025, hoạt động NCKH của khoa đạt được những bước tiến vượt trội: 1 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước; 2 nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh; 6 nhiệm vụ KHCN cấp trường; 9 bài đăng tạp chí khoa học trong và ngoài nước; 1 đầu sách đã xuất bản; 22 bài tham luận tại các Hội thảo trong nước và quốc tế; hướng dẫn 15 đề tài SV NCKH các cấp.

Trong việc mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác của Trường ĐHTB, khoa Luật, CTH&QHQT đã hợp tác với các trường ĐH trong nước để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm để phát triển CTĐT, đổi mới PPGD, NCKH. Khoa đã chủ động để mở rộng quan

hệ với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Thái Bình cũng như các tỉnh lân cận nhờ đó, nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết thực tiễn, tăng cường cơ hội thực tập, việc làm cho SV. Qua tiếp xúc với môi trường tại các cơ quan, tổ chức, SV được rèn luyện các kỹ năng như: giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thích nghi với văn hóa công sở...SV hiểu rõ hơn về nhu cầu thị trường, từ đó chủ động định hướng học tập và nghề nghiệp. Có nhiều tổ chức đồng hành tài trợ học bổng cho SV; hỗ trợ SV thực tập; chia sẻ, đóng góp các ý kiến trong việc phát triển CTĐT.

Đẩy mạnh NCKH và mở rộng mạng lưới hợp tác đã nâng cao vị thế và uy tín của khoa trong và ngoài trường, đóng góp vào công cuộc đổi mới, sáng tạo và hội nhập của Trường ĐHTB.

- Về CTĐT

Khoa quản lý và chủ trì thực hiện 03 CTĐT trình độ ĐH ngành Luật, ngành Chính trị học và ngành Quan hệ quốc tế.

Việc thiết kế, xây dựng và rà soát CTĐT được thực hiện 02 năm/lần, trên cơ sở các văn bản quy định, như: Quy chế đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC của BGDĐT (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ GDĐT); Khung trình độ quốc gia Việt Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT); Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CĐR và CTĐT; Quy định đào tạo ĐH, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC (ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-ĐHTB, ngày 16/06/2014 của Hiệu trưởng ĐHTB); Quy định đào tạo ĐH, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC (ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTB, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB); Quy định chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CĐR và CTĐT (ban hành theo Quyết định số 51/QĐ-ĐHTB ngày 14/9/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB); Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHTB (ban hành theo Quyết định số 25/QĐ-ĐHTB, ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB).

Trong quá trình thực hiện rà soát CTĐT, Khoa, Nhà trường quan tâm việc đóng góp ý kiến của các BLQ, đặc biệt của CSV và NTD để các CTĐT đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xã hội, thị trường lao động. Khoa đã tham khảo và học hỏi kinh nghiệm của các trường ĐH: Trường ĐH Luật - ĐH Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Luật Hà Nội, ĐH Kinh tế Quốc dân, Trường ĐH Hồng Đức để xây dựng CTĐT đạt chất lượng tốt.

CTĐT ngành Luật đã được ban hành năm 2015, điều chỉnh rà soát và bổ sung vào các năm 2017, 2019, 2021 và năm 2023. CTĐT được điều chỉnh theo định hướng ứng dụng, thực hành nghề nghiệp; chú ý đến rèn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cho

SV, cân đối giữa lý thuyết với thực hành; các HP của CTĐT được phân bổ theo 05 khối kiến thức: Kiến thức giáo dục đại cương (M1); Kiến thức cơ sở liên ngành (M2); Kiến thức nhóm ngành (M3); Kiến thức ngành (M4); Kiến thức định hướng chuyên ngành (M5).

CTĐT đảm bảo sự liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, giữa CĐR của CTĐT với CĐR của các HP, các PPGD, học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá, bảo đảm NH có thể đạt được CĐR như đã tuyên bố.

Đối với ngành Luật, khoa Luật, CTH&QHQT đảm bảo đội ngũ GV thực hiện CTĐT theo quy định, 100% GV có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có chuyên môn vững, nhiều kinh nghiệm, ĐBCL giảng dạy các HP trong CTĐT. Tuy nhiên, Nhà trường, Khoa vẫn tiếp tục có những chính sách để thu hút GV có trình độ cao (TS, PGS, GS) về tham gia giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện ký kết hợp đồng thỉnh giảng với các GV có học hàm, học vị đang công tác tại một số trường đào tạo luật hàng đầu của cả nước. Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất để GV trong Khoa được học tập nâng cao trình độ (hiện tại Khoa có 02 GV làm NCS trong và ngoài nước).

- Công tác SV

Khoa Luật, CTH&QHQT luôn quan tâm đến xây dựng môi trường học tập thân thiện để SV chủ động học tập và rèn luyện. Khoa có các bộ phận trợ lý, CVHT, cùng với Liên Chi đoàn luôn đồng hành và hỗ trợ các SV trong suốt quá trình học tập và rèn luyện. SV được bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng sống. SV học tại Trường ĐHTB nói chung, khoa Luật, CTH&QHQT được hỗ trợ, giải đáp mọi thắc mắc về học tập, các chế độ chính sách; được tham gia rất nhiều các hoạt động PVCĐ. SV được Nhà trường hỗ trợ, cung cấp thông tin, địa chỉ về chỗ ở, thực tập, thực tế. Ngoài ra, SV có cơ hội nhận học bổng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; những SV có hoàn cảnh khó khăn nhận được hỗ trợ của Khoa, Hội khuyến học trường, tỉnh.

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến ý kiến phản hồi của các BLQ trong đó có ý kiến của SV đang học tại trường, CSV để điều chỉnh, xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ; bổ sung CSVC, trang thiết bị; cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động. Hàng năm, Nhà trường phối hợp với khoa Luật, CTH&QHQT thực hiện khảo sát SV về chất lượng môi trường học tập, về chất lượng giảng dạy các HP của GV, khảo sát SV trước khi TN về chất lượng khóa học; tổ chức các buổi đối thoại giữa SV với Lãnh đạo trường, khoa và các phòng ban liên quan. Các ý kiến phản hồi của SV đều được nghiêm túc xem xét và có những cải tiến để nâng cao mức độ hài lòng của NH. Năm học 2024-2025, mức độ hài lòng SV ngành Luật đối với hoạt động giảng dạy của GV đạt chỉ số chất lượng 89.3%, SV trước khi TN có chỉ số hài lòng toàn khóa học là 85.0% đều ở mức tốt.

Với các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD được sắp xếp, triển khai trong quá trình học tập của khóa học, SV khoa Luật, CTH&QHQT nói chung, ngành Luật nói riêng được phát huy tối đa tính sáng tạo, hiểu biết của mình trong hành trình tiếp thu kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ đạt được mục tiêu đề ra. Ngành Luật TS khoá đầu tiên từ năm 2015 cho đến nay có 09 khóa học, có 06 khóa TN, tỉ lệ SV TN tăng qua các năm. Nhiều SV được các tổ chức tiếp nhận làm việc sau khi thực tập. Tỉ lệ SV TN có việc làm phù hợp với ngành đào tạo của ngành Luật đạt 90%.

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT ngành Luật được xây dựng và ban hành năm 2015 trên cơ sở chương trình khung do Bộ GDĐT ban hành và các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHTB, được cập nhật chỉnh sửa theo quy định. Trong chu kỳ đánh giá, CTĐT được rà soát, chỉnh sửa vào các năm 2021, 2023.

Năm 2023, CTĐT ngành Luật rà soát điều chỉnh tổng thể từ mục tiêu, CĐR, ĐCCT HP theo định hướng ứng dụng, tăng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đặc biệt tăng cường các HP tự chọn giúp SV có nhiều việc làm sau khi TN. Mục tiêu, CĐR của CTĐT ngành Luật được xác định rõ ràng và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH; các nội dung xây dựng trong mục tiêu, CĐR của CTĐT đã bao quát được các yêu cầu cần đạt của CTĐT, đáp ứng yêu cầu xã hội, đặc biệt là các nhà sử dụng lao động. Mục tiêu, CĐR của CTĐT được công bố công khai cho NH trên các phương tiện thông tin của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT trình độ ĐH ngành Luật được xác định rõ ràng, được xây dựng dựa trên các quy định của Luật GDĐH, Khung trình độ Quốc gia Việt Nam và các Thông tư của Bộ GDĐT về quy định chuẩn CTĐT, quy chế đào tạo trình độ ĐH và quyết định ban hành Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CĐR và CTĐT trình độ ĐH của Trường ĐHTB **[H01.1.01]**. Trong chu kỳ đánh giá, mục tiêu của CTĐT ngành Luật đã được rà soát, sửa đổi và ban hành vào các năm 2021 và 2023 **[H01.1.02]**.

Việc rà soát, xây dựng bổ sung mục tiêu của CTĐT ngành Luật được Khoa triển khai, thực hiện theo các văn bản triển khai của Nhà trường **[H01.1.03] [H01.1.04]**. Trong KH rà soát CTĐT quy định rõ: mục tiêu chung của CTĐT phản ánh tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐHTB, phù hợp với mục tiêu của GDĐH theo quy định của pháp luật hiện hành và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; rà soát, cập nhật, điều chỉnh mục tiêu cụ thể của CTĐT trên 3 phương diện: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Mục tiêu của CTĐT ngành Luật bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, được cụ thể hóa thành các CĐR của CTĐT và thể hiện trong CTĐT tổng thể Nhà trường ban hành **[H01.1.05] [H01.1.06]**. Trong năm 2023, khoa Luật, CTH&QHQT đã tiến hành rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành Luật theo hướng tiếp cận năng lực: “*Trang bị cho người học có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý,*

quy luật tự nhiên, xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật”. Mục tiêu cụ thể của CTĐT được xác định rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, bao gồm 06 mục tiêu cụ thể với 02 mục tiêu về kiến thức, 02 mục tiêu về kỹ năng, 02 mục tiêu về năng lực tự chủ và trách nhiệm nhằm đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ trong mối liên hệ với CDR của CTĐT **[H01.1.02 (3)]**. Trong CTĐT năm 2023, mục tiêu của CTĐT ngành Luật đã được cụ thể hơn và hướng tới việc làm rõ từng nội dung của HP, ngoài kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, cập nhật kiến thức mới, làm việc độc lập mục tiêu có thêm năng lực nghiên cứu, trao đổi, chia sẻ và khả năng tự học tập nâng cao trình độ, phù hợp trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước **[H01.1.05(3)]**.

Mục tiêu của CTĐT ngành Luật phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn đã được công bố trong CLPT của Trường ĐHTB giai đoạn 2018-2021, tầm nhìn đến năm 2030, giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến 2045 **[H01.1.06]**. Khi rà soát mục tiêu của CTĐT, tổ soạn thảo CTĐT ngành Luật đã nghiên cứu, tìm hiểu để hiện thực hóa một phần sứ mạng, tầm nhìn mà Nhà trường đã công bố. Việc công bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục Trường ĐHTB đã khẳng định sứ mạng của Nhà trường là “Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, có khả năng phát huy năng lực sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp và có trách nhiệm với xã hội; NCKH, chuyển giao KHCN; Cung cấp dịch vụ giáo dục, kết nối và PVCĐ đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội của Thái Bình và của cả nước; tạo cơ hội và môi trường học tập thuận lợi cho mọi đối tượng”; cũng trong quyết định này, tầm nhìn của Nhà trường được công bố là: “Đến năm 2030, Trường ĐHTB trở thành cơ sở GDĐH có uy tín của khu vực và cả nước, đào tạo trình độ ĐH, sau ĐH theo định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao. Đến năm 2045 trở thành trường ĐH hàng đầu về đào tạo nhân lực chất lượng cao và thực hiện các hoạt động NCKH đột phá, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và của cả nước” **[H01.1.06(2)]**. Như vậy, mục tiêu của CTĐT ngành Luật thể hiện rõ định hướng ứng dụng và thực hành của chương trình, SV TN có khả năng đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Thái Bình và của cả nước.

Mục tiêu của CTĐT ngành Luật được xây dựng trên cơ sở Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ- TTg ngày 18/10/2016), phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ ĐH quy định tại Luật GDĐH 2018 (tại Điều 5 khoản 1 của Luật Giáo dục ĐH số 08/2012/QH13 và Luật GDĐH sửa đổi bổ sung năm 2018), Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 về quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng và thẩm định, ban hành CTĐT các trình độ của GDĐH. Cụ thể tại Điều 5 khoản 1 của Luật GDĐH số 08/2012/QH13 và Luật GDĐH sửa đổi bổ sung năm 2019 “Đào tạo nhân

lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài ...; đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng KHCN tương xứng với trình độ đào tạo” và khoản 2b “Đào tạo trình độ ĐH để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo” [H01.1.07] [H01.1.08].

Trong quá trình rà soát mục tiêu và CĐR của CTĐT nói riêng cũng như CTĐT nói chung, đã có sự tham khảo, góp ý của các BLQ như chuyên gia, các GV, NTD, CSV để hoàn thiện chỉnh sửa, bổ sung [H01.1.09]. Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT ngành Luật cũng có sự đối sánh với mục tiêu CTĐT ở các trường ĐH khác có đào tạo ngành Luật, điều này đảm bảo cho việc đưa ra mục tiêu CTĐT đáp ứng yêu cầu của các BLQ và phù hợp với xu thế chung của thời đại [H01.1.10]. Tổ rà soát CTĐT ngành Luật tiến hành họp rà soát, chỉnh sửa và thống nhất; mục tiêu CTĐT sau khi chỉnh sửa sẽ được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường thông qua [H01.1.11] [H01.1.12].

Mục tiêu của CTĐT ngành Luật sau khi ban hành được công bố công khai và rộng rãi bằng nhiều hình thức như Website của khoa Luật, CTH&QHQT, của Nhà trường, Brochure để NTD, CSV, người dạy, NH, ... dễ dàng tiếp cận. [H01.1.13].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành Luật được xác định rõ ràng, được rà soát, chỉnh sửa định kỳ 2 năm một lần, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHTB qua từng giai đoạn, đồng thời phù hợp với mục tiêu chung theo quy định của Luật GDDH và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Điểm tồn tại

Số lượng ý kiến khảo sát cơ quan, tổ chức, NTD về rà soát điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành Luật còn chưa nhiều, chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, khoa Luật, CTH&QHQT thực hiện khảo sát lấy được nhiều ý kiến của các BLQ, nhất là NTD với phạm vi rộng rãi hơn để rà soát, điều chỉnh CTĐT trong chu kỳ tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT trình độ ĐH ngành Luật được xác định rõ ràng, được xây dựng dựa trên các quy định của Luật GDDH, Khung trình độ Quốc gia Việt Nam và các văn bản hướng dẫn về việc xây dựng và công bố CĐR của ngành đào tạo: Quy định chuẩn

CTĐT, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ GDĐT; văn bản xây dựng, thẩm định và ban hành CĐR và CTĐT trình độ ĐH của Trường ĐHTB **[H01.2.01]**. Việc rà soát, xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành Luật đã được Khoa quan tâm và thực hiện theo quy định, trong chu kỳ đánh giá của CTĐT ngành Luật, CĐR được rà soát, sửa đổi và ban hành vào các năm 2021 và 2023 **[H01.2.02]**. Việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật CĐR của CTĐT ngành Luật được Khoa triển khai, thực hiện theo các văn bản quy định của Nhà trường **[H01.2.03]**. KH rà soát CTĐT quy định rõ “CĐR phải dựa trên mục tiêu cụ thể, CĐR phải đảm bảo tính khả thi, quan sát, đo lường được, tránh dùng những cụm từ không rõ ràng, mỗi CĐR gắn liền với mức độ đạt chuẩn; lập ma trận mối liên hệ giữa CĐR với mục tiêu đào tạo, mối liên hệ giữa CĐR của CTĐT với các HP; CĐR cập nhật được thông tin vị trí việc làm, khả năng học tập nâng cao trình độ của NH sau khi TN”.

Do vậy, CĐR của CTĐT bao quát cả yêu cầu chung về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, năng lực tư duy phản biện, và các yêu cầu chuyên biệt gắn với kiến thức, kỹ năng và năng lực nghề nghiệp đặc thù của ngành Luật, CĐR của CTĐT được công bố công khai, thể hiện trong CTĐT tổng thể Nhà trường ban hành **[H01.2.04]**.

Năm 2019, CĐR của CTĐT bao gồm kiến thức (kiến thức khoa học xã hội, chính trị, tư tưởng; kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, kiến thức tin học, ngoại ngữ, kiến thức liên ngành, kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành đào tạo, kiến thức chuyên ngành); kỹ năng (kỹ năng cứng, kỹ năng mềm) và mức độ tự chủ và trách nhiệm (phẩm chất đạo đức, sức khỏe, động cơ thái độ làm việc, nhận thức ngành nghề, tác phong), tuy nhiên tại phiên bản này, các CĐR vẫn còn dàn trải, khó xác định **[H01.2.04(1)]**. Năm 2021, khi rà soát, chỉnh sửa CĐR của CTĐT ngành Luật, đã sử dụng bảng phân loại Bloom để xây dựng CĐR về kiến thức (PLO1), kỹ năng (PLO2), và năng lực tự chủ và trách nhiệm (PLO3). Gồm 15 CĐR, trong đó 03 chuẩn thuộc kiến thức đại cương, chính trị, tự nhiên, xã hội và luật pháp; 01 chuẩn thuộc kiến thức cơ sở ngành; 02 chuẩn thuộc kiến thức ngành/chuyên ngành; 02 chuẩn thuộc kiến thức TN; 01 chuẩn thuộc kỹ năng chung, 02 chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, 02 chuẩn kỹ năng bổ trợ; 02 chuẩn năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm **[H01.2.04(2)]**. Năm 2023, Nhà trường vẫn sử dụng thang đo Bloom để đánh giá mức độ đạt chuẩn của NH trên 3 phương diện: kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Mức độ đạt chuẩn từ 1 đến 6 tương ứng với các cấp độ ghi nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo. Sau khi rà soát, điều chỉnh các CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm, các CĐR về kiến thức, kỹ năng được xác định rõ ràng, tường minh, dễ đo lường đánh giá hơn; CĐR của ngành Luật gồm 15 chuẩn, trong đó có 07 CĐR về kiến thức, 06 CĐR chuẩn về kỹ năng, 02 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm **[H01.2.04(3)]**. Các CĐR này cũng được tổ chức dưới dạng các

nhóm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Ngoài những yêu cầu chung (PLO1, PLO2, PLO3), còn đề cập đến những yêu cầu chuyên biệt cho đối tượng NH trong lĩnh vực pháp luật về kiến thức chuyên môn, kiến thức lý thuyết chuyên sâu (PLO4, PLO5, PLO6, PLO7), kỹ năng nghề nghiệp (từ PLO8 đến PLO13), năng lực tự chủ và trách nhiệm với bản thân và cộng đồng (PLO14, PLO15) **[H01.2.02]**. So sánh với CĐR của CTĐT năm 2021, có thể nhận thấy CĐR của CTĐT năm 2023 đã được xác định đầy đủ, rõ ràng và có thể đánh giá được năng lực của NH.

CĐR của CTĐT được tích hợp với mục tiêu của CTĐT thông qua việc xây dựng Ma trận quan hệ giữa CĐR và mục tiêu của CTĐT **[H01.2.05(1)]**; Ma trận giữa CĐR và Khung năng lực trình độ quốc gia **[H01.2.05(2)]**. Mỗi HP trong CTĐT đóng góp vào việc thực hiện CĐR của CTĐT thể hiện qua ma trận mối quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT, ma trận kỹ năng **[H01.2.05(3)]**. Hơn nữa, ĐCCT của mỗi HP đều có CĐR và phù hợp với ma trận các kỹ năng của CĐR CTĐT **[H01.2.04]**.

CĐR của CTĐT ngành Luật còn phản ánh rõ sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường theo các giai đoạn **[H01.2.06]**. CĐR của CTĐT xây dựng thông qua ý kiến của các chuyên gia, ý kiến trao đổi trực tiếp của NTD, các ý kiến góp ý của các GV khoa chuyên môn **[H01.2.07]**. Ngoài ra, CĐR của CTĐT cũng được xây dựng trên cơ sở đối sánh giữa các CĐR của CTĐT ngành Luật trong nước **[H01.2.08]**. Tổ rà soát CTĐT ngành Luật tiến hành họp rà soát, chỉnh sửa và thống nhất; CĐR của CTĐT sau khi chỉnh sửa sẽ được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường thông qua **[H01.2.09] [H01.2.10]**. CĐR nêu được cụ thể về kiến thức, năng lực, kỹ năng, mức độ tự chủ đối với NH TN và triển vọng việc làm trong tương lai. Với mục tiêu, CĐR và CTĐT ngành Luật mà Khoa đã xây dựng đối với trình độ ĐH, NH sau khi học xong CTĐT này có thể làm việc được ở các vị trí trong các cơ quan Đảng, cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp từ Trung ương tới địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp với tư cách là NV pháp chế, tư vấn pháp luật; hành nghề độc lập, khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường **[H01.2.04]**. CĐR của CTĐT ngành Luật được công bố rộng rãi, công khai tới CBGV, SV, CSV, NTD thông qua website của Nhà trường, giúp các BLQ dễ dàng tiếp cận thông tin về ngành học **[H01.2.11]**.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành Luật được xây dựng dựa trên tiếp cận phát triển năng lực, các nội dung được mô tả cụ thể, rõ ràng, phản ánh đúng mục tiêu của CTĐT, đồng thời đảm bảo tính đo lường và khả năng đánh giá. CĐR được thiết kế nhằm khuyến khích sự chủ động và sáng tạo của SV, tạo môi trường thuận lợi để SV tự định hướng trong học tập và tìm hiểu thông tin. Qua đó, SV có điều kiện phát triển toàn diện về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm và triển vọng việc làm trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt, đối với CĐR chung của CTĐT được xác định rõ, nhưng các CĐR chuyên biệt chưa được mô tả một cách rõ ràng giữa CĐR kiến thức và CĐR kỹ năng chuyên môn.

4. Kế hoạch hành động

Trong lần điều chỉnh CTĐT tiếp theo (năm 2025), khoa Luật, CTH&QHQT tiếp tục lấy ý kiến các chuyên gia, NTD về CĐR của CTĐT ngành Luật để tiếp tục rà soát CĐR, làm rõ các CĐR về kiến thức, kỹ năng chuyên môn đối với các CĐR chuyên biệt.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành Luật Trường ĐHTB sau các lần rà soát, chỉnh sửa phản ánh được yêu cầu của các BLQ; có sự tham gia ý kiến của các BLQ.

CĐR của CTĐT ngành Luật được xây dựng theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và các chủ trương, quy định Nhà trường **[H01.3.01][H01.3.02]**. CĐR của CTĐT ngành Luật đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện nhiều lần sau khi tiến hành khảo sát, tiếp thu các ý kiến của các BLQ, khảo sát yêu cầu về nhân lực của thị trường lao động, có tham khảo của các trường ĐH trong nước như ĐH Luật, ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Hồng Đức, ĐH Luật Hà Nội, ĐH Kinh tế quốc dân, ... đồng thời có sự tham khảo ý kiến từ phía GV, SV, CSV và các NTD **[H01.3.03] [H01.3.04]**. Hình thức khảo sát lấy ý kiến của các BLQ về CĐR được Nhà trường thực hiện thông qua phiếu khảo sát trực tiếp, qua Google forms, lấy ý kiến trực tiếp trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo; Nhà trường mời chuyên gia, tổ chức tập huấn hướng dẫn rà soát, cập nhật điều chỉnh CĐR, CTĐT, ĐCCT các HP cho tập thể lãnh đạo, CBGV, chuyên viên các đơn vị chức năng, qua đó nhận được nhiều ý kiến góp ý của chuyên gia, nhà khoa học về CĐR các CTĐT **[H01.3.05] [H01.3.06]**. Tiếp thu những đóng góp này Tổ soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung theo góp ý của các BLQ để hoàn thiện CĐR của CTĐT, được Hội đồng Khoa thông qua, Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường thẩm định, Hiệu trưởng phê duyệt **[H01.3.07]**. Cụ thể, các đối tượng tham gia lấy ý kiến gồm: GV, nhà sử dụng lao động, CSV, SV, với khoảng 10 - 15 phiếu khảo sát cho mỗi đối tượng, tỉ lệ phản hồi khá cao; nội dung các góp ý hầu hết các ý kiến đều đồng thuận, các nội dung góp ý chủ yếu tập trung vào các vấn đề như: bố cục lại các CĐR của CTĐT theo các nhóm, cần lượng hóa CĐR, xác định rõ các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp mà NH sau khi TN đạt được, yêu cầu về nguồn nhân lực... Tuy ý kiến phản hồi của chuyên gia ít chưa đại diện cho số đông các nhà khoa học thuộc lĩnh

vực đào tạo nhưng những góp ý trao đổi giúp tổ rà soát thu được nhiều điều bổ ích **[H01.3.08] [H01.3.09] [H01.3.10]**.

Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CDR ngành Luật được tiến hành định kỳ 02 năm/lần theo KH của Nhà trường **[H01.3.11]**. CDR ngành Luật được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật vào các năm 2021 và 2023 dựa trên các mục tiêu cụ thể, thống nhất các ý kiến phản hồi của các BLQ và đối sánh với các trường ĐH uy tín có đào tạo cùng lĩnh vực, từ đó thống nhất về mục tiêu, CDR của ngành, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường hiện nay **[H01.3.12][H01.3.13]**. Trên cơ sở đó, CDR của từng HP cũng được điều chỉnh và cập nhật.

CDR CTĐT ngành Luật sau khi rà soát đảm bảo logic, thể hiện thuật ngữ cụ thể, rõ ràng, đo lường được, đánh giá được theo các cấp độ tư duy về kết quả đạt được của NH sau khi hoàn thành CTĐT và nhất quán với mục tiêu CTĐT, thể hiện được ba mục tiêu chính về kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và trách nhiệm của một cán bộ trong lĩnh vực khoa học pháp lý và đáp ứng yêu cầu của các cơ quan, tổ chức với nhiều vị trí việc làm khác nhau, phù hợp với nhu cầu thực tế của NTD, nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội đối với Nhà trường, Khoa, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa CDR CTĐT với các HP, thể hiện trong bản mô tả CTĐT ngành Luật, ma trận kỹ năng **[H01.3.14] [H01.3.15][H01.3.16]**. Kết quả khảo sát của các BLQ cho thấy mức độ hài lòng về CTĐT ngành Luật ngày càng tăng qua các năm. Ý kiến đánh giá của SV trước TN về chất lượng CTĐT của ngành Luật năm 2024 đạt chỉ số chất lượng 79,3; năm 2025 đạt 82,7; trong đó, một số tiêu chí được SV đánh giá mức độ “đồng ý” và “rất đồng ý” chiếm tỷ lệ cao, như: “CTĐT có mục tiêu và CDR rõ ràng” đạt tỉ lệ 87,5% (năm 2024); 92,9% (năm 2025); “Nội dung CTĐT phù hợp với CDR”, “CDR và nội dung CTĐT được cập nhật, đáp ứng với nhu cầu xã hội” đạt tỉ lệ 84,7% (năm 2024); 85,7% (năm 2025) **[H01.3.17]**; Tỉ lệ SV TN có chiều hướng tăng, năm 2022 - 74,7%; năm 2023,2024 đạt 83,3% **[H01.3.18]**; Tỉ lệ việc làm theo ngành đào tạo của SV sau khi TN ngành Luật gần như đạt 100% **[H01.3.19]**. Các ý kiến của SV về CTĐT trước khi kết thúc khóa học là cơ sở quan trọng để Khoa có những điều chỉnh về nội dung CTĐT nói chung và cụ thể với CDR. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến của các chuyên gia và các BLQ trong quá trình rà soát, chỉnh sửa CDR của CTĐT chưa đa dạng về hình thức và số lượng ý kiến.

Ngay sau khi ban hành, CDR và CTĐT được công bố công khai trên trang website của Nhà trường/Khoa và đăng tải trên các tài liệu quảng bá TS của Trường **[H01.3.20]**.

2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT đã được xây dựng và điều chỉnh theo quy định hiện hành, được rà soát, điều chỉnh 2 năm/lần và công bố công khai dưới nhiều hình thức và có sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các BLQ, đặc biệt là các NTD và CSV TN do khoa đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Dữ liệu khảo sát lấy ý kiến các BLQ về CĐR của CTĐT chưa nhiều, số lượng chuyên gia tham gia góp ý còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, khoa Luật, CTH&QHQT tăng cường hoạt động khảo sát lấy ý kiến các BLQ về CĐR của CTĐT ngành Luật đặc biệt các ý kiến của chuyên gia, NTD và CSV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành Luật đã xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường, mục tiêu thể hiện được hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, đồng thời phù hợp với mục tiêu GDĐH quy định tại Luật GDĐH và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các CĐR. CĐR của CTĐT được mô tả cụ thể, rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, trách nhiệm với NH và việc làm trong tương lai; đảm bảo tính đo lường và khả năng đánh giá.

Mục tiêu và CĐR của CTĐT đã được xây dựng và điều chỉnh theo quy trình trên cơ sở các quy định hiện hành, có sự tham gia của các BLQ, được định kỳ rà soát 2 năm/lần bảo đảm tính phù hợp với thị trường lao động. Mục tiêu và CĐR được công bố công khai, rộng rãi và cập nhật kịp thời trên nhiều nền tảng giúp SV và xã hội dễ dàng tiếp cận và theo dõi.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng, rà soát mục tiêu và CĐR của CTĐT còn có điểm hạn chế trong việc xây dựng hệ thống đánh giá lấy ý kiến đầy đủ của các BLQ, khảo sát ý kiến của các NTD, các chuyên gia giáo dục và CSV và chưa thực hiện công tác này một cách rộng rãi.

Trong những lần rà soát mục tiêu, CĐR của CTĐT tiếp theo, khoa Luật, CTH&QHQT phối hợp với phòng TCCB, TT&KĐCL chú trọng rà soát các phiếu khảo sát, ứng dụng CNTT trong khảo sát, tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về công tác phát triển CTĐT, tham khảo được đa dạng, rộng rãi ý kiến các BLQ đặc biệt là NTD và các chuyên gia ngành pháp lý để CĐR đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và được quảng bá rộng rãi.

Tiêu chuẩn 01 có 03 tiêu chí, trong đó 03/03 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT là tài liệu chính thức của Nhà trường, cung cấp các thông tin đầy đủ, cần thiết về CTĐT cho NH, người dạy, NTD, nhà quản lý, cho các đối tượng trong hoạt động TS và các BLQ khác, giúp NH có nguyện vọng học tại trường hiểu về CTĐT. Bản mô tả CTĐT của ngành Luật được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định

thống nhất của Nhà trường và phù hợp với các quy định của Bộ GDĐT, với đầy đủ các thông tin theo quy định như mã ngành đào tạo; khối lượng kiến thức toàn khóa; cơ sở pháp lý và thực tiễn về chương trình; mục tiêu; CĐR, chuẩn đầu vào; điều kiện TN; vị trí việc làm sau khi TN; cấu trúc chương trình; nội dung, KH giảng dạy; chiến lược dạy học; mô tả tóm tắt từng HP cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá HP, cách đánh giá KQHT... phù hợp với các quy định, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, có cấu trúc cân đối giữa các khối kiến thức trong tổng thể CTĐT, được định kỳ rà soát bổ sung, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, giúp các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

CTĐT ngành Luật của Trường ĐHTB được thiết kế đầy đủ các nội dung, nhằm trang bị cho SV hệ thống kiến thức pháp lý toàn diện, kỹ năng hành nghề vững chắc và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đúng đắn **[H02.1.01]**; được rà soát, chỉnh sửa theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT, khung trình độ quốc gia Việt Nam và văn bản hướng dẫn của Nhà trường đảm bảo đáp ứng đầy đủ các nội dung bắt buộc theo yêu cầu **[H02.1.02]**, **[H02.1.03]**. Trong giai đoạn 2020-2024, Nhà trường thực hiện hai lần rà soát CTĐT (2021, 2023), bản mô tả CTĐT được ban hành thành văn bản riêng biệt **[H02.1.04]**. Năm 2021, bản mô tả CTĐT ngành Luật được rà soát và điều chỉnh, cập nhật các thông tin và được ban hành kèm theo Quyết định số 762/QĐ-ĐHTB ngày 01/12/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB cung cấp các thông tin bao gồm: thông tin chung về CTĐT, mục tiêu chương trình, CĐR, vị trí việc làm, thông tin TS, quy trình đào tạo, điều kiện TN, đội ngũ và CSVC phục vụ giảng dạy, chiến lược giảng dạy và học tập, nội dung chương trình, đối sánh CTĐT **[H02.1.01(2)] [H02.1.05(2)], [H02.1.04(2)]**. Đến năm 2023, CTĐT ngành Luật của Trường ĐHTB lại tiếp tục được rà soát và điều chỉnh để làm rõ hơn mô tả, cập nhật nội dung đảm bảo đúng quy định và rà soát định kỳ và được ban hành theo Quyết định số 823/QĐ-ĐHTB ngày 28/7/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB **[H02.1.01(3)] [H02.1.05(3)] [H02.1.04(4)]**. Theo đó, bản mô tả CTĐT ngành Luật được cập nhật các nội dung về sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của nhà trường vào mục tiêu CTĐT, gồm 9 nội dung: (1) Thông tin chung về chương trình; (2) mục tiêu chương trình; (3) Chuẩn đầu vào; (4) CĐR; (5) Đối sánh CTĐT; (6) Cấu trúc CTDH; (7) Vị trí NH sau TN; (8) Mô tả vắn tắt nội dung các HP; (9) Tổ chức thực hiện CTĐT. Nội dung cơ bản nhất được thể hiện trong đợt rà soát 2023 là điều chỉnh các khối kiến thức, bổ sung thêm một số HP mới giúp SV có cơ hội lựa chọn nhóm HP chuyên sâu phục vụ cho công việc sau khi TN;.... CĐR của CTĐT gồm có 15 CĐR; khối lượng kiến thức toàn khóa là 130TC (64 HP); ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CĐR, **[H02.1.04(4)]**. So với CTĐT 2021, bản CTĐT năm 2023 đã bổ sung thêm các

HP khối kiến thức liên ngành nhằm mở rộng hơn tầm hiểu biết cho NH. Ngoài ra, còn bổ sung một số HP thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành nhằm cung cấp cho NH kiến thức chuyên sâu về ngành học cũng như để làm rõ hơn về CTĐT **[H02.1.04(3)]**.

Thông qua các hoạt động rà soát và cải tiến CTĐT theo KH của Nhà trường, trong các năm 2021 và năm 2023, bản mô tả CTĐT ngành Luật được cập nhật những vấn đề mới có liên quan từ hình thức đến nội dung, đặc biệt khi có sự thay đổi quan trọng trong bối cảnh pháp lý, yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp **[H02.1.02]**. Các nội dung cập nhật trong bản mô tả CTĐT ngành Luật năm 2023 có tính kế thừa và cũng là kết quả của việc thu thập và phân tích ý kiến phản hồi từ các BLQ (NTD, chuyên gia, SV...) **[H02.1.06]**, **[H02.1.07]**, **[H02.1.08]**, **[H02.1.09]**. Thông qua khảo sát ý kiến các BLQ, có tới trên 90% ý kiến đồng ý rằng bản mô tả CTĐT được cập nhật các vấn đề mới, tuy nhiên, mức độ tham gia của các BLQ ngoài nhà trường còn hạn chế. Mục tiêu, CDR và nội dung của CDR trong bản mô tả CTĐT được thể hiện rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin giúp NH hiểu và có phương pháp học tập phù hợp để đạt được CDR tương ứng **[H02.1.04]**. Việc bổ sung, cập nhật những HP mới như Luật Hiến pháp nước ngoài, Nhà nước và pháp luật các quốc gia thuộc ASEAN, Pháp luật về quyền con người, Pháp luật liên minh châu Âu, Tư duy pháp lý, Xã hội học pháp luật, Lịch sử các học thuyết chính trị pháp lý, Luật Thương mại quốc tế, Luật Sở hữu trí tuệ... vào bản mô tả CTĐT giúp NH sau khi TN có thể cập nhật những kiến thức mới về khoa học, thực hành trong lĩnh vực pháp luật, ...**[H02.1.10]**

Bản mô tả CTĐT được rà soát, chỉnh sửa theo văn bản hướng dẫn của Nhà trường, có các biểu mẫu hướng dẫn cụ thể **[H02.1.02]** **[H02.1.11]**. Bản mô tả chương trình khi chỉnh sửa được so sánh giữa các năm, các CTĐT ngành Luật của các trường tiên tiến, có tính kế thừa, tính mới thể hiện rõ sự thay đổi so với các phiên bản trước, tuy nhiên, bản mô tả CTĐT ngành Luật của Trường ĐHTB chưa tham khảo được nhiều các CTĐT quốc tế **[H02.1.12]**, **[H02.1.10]**. Sau khi điều chỉnh, bản mô tả CTĐT ngành Luật được phê duyệt và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Nhà trường **[H02.1.13]** .

Việc cập nhật CTĐT ngành Luật được thực hiện thường xuyên (2 năm 1 lần), có hệ thống và dựa trên nhu cầu thực tế của xã hội, pháp luật và thị trường lao động **[H02.1.04 (1),(3)]**. Bản mô tả CTĐT hiện hành thể hiện rõ sự thích ứng với bối cảnh pháp lý mới và đổi mới giáo dục, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng đáp ứng nghề nghiệp của SV **[H02.1.04 (2), (4)]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành bản mô tả CTĐT ngành Luật trình độ DH được điều chỉnh vào các năm 2021, 2023.

Bản mô tả CTĐT ngành Luật năm 2023 có đầy đủ các nội dung bao gồm thông tin về chương trình; mục tiêu và CDR; chuẩn đầu vào; đối sánh CTĐT; cấu trúc CTĐT; vị trí

NH sau TN, mô tả tóm tắt nội dung HP; tổ chức thực hiện CTĐT.... cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện chương trình, hỗ trợ người dạy, NH trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các BLQ và được tích hợp những nội dung mới nhất liên quan. Bản mô tả CTĐT được cập nhật thường xuyên qua từng đợt rà soát, được điều chỉnh đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có khảo sát nhưng mức độ tham gia của các BLQ ngoài nhà trường còn hạn chế, ảnh hưởng đến tính khách quan và phù hợp với thị trường lao động của CTĐT. Bản mô tả CTĐT năm 2023 ngành Luật chưa tham khảo được nhiều các CTĐT tiên tiến nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Trong lần rà soát năm 2025, khoa Luật, CTH&QHQT thực hiện thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, CSV, các BLQ khác ngoài trường; lập KH đối sánh bản mô tả CTĐT ngành Luật với CTĐT của một số nước tiên tiến trong cùng khu vực.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Trường ĐHTB đảm bảo 100% đề cương các HP trong CTĐT ngành Luật được thiết kế thống nhất về mặt cấu trúc, đảm bảo đầy đủ các thông tin theo quy định. Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, khoa luôn bám sát vào quy định của Bộ GDĐT, văn bản hướng dẫn của Nhà trường **[H02.2.01]**. ĐCCT các HP ban hành năm 2019, có các thông tin về: Tên HP, số TC, trình độ, điều kiện tiên quyết, bộ môn phụ trách giảng dạy, PPGD, đánh giá KQHT, mô tả văn tắt nội dung HP, mục tiêu HP, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, phân bổ thời gian, cá nhân/đơn vị phụ trách **[H02.2.02]**. Các ĐCCT HP ban hành năm 2021 được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, có các thông tin về: thông tin chung về HP (tên HP, mã HP, số TC, yêu cầu về HP, HP tiên quyết, HP học trước, HP song hành, phân bổ giờ TC, khoa/bộ môn phụ trách,...), mô tả HP, mục tiêu của HP, CDR HP, tài liệu phục vụ HP, phương pháp tổ chức dạy học, KH giảng dạy chi tiết, đánh giá KQHT, thông tin về GV, các quy định chung **[H02.2.03(1)]**. Năm 2023, các ĐCCT HP được cập nhật theo hướng dẫn, gồm các thông tin: (1) Thông tin chung về HP, (2) Mô tả tóm tắt nội dung HP, (3) mục tiêu của HP, (4) CDR của HP, (5) Học liệu, (6) Nhiệm vụ của SV, (7) Mô tả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, (8) Đánh giá KQHT, (9) Thông tin về GV, (10) Các quy định chung **[H02.2.03(2)]**. Việc xác định CDR của HP đã giúp NH hiểu rõ vai trò vị trí của HP trong CTĐT cũng như sự đóng góp của HP trong việc đạt được CDR nào của CTĐT. Điểm khác biệt cơ bản giữa ĐCCT HP năm 2021 và 2023 là CDR, cấu trúc, nội dung và phương pháp đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể để SV đạt CDR của HP, số TC trong CTĐT qua 3 đợt rà soát cũng tăng lên

đảm bảo nội dung kiến thức đầy đủ. Như vậy, trong ba phiên bản của CTĐT ngành Luật, năm 2019, CTĐT có 01 chuyên ngành, 52 ĐCCT (43HP bắt buộc, 09 HP tự chọn) với tổng 126 TC; năm 2021 CTĐT có 01 chuyên ngành, 52 ĐCCT (43 HP bắt buộc, 09 HP tự chọn) với tổng 126 TC(118 TC bắt buộc và 8 TC tự chọn); năm 2023 CTĐT có 01 chuyên ngành, 64 ĐCCT (31 HP bắt buộc, 33 HP tự chọn) với tổng 130 TC (97 HP bắt buộc, 33 HP tự chọn) **[H02.2.02], [H02.2.03]**. Như vậy, CTĐT năm 2023 được điều chỉnh tăng lên 130 TC với 64 HP (gồm cả các HP tự chọn, không tính HP Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng); điều chỉnh tên, số lượng khối kiến thức thuộc ngành đào tạo, từ 3 khối kiến thức thành 5 khối kiến thức; bổ sung 12 TC thuộc 06 HP mới trong khối kiến thức cơ sở liên ngành; khung CTĐT cũng được thay đổi để phù hợp nhất thực tiễn Nhà trường và yêu cầu xã hội **[H02.2.02], [H02.2.03], [H02.2.04(4)]**.

Tên HP, số TC, thời lượng giảng dạy lý thuyết - thực hành; mục tiêu HP (kiến thức, kỹ năng, thái độ); CDR HP (gắn với CDR của CTĐT – PLOs); Nội dung chi tiết theo tuần hoặc theo chuyên đề; PPGD và học tập (nêu rõ hình thức: thuyết trình, thảo luận, case study, mô phỏng...); Hình thức và tiêu chí đánh giá KQHT (kết hợp định tính và định lượng); Tài liệu học tập chính thức (giáo trình, tài liệu tham khảo cập nhật). ĐCCT các HP bảo đảm thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: CDR HP, phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá. Từng HP có số TC xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định **[H02.2.02], [H02.2.03]**.

ĐCCT các HP ngành Luật được xây dựng, điều chỉnh và bổ sung qua các năm 2019, 2021, 2023. 100% ĐCCT HP được thể hiện trong CTĐT ngành Luật đầy đủ các nội dung như: tên GV đảm nhận giảng dạy; tên HP; số TC; mục tiêu, CDR của HP, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của HP; cấu trúc HP; phương pháp dạy - học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo **[H02.2.02], [H02.2.03]**.

Căn cứ vào KH của Nhà trường, tổ soạn thảo tiến hành xin ý kiến của các BLQ gồm GV, NH, CSV, nhà sử dụng lao động, các chuyên gia, các nhà khoa học **[H02.2.05], [H02.2.06] [H02.2.07]**. Năm 2023, Khoa đã thực hiện cải tiến mục tiêu HP đáp ứng CDR của CTĐT thông qua thiết lập ma trận mối liên hệ giữa CDR của CTĐT với mục tiêu HP. Năm 2023, cụ thể hóa mục tiêu HP thành CDR, thiết lập mối liên hệ giữa CDR của CTĐT, CDR của HP, nội dung của bài học. Đồng thời, ĐCCT HP được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, các thông tin HP với CDR HP. PPGD, phương thức kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ tốt nhất để đảm bảo việc đạt CDR **[H02.2.03 (2)]**.

Trong chu kỳ đánh giá, 100% ĐCCT các HP trong CTĐT được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật định kỳ 2 năm/lần, theo đúng KH của Nhà trường ban hành và các văn bản hướng dẫn rà soát, điều chỉnh CTĐT trong đó quy định, hướng dẫn cụ thể về mẫu ĐCCT HP với các thông tin đầy đủ về HP và nội dung khái quát của HP **[H02.2.01]**,

[H02.2.04]. Trong quá trình cập nhật ĐCCT, Nhà trường, khoa đã rất chú ý đến việc lấy ý kiến của các BLQ để điều chỉnh phù hợp **[H02.2.05], [H02.2.06], [H02.2.07], [H02.2.08], [H02.2.09].** Ngoài ra, việc rà soát ĐCCT HP được tổ chức thực hiện thường xuyên ở cấp Khoa/ngành (được đưa vào hoạt động chuyên môn của Khoa/ngành), qua đó có những báo cáo và điều chỉnh kịp thời đối với những nội dung không phù hợp **[H02.2.10].** Nội dung các ĐCCT các HP đã được điều chỉnh theo hướng phù hợp với CĐR của CTĐT. ĐCCT 2021, Nhà trường bổ sung nội dung về CĐR của HP, bảng liên kết nội dung chương mục với CĐR, mức đóng góp của HP cho CĐR của CTĐT, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học **[H02.2.03(1)].** Trong ĐCCT HP năm 2023, có bổ các nội dung về: trưởng HP, nhiệm vụ của SV và các công cụ sử dụng để đánh giá sử dụng trong từng HP **[H02.2.03 (2)].** ĐCCT HP khi được cập nhật tập trung vào các nội dung như: cập nhật văn bản pháp luật mới có liên quan đến nội dung HP; điều chỉnh mục tiêu, CĐR HP phù hợp với thay đổi trong CTĐT; bổ sung PPGD tích cực, học qua tình huống, mô phỏng, HP tích hợp thực tiễn; rà soát, cập nhật danh mục tài liệu tham khảo chính thống, hiện hành. Tuy nhiên số lượng các tài liệu tham khảo của một số HP còn hạn chế.

CTĐT ngành Luật Trường ĐHTB sau khi rà soát, bổ sung đã cập nhật, đăng tải công khai trên website của Nhà trường, hoạt động này đảm bảo tính kịp thời, thực tiễn và phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực pháp lý trong bối cảnh pháp luật thường xuyên thay đổi. Tuy nhiên, ĐCCT các HP chưa được cập nhật trên tờ rơi TS, tài liệu quảng bá trên bản tin của Khoa **[H02.2.11].**

2. Điểm mạnh

ĐCCT các HP ngành Luật được chuẩn hoá theo quy định của Nhà trường, có đầy đủ các thông tin và được định kỳ bổ sung, cập nhật. Trong quá trình chỉnh sửa, cập nhật ĐCCT đã có sự tham gia ý kiến của các BLQ.

100% ĐCCT HP thuộc CTĐT ngành Luật đều có đầy đủ các nội dung cấu thành theo quy định; được thiết kế khoa học, cung cấp thông tin đầy đủ và rõ ràng, thể hiện nội dung cần thiết cho người dạy, NH, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các BLQ để giám sát. ĐCCT các HP được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay. Mọi thông tin liên quan đến HP, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của HP đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, KH học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

ĐCCT các HP của CTĐT ngành Luật được xây dựng cập nhật, bổ sung và hoàn thiện để hướng đến việc SV có thể đạt được CĐR HP và CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Chưa cập nhật đầy đủ trên tờ rơi, tài liệu quảng bá HP trên bản tin của khoa.

Một số đề cương HP còn ít tài liệu tham khảo và cập nhật các nội dung mới chưa nhiều để SV có thể tham khảo dễ dàng. Các tài liệu tham khảo như giáo trình điện tử còn

hạn chế. Điều này khiến cho GV, SV khó tiếp cận với các tài liệu hiện đại, mới, mang tính quốc tế nên đôi lúc chưa theo kịp những phát triển mới trong nghiên cứu, đào tạo...

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, khoa Luật, CTH & QHQT phối hợp cùng với phòng ĐT&HSSV cập nhật thông tin tại tờ rơi, tài liệu quảng bá HP và trên bản tin của khoa. Ngành Luật tiếp tục bổ sung tài liệu tham khảo, các giáo trình điện tử.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Trước năm 2021, thông tin bản mô tả CTĐT ngành Luật được công bố công khai cùng với bản CTĐT. Năm 2021, năm 2023 bản mô tả CTĐT ngành Luật sau khi được ký quyết định ban hành đã được công bố trên website nhà trường để BLQ (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, CSV) dễ dàng tiếp cận **[H02.3.01]**. NH ngành Luật còn có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa **[H02.3.02]**. Đối với GV, bản mô tả CTĐT thông qua ngành Luật được gửi đến trực tiếp cho các GV trong khoa nghiên cứu, tư vấn cho NH và thực hiện CTĐT.

100% ĐCCT các HP trong CTĐT ngành Luật được biên soạn và phê duyệt đang được giảng dạy cho các khóa đều được công bố công khai, bằng nhiều hình thức khác nhau: (1) Đăng tải trên website của Nhà trường; (2) Khoa/Phòng ĐT&HSSV lưu giữ bản in ĐCCT các HP để phục vụ kiểm tra nội bộ, thanh tra và phục vụ NH có nhu cầu tra cứu trực tiếp; (3) GVBM gửi cùng tài liệu học tập tới SV theo Quyết định số 426/QĐ-ĐHTB ngày 9/7/2021 của Quy chế đào tạo, tại khoản 3 điều 9 của Quy chế đào tạo, tại buổi học đầu tiên, GV của khoa dành từ 10-15 phút để giới thiệu cụ thể, giải thích, trao đổi thông tin trong ĐCCT HP giúp NH hiểu rõ yêu cầu cần đạt được và chủ động xây dựng KH học tập của mình **[H02.3.01], [H02.3.03], H02.3.04]**.

Bản mô tả CTĐT ngành Luật Trường ĐHTB đã thiết lập và duy trì hệ thống công bố công khai một cách rộng rãi, đảm bảo các BLQ (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, CSV) có thể tiếp cận thông tin nhanh chóng, dễ dàng và thuận tiện. NH truy cập bản mô tả CTĐT qua hệ thống đào tạo, website Khoa, được cung cấp tại buổi sinh hoạt công dân đầu khóa; GV được cung cấp toàn bộ bản mô tả CTĐT, ĐCCT các HP và lộ trình phát triển CTĐT trong nội bộ Khoa và Trường; Có quyền tham gia góp ý, đề xuất cập nhật thông qua các hội đồng chuyên môn; NTD và cơ quan quản lý có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT ngành Luật thông qua website Nhà trường/Khoa hoặc khi tham dự các buổi hội thảo, tọa đàm, hợp tác đào tạo – tuyển dụng; một số đơn vị còn được gửi bản mô tả CTĐT khi Trường tổ chức khảo sát, góp ý CTĐT định kỳ...; CSV và phụ huynh có thể tra cứu bản mô tả CTĐT của khoa mình đã học qua website hoặc tài liệu được gửi

trong các buổi họp mặt **[H02.3.02]**, **[H02.3.05]**, **[H02.3.06]**. Với các hình thức công khai trên đã giúp cho SV, GV, CSV, NTD, chuyên gia dễ dàng tiếp cận, truy cập tìm hiểu nội dung và góp ý phản hồi **[H02.3.07]**. Việc ban hành sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các ĐCHP bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các HP có thể xây dựng KH học tập toàn khóa, đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng KH học tập; giúp cho GV có cơ sở xây dựng ĐCCT HP và đối soát khả năng đóng góp của các HP cho CDR của CTĐT; giúp cho các nhà quản lý, nhà sử dụng lao động nắm được các thông tin bao quát về CTĐT, đánh giá được khả năng đáp ứng của CTĐT với nhu cầu xã hội **[H02.3.08]**, **[H02.3.03]**, **[H02.3.05]**, **[H02.3.06]**. Các bộ phận liên quan như phòng ĐT&HSSV, lãnh đạo Khoa và Trường ngành đều có bản in toàn văn mô tả CTĐT của ngành học nhằm nắm rõ thông tin về CTĐT và các HP của chương trình, cũng như thuận lợi cho công tác quản lý, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện CTĐT của GV và SV.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP trong CTĐT ngành Luật được công bố công khai, đa dạng các hình thức đến các BLQ, đáp ứng nhu cầu tra cứu linh hoạt của nhiều nhóm đối tượng (SV, phụ huynh, GV, NTD), dễ dàng truy cập thông qua thiết bị di động, máy tính cá nhân ở mọi thời điểm để các BLQ dễ dàng tiếp cận, giúp cho SV có KH học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho GV phụ trách HP trong CTĐT hiểu rõ kiến thức SV cần nắm được sau khi kết thúc HP; giúp các khoa chuyên mô và các đơn vị liên quan trong Trường dễ dàng phối hợp, triển khai thực hiện và giám sát; giúp cho NTD biết được các kỹ năng đạt được của SV TN.

3. Điểm tồn tại

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan bằng các hình thức trong đó có hình thức qua các kênh thông tin online (website) để công bố bản mô tả CTĐT còn mang tính một chiều, chưa tiếp nhận được sự phản hồi trực tiếp của NH, NTD; chưa có công cụ thống kê mức độ truy cập bản mô tả CTĐT bởi các nhóm người dùng, chưa thuận lợi nhiều khi truy cập.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học tới, Nhà trường tích hợp chức năng đếm lượt truy cập/tải về CTĐT, nhằm đánh giá mức độ tiếp cận của từng nhóm đối tượng, phát triển, tích hợp mã QR truy cập nhanh bản mô tả CTĐT, đề cương HP trên giáo trình/sổ tay SV và gắn tại văn phòng khoa, bộ phận một cửa; phát triển video tóm tắt nội dung CTĐT để tăng tính trực quan và thu hút đối tượng phổ thông, phụ huynh, doanh nghiệp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Trường ĐHTB, khoa Luật, CTH&QHQT đã chú trọng xây dựng bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có

sự tham khảo chương trình của các trường ĐH có uy tín trong nước để nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện và cải tiến chất lượng CTĐT. Bản mô tả CTĐT tạo cũng là tài liệu hỗ trợ người dạy, NH trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các BLQ, được cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội. Tất cả ĐCCT các HP thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, NH, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các BLQ để giám sát. ĐCCT được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu. Bản mô tả CTĐT sau khi đã cập nhật đầy đủ thông tin giúp NH có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT và sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm được CĐR.

Tuy nhiên việc truyền thông CTĐT đến các BLQ còn chưa được hiệu quả, việc thu thập ý kiến phản hồi còn hạn chế chủ yếu ở SV và GV, cần đẩy mạnh hơn nữa việc lấy ý kiến của các BLQ đặc biệt là các NTD, CSV.

Tự đánh giá theo 03 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Luật đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí đạt: 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTDH là một trong những yếu tố quan trọng nhất của một CTĐT. CTDH ngành Luật được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động. ĐCCT các HP đã xác định được tổ hợp các PPGD học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá, đồng thời thể hiện được sự đóng góp trong việc đạt được CĐR của CTĐT. CTDH ngành Luật có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, định kỳ được rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo định kỳ 2 năm 1 lần.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR.

1. Mô tả

CTDH ngành Luật trong giai đoạn đánh giá 2020-2024 đã được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật hai năm một lần và được xây dựng, cập nhật dựa trên CĐR của ngành đào tạo [H03.1.01][H03.1.02][H03.1.03][H03.1.04]. CĐR của CTDH ngành Luật được thiết kế gồm chuẩn về kiến thức, chuẩn về kỹ năng, chuẩn về mức độ tự chủ và trách nhiệm đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu của CTĐT [H03.1.02(2), (4)]. CĐR và CTDH được phát triển và hoàn thiện theo yêu cầu của các văn bản quản lý mới từ Bộ GDĐT và của Trường ĐHTB [H03.1.04] [H03.1.05].

Trong chu kỳ đánh giá, CTĐT của ngành Luật được rà soát, sửa đổi 3 lần trong các năm 2019; 2021 và 2023 [H03.1.06]. Về cơ bản, các CTĐT đều có sự thay đổi về nội

dung CĐR. Cụ thể CTĐT phiên bản năm phiên bản 2021 có 15 CĐR với CĐR (8 CĐR về Kiến thức, 5 CĐR về Kỹ năng, 2 CĐR về Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm) với tổng số TC là 126 TC; còn phiên bản năm 2023 được điều chỉnh có 15 CĐR (7 CĐR về Kiến thức, 6 CĐR về Kỹ năng, 2 CĐR về Năng lực tự chủ và trách nhiệm) và CTDH được thiết kế để đảm bảo tích hợp đầy đủ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm **[H03.1.02(1), (3)]**.

CTDH ban hành năm 2023 hiện hành được xây dựng với tổng số 130 TC (không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng), điều chỉnh và phê duyệt gồm 05 khối kiến thức: kiến thức giáo dục đại cương (M1), kiến thức cơ sở liên ngành (M2), kiến thức nhóm ngành (M3), kiến thức ngành (M4), Kiến thức định hướng chuyên ngành (M5) với dựa trên yêu cầu của CĐR, phù hợp với mục tiêu đào tạo **[H03.1.02 (3)]**. Khối kiến thức giáo dục đại cương (26TC) gồm các HP về khoa học xã hội, chính trị, giúp NH hình thành nền tảng lý luận và khả năng ứng dụng kiến thức đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. Khối kiến thức cơ sở liên ngành (12TC) gồm các kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật, về kinh tế - xã hội, giúp NH đạt được kiến thức cơ sở về pháp luật và các lĩnh vực, có khả năng áp dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực pháp lý và các lĩnh vực liên quan khác. Khối kiến thức nhóm ngành (29TC) gồm các kiến thức nền tảng về kinh tế và pháp luật cơ bản, trang bị cho NH những kiến thức nền tảng của ngành Luật như Luật Hiến pháp,.. Khối kiến thức ngành (27TC): gồm các HP thuộc ngành luật dân sự, hình sự, kinh tế, quốc tế, hành chính,... giúp NH có được các kiến thức chuyên môn về pháp lý và áp dụng kiến thức vào giải quyết các công việc thực tế. Khối kiến thức định hướng chuyên ngành (36TC) gồm các HP định hướng chuyên sâu về khoa học pháp lý như luật đất đai, luật hôn nhân và gia đình, luật lao động, luật an sinh xã hội... giúp NH hoàn thiện các kỹ năng cần thiết trong các công việc thuộc chuyên ngành đào tạo **[H03.1.02(3)]**. Các HP trong CTDH ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn theo mức độ của khối kiến thức, còn giúp NH rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp còn hỗ trợ những kỹ năng như kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm... cần thiết cho SV ngành Luật khi ra trường, được thể hiện thông qua ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và CĐR, giữa các HP và CĐR **[H03.1.07]**. Các khối kiến thức được thiết kế với nội dung đáp ứng được CĐR của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 03.1.01.

**Bảng 03.1.01. Ma trận giữa các khối kiến thức với CĐR CTĐT
ngành Luật năm 2023**

TT	Khối kiến thức, kỹ năng, mức độ và chịu trách nhiệm	Số tín chỉ	Tỉ lệ %	CDR của CTĐT ngành Luật (PLOs)														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

1	Kiến thức giáo dục đại cương (M1)	26	20	x	x							x		x	x		x	x
2	Kiến thức cơ sở liên ngành (M2)	12	9,23	x	x						x			x	x		x	x
3	Kiến thức nhóm ngành (M3)	29	22,31	x		x		x	x		x			x	x	x	x	x
4	Kiến thức ngành (M4)	27	20,77			x		x	x					x	x	x	x	x
5	Kiến thức định hướng chuyên ngành (M5)	36	27,69					x	x						x	x	x	x
	<i>Trong đó kiến thức TN</i>	13	10,00					x	x	x	x			x	x	x	x	x
5.1	TTN	5	3,85							x					x	x	x	x
5.2	KLTN/ các HP thay thế KLTN	8	6,15					x	x	x	x			x	x	x	x	x
	TỔNG SỐ	130	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

CTDH là sự gắn kết hợp lý giữa các khối kiến thức, các HP được thiết kế phù hợp với yêu cầu của CĐR của ngành, được thể hiện thông qua biên bản nghiệm thu CTĐT ngành Luật 2023 **[H03.1.03]**.

Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá KQHT của NH được lựa chọn phù hợp với mục tiêu từng HP và hướng đến việc đạt CĐR. Trong CTĐT ngành Luật năm 2023, 100% ĐCCT HP được thiết kế theo quy định của Nhà trường, tại mục 3 (Mục tiêu của HP) đã chỉ rõ mục tiêu của HP nhằm đạt được CĐR nào của CTĐT, tại mục 4 (CĐR của HP) CĐR của HP được thiết kế theo mục tiêu của HP và đóng góp cho CĐR nào của CTĐT, tại mục 7 (Mô tả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học) trong ĐCCT HP đã nêu rõ các PPGD, học tập được sử dụng đa dạng cho từng HP bao gồm PPGD truyền thống kết hợp với PPGD hiện đại **[H03.1.02(3)]**. Ở mỗi HP, GV đã lựa chọn nhiều PPGD để thiết kế cho từng bài giảng nhằm phát huy được tính chủ động tích cực, cũng như khả năng sáng tạo của NH. Đối với các HP lý thuyết sử dụng tổ hợp các PPGD như: thuyết trình giảng giải, đàm thoại - thảo luận, vấn đáp; nghiên cứu tình huống, tổ chức học tập theo nhóm, làm bài tập, đóng vai, mô phỏng, giải quyết vấn đề; hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu và làm bài tập... Đối với các HP thực hành, thực tập nghề nghiệp, ngoài các PPGD trên GVBM còn kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành trên phần mềm, thực hành tại doanh nghiệp, cơ quan nhà nước với các hoạt động trải nghiệm thực tiễn; sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực tế, phương pháp thực hành,

thực tập cuối khóa,... được triển khai để NH chủ động tiếp cận, làm theo, từ đó nắm vững được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng chuyên môn theo CĐR. Tuy nhiên, trong CTĐT năm 2023, một số HP chuyên ngành thuộc khối kiến thức M5 thường áp dụng PPDH truyền thống, chưa áp dụng nhiều phương pháp dạy học tiên tiến như phương pháp đóng vai, phương pháp tình huống, phương pháp trải nghiệm thực tế... **[H03.1.08]**. Trong CTDH ngành Luật năm 2023, chiến lược đánh giá bao gồm tổ hợp các phương thức đánh giá và sử dụng công cụ đánh giá theo Rubric: Đánh giá chuyên cần (Rubric 1); đánh giá thi/kiểm tra tự luận (Rubric 2); đánh giá báo cáo nhóm (Rubric 4); đánh giá tiểu luận/bài tập lớn (Rubric 5); Đánh giá thi/kiểm tra vấn đáp (Rubric 7); đánh giá TTTN gồm: đánh giá của đơn vị thực tập: (Rubric 9); đánh giá phản biện TTTN: (Rubric 10); Đánh giá của GV hướng dẫn báo cáo TTTN (Rubric 11); đánh giá KLTN/ĐATN gồm: đánh giá của người hướng dẫn KLTN/ĐATN (Rubric 12); đánh giá của thành viên hội đồng KLTN/ĐATN (Rubric 12). **[H03.1.09]**. Nhìn chung, các hình thức đánh giá đảm bảo tính hiệu quả có thể đánh giá được CĐR đối với CTDH ngành Luật, đối với mỗi HP, GV lựa chọn tổ hợp phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với HP và phù hợp với quy định về công tác thi, kiểm tra, đánh giá KQHT của Nhà trường **[H03.1.10] [H03.1.02(3)]**. Các phương pháp học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH, của tất cả các HP trong CTDH phù hợp và hỗ trợ hiệu quả việc đạt CĐR.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành Luật đã thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR và nội dung chương trình đã đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; Do CĐR được xây dựng rõ ràng, có thể đo lường được nên chương trình được vận hành một cách hiệu quả có hệ thống. Kết cấu chương trình bao gồm các HP được xây dựng khoa học, logic đảm bảo cho SV tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối kiến thức đại cương đến kiến thức chuyên ngành; các HP trong CTDH xác định phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp góp phần đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Trong CTDH năm 2023, một số HP chuyên ngành thuộc khối kiến thức M5 thường áp dụng PPDH truyền thống, chưa áp dụng nhiều phương pháp dạy học tiên tiến như phương pháp đóng vai, phương pháp tình huống, phương pháp trải nghiệm thực tế....

4. Kế hoạch hành động

Trong lần rà soát, sửa đổi CTDH tiếp theo, khoa Luật, CTH&QHQT sẽ bổ sung thêm PPGD mới như phương pháp tình huống, phương pháp đóng vai, phương pháp trải nghiệm thực tế,.. nhằm tăng cường tính thực tiễn, định hướng hiệu quả để NH đạt được mục tiêu, CĐR của HP.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.

1. Mô tả

CTDH ngành Luật năm 2023 được rà soát, chỉnh sửa trong đó 100% các HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/HP nhằm đạt được CĐR **[H03.2.01][H03.2.02][H03.2.03][H03.2.04]**. Mỗi HP được thiết kế với tỷ lệ kiến thức lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành cân đối, logic và chặt chẽ. Ma trận đóng góp của các HP theo yêu cầu năng lực của CĐR thể hiện được sự đóng góp cụ thể nhằm đạt CĐR của ngành. Mỗi HP đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức mà NH tiếp nhận, phản ánh vai trò của mỗi HP trong việc đạt được CĐR của ngành Luật **[H03.2.02(4)], [H03.2.05]**. Theo ma trận mỗi quan hệ thể hiện mức độ đạt được giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT năm 2023 với 15 CĐR; trong đó có 7 CĐR về kiến thức; 06 CĐR về kỹ năng và 02 CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm. ĐCCT các HP được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT và được xây dựng chi tiết đảm bảo các mục tiêu trong CTĐT công bố. Trong CTDH năm 2023, ĐCCT HP được điều chỉnh, bổ sung thêm các nội dung để thể hiện sự đóng góp của mỗi HP để đạt được CĐR, cụ thể trong ĐCCT có mục 4 (CĐR của HP) ghi rõ CĐR của HP, CĐR đó sẽ giúp đạt CĐR nào của CTĐT và mức độ đạt được của CĐR, ngoài ra trong mục 9 (KH giảng dạy chi tiết) nội dung các HP được xây dựng chi tiết đều hướng tới những đóng góp trong việc đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT **[H03.2.05]**.

Nội dung các HP trong CTDH ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hướng tới trang bị những kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy sáng tạo và phản biện, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho SV ngành Luật khi ra trường. Mỗi HP đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức mà NH tiếp nhận, phản ánh vai trò của mỗi HP trong việc đạt được CĐR của ngành Luật, cụ thể như sau: Khối kiến thức đại cương tập trung giúp SV có cái nhìn tổng quan về vấn đề lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, tin học và ngoại ngữ tập trung các kỹ năng cơ bản như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. Khối kiến thức cơ sở ngành giúp SV nhận biết những kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật, về kinh tế - xã hội, CNTT vào việc phân tích, giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan trong công việc và trang bị cho SV các kỹ năng chuyên sâu như kỹ năng phân tích, tổng hợp và ứng xử phải giải quyết tình huống... Khối kiến thức chuyên ngành vận dụng các kiến thức chuyên ngành để phân tích, đánh giá tình hình thực tế, có kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc chuyên môn trong các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước cũng như trong các tổ chức chính trị - xã hội. SV có kỹ năng vận dụng, đánh giá và giải quyết các vấn đề về pháp lý trong thực tiễn.... CTDH được thiết kế thành các khối kiến thức, KH đào tạo cụ thể cho từng HP đi từ kiến thức đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt CĐR cũng tăng dần qua từng học kỳ

[H03.2.02(4)][H03.2.03]. Để nội dung các HP đạt được CĐR, khi xây dựng ĐCCT HP GV đã căn cứ vào các ma trận kỹ năng của CTDH để xác định mức độ đạt được của từng HP với từng CĐR, từ đó xác định nội dung các chương, mục đáp ứng với mức độ đạt được với CĐR.

100% các HP trong CTDH ngành Luật đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra và đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR thể hiện ở ĐCCT các HP. Các HP trong CTDH xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Các HP đều thể hiện rõ tổ hợp các PPDH được sử dụng như phương pháp thuyết giảng, phương pháp thảo luận, phương pháp tự học có hướng dẫn, Tuy nhiên, CTDH vẫn còn số ít các HP chưa phối hợp linh hoạt các PPDH để nâng cao mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm của NH **[H03.2.02(3)][H03.2.06]**. Phương pháp kiểm tra đánh giá trong từng HP được bố trí phù hợp để đạt được CĐR: Với HP *lý thuyết*, điểm đánh giá KQHT được xác định qua điểm chuyên cần, điểm thường xuyên, điểm thi kết thúc HP (theo thang điểm 10) với hệ số quan trọng lần lượt là 0,2; 0,3; 0,5. Trong đó, điểm chuyên cần được xác định căn cứ vào tỷ lệ tham gia các giờ học; ý thức, thái độ, của SV trong mỗi tiết học. Nếu SV vi phạm có thể không được dự thi kết thúc HP theo Quy chế đào tạo của Nhà trường. Điểm thường xuyên có thể được thể hiện bằng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau như: bài kiểm tra trên lớp, bài thuyết trình theo nhóm, bài tiểu luận cá nhân,... Việc đánh giá kết quả thi kết thúc HP được đánh giá thông qua các Rubric và được tổ chức chấm theo Quy chế đào tạo của Trường, Với học *phân thực hành*, kết quả được đánh giá theo 2 bộ phận: Điểm chuyên cần và điểm trung bình đánh giá của GV hướng dẫn và GV phản biện. Nhìn chung, Đề cương HP đã thể hiện được các PPGD, học tập của GV và SV nhằm đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm. Các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá được vận dụng khoa học thể hiện trong ĐCCT HP, phù hợp với quy chế đào tạo theo hệ thống TC của Trường ĐHTB **[H03.2.02(3)][H03.2.07][H03.2.08]**. Các HP được cấu trúc hợp lý về nội dung đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất. Trong các HP đều có điều kiện HP (HP tiên quyết, HP học trước) giúp cho việc bố trí tiến trình giảng dạy theo thứ tự các HP đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành phù hợp. HP nào có HP tiên quyết yêu cầu SV phải học và đạt môn học tiên quyết mới được học HP đó. Các HP học trước là kiến thức dùng để kế thừa cho HP hiện tại. Chương trình được kết cấu hợp lý ở các nhóm kiến thức, trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương với 26TC chiếm 20%, kiến thức cơ sở liên ngành với 12TC chiếm 9,23%, kiến thức nhóm ngành với 29TC chiếm 22,31%, kiến thức ngành với 27TC chiếm 20,77% và kiến thức định hướng chuyên ngành với 36TC chiếm 27,69% khối lượng chương trình. Khối kiến thức đại cương và cơ sở liên ngành, nhóm ngành làm tiền đề cho

khối kiến thức ngành và chuyên ngành Luật **[H03.2.02(4)]**. Trong phiên bản 2023, CĐR của CTĐT và HP được thiết kế có thể đánh giá, đo lường một cách khách quan thông qua các HP cốt lõi, thể hiện rõ trong ma trận đóng góp của các HP vào việc đạt được CĐR của CTĐT (PLOs); Phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau giữa các khối kiến thức: Các bài kiểm tra đánh giá được thiết kế theo Rubric, giúp xác định chính xác mức độ đạt được CĐR; Ma trận kỹ năng chặt chẽ: Định rõ mức độ đóng góp của từng HP vào CĐR chung của CTĐT, giúp GV và SV dễ dàng theo dõi tiến trình đạt được CĐR. **[H03.2.05][H03.2.02(3)]**.

Nội dung các HP trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các BLQ. Trong CTDH năm 2023, mỗi HP trong từng khối kiến thức đã đạt được PLOs về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm từ thấp đến cao trong CTĐT, thể hiện trong ma trận mối quan hệ giữa các HP với CĐR CTĐT ngành Luật **[H03.2.05]**. Theo đó, khối kiến thức giáo dục đại cương M1 có 10 HP (không bao gồm GDTC và GDQP) đạt được các CĐR PLO1, PLO2, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14, PLO15 trong CĐR CTĐT; khối kiến thức cơ sở liên ngành gồm 8 HP đạt được các CĐR PLO PLO1, PLO2, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14, PLO15; khối kiến thức nhóm ngành gồm 15 HP đạt được PLO1, PLO2, PLO5, PLO6, PLO8, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14, PLO15; khối kiến thức ngành gồm 17 HP đạt được PLO3, PLO5, PLO6, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14, PLO15; khối kiến thức định hướng chuyên ngành gồm 19 HP đạt được PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14, PLO15. Nội dung các HP trong CTDH thường xuyên được cập nhật, thay đổi, rà soát chỉnh sửa nhằm đạt được tốt nhất CĐR. Định kỳ 2 năm, ĐCCT các HP được rà soát chỉnh sửa 1 lần trên cơ sở ý kiến đóng góp của các BLQ như SV, GV, CSV **[H03.2.09]**. Căn cứ vào báo cáo khảo sát và tổng hợp ý kiến của các BLQ về CTĐT, Hội đồng KH của Khoa và tổ rà soát sẽ rà soát tính hợp lý và logic của HP, chương trình, lập luận và chỉ ra những điểm cần thay đổi và tính logic của việc thay đổi đó, sự tương thích hay chưa tương thích của HP này so với các HP khác **[H03.2.09][H03.2.10][H03.2.11]**. Từ đó, Khoa tổ chức họp thảo luận về đề cương HP có sự tham gia của các GV trong bộ môn, nhằm lấy ý kiến góp ý về nội dung của các HP từ đó tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới của từng ĐCCT HP **[H03.2.12]**. Việc xây dựng, sửa đổi này cũng được thực hiện dựa trên khảo sát của các BLQ về CTĐT, dựa trên sự đối sánh với CTĐT ngành Luật của các CSGD tiên tiến **[H03.2.10][H03.2.11] [H03.2.13]**.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành Luật xác định rõ ràng sự đóng góp của HP đối với CĐR của CTĐT, những nội dung các HP hướng tới đạt CĐR. Tất cả các HP trong CTDH đều được thiết kế nội dung có sự tương thích và thể hiện được sự đóng góp vào việc đạt được CĐR về kiến

thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Các HP đều xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp nhằm hỗ trợ tốt cho việc đảm bảo đạt được CĐR. Các HP trong CTDH thể hiện rõ việc đạt được CĐR và định kỳ rà soát trên cơ sở ý kiến của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Tuy nhiên, CTDH vẫn còn số ít các HP chưa phối hợp linh hoạt các PPDH để nâng cao mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm của NH.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, khoa Luật, CTH&QHQT sẽ xem xét để cải tiến, kết hợp linh hoạt các PPDH như phương pháp tự học có hướng dẫn lồng ghép với phương pháp bài tập để nâng cao mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

Các HP trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Khoa Luật, CTH&QTQT hiện nay đang thực hiện đào tạo trình độ ĐH ngành Luật. CTDH ngành Luật gồm 130 TC được sắp xếp thành các khối kiến thức, trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương 26 TC, khối kiến thức cơ sở liên ngành gồm 12 TC, khối kiến thức nhóm ngành gồm 29 TC, khối kiến thức ngành gồm 27 TC và khối kiến thức định hướng chuyên ngành gồm 36 TC (trong đó TTTN 5 TC, KLTN hoặc các HP thay thế KLTN 8 TC) **[H03.3.01(2)]**. Trình tự của các HP được sắp xếp logic, đảm bảo SV có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. 100% các HP trong CTDH được bố trí hợp lý về HP điều kiện, HP học trước, thời lượng cho mỗi HP, thời điểm/học kỳ thực hiện, ... Các HP được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu: các HP thuộc khối kiến thức nhóm ngành được sắp xếp học ở những học kỳ đầu, làm cơ sở để học các HP sau (ví dụ: HP Lí luận Nhà nước và pháp luật được sắp xếp học ở học kỳ thứ nhất, làm cơ sở để học HP ngành như Luật Kinh tế học kỳ thứ 5); các HP thuộc khối kiến thức ngành học trước để cung cấp kiến thức học các HP chuyên ngành (ví dụ: HP Luật Dân sự được sắp xếp học ở học kỳ trước, làm cơ sở để học các HP sau như Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Lao động, Luật Tố tụng dân sự..); xác định các HP tiên quyết đảm bảo tính kế thừa, cung cấp kiến thức cho các HP tiếp theo (ví dụ: NH phải đủ điểm đạt HP Lí luận Nhà nước và pháp luật mới được học tiếp HP Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Kinh tế,...). Sau khi hoàn thành các HP thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành, NH mới được

tham gia TTTN và làm KLTN hoặc học các HP thay thế TN, SV có thời gian hợp lý để học tập trên giảng đường và thời gian thực hành, thực tập tổng hợp, nghiên cứu. Cấu trúc các HP được thiết kế và xây dựng hợp lý, đảm bảo CDR của ngành Luật **[H03.3.01(2)] [H03.3.02(3)]**.

100% Các HP trong CTDH được bố trí hợp lý (HP điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi HP; thời điểm/học kỳ thực hiện...). Trong CTDH ngành Luật, các HP đều phân bổ thời lượng cụ thể, có KH giảng dạy dự kiến, tiến trình dạy học và điều kiện tiên quyết, thể hiện được tính hợp lý, mối quan hệ giữa các HP trong nội dung kiến thức cũng như thời gian thực hiện. Trong tiến trình dạy học đã thể hiện rõ được điều kiện tiên quyết của từng HP, thứ tự các HP được sắp xếp theo từng kỳ **[H03.3.02]**. Trình tự của các HP được sắp xếp logic, đảm bảo NH có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Các HP bố trí trong kế hoạch đào tạo ở các năm theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, liên mạch giữa các học phần, giữa các khối kiến thức. Các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được sắp xếp ở các học kỳ 1, 2, 3, 4; các HP khối kiến thức cơ sở liên ngành, kiến thức nhóm ngành, kiến thức ngành được giảng dạy ở các học kỳ 2,3,4; các HP khối kiến thức chuyên ngành được sắp xếp ở các học kỳ 5,6,7; HP TTTN và KLTN được sắp xếp ở học kỳ 8. Thời lượng của các HP (3-4 tín chỉ, chủ yếu là HP 3 tín chỉ) là hợp lý. 100% ĐCCT các HP trong CTDH đều ghi rõ thời lượng, các HP tiên quyết, để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy HP làm cơ sở bố trí tiến trình dạy học đảm bảo sự liên mạch và gắn kết giữa các HP **[H03.3.02(3)][H03.3.01(1)]**. Từ năm học 2024-2025, căn cứ vào KH học tập của CTĐT, nhà trường mở các lớp HP để SV đăng ký trên cổng thông tin. SV có thể lựa chọn đăng ký 1 HP bất kỳ với khối lượng học tập từ 10TC đến 25TC (trừ các HP bị ràng buộc bởi HP tiên quyết) **[H03.3.03]**. Nhìn chung, việc thiết kế và KH đào tạo CTDH ngành Luật được xây dựng đảm bảo tính hợp lý và logic, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu.

CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm 1 lần. Trong giai đoạn đánh giá, cũng như các CTDH khác của Trường ĐHTB, CTĐT ngành Luật đã có 02 lần thực hiện chỉnh sửa, rà soát và đổi mới **[H03.3.04]**. Quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH diễn ra nghiêm túc và hiệu quả. Các thành viên trong Tổ soạn thảo bao gồm các chuyên gia, các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu, các GV của khoa đã tìm hiểu và lòng ghép tinh thần về sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo, đặc biệt là xây dựng CTDH **[H03.3.05]**. Hội đồng khoa học Trường và Khoa đã tổ chức phản biện và thẩm định CTDH; Trường ĐHTB và khoa Luật, CTH&QHQT định kỳ tổ chức việc rà soát, điều chỉnh CTDH và biên soạn ĐCCT HP theo CDR; CTDH được rà soát và hoàn thiện với sự đóng góp trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả

năng phát triển học vấn cho SV, khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm của NH **[H03.3.06]**. Để rà soát và hoàn thiện CTDH theo CĐR, khoa Luật, CTH&QHQT đã xây dựng KH cập nhật, điều chỉnh CTDH; Khoa cũng đã lấy thêm ý kiến đóng góp của GV và chuyên gia, SV, CSV và NTD **[H03.3.07]** **[H03.3.07][H03.3.08][H03.3.09]**.

CTDH khi thực hiện rà soát, điều chỉnh đều có sự tham khảo từ các CTDH tiên tiến để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. CTDH được thực hiện thông qua việc tham khảo, đối sánh CTDH của Trường ĐHTB với chương trình của các trường ĐH khác cùng khối ngành Luật như Trường ĐH Luật Hà Nội, Trường ĐH Luật - ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Kinh tế quốc dân, Trường ĐH Hồng Đức **[H03.3.10]**. Kết quả cho thấy CTĐT ngành Luật về cơ bản tương đồng với các CTDH của các trường được đối sánh. Tuy nhiên, việc đối sánh vẫn còn hạn chế khi chưa đối sánh được với các trường ĐH trên thế giới do không có nhiều trường công khai toàn bộ CTĐT ngành Luật cũng như sự khác nhau về đặc điểm của NH và mục tiêu giáo dục của mỗi đất nước. Trên cơ sở kết quả đối sánh và tổng hợp ý kiến của các BLQ, tổ soạn thảo **đã thực hiện đối sánh CTĐT các năm, tổng hợp những nội dung cần sửa đổi, cập nhật [H03.3.11]. Trong CTĐT năm 2023**, tổ soạn thảo đã chỉnh sửa, cập nhật một số nội dung như: cắt giảm HP; bổ sung nhiều HP kiến thức liên ngành và nhóm ngành như: Phương pháp NCKH, Hệ thống chính trị Việt Nam thời kỳ đổi mới, Quản trị địa phương, Môi trường đầu tư Việt Nam, Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo...; bổ sung nhiều HP kiến thức ngành và chuyên ngành: Luật Hiến pháp nước ngoài, Luật Thương mại quốc tế, Nhà nước và pháp luật các quốc gia thuộc ASEAN, Luật Sở hữu trí tuệ, Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thay đổi số TC của một số HP như: Luật Đất đai từ 5 TC giảm còn 4 TC, Luật Hình sự 1 và Luật Hình sự 2 tổng là 7 TC thành Luật Hình sự 4 TC; Luật Dân sự 1 và Luật Dân sự 2 tổng 7 TC thành Luật Dân sự 4 TC; Tội phạm học từ 2 TC tăng thành 3 TC; Khoa học điều tra tội phạm từ 2 TC tăng thành 3 TC ...để tăng tính linh hoạt, tích hợp của CTDH dựa trên CTDH của các Trường đã tham khảo. Nhìn chung, CTDH năm 2023 đã khắc phục được những tồn tại trong CTDH năm 2021, bổ sung thêm nhiều các HP chuyên ngành nhằm giúp NH có thêm nhiều lựa chọn học tập phù hợp với định hướng nghề nghiệp của mình, đồng thời cũng tăng cường các HP thực hành, thực tập trải nghiệm,.. để tăng cường kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của NH, góp phần đạt được CĐR CTĐT. **[H03.3.11]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã thực hiện công khai CTDH và bản mô tả các HP trên các phương tiện truyền thông như trên Website của Trường/Khoa để SV có thể dễ dàng tiếp cận và nắm được nội dung cũng như KH học tập của mình trong suốt quá trình học **[H03.3.12]**.

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống theo hướng linh hoạt, đáp ứng xu hướng phát triển của ngành Luật hiện nay, được cập nhật định kỳ theo quy định trên cơ sở ý kiến các BLQ và đối sánh với các CTĐT tiên tiến. Cấu trúc CTDH chú trọng cả bề rộng lẫn bề sâu; các HP được thiết kế đề cao tính đặc trưng của ngành Luật là tính ứng dụng và thực hành; các HP chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo. Trong CTĐT năm 2023, đa số các HP có ĐCCT được thiết kế với nội dung học tập linh hoạt, ít bị ràng buộc với các HP khác để SV có thể chủ động trong xây dựng KH học tập của bản thân.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh vẫn còn hạn chế khi chưa đối sánh được với các trường ĐH trên thế giới do không có nhiều trường công khai toàn bộ CTĐT ngành Luật cũng như sự khác nhau về đặc điểm của NH và mục tiêu giáo dục của mỗi đất nước.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025 - 2026, khoa Luật, CTH&QHQT phối hợp với phòng KHCN&HTPT tiếp tục hợp tác với các đối tác nước ngoài có đào tạo ngành Luật để tham khảo CTDH phù hợp với nhu cầu của NTD lao động và yêu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 3

CTDH ngành Luật được thiết kế dựa trên yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, có cấu trúc, trình tự logic, nội dung đã cập nhật và có tính tích hợp. Các ĐCCT HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR của CTĐT, xác định được tổ hợp PPGD và học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp, có tính logic và tích hợp của các HP trong CTDH nhằm đảm bảo cho NH tiếp cận được kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Luật bậc ĐH tự đánh giá tiêu chuẩn 3 có 3/3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học là cách nhìn nhận, định hướng và tổ chức quá trình dạy học dựa trên một quan điểm hoặc triết lý giáo dục nhất định, nhằm đạt mục tiêu học tập. Để làm được điều này, Trường ĐHTB xác định rõ triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục, từ đó tuyên bố rõ ràng cũng như phổ biến tới CBGV, NH và các BLQ. Sau khi được Nhà trường triển khai, khoa Luật, CTH&QHQT đã có KH hành động và đã cụ thể hóa triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục ở việc thiết kế CTDH của ngành Luật với các hoạt động dạy và học đều hướng đến đạt CĐR của ngành Luật. Việc tuyên truyền để GV và NH nắm rõ các nội dung để thực hiện các hoạt động dạy và học trong CTDH theo

CĐR của CTĐT đều nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả

Trường ĐHTB đã tuyên bố chính thức, rõ ràng triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục, thể hiện trong các văn bản: *CLPT Trường Đại học Thái Bình giai đoạn 2018 - 2021, tầm nhìn đến năm 2030; CLPT Trường Đại học Thái Bình giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045* và trong Nghị quyết ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTB [H04.1.01(1)(2)] [H04.1.02]. Theo đó, nội dung triết lý giáo dục được công bố là: “*Giáo dục toàn diện, kiến tạo tương lai*” và Trường ĐHTB cũng đã đề ra mục tiêu giáo dục: “*Trở thành trường đại học đào tạo theo định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, đa phương thức, đại học thông minh, đổi mới sáng tạo và có tính hội nhập cao*”; “*CTĐT thường xuyên được cập nhật, thích ứng cao với sự thay đổi của thực tế, SV ra trường có việc làm phù hợp, đáp ứng tốt các yêu cầu của người sử dụng lao động*” [H04.1.01(2)]. Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục cũng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn đã tuyên bố: “*Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng phát huy năng lực sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp và có trách nhiệm với xã hội; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ; cung cấp dịch vụ giáo dục, kết nối và phục vụ cộng đồng đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội của Thái Bình và của cả nước; tạo cơ hội và môi trường học tập thuận lợi cho mọi đối tượng*”; “*Đến năm 2030, Trường ĐHTB trở thành cơ sở giáo dục đại học có uy tín của Việt Nam, đào tạo trình độ đại học, sau đại học theo định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao*” [H04.1.02]; “*Đến năm 2045, trở thành trường đại học hàng đầu về đào tạo nhân lực chất lượng cao và thực hiện các hoạt động NCKH đột phá, đóng góp tích cực vào sự phát triển KTXH của khu vực và của cả nước*” [H04.1.01(2)].

Triết lý giáo dục của Nhà trường sau khi được phê duyệt, đã được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBGV, NV, NH trong toàn trường [H04.1.03]. Thông qua các hoạt động truyền thông nội bộ, các buổi họp đầu năm, hội thảo, hình ảnh/áp phích/bảng hiệu, tờ rơi thông tin TS, website, fanpage;... cũng như các chương trình tập huấn (theo KH công tác của Trường), triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục được tất cả CBGV, NV, NH của Trường biết đến và thực hiện [H04.1.04] [H04.1.05] [H04.1.06]. Nhà trường đã tổ chức tập huấn xây dựng mục tiêu, CĐR của CTĐT bậc ĐH các ngành để toàn thể CBGV hiểu rõ và vận dụng vào trong việc thiết kế CTDH, áp dụng phương pháp dạy học phù hợp để đạt được mục tiêu và CĐR [H04.1.07]. Đối với ngành Luật, tại các buổi sinh hoạt chuyên môn của đơn vị, triết lý giáo dục được triển khai, chuyển tải thành mục tiêu CTĐT ngành Luật, được cụ thể hóa ở CĐR trong từng ĐCCT HP và được tích hợp trong các hoạt động

dạy - học - kiểm tra đánh giá; theo đó mục tiêu chung cho ngành Luật được công khai là: *“Trang bị cho người học có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên, xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật”* [H04.1.08] [H04.1.09]. Đối với NH, triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục được phổ biến thông qua hội nghị đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Trường, lãnh đạo Khoa với SV; trong tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa; trong các buổi sinh hoạt lớp và được đăng tải trên trang website của Trường [H04.1.10] [H04.1.11]. Theo đó, NH được giải thích về quá trình tổ chức dạy học; triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học các HP của GV, nhằm thực hiện mục tiêu của HP, mục tiêu của CTĐT, mục tiêu giáo dục của Trường và tuân thủ theo triết lý giáo dục đã ban hành. Trong quá trình rà soát phát triển CTĐT, triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục được đăng tải công khai trên website của Trường; trên các ấn phẩm truyền thông nội bộ; hồ sơ CTĐT, các tài liệu phục vụ giảng dạy [H04.1.06], [H04.1.08]. Triết lý giáo dục được xây dựng, phát triển theo tinh thần trung thực và trách nhiệm, giáo dục khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa theo nguyên tắc coi trọng và phát triển tư duy của NH, tăng cường kỹ năng thực hành, thực tế, nâng cao tay nghề của NH trong tương lai. Kết quả khảo sát các BLQ cho thấy đa số CBGV, NV, NH đã nắm được và vận dụng triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường vào hoạt động dạy và học [H04.1.12].

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến tới các BLQ qua nhiều kênh khác nhau, như: pano, tờ rơi TS trong ngày hội TS, giới thiệu việc làm và kết nối với doanh nghiệp; trong biên bản ghi nhớ hợp tác ký kết với các đơn vị, tổ chức; phổ biến cho CBGV và học sinh các trường trung học phổ thông trong các chiến dịch TS của Trường [H04.1.05], [H04.1.13]. Đồng thời, qua thu thập, xử lý thông tin, lấy ý kiến phản hồi của NTD lao động và các BLQ làm căn cứ cho việc xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Luật cho thấy mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội và triết lý giáo dục đã tuyên bố, được các BLQ bày tỏ sự hài lòng [H04.1.12]. Tuy nhiên, việc tuyên truyền, phổ biến triết lý giáo dục của Nhà trường đến các BLQ chưa được đa dạng.

Để phù hợp với sự phát triển của Nhà trường trong giai đoạn mới, tháng 4/2025, Nhà trường ban hành *“Chiến lược phát triển Trường ĐHTB đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050”*, trong đó triết lý giáo dục được điều chỉnh là: *“Khai phóng, Toàn diện, Chuyên sâu, Thiết dụng”*, gắn với mục tiêu phát triển Trường ĐHTB *“trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, trọng điểm về công nghệ và kỹ thuật theo định hướng ứng dụng, cơ sở giáo dục đại học có uy tín, trở thành trường thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội”* [H04.1.01(3)]. Nội dung triết lý giáo dục được xác định phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn hiện nay của Nhà trường: *“Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có*

tính ứng dụng cao, có khả năng thích ứng cao với nhu cầu của thị trường lao động, các khu kinh tế, khu công nghiệp tại các địa phương trong toàn quốc”. Với triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục đã tuyên bố, Nhà trường xây dựng, phát triển CTĐT hướng đến phát triển năng lực NH, chú trọng việc bồi dưỡng cho NH kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, đồng thời đề cao tinh thần chủ động tìm tòi, tự giác nghiên cứu và học tập ở NH để học tập suốt đời. Điều này sẽ giúp NH cải thiện bản thân, phát triển tiềm năng sáng tạo và kỹ năng hội nhập, để thích ứng với sự phát triển của công nghệ trong thời đại mới. Triết lý giáo dục này sẽ được cập nhật trong quá trình rà soát, phát triển CTĐT năm 2025.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới CBGV và SV để hiểu rõ và thực hiện.

3. Điểm tồn tại

Việc tuyên truyền, phổ biến triết lý giáo dục của Nhà trường đến các BLQ chưa được thực hiện đa dạng; sự tham gia của các BLQ còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025 - 2026, Nhà trường xây dựng KH đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến triết lý giáo dục tới các BLQ thông qua nhiều kênh quảng bá như facebook, zalo, tờ rơi, tờ gấp, bộ phận truyền thông của Trường,... Đặc biệt, sử dụng hiệu quả hơn các công cụ thu thập lấy ý kiến online chứ không chỉ dừng lại ở khảo sát trắc nghiệm trên giấy. Thực hiện quảng bá mục tiêu, triết lý giáo dục, lấy ý kiến NTD qua các hoạt động thực tế, giao lưu để các nhóm đối tượng cảm thấy đây là thông điệp xuất phát từ giá trị chung mà họ đồng sáng tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR.

1. Mô tả

Để đạt được CĐR đã công khai, các hoạt động dạy và học trong CTĐT đã được thiết kế đa dạng, phù hợp thể hiện trong bản mô tả CTĐT **[H04.2.01]** **[H04.2.02]** và được cụ thể trong các ĐCCT **[H04.2.03]**. GV sử dụng phương pháp thuyết trình, diễn giảng, tương tác, hướng dẫn học tập trên lớp và đi thực tế, thực tập trải nghiệm, thực tập tại DN để đạt được CĐR về kiến thức; GV sử dụng phương pháp tổ chức thảo luận, tổ chức học tập theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề và nghiên cứu tình huống để đáp ứng CĐR về kỹ năng; GV còn đưa ra các chủ đề để NH tìm tài liệu, nghiên cứu và thuyết trình trước lớp nâng cao khả năng tự học cho NH để đáp ứng CĐR về thái độ và năng lực tự chủ **[H04.2.03]**. Để GV lựa chọn và thực hiện được các PPGD đa dạng, phù hợp để đạt CĐR, Nhà trường đã tổ chức các đợt tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn, Khoa đã tổ chức các buổi hội thảo để đổi mới PPDH tích cực và hội thảo về đổi mới PPGD **[H04.2.04]**. Bên

cạnh đó, việc trao đổi, chia sẻ các kinh nghiệm trong thực tiễn đứng lớp, cập nhật kiến thức mới, thảo luận đổi mới PPGD cho từng HP/môn học để đạt được CĐR được ngành, Khoa thực hiện tại các cuộc họp chuyên đề, hội thảo cấp Khoa **[H04.2.05]**. CTĐT ngành Luật được thiết kế tương thích và đạt được CĐR mà Nhà trường đã đặt ra. KH giảng dạy, PPGD đều được thể hiện trong các ĐCCT HP, trong đó có cả những HP bắt buộc và những HP tự chọn, phù hợp với mong muốn cũng như nguyện vọng nghề nghiệp sau khi ra trường của SV. Để đạt được CĐR đã công khai, các hoạt động dạy và học trong CTĐT đã được thiết kế đa dạng, phù hợp thể hiện cụ thể trên ĐCCT HP **[H04.2.03]**. Đối với GV, trong ĐCCT HP đã đưa ra các phương pháp, các hoạt động dạy và học kèm theo nội dung của từng chương/mục liên kết với CĐR của HP. Cụ thể, trong mỗi ĐCCT HP đều chỉ rõ các phương pháp mà GV sử dụng để truyền đạt thông tin, giải thích, giải đáp các thắc mắc và cung cấp tài liệu cần thiết cho SV như phương pháp thuyết trình, diễn giảng, làm mẫu, thực hành, đi thực tế... GV hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp, từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

Đối với SV, các ĐCCT HP đều ghi rõ yêu cầu về đọc tài liệu, tìm hiểu và trả lời các câu hỏi, làm bài tập, tham gia ý kiến xây dựng bài cũng như tự tìm tài liệu để có thể hiểu sâu hơn về vấn đề mà GV giảng dạy từ các nguồn khác thông qua những tiết tự học và tự nghiên cứu **[H04.2.03]**. Đối với hoạt động NCKH, GV luôn đóng vai trò là người định hướng, cố vấn cho các nhóm và sẵn sàng là người giảng giải, góp ý và hỗ trợ SV trong quá trình học tập và NCKH **[H04.2.06]**. Khoa Luật kết nối các tổ chức chính trị, xã hội, doanh nghiệp, cho SV đi thực tế tại địa phương, doanh nghiệp nhằm có cái nhìn tổng quan hơn về nghề nghiệp sau này cũng như giúp SV có những kiến thức cơ bản về giao tiếp và cách tiếp cận thực tế, gắn học tập lý luận và thực tiễn **[H04.2.07]**. Ngoài ra, hằng năm các GV ngành Luật cũng tổ chức các buổi seminar, chuyên đề trao đổi về các PPGD đa dạng nhằm thực hiện có hiệu quả CTĐT; giúp SV chủ động nghiên cứu, học tập, tiếp thu tri thức hiệu quả hơn **[H04.2.08]**.

Qua kết quả khảo sát hằng năm, hằng kỳ, GV và NH hài lòng với hoạt động dạy học, PPDH được sử dụng trong CTĐT. Trường và Khoa đã lấy ý kiến phản hồi của NH về vấn đề này để kịp thời chỉnh sửa, bổ sung trong quá trình dạy và học **[H04.2.09]**. Cuối mỗi học kỳ, phòng TCCB, TT&KĐCL sẽ gửi các phiếu khảo sát, đánh giá của NH về Khoa, sau đó Khoa triển khai tới các lớp thông qua trợ lý khoa và GVCN/CVHT. PPGD, hình thức và tài liệu học tập, tác phong của GV đứng lớp đều được NH đánh giá và phản hồi đầy đủ thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tiếp **[H04.2.10]**. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng ở các tiêu chí liên quan đến hoạt động giảng dạy của GV trong 05 năm qua (từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025) đều đạt trên 89% **[H04.2.10]**. Tuy nhiên, hình thức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động dạy học chưa được thực hiện trên phần mềm. Bên cạnh đó, trong các buổi họp sinh hoạt chuyên môn

của ngành, GV đã thảo luận và chia sẻ về các hoạt động dạy học cũng như các PPDH được sử dụng trong CTĐT **[H4.2.05]**. Trong các buổi sinh hoạt ngành cuối kỳ đều có phần tổng kết các hoạt động giảng dạy của GV và những nhận xét góp ý cho GV về các hoạt động dạy và học cũng như việc áp dụng các PPDH hiệu quả **[H04.2.09] [H04.2.10]**.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học của các HP được thiết kế phù hợp nhằm đạt CĐR; đội ngũ GV trong Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm giúp SV lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất. Việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển tính tích cực, sáng tạo của NH, năng lực NH được chú trọng phát triển. Việc sử dụng đa dạng phương pháp dạy học như tổ chức học tập theo nhóm, thuyết trình, phát vấn, đi thực tế, thực tập, đọc tài liệu tiếng Anh... đã giúp NH phát triển kỹ năng mềm, hỗ trợ tốt cho SV đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Hình thức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động dạy học chưa được thực hiện trên phần mềm.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025 - 2026, phòng TCCB, TT&KĐCL đề xuất nâng cấp phần mềm về hoạt động khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ về hoạt động dạy học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

1. Mô tả

100% ĐCCT HP trong CTĐT ngành Luật được mô tả theo mẫu chung của Nhà trường; được biên soạn và thẩm định theo các quy trình, quy định hiện hành; được tổng hợp và ban hành cùng với CTĐT. Trong giai đoạn 2020 - 2025, Nhà trường đã ban hành 02 bộ ĐCCT HP ở hai thời điểm các năm 2021 và 2023 **[H04.3.01]**. Trong đó, cả 02 bộ ĐCCT HP đều mô tả rõ việc sử dụng các PPDH như: thuyết trình, diễn giảng, làm mẫu, hướng dẫn thực hành, thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp, phương pháp học tập theo nhóm... với các bài tập nhóm, bài tập thực hành, thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV; từ đó có thể giúp SV lựa chọn phương thức học tập phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH **[H04.3.01]**. Các GV trong Nhà trường sử dụng hiệu quả kết hợp các PPGD nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Để hỗ trợ GV trong việc sử dụng hiệu quả kết hợp các PPDH, Nhà trường đã tổ chức các hội nghị tập huấn về đổi mới PPGD và quản lý cho CBGV **[H04.3.02]**. Hằng năm, Khoa/ngành thường xuyên

tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm về đổi mới PPGD, qua đó lựa chọn được các PPDH phù hợp đối với mỗi HP, nhằm hỗ trợ NH rèn luyện tốt hơn các kỹ năng và nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu để học tập suốt đời **[H04.3.02]**. Ngoài GV cơ hữu của Khoa, lãnh đạo Khoa thường xuyên mời các chuyên gia trong lĩnh vực Luật, GV thỉnh giảng có trình độ cao ở các trường ĐH, các sở ban ngành về giảng dạy và trao đổi học thuật nhằm nâng cao kỹ năng mềm cho NH **[H04.3.03]**.

100% ĐCCT HP trong CTĐT ngành Luật đều mô tả rõ các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết, giờ học thực hành đến các hoạt động NCKH của SV, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận, báo cáo thực tập... tất cả đều hướng tới mục tiêu hình thành ở NH các kỹ năng học tập suốt đời. Trong ĐCCT các HP, 100% đều đảm bảo việc sử dụng các PPGD/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của NH. Mặt khác, các ĐCCT HP đều phân bổ rõ thời lượng của mỗi HP cho: giờ giảng lý thuyết, giờ thực hành, thảo luận, giờ tự học. Sau mỗi chương, đều có hệ thống câu hỏi hoặc bài tập về nhà để SV thực hiện nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được học trên lớp cũng như sau khi kết thúc phần lý thuyết, tùy theo từng HP mà NH phải làm tiểu luận, hoặc thực hành. Điều này cũng giúp SV rèn kỹ năng nâng cao tay nghề và xử lý tình huống. Ngoài ra, các tài liệu tham khảo cũng được nêu rõ trong các ĐCCT, các tài liệu này có trên thư viện hoặc trên website có địa chỉ cụ thể để SV tự nghiên cứu **[H04.3.01]**. Các HP thực tập tạo điều kiện cho SV thâm nhập thực tế, áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế, đánh giá thực tế các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ nơi thực tập và thực hành các kỹ năng nghề nghiệp được đào tạo.

CTĐT ngành Luật hiện nay có sử dụng các PPDH phù hợp như thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thuyết trình, hướng dẫn, xây dựng ý tưởng, nghiên cứu tình huống, đi thực tế, thảo luận, làm việc nhóm, tự nghiên cứu... nhằm mục đích rèn luyện và nâng cao hoạt động tự nghiên cứu, tự học và hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Hiện nay, hoạt động dạy học và học của Khoa khá đa dạng giúp NH có thể lựa chọn KH phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Đối với hoạt động lý thuyết đòi hỏi NH phải tích lũy, lý giải và tìm tòi kiến thức để có thể hiểu vấn đề; đối với hoạt động thực hành, thực tập luôn đòi hỏi NH phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể, thao tác và sửa lỗi. Đối với các bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình rèn cho NH khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác, kỹ năng làm việc nhóm... Ngoài ra, NH được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm, hội thảo khoa học, seminar của GV **[H04.3.03]**. Khoa Luật, CTH&QHQT thường xuyên mời các chuyên gia về lĩnh vực Luật có trình độ, tâm huyết về giảng dạy hoặc trao đổi học thuật, kinh nghiệm làm việc thực tế, tạo một tinh thần học tập tích cực giữa thầy và trò. Ngoài ra, còn kết nối kiến thức thực tế cho NH, giúp NH nhận thấy được sự cần thiết phải tích lũy kiến thức khi ngồi trên ghế nhà trường cũng như

việc tự rèn luyện các kỹ năng, lập KH và đặt mục tiêu cho từng HP, từng năm học trong quá trình học tập tại trường **[H04.3.04]**. Việc tổ chức đi thực tế, thực tập trải nghiệm, TTTN tạo môi trường học tập mở, linh hoạt, gắn lý luận với thực tiễn, nâng cao kỹ năng xử lý tình huống cho NH. **[H04.3.05]**. Ngoài ra, Trường và Khoa cũng tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa như Chinh phục chuông vàng, Gala SV, hội thảo, tọa đàm... góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học và nâng cao khả năng học tập suốt đời **[H04.3.06]**. Trong quá trình học tập tại Trường, NH được khuyến khích tham gia NCKH, tham gia viết bài báo đăng lên các trang Website của trường, của Khoa **[H04.3.06]**. Hoạt động NCKH đã tạo ra sự đam mê nghiên cứu và say sưa học tập của SV ngành Luật. NH tham gia tích cực trong NCKH, việc tìm hiểu tài liệu, trình bày ý kiến của mình và phản biện lẫn nhau đã tạo ra sự say mê học hỏi, tìm hiểu kiến thức mới, rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Ngoài ra, việc NCKH với SV ngành Luật còn giúp NH tổng hợp, phân tích, nghiên cứu đưa kiến thức, lý thuyết thành sản phẩm thực tế, thao tác vận hành, rèn luyện tay nghề. Kết quả khảo sát hàng năm về hoạt động giảng dạy của GV trong giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy: trên 89% NH cảm thấy hài lòng về hoạt động giảng dạy và các hoạt động hỗ trợ NH về rèn luyện khả năng tự học và kỹ năng học tập suốt đời **[H04.3.07]**.

2. Điểm mạnh

100% ĐCCT HP trong CTĐT ngành Luật được mô tả rõ ràng việc sử dụng các phương pháp dạy và học phù hợp để đạt được CĐR. Các PPDH đa dạng đã góp phần thúc đẩy NH rèn luyện các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. GV đã triển khai đa dạng các hoạt động hỗ trợ NH nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức họp rà soát và đo lường, đánh giá cụ thể mức độ tác động của hoạt động dạy và học nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch khắc phục

Năm học 2025 - 2026, Khoa sẽ tổ chức họp, rà soát và tiến hành việc đo lường, đánh giá cụ thể mức độ tác động của hoạt động dạy và học nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cho SV, từ đó có biện pháp điều chỉnh phù hợp, góp phần nâng cao hơn nữa khả năng học tập suốt đời của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 4

Nhà trường đã tuyên bố triết lý giáo dục là: “Giáo dục toàn diện, kiến tạo tương lai”. Triết lý giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến rộng rãi đến CBGV, NV, NH và đã được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường.

CTĐT ngành Luật có các hoạt động dạy và học đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR. Mỗi ĐCCT HP trong CTĐT ngành Luật đều mô tả rõ ràng việc sử dụng các PPDH phù hợp, nêu rõ các yêu cầu về tự học, tự nghiên cứu trong từng nội dung đối với NH. Các PPDH tích cực trong ĐCCT đã được GV triển khai thực hiện giúp NH hình thành các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và khả năng tự đọc, tự học, tự nghiên cứu. GV giảng dạy ngành Luật còn thường xuyên được đánh giá, hỗ trợ về PPDH thông qua các hoạt động dự giờ bình giảng, họp chuyên môn, semina,... Tỷ lệ GV, NH hài lòng với hoạt động dạy và học trong giai đoạn tự đánh giá hằng năm đều đạt từ 89% trở lên.

Bên cạnh đó, từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường từng bước triển khai khắc phục các hạn chế đã xác định được như: có KH tăng cường phổ biến, triết lý giáo dục của Trường tới các BLQ thông qua nhiều kênh quảng bá như facebook, zalo, tờ rơi, tờ gấp,... Từ năm học 2024 - 2025, các HP giảng dạy trực tuyến đạt hiệu quả chưa cao sẽ được Khoa/ngành và GV tiếp tục nghiên cứu, bổ sung thêm nguồn tài liệu, học liệu lên cổng thông tin học tập trực tuyến; tổ chức các buổi semina hoặc tập huấn cho GV về các PPDH theo dự án, dạy học theo hướng tiếp cận NCKH, tổ chức các hoạt động nhóm giúp NH phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu; tổ chức các câu lạc bộ để hướng dẫn NH một số phương pháp học theo dự án, học theo hướng tiếp cận NCKH và học theo nhóm nhằm đạt được CĐR.

Tiêu chuẩn 4 có 03 tiêu chí, các tiêu chí đều đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Việc đánh giá KQHT của NH ngành Luật tại Trường ĐHTB được thực hiện thường xuyên và liên tục trong suốt quá trình đào tạo. Mục đích là nhằm xác định mức độ đạt được của NH về kiến thức, kỹ năng, thái độ so với CĐR của HP và CTĐT. Việc đánh giá được quy định rõ ràng, công khai, được GV thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ CĐR thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, khách quan, đảm bảo độ tin cậy, giá trị, sự công bằng và minh bạch. Đánh giá KQHT của NH là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục ĐH. Thông qua kết quả đánh giá, Khoa, ngành sẽ điều chỉnh, cải tiến PPDH nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy để đạt được CĐR của CTĐT, đáp ứng được mục tiêu đào tạo cử nhân ngành Luật của Trường ĐHTB có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức và tri thức để góp phần xây dựng đất nước trong thời kỳ mới.

Do đó, việc đánh giá KQHT đối với SV ngành Luật luôn được Nhà trường, Khoa và ngành chú trọng, tổ chức thực hiện theo một quy trình liên tục từ khi SV nhập học đến khi SV TN ra trường. Quy trình đánh giá NH được thiết kế một cách rõ ràng, có hệ thống trong quá trình đào tạo, phù hợp với CĐR của CTĐT. Quy trình, phương pháp đánh giá đều được công khai và kịp thời phản hồi đến SV từ đầu khóa học, được nhắc lại chi tiết

vào đầu kỳ học và trước khi bắt đầu mỗi HP. Quá trình đánh giá sử dụng các phương pháp, công cụ đánh giá đa dạng, đảm bảo giá trị, độ tin cậy, khách quan và sự công bằng. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến SV nhằm giúp SV có cơ hội cải thiện KQHT của mình và giải quyết nhanh chóng các khiếu nại về KQHT của SV (nếu có). Hoạt động đánh giá KQHT của SV ngành Luật đã nhận được những phản hồi tích cực của các BLQ (GV, SV, CSV)...

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành các quy trình, KH về việc đánh giá KQHT của NH rõ ràng. Đánh giá KQHT của NH ngành Luật được thực hiện theo KH cụ thể với quy trình chặt chẽ từ khi TS đầu vào cho đến khi TN dựa trên các quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT và Trường ĐHTB nhằm đạt được CĐR đã công bố trong CTĐT của Ngành Luật **[H05.1.01]**. Hằng năm, theo quy định của Bộ GDĐT, Trường ĐHTB đã ban hành Đề án TS với các thông tin và tiêu chí cụ thể nhằm ĐBCL đầu vào của các ngành **[H05.1.02]**. Sau khi trúng tuyển vào học tập ngành Luật, NH thực hiện việc kiểm tra, đánh giá KQHT theo Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Bộ GDĐT và được cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHTB ban hành theo Quyết định số 337/QĐ-ĐHTB ngày 15/7/2019, được rà soát, cập nhật theo Quyết định số 426/QĐ-ĐHTB ngày 09/7/2021, Quyết định số 25/QĐ-ĐHTB ngày 12/01/2023 và Quyết định số 900/QĐ-ĐHTB ngày 30/11/2023 để phù hợp với các quy định của Bộ GDĐT và thực tiễn Nhà trường **[H05.1.04]**. Trong Quyết định số 25/QĐ-ĐHTB, việc đánh giá KQHT của NH được quy định rất cụ thể tại Chương III, từ việc đánh giá và tính điểm HP; thi kết thúc HP và chấm thi; thi lại, học lại, học cải thiện điểm; đánh giá KQHT theo học kỳ, theo năm học; xử lý KQHT theo TC; công nhận KQHT và chuyển đổi; thực tập, thực tế, KLTN; công nhận TN và cấp bằng TN. Việc đánh giá KQHT của NH ngành Luật được thiết kế logic, khoa học cho tất cả các HP dựa trên mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành Luật; trong suốt quá trình học tập, đánh giá KQHT của NH được thực hiện thường xuyên nhằm kiểm tra năng lực của NH có đạt được so với mục tiêu của từng HP và CĐR của CTĐT hay không, đồng thời giúp NH và GV cập nhật kịp thời tình hình học tập, từ đó thay đổi PPGD, học tập để nâng cao KQHT của NH **[H05.1.01]**. Để cụ thể hóa việc triển khai, thực hiện đầy đủ Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Nhà trường đối với các nội dung về kiểm tra, đánh giá, Trường ban hành văn bản về công tác thi. Tại Điều 7, Chương II trong Quy định về công tác thi, kiểm tra, đánh giá KQHT trong đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHTB có hướng dẫn cụ thể về điều kiện dự thi từng HP, công tác ra đề thi với mỗi hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp; hình thức trình bày, thang điểm, thời gian làm bài **[H05.1.05]**. Nhà trường quy định cụ thể về việc xây dựng, quản lý ngân hàng đề thi, mẫu

đề thi, đáp án thi kết thúc HP/môn học/module **[H05.1.06] [H05.1.16]**. Đồng thời, Nhà trường ban hành KH đào tạo từng năm học **[H05.1.07]**, lịch thi kết thúc học kỳ cụ thể theo khoá học, lớp HP, thời gian thi, địa điểm, hình thức thi **[H05.1.08]**; các quy trình sao in đề thi, làm phách thi, coi thi, chấm thi, quy trình phúc khảo bài thi... đều được quy định rõ ràng **[H05.1.09]**. Đối với KLTN, việc đánh giá NH được thực hiện theo Quyết định số 795/QĐ-ĐHTB ngày 19/12/2018 ban hành Quy định về quản lý, tổ chức hoạt động đồ án, KLTN đối với bậc ĐH đào tạo theo hệ thống TC tại trường ĐHTB **[H05.1.10]**. Hằng năm, Nhà trường ban hành KH TTTN, làm KLTN triển khai cụ thể đến SV **[H05.1.11]**. Với trường hợp NH không đủ điều kiện làm KLTN, sẽ phải học một số HP thay thế có tổng số TC tương đương. Danh mục các HP thay thế được quy định rõ trong CTĐT và công bố cho NH ngay từ đầu khóa học **[H05.1.03]**. Đối với NH hoàn thành KLTN sẽ thực hiện bảo vệ KLTN; quy trình đánh giá KLTN được thông qua tại Hội đồng đánh giá KLTN do Hiệu trưởng Nhà trường ký quyết định thành lập **[H05.1.12] [H05.1.13]**. Ngoài ra, hoạt động đánh giá KQHT của NH có sự phối hợp của các đơn vị liên quan, thể hiện trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường **[H05.1.14]**. Điểm HP được nhập trên phần mềm quản lý đào tạo và công bố công khai trên cổng thông tin SV **[H05.1.15]**.

Trường ban hành quy trình, tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục đích cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá NH được quy định tại mục 8 của ĐCCT các HP trong CTĐT **[H05.1.03]** và CĐR CTĐT trình độ ĐH ngành Luật **[H05.1.01]**. Việc đánh giá NH trong ĐCCT HP được sử dụng theo công cụ đánh giá Rubric giúp GV, người hướng dẫn hoặc hội đồng đánh giá KQHT đánh giá sản phẩm, kỹ năng hoặc thái độ của NH một cách khách quan, nhất quán và minh bạch; CĐR về kỹ năng được sử dụng đánh giá thông qua tiểu luận, bài tập lớn, thuyết trình, thực hành trên máy tính; CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm chủ yếu được thực hiện thông qua thảo luận nhóm, thuyết trình,... Để đạt được CĐR đã thiết kế, Khoa, ngành đã áp dụng quy trình đánh giá KQHT của NH đối với mỗi HP trong CTĐT mà Trường đã ban hành bao gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá quá trình và thi kết thúc HP **[H05.1.03]**. Đối với đánh giá HP, phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá, trọng số điểm, cách tính điểm thành phần và điểm HP được quy định trong ĐCCT của mỗi HP và cụ thể tại Điều 10, 11, Chương III; đối với KLTN cũng được thực hiện theo khoản 6, Điều 16 của Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHTB **[H05.1.04(3)]**; Quy định về thi lại, học cải thiện điểm được bổ sung, chỉnh sửa theo Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ ĐH của trường ĐHTB tại Quyết định số 900/QĐ-ĐHTB ngày 30/11/2023 **[H05.1.04(4)]**. Nhà trường còn hướng dẫn chi tiết về đề thi, kiểm tra trong Chương III của Quy định về thi, kiểm tra, đánh giá KQHT trong đào tạo trình độ ĐH của Trường

ĐHTB, bao gồm ra đề thi, kiểm tra; duyệt đề thi; bảo quản và sử dụng đề thi. Cụ thể trong Điều 7 của Quy định đề cập đến việc ra đề thi, kiểm tra có thể được lấy từ ngân hàng đề thi hoặc do GV biên soạn. Đề thi phải được biên soạn đúng mẫu quy định và đảm bảo bao quát được phần lớn các kiến thức và kỹ năng cơ bản của HP **[H05.1.05]**. Mỗi đề thi tự luận, trắc nghiệm hoặc thi vấn đáp đều được quy định cụ thể, rõ ràng về nội dung, hình thức, thang điểm của từng câu hỏi, thời gian thi. Đề thi và đáp án được Trường HP chịu trách nhiệm kiểm tra nội dung và ký duyệt đề thi, ký niêm phong bảo mật bàn giao cho bộ phận Khảo thí **[H.05.1.03] [H.05.1.09]**. Kết thúc mỗi năm học, Khoa tiến hành họp rà soát các đề thi về nội dung, hình thức thi, cơ cấu và chất lượng đề thi, KQHT từ đó xây dựng KH đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá NH nhằm thay đổi, cải tiến các loại hình, phương pháp đánh giá NH, cải tiến công tác đề thi, đảm bảo các đề thi kết thúc HP đều được bổ sung số lượng câu hỏi nhằm bao quát hết các phần nội dung kiến thức của HP, đảm bảo được tính khách quan, công bằng **[H05.1.17]**. Các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. Để hoàn thành chương trình học tập ngành Luật theo CTĐT năm 2023, NH phải hoàn thành 52 HP, trong đó có HP Thực tập cuối khóa, làm KLTN và tích lũy đủ 132 TC (không bao gồm 03 TC Giáo dục thể chất và 08 TC Giáo dục Quốc phòng - An ninh) **[H05.1.03(2)]**. Điểm HP bao gồm điểm chuyên cần (10%), điểm đánh giá quá trình (40%) và điểm thi kết thúc HP (50%) như quy định trong khoản 2 Điều 10 Quy chế đào tạo của Trường ĐHTB. Trong đó, điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian đi học trên lớp của NH, thái độ tham gia học tập của NH như: đọc và sử dụng tài liệu do GV hướng dẫn, chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực tham gia ý kiến **[H05.1.05]**. Phương pháp đánh giá được thể hiện trong ĐCCT mỗi HP như: hình thức, thành phần điểm, cấu trúc đề thi, qua đó xác định mỗi phương pháp đánh giá đạt được CĐR nào của HP **[H05.1.03(2)]**. Tuy nhiên, một số ít HP sử dụng phương pháp đánh giá KQHT của NH chưa đa dạng. Điểm thi kết thúc HP được đánh giá dựa vào bài thi viết (trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp cả hai). Đề thi kết thúc HP có thang điểm cụ thể, rõ ràng **[H05.1.18]**. Các quy định về đánh giá KQHT của NH được rà soát, chỉnh sửa thường xuyên để phù hợp với các văn bản của Bộ GDĐT cũng như điều kiện thực tiễn Nhà trường và đăng tải trên Website của Trường **[H05.1.19]**. Ngoài ra, trong tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa, NH cũng được thông báo về các quy định liên quan đến đánh giá KQHT, các quy định về CĐR kiến thức, kỹ năng, thái độ **[H05.1.20]**. NH được phổ biến quy định chi tiết về quy trình TTTN cuối khóa và viết KLTN **[H05.1.11]**. Đối với những NH không đủ điều kiện viết KLTN, phải hoàn thành các HP thay thế **[H05.1.21]**. Điểm đánh giá TTTN và KLTN được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ ĐH trường ĐHTB **[H05.1.04(3)]**.

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng quy trình đánh giá KQHT của NH, từ đó ban hành các quy

định cũng như các văn bản hướng dẫn về phương pháp và hình thức đánh giá KQHT của NH, phù hợp với mục tiêu giáo dục và tương ứng với mức độ đạt được của CĐR.

Phương pháp đánh giá KQHT được Trường, Khoa và ngành Luật tiến hành tổng kết, rà soát và điều chỉnh hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Một số ít HP sử dụng phương pháp đánh giá KQHT của NH chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025- 2026, ngành Luật tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề: “*Áp dụng chuyển đổi số trong kiểm tra, đánh giá NH ngành Luật để đáp ứng CĐR của CTĐT*”.

Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ của năm học 2025 - 2026, sẽ lồng ghép thảo luận về các phương pháp đánh giá KQHT của NH ứng với mỗi HP, để từ đó đưa ra được các phương pháp đánh giá đa dạng hơn trong các học kỳ tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt mức yêu cầu của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá KQHT của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.

1. Mô tả

Trường đã ban hành các quy định và hướng dẫn rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá KQHT của NH. Đối với mỗi HP, SV được đánh giá thông qua: điểm chuyên cần, điểm quá trình và điểm kết thúc HP. GV chấm và công bố điểm chuyên cần, điểm đánh giá quá trình công khai trước khi kết thúc giờ lên lớp của học kỳ (hoặc trong buổi học cuối cùng của lớp HP). Thi kết thúc HP, đối với thi vấn đáp, thực hành, trắc nghiệm trên máy tính, SV được biết điểm ngay sau khi hoàn thành bài thi; đối với thi tự luận, SV được biết điểm chậm nhất 10 ngày sau khi thi **[H05.2.01]**. SV được quyền phúc khảo bài thi trong thời gian 10 ngày kể từ ngày công bố điểm thi **[H05.2.02]**. Trong từng HP, việc đánh giá quá trình học tập được thực hiện thông qua điểm chuyên cần, điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc HP. Đối với điểm chuyên cần, được GV giảng dạy đánh giá thông qua 01 điểm, tính trọng số 10%, căn cứ tiêu chí SV phải tham dự tối thiểu 80% giờ học trên lớp và mức độ tích cực chuẩn bị bài, tính chủ động tham gia các hoạt động trong giờ học. Điểm đánh giá quá trình được thực hiện trong cả học kỳ, do GV dạy lớp HP đánh giá, là điểm trung bình của các bài kiểm tra, bài tập lớn, tiểu luận, báo cáo... có trọng số 40%. Phương pháp đánh giá được GV lựa chọn đa dạng, phù hợp với từng HP bám sát CĐR của HP và CTĐT ngành Luật **[H05.2.03]**. Điểm đánh giá quá trình được GV thông báo cho SV ngay trên lớp, qua đó SV sẽ có sự phản hồi trực tiếp với GV về kết quả bài kiểm tra khi chưa hài lòng. Đối với thi kết thúc HP, Nhà trường quy định cụ thể về lịch thi, thời

gian thi **[H05.2.01]**. Tại Điều 4 của Quy định về công tác thi, kiểm tra, đánh giá KQHT trong đào tạo trình độ ĐH được ban hành bởi Quy định số 591/QĐ-ĐHTB ngày 15/9/2021 nêu rõ: điểm thi kết thúc HP chiếm trọng số 50%; thời gian thi kết thúc HP là 60 phút đối với HP từ 01-02 TC; 90 phút đối với HP từ 03 TC trở lên; hình thức thi có thể là thi viết (tự luận, trắc nghiệm trên giấy, hoặc kết hợp cả hai), viết tiểu luận, làm bài tập lớn, vấn đáp...; các thắc mắc, phản hồi đối với điểm thi kết thúc HP cũng được quy định rõ ràng tại Điều 6 **[H05.2.04]**. Phương pháp đánh giá được quy định cụ thể trong ĐCCT HP **[H05.2.03]**. Đối với TTTN, thời gian, hình thức, cách đánh giá được quy định trong Điều 16, Quy chế đào tạo trình độ ĐH Trường ĐHTB và KH TTTN hàng năm **[H05.2.01(3)] [H05.2.06]**. Trong đó, tại khoản 3 Điều 16 Quy chế đào tạo đã xác định rất rõ tiêu chí SV phải đạt tích lũy 75% tổng khối lượng TC của CTĐT được đăng ký TTTN, thời gian TTTN từ 08-12 tuần; tại khoản 4 Điều 16 quy định rõ tiêu chí làm KLTN: điểm trung bình chung tích lũy tính đến thời điểm xét điều kiện làm KLTN phải đạt từ 2,5 trở lên, không có HP bị điểm F, không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên; thời gian làm KLTN từ 04-06 tuần. Việc đánh giá KLTN được thể hiện bằng các tiêu chí theo các biểu mẫu cụ thể **[H05.2.07]**.

SV ngành Luật được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra, đánh giá, điều kiện TN,... từ GVCN/CVHT và trợ lý Khoa thông qua tiết sinh hoạt lớp **[H05.2.08]**, nhóm Zalo được lập theo nhóm lớp **[H05.2.09]**. GV giảng dạy HP có trách nhiệm thông báo các quy định về kiểm tra, đánh giá tới NH ngay khi bắt đầu giảng dạy mỗi HP. Thông qua tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa, phòng ĐT&HSSV phối hợp với Khoa hướng dẫn đầy đủ về Quy chế đào tạo TC, phương pháp đánh giá điểm chuyên cần, phương pháp đánh giá KQHT các HP, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan trong các kỳ thi cho NH mới nhập học biết **[H05.2.10]**. GVCN/CVHT của Khoa thường xuyên phổ biến Quy chế đào tạo, quy định về công tác thi, kiểm tra, quy trình phúc khảo bài thi và những thay đổi (nếu có) cho NH vào đầu mỗi học kỳ, trước mỗi kỳ thi **[H05.2.08] [H05.2.02]**.

Các quy định về đánh giá KQHT của NH được đăng tải công khai trên Website của Trường và trong Sổ tay SV **[H05.1.11] [H05.2.12]**. Bên cạnh đó, mỗi lớp có một nhóm Zalo có sự tham gia của các GV giảng dạy, GVCN/CVHT và NH các lớp để thông báo, giải đáp hàng ngày các thắc mắc của NH về các vấn đề học tập, kiểm tra đánh giá... **[H05.2.09]**. Mặc dù các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của NH đã được phổ biến công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, nhưng một số ít SV ít hoặc chưa quan tâm đến những quy định này.

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống văn bản quy định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi về đánh giá KQHT của NH và được thông báo công khai đến NH thông qua nhiều phương thức khác nhau.

Khoa, ngành đã có nhiều hình thức tiếp cận đến NH để cung cấp những thông tin kịp thời, hữu ích tới NH để đạt được kết quả tốt nhất.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một bộ phận SV chưa nắm vững các quy định về kiểm tra đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025 - 2026, bên cạnh việc tiếp tục công khai và đẩy mạnh phổ biến các quy định về kiểm tra đánh giá như trước, ngành Luật yêu cầu toàn thể SV xác nhận về việc đã nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá thông qua các buổi sinh hoạt với GVCN/CVHT lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức yêu cầu của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Các phương pháp đánh giá KQHT của NH được Nhà trường quy định trong các văn bản: Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHTB; Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHTB **[H05.3.01]**; Quyết định ban hành quy định về công tác thi, kiểm tra, đánh giá KQHT trong đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHTB **[H05.3.02]**; Quyết định ban hành quy định về việc xây dựng, quản lý ngân hàng đề thi, đáp án thi kết thúc HP/môn học/module của Trường ĐHTB và Quyết định ban hành quy định biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc HP của Trường ĐHTB **[H05.3.03]**. Các quy định về phương pháp đánh giá KQHT của NH cũng được thể hiện trong bộ ĐCCT các HP, nằm trong CTĐT của ngành **[H05.3.04] [H05.3.05]**.

Về tính đa dạng: GV ngành Luật sử dụng các hình thức, phương pháp khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của NH. Các hình thức đánh giá điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc HP được GV công bố khi bắt đầu HP. Điểm chuyên cần do GV quy định dựa trên số buổi học trên lớp và ý thức xây dựng bài của NH. Các phương pháp đánh giá KQHT đa dạng thông qua đặt câu hỏi trực tiếp trên lớp, bài tập, bài kiểm tra, bài thảo luận, bài thi viết,... đảm bảo các tiêu chí về CĐR **[H05.3.06] [H05.3.01]**. Đối với bài thi kết thúc HP, được quy định cụ thể trong Quyết định số 591/QĐ-ĐHTB ban hành Quy định về tổ chức thi kết thúc HP **[H05.3.03]**. Hình thức thi kết thúc HP có thể là thi viết (tự luận, trắc nghiệm trên giấy, hoặc kết hợp cả hai), thi vấn đáp,... Hình thức thi được Trường khoa và Trưởng HP phê duyệt trong ĐCCT của HP **[H05.3.05]**. CTĐT của ngành cũng được HĐKH Trường rà soát và điều chỉnh hàng năm **[H05.3.07]**.

Về độ giá trị: được đảm bảo thông qua việc sử dụng các công cụ và hình thức đánh giá đo đúng năng lực, kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đã được xác định trong CĐR của CTĐT. Các phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế, triển khai theo quy trình:

Xây dựng nội dung câu hỏi trong đề thi, kiểm tra với kiến thức bao phủ toàn bộ nội dung HP; đề thi có tiêu chí chấm và thang điểm rõ ràng, tổ chức chấm thi hai vòng và nhất quán giữa các GV chấm, đề thi được GV ra theo mẫu quy định, được Trưởng HP phê duyệt cả về nội dung và cấu trúc đề. Quy trình này đã được chuẩn hóa, thể hiện trong các văn bản hướng dẫn của Trường **[H05.3.03] [H05.2.06] [H05.3.08] [H5.3.09] [H5.3.10]**. Các bài kiểm tra với mục tiêu để kiểm tra khả năng nhớ và hiểu bài, áp dụng, phân tích và đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau từng chương, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học. GV có thể thực hiện kiểm tra với các hình thức như: kiểm tra viết trên lớp, trả lời câu hỏi trên lớp, bài thảo luận, bài tập nhóm... Đánh giá bài thuyết trình và bài tập nhóm được quy định rõ trong Quy định về CĐR của CTĐT ngành Luật về mức độ đạt chuẩn và các cấp độ theo thang Bloom **[H05.3.06]**. Đối với các HP thực hành, KQHT được đánh giá thông qua kỹ năng thực hành cụ thể như sau: Đánh giá thường xuyên trong quá trình thực hành, đánh giá báo cáo kết quả cuối HP thực hành hay còn gọi là báo cáo thực tập. Đối với báo cáo thực tập, GV đánh giá bằng các phiếu chấm có biểu mẫu được quy định sẵn **[H05.3.11]**.

Về độ tin cậy: Tổ hợp các phương pháp đánh giá KQHT của NH được thiết kế khoa học, được kiểm chứng đảm bảo độ tin cậy. Để chấm điểm, mỗi hình thức đánh giá có tiêu chí rõ ràng được thể hiện trong ĐCCT HP **[H05.3.06]**. Chậm nhất 07 ngày sau khi kết thúc HP, GV biên soạn và nộp 05 đề thi để Trưởng HP duyệt, đề thi phải được soạn theo đúng mẫu đề thi **[H05.3.10]**. Trưởng HP chịu trách nhiệm về nội dung và tính bảo mật của đề thi trước khi bàn giao cho bộ phận Khảo thí. Trợ lý Khoa chuyển đề thi về bộ phận Khảo thí chậm nhất 05 ngày trước khi thi HP đó. Bộ phận Khảo thí chọn đề thi trong số đề thi được Khoa/ngành duyệt hoặc chọn từ ngân hàng đề thi. Bộ phận Khảo thí thực hiện in sao đề thi phải tuyệt đối bảo mật đề thi. Đề thi sau khi in sao được bỏ vào túi đựng đề thi, niêm phong, ghi rõ HP thi, số lượng đề thi, hình thức thi, ngày thi, đề thi được hay không được phép sử dụng tài liệu **[H05.3.08]**. Ngành Luật cũng đã sử dụng kết hợp nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT trong các HP giảng dạy như: tự luận, trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp tự luận, vấn đáp, thuyết trình, báo cáo... Mỗi một phương thức đánh giá đều tham chiếu/liên kết đến CĐR HP **[H05.3.03] [H5.3.06]**.

Qua các ĐCCT và bộ đề thi của CTĐT ngành Luật ban hành năm 2023 cho thấy: Việc đánh giá KQHT các HP của NH được thực hiện trong suốt quá trình học tập (kiểm tra thường xuyên, chuyên cần, đánh giá giữa HP và đánh giá cuối HP); trọng số điểm đánh giá tùy thuộc từng loại HP song điểm thi kết thúc HP là 50% tổng số điểm HP **[H5.3.05] [H05.3.12]**. Hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, từ điểm danh, kiểm tra việc chuẩn bị bài tập ở nhà và ý thức tham gia tiết học, báo cáo bài luận, bài tập ứng dụng, trắc nghiệm, tiểu luận, thuyết trình, thi vấn đáp, tự luận... và có thang điểm đánh giá phù hợp được quy định cụ thể trong mục 8 của ĐCCT **[H05.3.05]**. Quy trình thi từ khâu ra đề,

chọn đề, nhận đề, coi thi, chấm thi, quản lý bài thi, nhập điểm thi, chế độ bảo mật được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo sự công bằng trong đánh giá NH **[H05.3.08]**. Đề thi cuối kỳ gồm đa dạng các hình thức thi từ tự luận, trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp tự luận, vấn đáp **[H05.3.12]**. Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đánh giá được các yêu cầu của CĐR. Mỗi một phương thức đánh giá đều tham chiếu/liên kết đến CĐR HP, đo lường được các yêu cầu **[H05.3.09]**.

2. Điểm mạnh

Ngành Luật sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau phù hợp với đặc thù nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực Luật và đáp ứng CĐR của CTĐT, đồng thời xác định được tiêu chí đánh giá rõ ràng của từng nội dung đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT theo Rubric chưa được áp dụng đồng nhất giữa các HP.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025 - 2026, Nhà trường tổ chức tập huấn cho các GV về đánh giá theo tiêu chí Rubric.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Việc phản hồi kết quả đánh giá NH được quy định rõ trong khoản 4 Điều 11 Quy chế đào tạo trình độ ĐH Trường ĐHTB **[H05.4.01(3)]** và Quy định tổ chức thi kết thúc HP **[H05.4.02]**. GV giảng dạy HP có trách nhiệm công bố kịp thời điểm chuyên cần và điểm kiểm tra định kỳ, SV đủ điều kiện dự thi và SV không đủ điều kiện dự thi. Trong buổi học cuối cùng của HP giảng dạy, GV công bố công khai SV đủ điều kiện dự thi và SV không đủ điều kiện dự thi; đồng thời xét điều kiện dự thi trên phần mềm để NH theo dõi trên cổng thông tin điện tử. Sau khi kết thúc HP, GV phải nhập điểm điều kiện dự thi vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và gửi bản cứng danh sách xét điều kiện dự thi cho trợ lý Khoa và phòng ĐT&HSSV trước khi thi 07 ngày. Kết quả thi kết thúc HP được thông tin chậm nhất sau 10 ngày thi đến NH qua tài khoản của SV trên phần mềm quản lý đào tạo **[H05.4.03]**. Mọi thắc mắc của SV (nếu có) được giải đáp thỏa đáng, công khai và kịp thời. Tại khoản 3 Điều 11 Quy chế đào tạo trình độ ĐH Trường ĐHTB quy định: Đối với điểm chuyên cần và điểm đánh giá quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy HP; đối với điểm thi kết thúc HP, SV có thể đề nghị xem lại kết quả bài thi HP theo quy định của Trường; đối với điểm thông báo trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, SV đề nghị phòng ĐT&HSSV kiểm tra, đối chiếu với bảng điểm gốc trong thời gian không quá 06 tháng kể từ ngày thi **[H05.4.02]** **[H05.4.01]**. SV không nhất trí với kết quả thi kết thúc HP

có thể nộp đơn xin phúc khảo bài thi nộp về phòng ĐT&HSSV trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố điểm thi **[H05.4.02] [H05.4.04]**.

Tất cả các quy định về phản hồi kết quả đánh giá nêu trên đã được Nhà trường công bố công khai, kịp thời đến GV và NH thông qua một số phương thức như: Website của Trường, Sổ tay SV, tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa **[H05.4.05] [H05.4.06] [H05.4.07]**. Ngoài ra, trợ lý Khoa, GV phụ trách các HP và GVCN/CVHT còn thực hiện việc phổ biến các quy định về phản hồi kết quả đánh giá của NH thông qua phương tiện khác như nhóm Zalo lớp **[H05.4.08]**. Theo quy định, việc phản hồi điểm thi của SV tùy thuộc vào từng hình thức đánh giá: thi thực hành, SV được biết điểm ngay sau khi hoàn thành bài thi; thi tự luận, SV được biết điểm chậm nhất sau 10 ngày thi; điểm bảo vệ Đồ án, KLTN, NH được thông báo kết quả ngay cuối buổi bảo vệ **[H05.4.02]**.

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá NH được sử dụng để cải thiện việc học tập. NH được công khai kết quả ngay sau mỗi bài kiểm tra thường xuyên và được GV góp ý để cải thiện phương pháp và KQHT. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn một số ít SV còn không để ý đến KQHT từng HP dẫn đến tình trạng lúc thi mới biết mình không đủ điều kiện dự thi. Đối với điểm thi kết thúc HP, điểm trung bình chung tích lũy, NH có thể tiếp cận thông qua cổng thông tin SV và có thể tra cứu KQHT dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi **[H05.4.3(2)]**. Điểm HP giúp SV điều chỉnh KH học tập trong tương lai hoặc có KH học cải thiện điểm. Điểm trung bình chung học kỳ giúp xác định SV được học bổng khuyến khích học tập hay không. Cuối mỗi năm học, Khoa tiến hành họp tổng kết các phương pháp kiểm tra, đánh giá NH, đánh giá chất lượng đề thi, đánh giá KQHT của NH, đồng thời xem xét lại báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV do Trường thực hiện, từ đó xây dựng kế hoạch, biện pháp cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hiệu quả hơn **[H05.4.09] H05.4.10]**. Định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến SV về kết quả kiểm tra, đánh giá NH, nhận được mức độ hài lòng khá cao. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV ngành Luật học kỳ I năm học 2024 - 2025 cho thấy trên 90% NH có ý kiến cho rằng việc công bố điểm thi, KQHT đã được thực hiện nhanh chóng, kịp thời **[H05.4.10]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có những quy định, hướng dẫn cụ thể trong công tác quản lý KQHT của NH, đảm bảo KQHT được phản hồi kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và bảo mật, giúp NH chủ động trong việc cải thiện KQHT của bản thân, tạo điều kiện tốt nhất trong học tập cho NH. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, việc nhập điểm thành phần, điểm thi kết thúc HP trên phần mềm giúp NH cập nhật nhanh chóng, thuận lợi, qua đó có thể chủ động trong việc cải thiện KQHT của bản thân.

3. Điểm tồn tại

Còn một số ít SV cập nhật KQHT chưa kịp thời, dẫn đến KH học tập bị ảnh hưởng, không cải thiện việc học tập kịp thời, TN trễ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026, GVCN/CVHT đẩy mạnh việc nhắc nhở NH thường xuyên cập nhật KQHT của mình.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT

1. Mô tả

Nhà trường có đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT và được công bố công khai, phổ biến đầy đủ đến NH trước mỗi khóa học, kỳ học và khi bắt đầu HP. Trong Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHTB được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 11 về việc khiếu nại điểm và xem lại kết quả bài thi HP **[H05.5.01]**; trong Quy định về công tác thi, kiểm tra, đánh giá KQHT trong đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHTB được quy định cụ thể tại khoản 2, Điều 6 về việc phúc khảo bài thi **[H05.5.01]**; quy trình thực hiện phúc khảo bài thi, thời gian tiếp nhận phúc khảo bài thi, thời gian công bố điểm phúc khảo cũng được mô tả rõ trong Quy định chấm phúc khảo bài thi **[H05.5.03]**. Các quy định về khiếu nại KQHT được thông báo công khai đến NH thông qua nhiều hình thức như: Website của Trường; trong tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa hàng năm, NH được nghe phổ biến và hướng dẫn về các quy định, quy trình thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, khiếu nại về KQHT **[H05.5.04]**; thông qua GV giảng dạy HP, GVCN/CVHT triển khai đến SV hoặc trong Sổ tay SV **[H05.5.05]**, **[H05.5.06]**. Trong quá trình học, việc khiếu nại về KQHT của SV được thực hiện cụ thể như sau: Đối với điểm quá trình hoặc điểm thực hành, thực tập, bài tập lớn, đồ án..., SV xem kết quả trên trang cá nhân rồi khiếu nại trực tiếp với GV phụ trách lớp HP **[H05.5.07]**. Đối với điểm bài thi cuối kỳ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố điểm thi, nếu SV chưa hài lòng về kết quả điểm thi kết thúc HP, SV có quyền đề nghị phúc khảo bài thi tại bộ phận Khảo thí (từ học kỳ 2 năm học 2024 - 2025, SV nộp tại bộ phận giải quyết thủ tục hành chính một cửa của Nhà trường); bộ phận Khảo thí cập nhật đề nghị của SV và xây dựng lịch chấm phúc khảo, thông báo đến khoa chuyên môn để cử GV chấm phúc khảo theo lịch. Hai cán bộ chấm thi phúc khảo phải khác các cán bộ chấm thi lần đầu. Điểm chấm phúc khảo sẽ được công bố qua email hoặc điện thoại trực tiếp tới SV, chậm nhất trong vòng 12 ngày kể từ ngày SV nộp đơn đăng ký phúc khảo; sau đó phòng ĐT&HSSV sẽ cập nhật điểm trên phần mềm (nếu có sự thay đổi điểm sau phúc khảo) **[H05.5.03 (2)]**, **[H05.5.08]**.

Việc xử lý, giải quyết các khiếu nại về KQHT của NH trong toàn Trường được tiến hành nhanh chóng, kịp thời, thỏa đáng, chính xác và hiệu quả. Kết quả giải quyết/trả lời khiếu nại về KQHT của NH trong 05 năm qua (từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025) cho thấy: 100% khiếu nại của NH đều được giải quyết **[H05.5.09]**. Kết quả

phức khảo bài thi là một trong những căn cứ để Nhà trường tăng cường công tác hậu kiểm sau mỗi kỳ thi, Khoa chuyên môn điều chỉnh phương pháp kiểm tra, đánh giá quá trình học tập, việc ra đề thi và phát triển ngân hàng đề thi. Đối với SV ngành Luật, thống kê trong thời gian trên, không có SV nào phát sinh khiếu nại về KQHT. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV ngành Luật từ năm 2020 đến năm 2024 cũng cho thấy: 100% SV chưa từng nộp đơn phức khảo bài thi. Khi được hỏi SV có dễ dàng tiếp cận các quy định, quy trình về phức khảo, các thông tin đăng ký học lại, học bổ sung khi có nhu cầu hay không, đã có trên 90% ý kiến trả lời rất dễ tiếp cận, 0% ý kiến trả lời khó tiếp cận **[H05.5.10]**. Tuy nhiên, quy trình phức khảo còn phải thực hiện theo phương pháp thủ công, chưa được thực hiện thông qua việc ứng dụng CNTT.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các quy trình, quy định về khiếu nại, kiểm tra KQHT và được phổ biến, công khai đến toàn thể SV nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại về KQHT được tiến hành đúng quy trình, quy định, đảm bảo công bằng, minh bạch, kịp thời.

SV ngành Luật rất hài lòng với kết quả điểm thi, trong 05 năm gần đây, không phát sinh khiếu nại hoặc đơn phức khảo bài thi ở tất cả các HP do Khoa quản lý.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa ứng dụng tính năng khiếu nại KQHT, phức khảo bài thi online trên Website giúp NH có thể phức khảo từ xa và đơn giản hóa thủ tục trong quá trình phức khảo.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025 - 2026, phòng ĐT&HSSV tham mưu, đề xuất với Nhà trường bổ sung, nâng cấp Website để hoàn thiện tính năng khiếu nại KQHT, phức khảo bài thi online trên Website, phục vụ cho quy trình khiếu nại và giải quyết các khiếu nại về KQHT của NH được thuận tiện.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 5

Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu trên, nhìn chung, việc đánh giá KQHT của NH ở ngành Luật đã được thực hiện một cách bài bản, chuyên nghiệp, bám sát các quy định của Nhà trường để đảm bảo tính công khai, minh bạch và hiệu quả của quy trình. Việc đánh giá KQHT của NH rất quan trọng nhằm giúp NH có phương án cải thiện việc học tập của mình, không ngừng nâng cao năng lực bản thân. Khi lựa chọn phương pháp đánh giá KQHT cho các HP trong CTĐT đã được ngành Luật xác định sao cho phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Các quy định về đánh giá KQHT của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được thể hiện rõ ràng và được thông báo tới NH một cách công khai trên Website của Trường. Các phương pháp

đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo giá trị, độ tin cậy và sự khách quan, công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đến NH nhằm giúp NH cải thiện việc học tập của mình. Đặc biệt, khi NH không thỏa mãn với điểm thi của mình sau khi có kết quả thi thì có thể gửi đơn khiếu nại/đề nghị phúc khảo bài thi và được tiếp cận dễ dàng theo một quy trình đã được quy định chặt chẽ, khoa học.

Tiêu chuẩn 5 có 05 tiêu chí, có 4/5 tiêu chí đạt 5/7, 1/5 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ GV của trường ĐHTB đã được quy hoạch, tuyển dụng, đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, bồi dưỡng và bổ nhiệm CBGV của Trường được thực hiện công khai đúng quy định và dựa trên vị trí việc làm, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm đạo đức nghề nghiệp và yêu cầu của CTĐT. Khoa thực hiện phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các nhiệm vụ chuyên môn khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, năng lực của GV; Để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ, khối lượng công việc và năng lực của GV được đo lường, giám sát và đánh giá theo quy định của Nhà trường, làm cơ sở để khen thưởng, khích lệ và tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hằng năm, Khoa xây dựng KH đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV căn cứ vào CLPT nguồn nhân lực của Nhà trường và đáp ứng yêu cầu của CTĐT.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Nhà trường có KH phát triển nguồn nhân lực dựa trên việc đánh giá nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, tuân thủ các quy định hiện hành trên cơ sở dự báo nhu cầu về quy mô đào tạo, NCKH, PVCĐ, Trường ĐHTB đã có KH đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của các đơn vị. Điều này được thể hiện trong CLPT và KH thực hiện CLPT Trường ĐHTB giai đoạn 2018-2021, tầm nhìn đến năm 2030 **[H06.1.01(1)]** rà soát, điều chỉnh năm 2022, 2025 **[H06.1.01(2)(3)]** với mục tiêu “*Phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng các yêu cầu. Hình thành đội ngũ giảng viên, chuyên gia làm chủ và bước đầu ở vị thế dẫn dắt trong một số lĩnh vực công nghệ hiện đại, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu*”. Việc xây dựng KH phát triển nguồn nhân lực dựa trên việc đánh giá các hoạt động của nhà trường thông qua các báo cáo tổng kết hằng năm của Trường **[H06.1.02]**; đề án vị trí việc làm **[H06.1.03]**. Đối với công tác tuyển dụng, Trường ĐHTB có quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch về tuyển dụng và bổ nhiệm GV. Trên cơ sở CLPT và KH thực hiện CLPT trường ĐHTB, nhà trường ban hành các KH, thông báo về tuyển dụng, đào tạo, bồi

dưỡng, bổ nhiệm, điều động nhân sự, xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trường ĐHTB giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2035 với mục tiêu “...đến năm 2030 trên 25% GV có học vị TS trong đó trên 5% có học hàm GS, PGS; 20% GV có văn bằng 2 tiếng anh, 90% GV đạt chuẩn trình độ tiếng anh”; CBGV được tham gia tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ ít nhất 01 lần/01 năm; Trưởng khoa, phòng, đơn vị được đi học tập kinh nghiệm quản lý ở các CSGD 03 năm/01 lần; GV hằng năm đều phải đi thực tế tại các DN **[H06.1.04]**. Căn cứ vào CLPT Trường ĐHTB đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050. Khoa phấn đấu đến năm 2035 có trên 50% GV đạt trình độ tiến sỹ, số GV có văn bằng 2 ngoại ngữ trên 90%. Công tác xây dựng KH phát triển, quy hoạch nguồn nhân lực của Trường cũng như của khoa khoa Luật, CTH&QHQT trong 5 năm qua được thực hiện đầy đủ, đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ **[H06.1.05]**.

Nhà trường đã xây dựng KH phát triển đội ngũ GV và được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Giai đoạn 2020-2024 Nhà trường đã thực hiện tuyển dụng 32 lao động; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho 100% GV; 18 lượt bổ nhiệm 23 lượt bổ nhiệm lại và 37 lượt điều động nhân sự **[H06.1.06]**. Việc thực hiện KH phát triển đội ngũ GV của Khoa luôn phù hợp với CLPT của Nhà trường và Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường ĐHTB **[H06.1.07]**. Việc thực hiện KH phát triển đội ngũ GV của Khoa luôn phù hợp với CLPT và quy hoạch cán bộ của Trường. Công tác quy hoạch CBGV của Khoa được thực hiện theo quy trình, chặt chẽ, minh bạch, khoa học, phù hợp với chuyên môn. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường **[H06.1.08]**. Quy định về tuyển dụng VC, quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm cũng như các quy định về hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng của Trường ĐHTB. Vì vậy, đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Giai đoạn 2020-2024. Khoa đã tuyển dụng mới 07 CBGV đều được bồi dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, NCKH của CTĐT. Nhà trường đã cử 02 GV của Khoa đi học nghiên cứu sinh; 02 GV đi học trung cấp chính trị; 01 GV đi học cao cấp chính trị. Tổng số đội ngũ GV của khoa có 25, trong đó 05 tiến sỹ chiếm tỉ lệ 21,73%, còn lại là thạc sỹ), 100% GV có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dành cho GV ĐH, CĐ và đạt chuẩn về tin học, ngoại ngữ **[H06.1.9]**, **[H06.1.10]**.

Nhà trường cũng đã bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo giữ chức vụ Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa theo đúng quy trình, quy định **[H06.1.11]**. Phân công nhiệm vụ Trưởng ngành, trưởng HP đảm bảo phục vụ công tác đào tạo **[H06.1.12]**.

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện KH phát triển đội ngũ GV của Khoa phù hợp với CLPT và quy hoạch cán bộ của Trường. Vì vậy, đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, tỷ lệ GV đạt trình độ giáo sư, phó giáo sư còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường bổ sung thêm cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện và đề cử GV đi học NCS; đồng thời tăng cường thu hút, trọng dụng đội ngũ GV có trình độ TS, PGS, GS tham gia giảng dạy ngành Luật.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Tỷ lệ NH/GV tính chung cho Nhà trường đến 30/6/2025 là 9,7:1 đạt chuẩn quy định 40:1 **[H06.2.01]**. Đội ngũ GV của khoa Luật, CTH&QHQT gồm 25 người, trong đó có 05 TS, 02 NCS, 18 ThS. Độ tuổi trung bình của GV là 40 tuổi. Cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành đối với CTĐT ngành Luật, các thông tin trên được thể hiện thông qua Hồ sơ năng lực của GV (Lý lịch khoa học) và danh sách đội ngũ GV. Tỷ lệ GV cơ hữu/ NH của Khoa là 23/70

Nhà trường quy định cụ thể về khối lượng công việc (giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác) đối với GV theo từng chức danh **[H06.2.02]**. Trường xây dựng chương trình công tác cả năm của Nhà trường triển khai tới các khoa, Khoa xây dựng KH công tác hằng năm gồm: Kế hoạch về phân công giảng dạy, đăng ký nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ chuyên môn khác như GVCN/CVHT, sinh hoạt chuyên đề, TS, hướng dẫn thực tập TN, xây dựng ngân hàng đề thi, rà soát, điều chỉnh CTĐT,... Trên cơ sở đó Khoa thực hiện theo dõi, báo cáo tiến độ theo KH của Khoa, Nhà trường và các hoạt động chuyên môn khác **[H06.2.03]**, **[H06.2.04]**. Cuối năm học, GV kê khai khối lượng công việc bao gồm khối lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác, nộp về Khoa tổng hợp và nghiệm thu **[H06.2.05]**, **[H06.2.06]**, **[H06.2.07]**. Bảng kê khai giờ giảng của từng GV và bảng tổng hợp của toàn Khoa được gửi về Phòng ĐT&HSSV, bảng kê khai giờ NCKH của từng GV; Bảng tổng hợp của toàn Khoa được gửi về phòng KHCN&HTPT. NCKH là nhiệm vụ bắt buộc của GV, nếu trong năm học, GV thiếu giờ chuẩn NCKH theo quy định này thì phải bù giờ chuẩn giảng dạy sang để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ NCKH. Kết quả nghiệm thu của Hội đồng được thông báo công khai về các đơn vị và từng CBGV, đây cũng là căn cứ để thanh toán tiền vượt giờ cho GV **[H06.2.08]**, **[H06.2.09]**, **[H06.2.10]**. Cuối năm, Nhà trường có KH tổng kết năm học và đánh giá định mức lao động của GV, bình xét thi đua khen thưởng thông qua các hội đồng **[H06.2.11]**, **[H06.2.12]**.

Năm 2020, Nhà trường quy định cụ thể về số giờ giảng dạy và khối lượng công việc đối với GV theo từng chức danh. Cụ thể quy định tại chương 2, định mức giờ chuẩn đối với giáo sư bao gồm 330 giờ giảng dạy và 230 giờ NCKH; Phó giáo sư, GV cao cấp bao gồm 330 giờ giảng dạy và 220 giờ NCKH; GV chính là 330 giờ giảng dạy và 205 giờ NCKH; GV là 330 giờ giảng dạy và 196 giờ NCKH; GV tập sự là 165 giờ giảng và 98 giờ NCKH. Quy chế làm việc của GV cũng quy định chi tiết định mức lao động đối với những GV giữ chức lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, Đảng, Đoàn thể. Nhà trường cũng quy định việc quy đổi các hoạt động chuyên môn khác sang giờ chuẩn để đánh giá khối lượng công việc của GV; Dự thảo các quy định về định mức lao động, khối lượng công việc của GV đều được lấy ý kiến góp ý của toàn bộ GV trong Nhà trường trước khi ban hành chính thức. Các văn bản được thông báo rộng rãi đến các đơn vị và toàn thể các CBGV trong toàn Trường thông qua nhiều hình thức đa dạng như gửi văn bản về các Khoa lấy ý kiến, họp các trưởng đơn vị để thảo luận, thông báo trên mạng văn phòng của Nhà trường,... Chương II trong Quy định về chế độ làm việc của GV đã xác định chi tiết về thời gian làm việc, giờ chuẩn và định mức giảng dạy, NCKH của GV. Tổng thời gian làm việc của GV được xác định tuần làm việc 40 giờ và được xác định theo năm học. Tổng quỹ thời gian làm việc bình quân trong một năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ làm việc hành chính) để thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, PVCĐ và các nhiệm vụ chuyên môn khác. Tại điều 6 của quy định này cũng chỉ rõ việc quy đổi giờ chuẩn đối với một số hoạt động chuyên môn bao gồm giảng dạy lý thuyết, hướng dẫn thực hành, thực tập, hướng dẫn KLTN, CVHT, soạn đề thi, xây dựng ngân hàng đề thi, chấm thi,... Đối với nhiệm vụ NCKH, Nhà trường đã quy định tỷ lệ quy đổi các đề tài NCKH các cấp, bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học, sáng kiến kinh nghiệm các cấp,... để xác định kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH của GV **[H06.2.13]**. Đồng thời, Trường ban hành quy định việc chi trả đối với khối lượng công việc vượt định mức và những hoạt động chuyên môn không quy đổi sang giờ chuẩn **[H06.2.14]**.

Để đảm bảo và cải tiến chất lượng đào tạo, Trường ĐHTB đã có nhiều hình thức giám sát các hoạt động dạy học và được giao cho các phòng chức năng **[H06.2.15]**. Bộ phận đào tạo theo dõi tiến độ giảng dạy, cập nhật dữ liệu giảng dạy hàng ngày, duyệt tạm ngưng, báo bù, dạy thay, điều chỉnh phòng học, điều chỉnh thời khóa biểu. Mọi sự thay đổi về thời khóa biểu phải thực hiện trước 16h00 của ngày hôm trước được phòng ĐT&HSSV, duyệt và công bố công khai cho SV, GV và các đơn vị có liên quan biết qua trang thông tin của Nhà trường **[H06.2.16]**. Bộ phận thanh tra thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động lên lớp của GV, hàng ngày CB của bộ phận Thanh tra theo dõi lịch dạy, kiểm tra chấm công, ký xác nhận giảng dạy đối với GV **[H06.2.17]**. Kết quả thanh kiểm tra được tổng hợp hàng tháng trong toàn trường **[H06.2.18]**. Ngoài ra, bộ phận thanh tra

thực hiện công tác kiểm tra tình hình thực hiện nền, hoạt động giảng dạy hàng ngày, thực hiện kiểm tra đột xuất với nội dung: thực hiện quy trình lên lớp, công tác GVCN, tổ chức giờ sinh hoạt lớp; ý thức chấp hành nội quy, quy định lớp học của HSSV **[H06.2.19]**. Đối với Khoa, thực hiện giám sát các hoạt động dạy và học qua việc kiểm tra tình hình thực hiện KH đào tạo, thời khóa biểu **[H06.2.20]**. Cuối năm Nhà trường thực hiện tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học bình bầu danh hiệu thi đua hằng năm đối với GV trong toàn trường **[H06.2.21]**. Vào cuối mỗi học kỳ Nhà trường thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV ở mỗi HP thông qua phiếu khảo sát NH và lập báo cáo kết quả khảo sát. Báo cáo này sẽ được gửi về khoa, là một nguồn thông tin để các Khoa đánh giá chất lượng GV và đổi mới hoạt động dạy và học **[H06.2.22]**. Trong 5 năm qua cho thấy, mức độ hài lòng của SV đối với GV năm sau cao hơn năm trước đạt mức trên 80%, đây là con số phản ánh sự hài lòng của NH khá cao. Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến của SV trước khi TN trên tất cả các mặt hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo của các ngành đào tạo trong trường. Kết quả khảo sát ý kiến NH trước khi TN đánh giá chung toàn khóa học, với khoa Luật, CTH&QHQT đạt mức tốt trên 85% **[H06.2.23]**. Ngay sau khi có ý kiến tổng hợp từ kết quả khảo sát SV đánh giá GV, Khoa tiến hành họp trao đổi với các GV, rút kinh nghiệm để cải tiến PPGD, các hình thức đánh giá NH **[H06.2.24]**. Hoạt động NCKH của GV trong Khoa được giám sát thông qua phòng KHCN&HTPT với các quy chế, quy định về NCKH: quy định về hoạt động NCKH của CBGV Trường ĐHTB. Cuối năm học, căn cứ vào KH triển khai công tác NCKH, các sản phẩm NCKH được nghiệm thu cấp Khoa, cấp trường, hội thảo các cấp, sau đó tổng hợp gửi phòng KHCN&HTPT **[H06.2.25]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định cụ thể và triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về khối lượng công việc và quy đổi giờ chuẩn đối với GV theo từng chức danh và đáp ứng được yêu cầu.

Công tác giám sát, đo lường, đánh giá về khối lượng công việc đối với đội ngũ GV được chú trọng, thực hiện một cách chặt chẽ làm căn cứ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại

Việc quy định các hoạt động cụ thể đối với các hoạt động PVCD của GV chưa cụ thể hóa.

4. Kế hoạch hành động

Khoa đề xuất với nhà trường ban hành các quy định về hoạt động PVCD.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Căn cứ quy định của Nhà nước về tuyển dụng, sử dụng và quản lý CB, VC, quy định pháp luật lao động Nhà trường ban hành các KH thông báo, tuyển dụng GV. Trong đó, quy định một số nội dung về hình thức và quy trình tuyển dụng theo hình thức xét tuyển. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nguồn nhân lực được quy định cụ thể trong các văn bản tuyển dụng trong đó bao gồm các tiêu chí về đạo đức, trình độ chuyên môn và học vị, học hàm **[H06.3.01] [H06.3.02]**. Đối với người dự tuyển vị trí GV, yêu cầu phải đảm bảo trình độ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên ngành cần tuyển căn cứ vào đề án vị trí việc làm và bản mô tả công việc của GV **[H06.3.03]**. Khi tuyển dụng, Nhà trường có thông báo tuyển dụng, trong đó ghi rõ các tiêu chí tuyển dụng, số lượng tuyển dụng cho từng vị trí kèm theo các tiêu chí cụ thể về trình độ chuyên môn, đối tượng tuyển dụng, các yêu cầu về hồ sơ dự tuyển. Đối với các trường hợp tuyển dụng theo diện hợp đồng lao động thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTB; Quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng VC, người lao động; Quy định chế độ làm việc của GV, ngoài ra còn quy định cụ thể trong hợp đồng lao động **[H06.3.04], [H06.2.05]**. Trong đề án vị trí việc làm cũng nêu rõ các tiêu chuẩn, điều kiện đối với từng chức danh bao gồm các tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, trình độ; một số tiêu chuẩn cụ thể đối với một số vị trí như: trưởng các khoa có chức năng đào tạo chuyên ngành, trưởng các phòng: ĐT&HSSV; KHCN&HTPT,...cần có bằng tiến sĩ, có uy tín, kinh nghiệm giảng dạy, NCKH, có thâm niên công tác 5 năm trở lên, có uy tín kinh nghiệm trong giảng dạy, NCKH. Việc điều chuyển, bố trí công việc đối với GV dựa trên các tiêu chí về trình độ chuyên môn và kết quả đánh giá hằng năm của GV cũng như đề xuất nhu cầu của các đơn vị. Việc tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) của Khoa được thực hiện theo yêu cầu công việc, dựa trên các tiêu chí theo quy định của liên bộ Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ và quy định của Nhà trường. Các tiêu chí tuyển dụng được chia thành 3 nhóm: Năng lực, kỹ năng; yêu cầu hiểu biết về chuyên môn và tiêu chuẩn, trình độ theo bản mô tả công việc, đề án vị trí việc làm **[H06.3.06]**.

Các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự của Trường sau khi ban hành đã được phổ biến đến trưởng các đơn vị khoa, phòng, ban, trung tâm thông qua các cuộc họp và được trưởng đơn vị quán triệt, phổ biến đến toàn thể CBGV, NV trong đơn vị **[H06.3.07]**. Các văn bản về tuyển dụng và sắp xếp nhân sự đều được công khai. Các thông báo tuyển dụng được thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và mạng văn phòng liên thông nội bộ **[H06.3.08]**. Giai đoạn năm 2020-

2024, khoa Luật, CTH&QHQT tuyển dụng thêm 07 GV mới, 04 chấm dứt hợp đồng, 04 chuyển đi, 01 nghỉ hưu.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Nhà trường để bổ nhiệm, điều chuyển, tuyển dụng lao động hợp đồng cho Khoa được thực hiện theo quy định rõ ràng, minh bạch và công khai.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn này, Nhà trường chưa ban hành quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại VC quản lý.

4. Kế hoạch hành động

Khoa kiến nghị với Nhà trường ban hành các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại VC quản lý.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ GV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành. Năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng trong đề án vị trí việc làm mô tả khung năng lực, kỹ năng của từng nhóm vị trí công việc trong trường: nhóm lãnh đạo, quản lý; nhóm chuyên môn nghiệp vụ; nhóm GV; nhóm hỗ trợ, phục vụ. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTB đã quy định về các tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của đội ngũ CBGV của Nhà trường **[H06.4.01]**. Yêu cầu về năng lực của đội ngũ GV còn được xác định khi tuyển dụng với các yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học theo chức danh nghề nghiệp được tuyển dụng. Cụ thể đối với đội ngũ GV giảng dạy các bộ môn thuộc ngành Luật được thể hiện rõ trong đề án vị trí việc làm; Quy định về chế độ làm việc của GV hằng năm **[H06.4.02]**. Để đánh giá năng lực NCKH của CB, GV Nhà trường đã quy định tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng, hiệu quả hoạt động NCKH của GV thể hiện trong Quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN Trường ĐHTB **[H06.4.03]**, thông báo KH hoạt động KH&CN hằng năm **[H06.4.04]**. Đối với các đề tài NCKH các cấp được hội đồng chuyên môn đánh giá chất lượng nghiên cứu thông qua các phiếu đánh giá, nhận xét, chấm điểm, biên bản nghiệm thu đề tài **[H06.4.05]**. Đối với các bài viết đăng trên Tạp san khoa học Trường ĐHTB được phân công cho người phản biện đọc, góp ý **[H06.4.06]**. Năng lực GV của Khoa được đánh giá: hoạt động giảng dạy, NCKH, PVCD....**[H06.4.07][H06.4.08]**. Nhà trường căn cứ vào văn bản quy định của Nhà nước, hàng năm ban hành KH đánh giá xếp loại VC, người lao động trong đó có cụ thể về tiêu chí đánh giá, xếp loại GV làm căn cứ xét danh hiệu thi đua khen thưởng hoặc rút kinh nghiệm đối với GV hằng năm **[H06.4.09][H06.4.10]**. Ngay từ khâu tuyển

dụng, GV được kiểm tra về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực tin học và ngoại ngữ. Đồng thời, Khoa cũng thường xuyên rà soát, yêu cầu GV tham gia các khóa học bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định. Tính đến 31/12/2024, GV của Khoa có đầy đủ chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn quy định **[H06.4.11]**. Khoa thực hiện việc đánh giá năng lực của GV theo các quy định của Nhà trường; các tiêu chí đánh giá được ghi cụ thể trong KH đánh giá và phân loại CCVC của Trường hằng năm và quy định về công tác thi đua khen thưởng của Trường. Việc đánh giá năng lực của GV có sự phân loại khác nhau đối với GV giữ chức vụ quản lý và GV không giữ chức vụ quản lý. Trình tự thủ tục bình xét thi đua khen thưởng do phòng TCCB, TT&ĐBCL phụ trách được thực hiện cuối năm học **[H06.4.12]**.

Năng lực giảng dạy của GV được đánh giá bằng nhiều hình thức đa dạng, chặt chẽ và công khai thông qua hoạt động giảng dạy, NCKH, GVCN/CVHT và các hoạt động khác **[H06.4.07] [H06.4.08] [H06.4.13] [H06.4.14] [H06.4.15]**. Bên cạnh đó, năng lực giảng dạy của GV được đánh giá thông qua sự khảo sát của NH sau khi kết thúc HP thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV ở mỗi HP; **[H06.4.16]**. Giai đoạn 2020 – 2024, kết quả đánh giá, phân loại GV của Khoa: năm học 2019 – 2020, Khoa đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở chiếm 35%, GV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến đạt 65 %. Năm học 2020 – 2021, Khoa đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến. GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở chiếm 33, 53%, GV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến đạt 66,47 %. Năm học 2021 - 2022, Khoa đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở đạt tỷ lệ 33,33% GV đạt Lao động tiên tiến 66,67%, Năm học 2022 - 2023, Khoa đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến. GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở đạt 35,13% GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến đạt 64,87 %. Năm học 2023 - 2024, Khoa đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở đạt 35,21%, GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến 64,79%, 01 GV nhận được bằng khen của Chủ tịch tỉnh Thái Bình, 01 GV được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả này là cơ sở để xét nâng lương trước thời hạn đối với các GV đủ điều kiện **[H06.4.17] [H06.4.18] [H06.4.19]**. Kết quả đánh giá năng lực NCKH của GV là một tiêu chí quan trọng trong bảng điểm đánh giá tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và phiếu chấm điểm đánh giá xếp loại CB, VC của Nhà trường. Hằng năm Nhà trường tổng kết công tác NCKH và có khen thưởng đối với tập thể cá nhân có thành tích cao trong NCKH **[H06.4.20]**. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, GVCN/CVHT các GV trong Khoa luôn tích cực tham gia các hoạt động PVCD như luôn hưởng ứng các phong trào ủng hộ do Công đoàn trường phát động, tham gia nhiệt tình các phong trào tình nguyện của Đoàn trường và các tổ chức Đảng, Đoàn thể. Việc tham gia các hoạt động

PVCD của CBGV được Nhà trường tính điểm trong đánh giá phân loại VC cuối năm cũng như bình xét Công đoàn viên giỏi **[H06.4.21]**.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV trong Khoa được xác định rõ ràng và được đánh giá đa dạng về hình thức. Đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao.

3. Điểm tồn tại

Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH đối với GV chưa được đưa vào tiêu chí đánh giá tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và đánh giá xếp loại CB, VC của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa đề xuất Nhà trường đưa kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH vào các tiêu chí đánh giá, xếp loại và xét danh hiệu thi đua đối với GV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng VC và người lao động làm việc tại Trường ĐHTB để quản lý và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng CBGV, NV. Quy định này được chỉnh sửa, bổ sung năm 2020 **[H06.5.01]**. Trong đó, quy định cụ thể về quy trình xây dựng và thực hiện KH đào tạo, bồi dưỡng; mục tiêu, nguyên tắc, nội dung đào tạo, bồi dưỡng; quy định điều kiện, trách nhiệm, quyền lợi của người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; quy trình, thủ tục và xử lý vi phạm về đào tạo, bồi dưỡng công chức, VC. Ngoài các điều kiện chung theo quy định của Nhà nước thì VC, GV của Trường khi được cử đi đào tạo sau ĐH phải đảm bảo các điều kiện về chuyên ngành đăng kí đi đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, cam kết thực hiện nhiệm vụ sau khi hoàn thành CTĐT (trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo, kể cả thời gian kéo dài). Việc đào tạo, bồi dưỡng còn xuất phát từ nhu cầu từng cá nhân và nhu cầu của các phòng ban chức năng liên quan theo lĩnh vực, đề xuất theo chuyên môn, chuyên ngành. Căn cứ vào CTĐT của các khoa để xác định được nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, phòng TCCB, TT&KĐCL tham mưu với Nhà trường gửi thông báo đề nghị các khoa rà soát, đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng đến từng cá nhân GV **[H06.5.02]**. Khoa tổ chức họp triển khai cho GV đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và tổng hợp danh sách gửi về phòng TCCB, TT&KĐCL. Trên cơ sở báo cáo nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của từng đơn vị, phòng TCCB, TT&KĐCL tổng hợp, căn cứ vào nhu cầu ưu tiên trọng điểm phát triển của Nhà trường **[H06.5.03]**. KH đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Trường ban hành phù hợp với mục tiêu về phát triển nguồn nhân lực của CLPT và KH thực hiện CLPT Trường ĐHTB giai đoạn 2018 - 2021, tầm nhìn đến năm 2030; và

soát, điều chỉnh giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, CLPT Trường ĐHTB đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 **[H06.5.04]**.

Nhà trường triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV như cử CBGV đi đào tạo, bồi dưỡng: lý luận chính trị, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, lãnh đạo cấp phòng; nghiệp vụ sư phạm cho GV ĐH, cao đẳng; ứng dụng CNTT cơ bản; đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV chính (hạng II); cử CBGV dự các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức các hội thảo, seminar để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm. Cùng với đó là quá trình tự đào tạo do CBGV, NV có nhu cầu theo học các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù hoặc sau ĐH và nộp chứng chỉ, chứng nhận về phòng TCCB, TT&KĐCL sau mỗi khóa đào tạo. Trong giai đoạn 2020 - 2024, căn cứ vào đề xuất của Khoa, Trường đã cử 02 GV của Khoa đi học NCS, có 03 GV đi học văn bằng 2 tiếng Anh, nhiều lượt GV tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Các KH về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đã được xây dựng và thực hiện có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của CTĐT ngành Luật và CLPT nguồn nhân lực của Nhà trường như: đào tạo nâng bậc ngoại ngữ 03 GV; bồi dưỡng nghiệp vụ Sư phạm dành cho GV giảng dạy ĐH, cao đẳng là 02 GV; bồi dưỡng Lý luận chính trị: 01 người có trình độ trung cấp Lý luận chính trị, 02 người có trình độ cao cấp Lý luận chính trị, 1 người nâng hạng lên GV chính, 100% GV tham gia tập huấn, tham gia hội thảo về lĩnh vực luật học **[H06.5.05]**. 100% GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo KH của Khoa và của nhà trường.

Công tác giám sát việc thực hiện KH đào tạo bồi dưỡng của GV trong Khoa được tiến hành hằng năm. Cụ thể: đối với các GV đi học tập nâng cao trình độ phải báo cáo KQHT (kèm bảng điểm có xác nhận của CSGD) trước thời điểm đánh giá phân loại VC và bình xét danh hiệu thi đua năm học. Khoa tiến hành báo cáo về việc thực hiện KH đào tạo bồi dưỡng, nộp phòng TCCB. Phòng TCCB được giao nhiệm vụ giám sát, đánh giá việc thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBGV và tổng hợp trong báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường **[H06.5.06]**.

Hằng năm, nhà trường đều tổ chức tập huấn đầu năm học để toàn thể GV cập nhật các văn bản mới về lĩnh vực đào tạo. Theo yêu cầu của CTĐT ngành Luật để cập nhật kịp thời thông tin pháp luật, tăng cường hướng dẫn SV thực hành bên cạnh các KH đào tạo, bồi dưỡng chung của Nhà trường, khoa Luật, CTH&QHQT đã xây dựng kế hoạch, đề xuất nhà trường cử GV tăng cường đi thực tế, tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn, tham gia các hội nghị, hội thảo, đối thoại về lĩnh vực pháp luật... **[H06.5.07]**.

2. Điểm mạnh

Quy định về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đã được xây dựng và thực hiện có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của CTĐT, CLPT đội ngũ của Nhà trường.

Trường đã có các hoạt động và chính sách hỗ trợ cho GV đi đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn.

Đội ngũ GV của Khoa có ý thức và luôn chủ động học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai KH tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Trên cơ sở chương trình công tác của Nhà trường, Khoa xây dựng KH về phân công giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ chuyên môn khác như GVCN/CVHT, sinh hoạt chuyên đề, hướng dẫn TTTN, xây dựng ngân hàng đề thi, rà soát, điều chỉnh CTĐT,... Trên cơ sở đó khoa thực hiện theo dõi, báo cáo tiến độ theo KH của Khoa và Nhà trường và các hoạt động chuyên môn khác. Căn cứ trên lịch cụ thể của Khoa, từng GV trong Khoa đều có lịch giảng dạy riêng và kế hoạch thực hiện số giờ NCKH của mình thông qua việc thực hiện các đề tài NCKH hoặc kế hoạch viết báo, kế hoạch tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, rà soát chỉnh sửa CTĐT, biên soạn đề thi...Đặc biệt, kế hoạch giảng dạy của mỗi GV đều được nhà trường quản lý trên phần mềm cá nhân của mỗi GV. Các GV dễ dàng truy cập để xem lịch công tác và giảng dạy của mình. Do đó, tất cả GV đều có KH cụ thể để hoàn thành công việc của mình trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường cũng như ban lãnh đạo Khoa có thể thực hiện phân công công việc phù hợp đối với từng GV và dễ dàng theo dõi giám sát đánh giá quá trình làm việc của từng GV trong khoa **[H06.6.01], [H06.6.02], [H06.6.03], [H06.6.04], [H06.6.05]**.

Đầu mỗi năm học, dựa trên KH công tác năm học của Khoa, Khoa tiến hành phân công nhiệm vụ cho từng GV. Cuối năm học, theo thông báo của Nhà trường, Khoa yêu cầu các GV tự kê khai khối lượng công việc của cá nhân theo thực tế thực hiện bao gồm khối lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác, nộp về Khoa tổng hợp và

nghiệm thu, đây cũng là căn cứ để bình xét danh hiệu thi đua tại Hội đồng cấp Khoa **[H06.6.06], [H06.6.07], [H06.6.08]**. Bảng kê khai giờ giảng của từng GV và bảng tổng hợp của toàn Khoa được gửi về phòng ĐT&HSSV, bảng kê khai giờ NCKH của từng GV; bảng tổng hợp của toàn Khoa được gửi về phòng KHCN&HTPT. Kết quả nghiệm thu của Hội đồng được thông báo công khai về các đơn vị và từng CBGV, đây cũng là căn cứ để thanh toán tiền vượt giờ cho GV và bình xét danh hiệu thi đua hằng năm **[H06.6.09], [H06.6.10]**. Các KH trên đều được thông báo trên mạng liên thông văn phòng nội bộ.

Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác thi đua khen thưởng được tổ chức bài bản, khách quan và công bằng. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh, Nhà trường ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHTB để ghi nhận công hiến, hiệu quả công việc của GV **[H06.6.11]**. Về đánh giá công việc hằng năm được thực hiện đánh giá kết quả công việc của GV vào cuối năm một cách công khai, minh bạch theo đúng các bước quy định: GV tự đánh giá; Khoa, phòng đánh giá góp ý cho từng cá nhân tại cuộc họp của các đơn vị **[H06.6.12], [H06.6.13], [H06.6.14], [H06.6.14]**. Hội đồng thi đua khen thưởng Trường hợp đánh giá và biểu quyết phân loại cho các tập thể, cá nhân **[H06.6.16]**, thông báo kết quả họp của hội đồng trên mạng văn phòng liên thông nội bộ và gửi trực tiếp đến các đơn vị. Toàn bộ kết quả đánh giá phân loại của CB, VC hằng năm, lưu trữ tại phòng TCCB, TT&KĐCL **[H06.6.17][H06.6.18]**. Kết quả đánh giá phân loại GV của khoa giai đoạn từ năm 2020 - 2024. Năm 2020, GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt tỷ lệ 27%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ 73%. Năm 2021, GV Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 33,33%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ 63,33%. Năm 2022, Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 35,13%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ 64,87%;. Năm 2023, Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 35,21%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ 64,79%. Năm 2024, Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 28,58%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ 74,42%.

Kết quả đánh giá GV là căn cứ quan trọng trong công tác thi đua khen thưởng, kỉ luật. Nội dung này được quy định tại Điều 8,9,10,11,12,13,14 tại chương II và chương III trong quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHTB và tại điều 10 của quy định đánh giá, phân loại công chức, VC và người lao động trong Trường ĐHTB. Dựa trên kết quả đánh giá tập thể, cá nhân của đơn vị, hội đồng thi đua khen thưởng tiến hành bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với từng tập thể và cá nhân của Trường **[H06.6.18]**.

Trong quy định đánh giá, phân loại công chức, VC và người lao động Trường ĐHTB

đã quy định kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ trong việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Kết quả đánh giá, phân loại là căn cứ quan trọng để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chính sách khác đối với công chức, VC và người lao động. Việc đánh giá, khen thưởng kịp thời, công khai, minh bạch đã khuyến khích tạo động lực cho GV trong Khoa phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kết quả hằng năm 100% GV trong Khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Một số GV đã được nâng lương trước thời hạn vì đã có thành tích tốt trong công tác giảng dạy và NCKH **[H06.6.19]**. Tính đến tháng 12/2024, chưa có bất kỳ trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá của Khoa và Nhà trường **[H06.6.20]**. Công tác thi đua khen thưởng đã góp phần khuyến khích, động viên GV tích cực tham gia các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Khoa đều xây dựng được kế hoạch năm học của đơn vị, phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi GV. Trên cơ sở đó có căn cứ để đánh giá, quản lý được việc thực hiện nhiệm vụ đối với GV và đề xuất thi đua khen thưởng. Nhà trường có hệ thống văn bản đánh giá thi đua khen thưởng rõ ràng, được công khai minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ GV nhận khen thưởng cấp cao còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025 – 2026, khoa Luật, CTH&QHQT phấn đấu 100% GV đều đạt các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Trong đó giao chỉ tiêu cho CBGV phấn đấu đạt khen thưởng cấp cao.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được quy định cụ thể trong Quyết định số 358/QĐ-ĐHTB ban hành ngày 18/5/2023 về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ **[H06.7.01]**. Các loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Điều 4) bao gồm: Chủ trì/tham gia các đề tài/dự án khoa học; Biên soạn sách chuyên khảo, giáo trình, tài liệu tham khảo; Công bố các ấn phẩm khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, tham luận tại các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước; Hướng dẫn và đánh giá kết quả NCKH của SV; Tham gia các hội đồng khoa học; Tham gia cuộc thi Sáng tạo KH-CN và Kỹ thuật tỉnh và các cuộc thi khác về KH-CN; Thâm nhập thực tiễn, phổ biến kiến thức, CGCN; Tài sản sở hữu trí tuệ; Biên soạn ngân hàng câu hỏi và bộ đề thi; Tham gia các hội đồng chấm luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; Tham gia phản biện các

ấn phẩm khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, tham dự các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước. Về số lượng NCKH: Nhà trường cũng quy định NCKH là nhiệm vụ bắt buộc của GV, nếu trong năm học, GV thiếu giờ chuẩn NCKH thì phải bù giờ chuẩn giảng dạy sang để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ NCKH của GV. GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ NCKH. Định mức giờ chuẩn NCKH đối với các chức danh GV được thể hiện rõ ở điều 7 trong quy định chế độ làm việc của GV năm 2023: giáo sư: 800 giờ, PGS 750 giờ, GV cao cấp 700 giờ, GV chính 650 giờ, GV 600 giờ, GV tập sự: 300 giờ **[H06.7.01]**. Tính theo giờ làm việc thì định mức giờ NCKH đối với GV chính: 650 giờ, GV: 600 giờ, GV tập sự 300 giờ. Các GV kiêm nhiệm lãnh đạo, quản lý tại các khoa giảng dạy phải thực hiện định mức NCKH theo tỉ lệ như tỉ lệ trong định mức giảng dạy. Các GV đảm nhận công tác tại các đơn vị khối quản lý và phục vụ không bị ràng buộc định mức giờ NCKH và Nhà trường khuyến khích các đối tượng này tham gia NCKH **[H06.7.01]**. Hằng năm, trường triển khai KH hoạt động KHCN của CBGV **[H06.7.02]**, thông báo đăng ký nhiệm vụ NCKH, viết bài đăng trên tập san của trường **[H06.7.03]**, **[H06.7.04]**. Các đơn vị triển khai cho CBGV đăng ký NCKH họp Hội đồng khoa học trường để xét duyệt và ban hành quyết định giao đề tài NCKH trong năm **[H06.7.05]**. Trong 5 năm qua tổng số lượt đề tài được giao gồm: 103 đề tài cấp Khoa, 55 đề tài cấp Trường **[H06.7.06]**, các đề tài đều được thực hiện đúng tiến độ theo kế hoạch, GV đều đủ và vượt định mức giờ NCKH **[H06.7.07]**.

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của CBGV được giám sát chặt chẽ theo phân cấp quản lý, được quy định tại Quyết định số 358/QĐ-ĐHTB ban hành năm 2023 quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN. Hệ thống giám sát hoạt động KHCN của GV bao gồm tất cả các đơn vị, đoàn thể của Nhà trường, trong đó, phòng KHCN&HTPT là đơn vị đầu mối chủ trì, tham mưu cho Nhà trường xây dựng hệ thống văn bản chi tiết về các loại hình và hoạt động NCKH bao gồm các quy định hướng dẫn về đề tài nghiên cứu, kinh phí hỗ trợ cho NCKH, tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành định mức NCKH thông qua các loại hình nghiên cứu mà GV đăng ký thực hiện trong năm học **[H06.7.01]**. Phòng KHCN&HTPT tham mưu Nhà trường xây dựng KH hoạt động NCKH là cơ sở để CBGV xác định nhiệm vụ và đề tài nghiên cứu **[H06.7.02]**. Để thực hiện triển khai các KH hoạt động NCKH: Căn cứ vào quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN, căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ **[H06.7.08]**, căn cứ vào thông báo đăng ký đề tài NCKH phòng KHCN&HTPT kết hợp với phòng KH Tài chính tiến hành lập dự thảo dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động KHCN hằng năm **[H06.7.09]**, **[H06.7.10]**. Phòng KHCN&HTPT tập hợp, tham mưu họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo xét duyệt các nhiệm vụ KH&CN **[H06.7.05]**. Hằng năm, Nhà trường thống kê KQ hoạt động NCKH của CBGV làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành

nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với CBGV đạt thành tích cao trong NCKH [H06.7.11]. Cơ sở dữ liệu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của CBGV được lưu giữ và cập nhật hằng năm tại phòng KHCN&HTPT. Danh sách sản phẩm khoa học được thông báo công khai đến từng đơn vị và CB, GV và được gửi qua mạng văn phòng của Nhà trường [H06.7.12]. Hằng năm, khi tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ năm học, Khoa đã rà soát kết quả NCKH của GV cũng như xây dựng phương hướng hoạt động NCKH cho năm học tiếp theo. Hoạt động NCKH của GV cấp khoa được giám sát và ĐBCL thông qua Hội đồng Khoa học cấp khoa từ đề xuất danh mục đề tài, thuyết minh đề tài/đề cương giáo trình, tài liệu tham khảo, đến nghiệm thu kết quả các sản phẩm khoa học. Kết thúc năm học, sản phẩm khoa học cấp khoa được lưu trữ tại Khoa. Trong 5 năm qua, loại hình và số lượng NCKH của GV của Khoa Luật, CTH&QHQT ngày càng đa dạng về số lượng và chất lượng: 09 đề tài cấp trường, 16 đề tài cấp khoa, 7 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và 7 bài báo quốc tế, 14 bài đăng tập san khoa học của Nhà trường. Trong năm học 2024-2025, hoạt động NCKH của khoa đạt được những bước tiến vượt trội: 1 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước; 2 nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh; 6 nhiệm vụ KHCN cấp trường; 9 bài đăng tạp chí khoa học trong và ngoài nước; 1 đầu sách đã xuất bản; 22 bài tham luận tại các Hội thảo trong nước và quốc tế; hướng dẫn 15 đề tài SV NCKH các cấp [H06.7.13]. Có thể thấy, nhờ chính sách hỗ trợ, khuyến khích kịp thời của Khoa và Nhà trường, số lượng các sản phẩm NCKH của GV Khoa có xu hướng tăng qua các năm. Việc biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo cũng được cải thiện, chất lượng các sản phẩm khoa học cũng có sự phát triển rõ rệt thể hiện qua sự gia tăng về các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành và các tập bài giảng cấp Khoa đã được nghiên cứu nâng cấp thành giáo trình nghiệm thu cấp trường. Nhiều sản phẩm khoa học của GV Khoa đã được hỗ trợ kinh phí thực hiện là một cơ sở quan trọng thúc đẩy GV tích cực trong hoạt động nghiên cứu và cải tiến chất lượng các sản phẩm khoa học. 100% GV trong khoa đều hoàn thành nhiệm vụ NCKH theo đăng ký đầu năm học. Các loại hình NCKH của khoa cũng đa dạng hơn về loại hình. Qua các năm số lượng đề tài NCKH cấp Khoa và cấp trường đều tăng về số lượng. Đặc biệt, Khoa thường xuyên tổ chức các hội thảo cấp bộ môn, cấp Khoa để thảo luận các nội dung chuyên môn. Tuy vậy, đề tài NCKH của Khoa còn hạn chế ở cấp cao hơn (cấp tỉnh, cấp quốc gia) so với các ngành khác.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định chi tiết về các loại hình và hoạt động NCKH. Khoa đã thực hiện được nhiều đề tài NCKH thuộc lĩnh vực chuyên ngành Luật. Số lượng và loại hình các sản phẩm khoa học của Khoa có sự phát triển và đa dạng hơn qua các năm. Có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Việc tổ chức theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ NCKH được diễn ra thường xuyên, kịp thời. Trường yêu cầu đánh giá kết quả NCKH thông qua bảng kê khai giờ NCKH, đây là một trong những chỉ số quan trọng nhất để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cũng như bình xét danh hiệu thi đua đối với mỗi cá nhân, VC, GV.

3. Điểm tồn tại

Bài báo khoa học của GV được đăng trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế và nhiều GV chưa tham gia chủ nhiệm các đề tài cấp cao hơn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026, khoa Luật, CTH&QHQT nghiên cứu đề nghị nhà trường có cơ chế chính sách khuyến khích GV viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế và tham gia các đề tài cấp cao hơn về lĩnh vực ngành Luật.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 6:

Thực hiện CLPT nguồn nhân lực của Trường ĐHTB, khoa Luật, CTH&QHQT luôn coi trọng công tác phát triển đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Những năm qua, Nhà trường đã ban hành các quy định, quy chế rõ ràng, chặt chẽ, công khai, minh bạch về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBGV, NV của Nhà trường. Việc quản trị theo kết quả công việc được thực hiện hiệu quả đã tạo động lực cho GV của Khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cũng như tích cực tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của CTĐT ngành Luật. Tuy nhiên, tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ còn thấp. Do đó, khoa cần có KH và giải pháp để thúc đẩy GV đi học nghiên cứu sinh cũng như tham gia các kỳ thi nâng ngạch GV. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT Luật bậc ĐH tự đánh giá tiêu chuẩn 6 có 5/7 tiêu chí đạt 5/7, 2/7 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ NV, cán bộ hỗ trợ cho một CSGD đóng vai trò rất quan trọng trong nhiều hoạt động của Trường, bao gồm đội ngũ NV làm việc tại các phòng, ban, trung tâm như: Phòng ĐT&HSSV, phòng KHCN&HTPT, phòng CSVC&TV, ...và NV hỗ trợ tại các khoa (giáo vụ khoa). Nhà trường rất quan tâm và chú trọng tới đội ngũ NV hỗ trợ cho khoa Luật, CTH&QHQT nói riêng và toàn Trường nói chung bằng cách hằng năm vẫn luôn qui hoạch nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển đều được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ NV đều được xác định và đánh giá rõ ràng. Bên cạnh đó, nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, phòng thực hành, cán bộ CNTT và các dịch vụ hỗ trợ tại Trường ĐHTB đã được thực hiện bài bản, có phân tích nhu cầu về đội ngũ nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH, PVCĐ. Điều này được thể hiện rõ trong CLPT Nhà trường các giai đoạn, với quy hoạch đội ngũ NV hỗ trợ phải đảm bảo về chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp, yêu nghề, gắn bó với Nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường. **[H07.1.01]**, đồng thời năm 2022, nhà trường ban hành quyết định về việc công bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục Trường ĐHTB **[H07.1.02]**. Nhà trường đã lên KH CLPT nhân sự cho từng giai đoạn. Khoa Luật, CTH&QHQT cũng đã triển khai, xây dựng KH cụ thể để thực hiện chiến lược của Nhà trường, trong đó nhấn mạnh trên cơ sở thực tế và nhu cầu phát triển của Nhà trường, khoa Luật, CTH&QHQT cần có KH đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ CBVC có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, có khả năng hoàn thành tốt công việc, đáp ứng mục tiêu phát triển của Khoa và Nhà trường **[H07.1.03]**. Đồng thời căn cứ vào quy định và hướng dẫn cụ thể của tỉnh về công tác quy hoạch CB, Trường ĐHTB xây dựng KH rà soát, bổ sung, quy hoạch các chức danh theo từng giai đoạn **[H07.1.04]**. Việc quy hoạch, sắp xếp NV tại các đơn vị của Nhà trường là hợp lý, phù hợp với đặc điểm công việc của các đơn vị.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn cấp trên, Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHTB **[H07.1.05]**, trên cơ sở đánh giá thực trạng số lượng VC, NLĐ; dự báo nhu cầu về đội ngũ NV, Nhà trường xây dựng đề án vị trí việc làm **[H07.1.06]**. Trong đó, xác định đúng, đủ, chính xác danh mục vị trí việc làm trong từng đơn vị; có bản mô tả công việc và khung năng lực cụ thể cho từng vị trí việc làm, làm căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng, quy hoạch đánh giá, bổ nhiệm đối với VC, NLĐ, nâng cao chất lượng đội ngũ **[H07.1.07]**. Mỗi vị trí được tuyển dụng đều được lưu hồ sơ lý lịch tại phòng TCCB, TT&KĐCL **[H07.1.08]**.

Nhà trường có các văn bản quy định về chính sách tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV. Có các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, như đối với chuyên viên là cán bộ hành chính phải có bằng ĐH trở lên, có trình độ ngoại ngữ (có chứng chỉ/chứng nhận bậc 2 theo khung năng lực 6 bậc), có chứng chỉ tin học theo TT03 **[H07.1.09]**, **[H07.1.10]**. Bên cạnh các tiêu chí về tuyển dụng, Nhà trường cũng có các chính sách thu hút, phát triển đội ngũ NV như trong quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm đã quy định mức phụ cấp ưu đãi đối với

CB, NV khối hành chính **[H07.1.11]**. Xây dựng các tiêu chí riêng đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của NV theo năm để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tăng lương **[H07.1.12]**. Đây là tiền đề thu hút các ứng viên tâm huyết tham gia vào tuyển dụng hằng năm của Nhà trường.

Tại các bộ phận hỗ trợ, phục vụ, trưởng các đơn vị có trách nhiệm xây dựng KH năm và KH dài hạn cho đội ngũ CB của đơn vị mình. Dựa vào khối lượng công việc đảm nhận và KH đào tạo cán bộ, độ tuổi nghỉ hưu, trưởng đơn vị sẽ xác định được nhu cầu về đội ngũ NV ở đơn vị mình, đề xuất bổ sung nhân sự. Phòng TCCB, TT&KĐCL sẽ tổng hợp báo cáo BGH xin chủ trương tuyển dụng hợp đồng lao động hoặc bổ sung nhân sự **[H07.1.13]**

Trong 5 năm qua, công tác quy hoạch đội ngũ NV tại các đơn vị được dựa trên các phân tích dự báo nhu cầu nhân lực trong các văn bản về CLPT; Đề án vị trí việc làm; trong định biên về nhân lực đội ngũ của Trường ĐHTB; Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng hoạt động năm học tiếp theo **[H07.1.01][H07.1.06][H07.1.14]**. Cho đến nay công tác quy hoạch phát triển đội ngũ NV được thực hiện bài bản.

Căn cứ nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, thông qua CLPT Trường từng giai đoạn, định hướng phát triển Trường trong các nhiệm kỳ Lãnh đạo, quản lý, Trường đã có sự phân tích nhu cầu nhân lực chuyên viên hỗ trợ để có thể thực hiện tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, chấm dứt hợp đồng, đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đủ về số lượng và đáp ứng về chất lượng. 100% NV làm việc tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác đều đáp ứng các tiêu chuẩn quy định về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoài các vị trí đặc thù như y tế, bảo vệ, lái xe, vệ sinh tạp vụ, chăm sóc cây xanh; điện nước, âm thanh ánh sáng....; NV làm việc tại các phòng, trung tâm có bằng ĐH trở lên phù hợp với vị trí việc làm.

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ NV, hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá CBVC, NLĐ về chất lượng môi trường làm việc, khảo sát SV về chất lượng môi trường học tập, trong đó có mức độ hài lòng về đội ngũ NV nhận được phản hồi tốt qua các cuộc khảo sát. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của GV và SV đối với sự hỗ trợ của đội ngũ NV là trên 80%. Qua đó khẳng định việc sắp xếp, quy hoạch đội ngũ NV của nhà trường là hợp lý, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD, đồng thời từ đó đưa ra những chính sách thích hợp nhằm nâng cao hơn nữa vai trò của đội ngũ NV đối với chất lượng môi trường làm việc của Nhà trường. Hồ sơ khảo sát được lập khá chi tiết và tương đối đầy đủ. **[H07.1.15]; [H07.1.16]; [H07.1.17];[H07.1.18]; [H07.1.19]**.

Tính đến ngày 30/6/2025 toàn trường có 85 NV làm việc tại văn phòng, các phòng chức năng, trung tâm và các khoa, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ hoạt động

đào tạo, NCKH và PVCĐ, trong đó tại khoa Luật, CTH&QHQT, đội ngũ NV hỗ trợ hoạt động đào tạo có 02 NV đảm nhận công tác Giáo vụ khoa, làm việc trong giờ hành chính theo quy định của Nhà nước, phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phòng ban. Với các văn bản ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường, đội ngũ NV luôn đáp ứng tốt nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, và các hoạt động PVCĐ. [H07.1.20], [H07.1.21].

Tóm lại việc quy hoạch sắp xếp NV tại các đơn vị khá phù hợp với đặc điểm, yêu cầu công việc tại các đơn vị, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ chung cho tất cả các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của khoa và nhà Trường. Với đội ngũ NV đó Nhà trường có đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Tuy nhiên, khả năng ngoại ngữ của NV chưa cao, chưa đồng đều nên đôi khi còn hạn chế trong một số công việc và giao tiếp.

Bảng 07.1.01. Bảng thống kê số lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ NV
Trường ĐHTB (Số liệu tính đến ngày 30/06/2025)

STT	Chuyên viên/NV hỗ trợ	Số lượng	Trình độ chuyên môn					
			Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Khác
1	Chuyên viên/NV hỗ trợ của Văn phòng	14	1	0	7	1	0	5
2	Chuyên viên/NV hỗ trợ của các phòng/trung tâm chức năng	58	5	3	33	8	0	9
3	Chuyên viên/trợ lý khoa hỗ trợ tại các khoa.	13	0	0	11	1	0	1
	Tổng	85	6	3	51	10	0	15

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ NV tại các đơn vị có trình độ đáp ứng nhu cầu, có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp, hỗ trợ đủ về số lượng, chất lượng, đáp ứng tốt các yêu cầu về đào tạo và nghiên cứu, tận tình hỗ trợ SV học tập, NCKH, rèn luyện và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn tốt, tuy nhiên khả năng ngoại ngữ của đội ngũ NV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa số lượng và chất lượng đội ngũ NV: Tăng tỉ lệ đội ngũ NV viên có tính chuyên nghiệp cao, hỗ trợ kinh phí thi chứng chỉ ngoại ngữ cho NV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, Điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Đề ĐBCL của đội ngũ NV, Nhà trường, Khoa, các bộ phận liên quan đã rất chú trọng đến công tác tuyển dụng và tuyển chọn. Trường ĐHTB đã xây dựng các quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được quy định ở đề án vị trí việc làm **[H07.2.01]**, đồng thời cũng được thể hiện trong Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường **[H07.2.02]**. Trong đó, đã cụ thể hóa các tiêu chí về tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị, độ tuổi, sức khỏe,... đồng thời phù hợp với vai trò chức năng của từng vị trí được thể hiện qua bản mô tả công việc của NV **[H07.2.03]** và đề án vị trí việc làm của nhà Trường **[H07.2.01]**. Ngoài ra, căn cứ vào yêu cầu thực tế tại các đơn vị khi cần bổ sung nhân sự, trong các kế hoạch, thông báo tuyển dụng hằng năm của Nhà trường cũng thể hiện rõ các tiêu chí tuyển dụng **[H07.2.04]; [H07.2.05]**.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV tại Trường ĐHTB được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ, gồm GV, NV, CB quản lý về các tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển NV. Hầu hết các văn bản của Nhà trường về tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển NV trước khi ban hành đều được lấy ý kiến của các đơn vị thông qua các cuộc họp và thông qua phiếu khảo sát CBVC về Môi trường làm việc **[H07.2.06], [H07.2.07]**. Các bước tuyển dụng của nhà Trường được thực hiện một cách bài bản, công khai, minh bạch, tuân thủ đúng quy định, xuất phát từ nhu cầu thực tế các đơn vị lập tờ trình yêu cầu bổ sung nhân sự cho đơn vị mình **[H07.2.08]**. Căn cứ vào tờ trình của các đơn vị phòng TCCB, TT&KĐCL tổng hợp báo cáo BGH **[H07.2.09]**. Sau đó việc tuyển dụng nhân sự được nhà trường lập kế hoạch, thông báo công khai đến các đơn vị phòng khoa và phương tiện thông tin đại chúng cũng như công khai trên trang web của nhà trường **[H07.2.05]**. Tiếp theo BGH tổ chức họp và ban hành quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng nhân sự và Ban rà soát hồ sơ **[H07.2.10]**. Ban rà soát hồ sơ có trách nhiệm rà soát hồ sơ dự tuyển, lập biên bản họp tiểu ban rà soát hồ sơ tuyển dụng theo từng đợt **[H07.2.11]**. Các vị trí trúng tuyển sẽ được thông báo công khai **[H07.2.12]** và hoàn thiện hợp đồng lao động cho từng vị trí trúng tuyển **[H07.2.13]**. Đối với các đơn vị, bộ phận có NV cần tiêu chuẩn riêng, đặc thù về kỹ năng, nghề nghiệp, đều chủ động lập bản đăng ký đề xuất nhu cầu mô tả vị trí việc làm gửi về Trường. Cho đến nay tất cả các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại để hỗ trợ và phục vụ cho Nhà trường đều được quy định rõ ràng và được xác định dựa trên khung năng lực vị trí việc làm của Nhà trường và khảo sát nhu cầu của các đơn vị hằng năm đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

Đồng thời, tất cả các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV tại trường ĐHTB đều được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức, trong đó bao gồm việc công khai trên website của nhà trường. **[H07.2.14]**. Tùy thuộc theo từng vị trí, khoa và Nhà trường luôn tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Trong các Kế hoạch, thông báo tuyển dụng các tiêu chí tuyển dụng đều được xác định một cách rõ ràng **[H07.2.04]; [H07.2.05]** như: Người đủ 18 tuổi trở lên, có quốc tịch Việt Nam, có hồ sơ dự tuyển, lý lịch rõ ràng, có đủ sức khỏe để thực hiện công việc và đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của mỗi vị trí nhất định, có đầy đủ văn bằng, chứng chỉ đào tạo theo tiêu chuẩn vị trí việc làm: Có bằng TN ĐH trở lên đối với vị trí làm việc tại các đơn vị hành chính, có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2 (khung ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT) hoặc tương đương, có chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014. Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV đều được lưu trữ tại phòng TCCB, TT&KĐCL **[H07.2.15], [H07.2.16]**.

Tóm lại, các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV rõ ràng, đúng quy trình, và được công khai bằng nhiều hình thức. Tiêu chí tuyển dụng được thể hiện rõ trong thông báo tuyển dụng, tuy nhiên việc triển khai thông báo tuyển dụng hiện nay còn tập trung vào một số kênh truyền thống, thiếu sự đa dạng và đổi mới trong phương thức truyền thông, làm giảm khả năng tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao.

Bảng 07.2.01. Bảng thống kê số lượng NV được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động
Giai đoạn 2020 – 2024

STT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng
1	Tuyển dụng	8	3	9	7	26	53
2	Điều động	12	15	12	4	30	73
3	Bổ nhiệm	13	12	8	2	17	52
4	Bổ nhiệm lại	9	5	4	0	1	19

2. Điểm mạnh:

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích ý kiến của các bên liên quan, đồng thời được phổ biến và công khai bằng nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại:

Việc triển khai thông báo tuyển dụng hiện nay còn tập trung vào một số kênh truyền thống, thiếu sự đa dạng và đổi mới trong phương thức truyền thông, làm giảm khả năng tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao.

4. Kế hoạch hành động:

Đề nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút nhân sự, từ năm học 2025-2026, Nhà trường cần đổi mới và ứng dụng các phương thức thông báo tuyển dụng hiện đại, phù hợp với xu hướng truyền thông số, từ đó tiếp cận hiệu quả hơn với nguồn nhân lực chất lượng cao.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV. Điều đó được thể hiện chi tiết trong KH đánh giá và xếp loại VC, NLĐ của nhà trường. Hằng năm căn cứ vào hướng dẫn đánh giá, xếp loại VC của cấp trên, Trường ĐHTB xây dựng KH đánh giá xếp loại VC, NLĐ, trong đó thể hiện rõ quy trình đánh giá gồm 5 bước: Bước 1, VC, NLĐ tự đánh giá, xếp loại chất lượng; bước 2, các đơn vị thực hiện nhận xét, đánh giá NLĐ; bước 3, trường các đơn vị xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng VC; bước 4, các đơn vị tổng hợp hồ sơ đánh giá xếp loại chất lượng VC, NLĐ thuộc đơn vị mình gửi về phòng TCCB, TT&KĐCL để báo cáo hội đồng nhà trường; bước 5, Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng nhà trường họp, thông qua kết quả đánh giá, xếp loại VC các đơn vị. Đồng thời trong KH đánh giá xếp loại VC cũng chỉ rõ các tiêu chí đánh năng lực đội ngũ NV của nhà trường bao gồm 5 tiêu chí chung: Về chính trị tư tưởng, về đạo đức lối sống, về tác phong lề lối làm việc, về tổ chức ý thức kỷ luật và về kết quả thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ được giao **[H07.3.01]**.

Các NV được trường đơn vị phân công công việc dựa trên cơ sở kinh nghiệm thực tế và năng lực chuyên môn của mỗi NV đã trải qua hoặc đã được đào tạo. Khung cấp độ xác định yêu cầu về nhóm năng lực đối với vị trí việc làm của Nhà trường được thể hiện trên đề án vị trí việc làm **[H07.3.02]**.

Hằng năm, Nhà trường thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các BLQ. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các cấp khác nhau như: Bình xét thi đua hằng năm của đơn vị, thông qua hội đồng thi đua cấp đơn vị, cấp trường, qua các đại hội CBVC hằng năm để đánh giá thi đua và thông qua khảo sát lấy ý kiến của các BLQ. Cuối mỗi năm, căn cứ vào hướng dẫn đánh giá, xếp loại của Sở nội vụ, Nhà trường ban hành, triển khai KH đánh giá xếp loại VC, NLĐ **[H07.3.01]**, căn cứ vào KH đánh giá, các đơn vị triển khai đánh giá NV về năng lực chuyên môn nghiệp vụ và gửi kết quả về nhà trường **[H07.3.03]**, **[H07.3.04]**. Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng VC, NLĐ được đưa ra sau khi họp Hội đồng xếp loại VC. **[H07.3.05]**; **[H07.3.06]**. Để từ đó có sự khen thưởng, động viên và ghi nhận kịp thời đối với những cá nhân có nhiều đóng góp cho đơn vị. Đảng ủy, Công đoàn tiến hành tổng kết những kết quả đạt được, tuyên dương khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân đạt danh hiệu

chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến, gương mặt trẻ tiêu biểu và được nâng lương trước thời hạn [H07.3.07], [H07.3.08] [H07.3.09], [H07.3.10].

Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV Trường ĐHTB hàng năm đều được đánh giá là tốt, được thể hiện thông qua kết quả đánh giá phân loại VC, kết quả đánh giá hàng năm 100% NV toàn trường đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Trong đó, trên 90% đạt mức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tuy nhiên tỷ lệ NV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là chưa cao. [H07.3.06]

Bảng 07.3.01. Bảng thống kê kết quả đánh giá chất lượng đội ngũ NV
Giai đoạn 2020 – 2024

STT	Xếp loại	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		SL	TL	SL	TL	S L	TL	SL	TL	SL	TL
1	HT xuất sắc nhiệm vụ	15	18,8%	19	24,4%	17	20,7 %	13	15,9%	6	6,6%
2	HT Tốt nhiệm vụ	64	80,0%	59	75,6%	62	75,6 %	62	75,6%	71	78,0 %
3	HT nhiệm vụ	0	0,0%	0	0,0%	2	2,4%	1	1,2%	2	2,2%
4	Không HT nhiệm vụ	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
5	Không xếp loại	1	1,3%	0	0,0%	1	1,2%	6	7,3%	12	13,2 %
Tổng		80	100%	78	100%	82	100%	82	100%	91	100%

Đối với NV đảm nhận vị trí Giáo vụ khoa tại khoa Luật, CTH&QHQT trong giai đoạn kiểm định đều đạt mức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Qua khảo sát ý kiến đánh giá của CB, GV, SV về năng lực phục vụ của đội ngũ NV tại Trường ĐHTB được đánh giá là tốt [H07.3.11], [H07.3.12], [H07.3.13]. Hàng năm nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá CBVC, NLD về chất lượng môi trường làm việc, khảo sát SV về chất lượng môi trường học tập, trong đó có mức độ hài lòng về đội ngũ NV nhận được phản hồi tốt qua các cuộc khảo sát. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của GV và SV đối với sự hỗ trợ của đội ngũ NV là trên 80%. Căn cứ kết quả khảo sát giúp nhà trường thu thập được ý kiến đánh giá của các BLQ đặc biệt là từ SV và GV, từ đó thực hiện việc cải tiến hoạt động của một số bộ phận, phòng ban chức năng cho phù hợp.

2. Điểm mạnh:

Trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV, năng lực của đội ngũ NV làm việc tại các khoa, phòng, trung tâm đều đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại:

Tỷ lệ NV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường có cơ chế chính sách khuyến khích CBNV đảm bảo đủ tiêu chí để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả:

Trường ĐHTB rất chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Trong chiến lược và KH thực hiện CLPT Trường ĐHTB giai đoạn 2018-2021, tầm nhìn 2030 và CLPT Trường giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045 đã xác định tập trung đầu tư cho lĩnh vực con người, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong đó có đội ngũ NV **[H07.4.01]**. Áp dụng theo quy định hiện hành, nhà trường đã triển khai đánh giá nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV phục vụ hàng năm. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV ngành Luật được thể hiện lồng ghép trong kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chung cho tất cả các CB, GV, NV trong toàn Trường.

Căn cứ vào báo cáo kết quả quá trình khảo sát lấy ý kiến đánh giá của CB, GV, NV, SV về hoạt động ĐBCL tại Trường, về môi trường làm việc, ... để BGH trường có thể nắm được chất lượng phục vụ đào tạo từ CBNV, từ đó đã triển khai đánh giá nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV phục vụ hàng năm cho hoạt động hỗ trợ NH, PVCD **[H07.4.02]**, **[H07.4.03]**.

Phòng TCCB, TT&KĐCL chủ động xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong toàn trường thông qua rà soát hồ sơ hoặc tổ chức khảo sát trực tiếp nhu cầu NV ở các đơn vị, trong chu kỳ kiểm định nhà trường đã thực hiện khảo sát cán bộ hành chính về CSVC trong đó có nội dung liên quan về nhu cầu bồi dưỡng và nâng cao trình độ của NV giai đoạn năm 2020 – 2024 **[H07.4.04]**, kết quả khảo sát được tổng hợp và lưu trữ tại phòng TCCB, TT&KĐCL. Sau đó, phòng TCCB, TT&KĐCL ra thông báo đăng ký gửi các đơn vị về học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ **[H07.4.05]** và tổng hợp nhu cầu, dự thảo KH đào tạo, bồi dưỡng VC và trình lãnh đạo Nhà trường phê duyệt và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng CBGV, NV. Lãnh đạo các đơn vị căn cứ vào CLPT của Nhà trường và nhu cầu thực tế của đơn vị mình, tự rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV hỗ trợ, làm đề xuất gửi phòng TCCB, TT&KĐCL. Phòng TCCB, TT&KĐCL rà soát và lập danh sách trình BGH phê duyệt. BGH sẽ căn cứ vào chỉ tiêu hàng năm của sở nội vụ phân bổ và ưu tiên các cán bộ trong quy hoạch để cử đi đào tạo, bồi dưỡng trước **[H07.4.06]**

Ngoài các điều kiện chung theo quy định của Nhà nước thì CB, NV của Trường khi được cử đi đào tạo sau ĐH phải đảm bảo các điều kiện về độ tuổi (không quá 45 tuổi đối với nữ, 50 tuổi đối với nam tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau ĐH), chuyên ngành đăng ký đi đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, cam kết thực hiện nhiệm vụ sau khi hoàn thành CTĐT (trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo, kể cả thời gian kéo dài). Việc đào tạo, bồi dưỡng còn xuất phát từ nhu cầu từng cá nhân và nhu cầu của các phòng ban chức năng liên quan theo lĩnh vực, đề xuất theo chuyên môn, chuyên ngành. Trên cơ sở thông báo, các đơn vị đề xuất nhu cầu học tập bồi dưỡng của đội ngũ NV trong đơn vị gửi về Phòng TCCB, TT&KĐCL tổng hợp, đề nghị Nhà trường mở lớp hoặc cử đi học...các quyết định, biên bản cử đi học đều được lưu trữ tại phòng TCCB, TT&KĐCL **[H07.4.06], [H07.4.07], [H07.4.08]**.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng KH đào tạo, thông báo về đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho NV phù hợp với mục tiêu về phát triển nguồn nhân lực của CLPT và KH thực hiện CLPT Trường ĐHTB giai đoạn 2020 - 2024, tầm nhìn đến năm 2030; rà soát, điều chỉnh giai đoạn 2018 - 2021, tầm nhìn đến năm 2030 **[H07.4.01]**. Kế hoạch, thông báo được gửi tới các đơn vị để triển khai thực hiện cử CBNV đi đào tạo bồi dưỡng **[H07.4.05]**.

Căn cứ vào điều kiện, nhu cầu thực tế, Nhà trường triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV.

Bên cạnh bồi dưỡng chung của Trường, NV của các phòng chức năng còn tham gia các khóa đào tạo chuyên môn phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị. Trường cử CBNV đi đào tạo, bồi dưỡng: Tiến sĩ, thạc sĩ; lý luận chính trị, quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, lãnh đạo cấp phòng; cử CBNV dự các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức các hội thảo, semina để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm phòng TCCB, TT&KĐCL và phòng KHTC hướng dẫn các thủ tục đăng kí đi học, giải quyết các chế độ đối với các NV và trình Hiệu trưởng phê duyệt **[H07.4.08]**.

Danh sách cán bộ NV tham gia đào tạo, bồi dưỡng, văn bản cử đi đào tạo, bồi dưỡng, bản sao văn bằng chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng được lưu trữ đầy đủ tại Phòng TCCB, TT&KĐCL sau mỗi khóa đào tạo **[H07.4.06], [H07.4.07]; [H07.4.08]**.

Các khóa học đào tạo bổ sung đã đáp ứng nhu cầu cải thiện năng lực và hiệu suất công việc của NV. Các NV tham gia các khóa học đã đáp ứng được các yêu cầu của khóa học. Nhằm hoàn thiện cơ cấu nguồn nhân lực, nâng cao số lượng và chất lượng chuyên môn của đội ngũ NV, chuyên viên theo hướng chuẩn hóa, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, năng động, sáng tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường ĐHTB theo định hướng.

Kết quả trong chu kỳ KĐCLGD số lượng cử đi đào tạo bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn là 503 lượt tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, tập huấn và hội thảo khoa học nhằm mục đích trang bị những thông tin về chủ trương, chính sách và các yêu cầu của công tác ĐBCL và KĐCL, tầm quan trọng của công tác ĐBCL tại CSGD, các nguyên tắc áp dụng trong bộ tiêu chuẩn mới. Công tác tập huấn được thực hiện đa dạng hình thức để nâng cao khả năng nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ.

Đối với học tập dài hạn, Nhà trường đã cử NV đi học thạc sĩ và NV đi học tiến sĩ Kinh phí phục vụ cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV phát triển chuyên môn cho CB NV trong toàn trường được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường [H07.4.09 (1)]. Dựa trên quy chế chi tiêu nội bộ, hằng năm Nhà trường dành kinh phí nhằm phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ [H07.4.09 (2)].

Bảng 07.4.01. Bảng thống kê số lượng NV được cử đi đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn giai đoạn 2020 – 2024

NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG					
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng
NCS	0	0	2	2	5	9
Thạc sĩ	1	3	0	0	0	4
Đại học	0	0	0	0	0	0
Cao cấp lý luận chính trị	2	3	0	0	1	6
Trung cấp lý luận chính trị	0	3	4	4	5	16
Ngắn hạn	2	3	248	215	0	468
Tổng cộng	5	12	254	221	11	503

2. Điểm mạnh

Hằng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Các tiêu chí xác định lựa chọn đi học tập, bồi dưỡng được quy định rõ ràng, cụ thể trong quy định của Trường.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động bồi dưỡng chưa bao phủ hết nhu cầu của nhóm các vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025 - 2026, Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị tìm hiểu, lập KH bổ sung các khóa bồi dưỡng để đảm bảo bao phủ hết nhu cầu của nhóm các vị trí việc làm, đồng thời khuyến khích NV tham gia các hội thảo, các chương trình học tập trao đổi kinh nghiệm thực tiễn từ các đơn vị ngoài trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả:

Trường ĐHTB có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ NV đóng vai trò rất quan trọng đối với chất lượng đào tạo và sự phát triển của Nhà trường. Vì vậy việc quản trị theo kết quả công việc của NV trong Trường ĐHTB là một công tác quan trọng, bắt buộc phải thực hiện thường xuyên, liên tục, là căn cứ để hình thành hệ thống chế độ, chính sách trong bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, áp dụng hình thức khen thưởng phù hợp nhằm thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD và luôn được Nhà trường quan tâm, đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định, kịp thời và được rà soát hàng năm.

Trong lộ trình tiến tới tự chủ ĐH theo lộ trình của Chính phủ, Trường ĐHTB đang từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống đánh giá kết quả và chất lượng công việc trong đó quy định rất rõ về quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường và đặc biệt là quy định về chế độ làm việc của GV, CB, VC, NLD khối hành chính khối lượng, công việc cụ thể đối với NV trong bản mô tả công việc của NV **[H07.5.01]**, Bên cạnh đó, nhà trường đưa ra những Quyết định mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm; Đề án vị trí việc làm trong đó có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV **[H07.5.02]**, **[H07.5.03]**. Đối với NV hành chính nhà trường yêu cầu làm việc 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần; đối với NV bảo vệ làm theo ca, NV lái xe làm theo lịch điều động của nhà trường. **[H07.5.04]**. Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

Trường thành lập tổ kiểm tra để theo dõi giám sát giờ làm việc của đội ngũ NV **[H07.5.05]**, NV vi phạm sẽ được thống kê và báo cáo theo tháng, theo học kỳ và năm học để làm căn cứ xét thi đua khen thưởng **[H07.5.06]**. Đây cũng là cách giám sát và đôn đốc NV thực hiện nghiêm túc, chất lượng và đúng tiến độ các nội dung được giao và đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tất cả các báo cáo này đều được công khai và gửi tới từng đơn vị, từ đó CBNV trong toàn trường rút kinh nghiệm trong công việc của mình và phát huy tích cực hơn nữa. Bên cạnh đó căn cứ vào bản KH công tác năm của các đơn vị, trường các đơn vị có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành của NV; Nhà trường theo dõi giám sát, đánh giá hiệu quả của NV làm căn cứ đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân và đề nghị nhà trường khen thưởng phù

hợp với quy chế hoạt động và quy chế thi đua khen thưởng của nhà trường **[H07.5.07]** **[H07.5.08]**. **[H07.5.09]**.

Căn cứ vào kế hoạch năm học của đơn vị **[H07.5.10]**, NV xây dựng KH năm học của cá nhân **[H07.5.11]**, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, ... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCD. Các hoạt động này phối hợp và bổ sung lẫn nhau giúp Nhà trường đánh giá hiệu quả công việc một cách tổng thể, bao quát được hầu hết các vấn đề của CBNV trong năm từ đó thấy rõ được nhiệm vụ, mục tiêu quản lý trong năm tiếp theo. Hàng năm cuối mỗi năm học, căn cứ các Quy định về công tác thi đua, khen thưởng; các văn bản hướng dẫn, triển khai việc bình xét các danh hiệu thi, khen thưởng của Nhà trường, mỗi NV thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, sau đó các đơn vị tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với từng VC; thống nhất kết quả đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng đối với từng cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao **[H07.5.12]**; **[H07.5.13]**. Phòng TCCB, TT&KĐCL sẽ tổng hợp kết quả của các đơn vị gửi đến, trình BGH để thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng VC, NLĐ **[H07.5.14]**, **[H07.5.15]**. Kết quả này được Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Trường thông qua **[H07.5.16]**, **[H07.5.17]**, **[H07.5.18]**. Ngoài việc công nhận và khen thưởng, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với các NV đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ NV phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. **[H07.5.19]** **[H07.5.20]** Bên cạnh đấy, Nhà trường căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ, có các chế độ khen thưởng phù hợp dành cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc, được thể hiện rõ trong bảng tổng hợp kinh phí khen thưởng. **[H07.5.21]** **[H07.5.22]**.

Hàng năm, các đơn vị trong Trường đều có hai lần thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành công việc của từng NV vào cuối năm học và cuối năm tài chính. Kết quả đánh giá, phân loại, bình xét CBVC hằng năm được gửi về hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường để xét duyệt **[H07.5.17]**. Để thuận tiện cho Nhà trường kiểm soát được tiến độ và chất lượng công việc do NV thực hiện thì mỗi NV sẽ phải cập nhật báo cáo tiến độ công việc trong Phiếu đánh giá và phân loại VC mỗi năm học và cuối năm tài chính **[H07.5.13]** nhằm tiết kiệm thời gian và có cái nhìn bao quát về năng lực cũng như tình trạng làm việc của NV. Từ đó, đưa ra những phương hướng cải thiện, nâng cao hiệu suất và chất lượng công việc một cách tốt nhất, rõ ràng nhất.

CBNV trong Trường hàng năm đều được tham gia vào việc đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các văn bản về tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV cho bản dự thảo quy định do phòng chức năng soạn thảo dựa trên các văn bản quy định của cấp trên hoặc tiếp thu ý kiến của các CBVC về quy chế chi tiêu nội bộ, công

tác thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn trong quá trình thực hiện thông qua các hội nghị CB, công chức, VC hàng năm hoặc các kiến nghị từ Công đoàn/Ban Thanh tra Nhân dân **[H07.5.15], [H07.5.16] [H07.5.23] [H07.5.24]**.

NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của nhà trường và các cấp có thẩm quyền. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết NV trong Trường đều hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc bình xét thi đua khen thưởng đều được đánh giá công khai, minh bạch. **[H07.5.24]** Theo kết quả khảo sát hàng năm, tỷ lệ NV hài lòng về kết quả công việc được ghi nhận, đánh giá và khen thưởng luôn đạt tỷ lệ hài lòng từ trên 80%.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống theo dõi giám sát chặt chẽ để đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc.

3. Điểm tồn tại:

Một số NV có trình độ lao động cơ bản chưa xây dựng KH cá nhân hàng năm.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2025 – 2026, văn phòng tham mưu xây dựng mẫu KH cá nhân hàng năm dành riêng cho NV có trình độ lao động cơ bản.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 7

Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường đã có chính sách ưu tiên tuyển dụng đội ngũ NV có chất lượng cao đồng thời các tiêu chí tuyển dụng NV được Hội đồng tuyển dụng VC điều chỉnh hàng năm căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị, phòng ban phù hợp với định hướng phát triển của Trường. Hoạt động đào tạo ngắn hạn của đội ngũ NV, chuyên viên trong Trường trong giai đoạn kiểm định vừa qua đã đạt được KH đề ra. Tuy nhiên, vẫn còn một số NV tham gia hoạt động đào tạo bồi dưỡng chưa bao phủ hết nhu cầu của nhóm các vị trí việc làm và một tỷ lệ nhỏ NV chưa thực sự tích cực tham gia vào quá trình đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản quy định các tiêu chí, quy trình đánh giá năng lực của NV.

Tự đánh giá 05 tiêu chí của tiêu chuẩn 7 có cả 5/5 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Nhằm hỗ trợ NH phát huy được năng lực, sở trường, nhà trường đã có những chính sách, quy trình, quy định hoạt động cụ thể. Đó là, hàng năm nhà trường đã xây dựng chính sách TS trong đó xác định rõ đối tượng, hình thức TS, vùng TS, đối tượng ưu tiên, các tiêu chí TS cho từng ngành, trình độ học và từng đối tượng NH,... Chính sách TS của trường được công bố công khai trên Website, Fanpage... của trường/khoa thể hiện qua đề án TS, thông báo TS, tờ rơi... Chính sách TS của trường hàng năm đều được xem

xét, đánh giá, điều chỉnh theo đúng quy chế TS của Bộ GDĐT, tình hình thực tế về điều kiện đội ngũ GV, CSVC của Nhà trường. Từ đó tuyển chọn được NH phù hợp theo đúng chỉ tiêu đề ra.

Khi NH nhập học, nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp nhằm mang lại sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH. Đó là, bố trí các lớp danh nghĩa, theo ngành đào tạo, các lớp HP đảm bảo sự linh hoạt trong đào tạo; các hoạt động hỗ trợ từ các phòng chức năng: phòng ĐT&HSSV, phòng KHCN&HTPT, khoa Luật, CTH&QHQT, Đoàn thanh niên thường xuyên tư vấn, tổ chức các hoạt động học tập, NCKH, các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp NH hình thành các kỹ năng cần thiết, cải thiện khả năng học tập, tạo môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan môi trường thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho NH.

Đặc biệt có sự cố vấn của đội ngũ CVHT cho các lớp danh nghĩa hỗ trợ hiệu quả cho NH trong suốt quá trình học tập tại trường. Với sự quản lý bằng hệ thống phần mềm trong đào tạo, hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH của trường nói chung và NH ngành Luật nói riêng được thực hiện kịp thời, thường xuyên giúp cải thiện việc học tập, tăng khả năng có việc làm sau khi TN của NH.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả:

Chính sách TS của nhà trường được xây dựng và ban hành rõ ràng, đúng quy định và được cập nhật hàng năm. Trong KHTS có quy định về đối tượng, ngành, chỉ tiêu TS; vùng TS, phương thức TS, thời gian xét tuyển **[H08.1.01]**. Để triển khai KHTS, hàng năm Nhà trường thành lập Hội đồng TS **[H08.1.02]** trong đó phòng TCCB, TTKĐCL là đơn vị tham mưu xây dựng nội dung của kế hoạch, đề xuất thành viên của hội đồng. Hội đồng TS thực hiện quyền hạn và trách nhiệm theo Thông tư ban hành quy chế TS của Bộ GDĐT và của Trường ĐHTB. Căn cứ vào Quy chế TS của Bộ GDĐT **[H08.1.03]**; căn cứ vào nhu cầu xã hội **[H08.1.04]** và điều kiện thực tế của nhà trường, Hội đồng TS xây dựng Đề án TS **[H08.1.05]**. Đề án TS hàng năm của Trường ĐHTB quy định rõ thông tin danh mục ngành được phép đào tạo, đối tượng TS, phương thức xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, phạm vi TS, chỉ tiêu TS, ngưỡng ĐBCL đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, thời gian TS, quy định tuyển thẳng, các chính sách ưu tiên trong TS đối với từng đối tượng, cho từng ngành đào tạo và được cập nhật hàng năm. Trong các năm 2023, 2024 nhà trường sử dụng các gói học bổng “Thí sinh tiên phong”, “Thí sinh nhập học sớm”, “Thí sinh có kết quả xuất sắc ở bậc trung học phổ thông” trúng tuyển và nhập học tại trường: 100 suất học bổng toàn phần mỗi suất trị giá 50 triệu đồng do DN tài trợ cho thí sinh đạt 1 trong các điều kiện: học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố đạt

giải 3 trở lên, Chứng chỉ Tiếng Anh IELTS...100 suất học bổng bán phần, mỗi suất 25 triệu đồng. Các thông tin này được đăng trên website của Nhà trường **[H08.1.06]**.

Chính sách và quy định TS hàng năm của nhà trường được công bố công khai. Đề án TS đã được gửi báo cáo công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, chính sách TS được cụ thể trên các tài liệu tờ rơi, ấn phẩm phục vụ công tác truyền thông TS: <https://tuyensinh.tbu.edu.vn/chuyen-muc-tin-tuc/tuyen-sinh-2.html>. Dựa vào KH TS phòng ĐT&HSSV xây dựng và triển khai thông báo TS **[H08.1.07]** và thiết kế tờ rơi TS **[H08.1.08]**. Các thông tin TS của Nhà trường trong đó có ngành Luật đều được công bố trên Website và Fanpage của trường **[H08.1.06]**, **[H08.1.09]**. Khoa Luật, CTH&QHQT cũng chủ động truyền tải thông tin TS của trường, của Khoa và của ngành Luật trên Fanpage của Khoa và Đoàn thanh niên **[H08.1.09]** **[H08.1.10]**. Từ năm 2024, thông tin TS của Nhà trường còn được đăng tải trên báo Điện tử Giáodục.net.vn **[H08.1.11]**. Ngoài việc truyền thông, quảng bá về công tác TS qua Website, Fanpage, báo điện tử, Nhà trường còn thành lập các nhóm TS với nhiệm vụ tư vấn trực tiếp tại các trường trung học phổ thông, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên đối tượng trực tiếp là các bạn học sinh lớp 12. Cùng với đó Nhà trường còn tổ chức chương trình tư vấn TS hướng nghiệp tại các trường trung học phổ thông, trang Fanpage của trường có đăng bài, ghi nhận hình ảnh các buổi tư vấn TS hướng nghiệp tại các trường trung học phổ thông **[H08.1.12]**. Qua đó phụ huynh và thí sinh có thể tìm hiểu và được tư vấn đầy đủ các thông tin về công tác TS của Nhà trường như: đối tượng, phạm vi, phương thức, chỉ tiêu TS, chính sách ưu tiên, các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của trường.

Chính sách TS của nhà trường có sự góp ý của các BLQ và được cập nhật hàng năm. Để xây dựng chính sách TS phù hợp, hội đồng TS Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến của lãnh đạo các khoa, phòng thông qua các cuộc họp về nội dung TS **[H08.1.13]**; Tuy nhiên việc lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về chính sách TS còn chưa rộng rãi. Chính sách TS của Nhà trường trong đó có ngành Luật được điều chỉnh, cập nhật hàng năm dựa trên cơ sở những thay đổi của Quy chế thi TS ĐH, Cao đẳng của Bộ GDĐT. Kết quả công tác TS qua các năm được thể hiện trong các quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển hàng năm **[H08.1.14]**; Sau khi kết thúc công tác TS theo quy định, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác TS để đánh giá, rút kinh nghiệm, xây dựng KH và điều chỉnh chính sách TS hàng năm cho phù hợp như: quy định vùng TS trong cả nước; đổi mới, bổ sung các phương thức TS từ 04 phương thức năm 2019-2021 và 03 phương thức năm 2022, 04 phương thức năm 2023-2024 **[H08.1.15]**; miễn 100% tiền ở ký túc xá cho NH tại năm đầu tiên ngay sau khi nhập học; chính sách khuyến khích học bổng đầu vào cho NH có điểm trúng tuyển cao.

Với chính sách TS được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật; trong giai đoạn 2020-2024, số lượng NH trúng tuyển nhập học ngành Luật thay đổi hàng năm; kết quả TS ngành Luật trong giai đoạn này của Trường ĐHTB là khá tích cực. Tuy vậy, chính sách TS của nhà trường trong đó có ngành Luật chưa được Nhà trường khảo sát lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động liên quan đến ngành Luật, cựu NH và các đơn vị liên quan khác để thấy được rõ hơn ưu, nhược điểm trong chính sách TS.

2. Điểm mạnh

Chính sách TS của nhà trường trong đó có ngành Luật là phù hợp, tuân thủ nghiêm túc quy định, quy chế của Bộ GDĐT, của Trường ĐHTB; đa dạng các phương thức TS để NH có nhiều cơ hội lựa chọn các ngành học của Nhà trường. Các chính sách ưu đãi TS như học bổng đầu vào của nhà trường, của nhà tài trợ đã thu hút được nhiều học sinh có điểm xét tuyển cao góp phần nâng cao chất lượng đầu vào của ngành học. Chính sách ưu đãi về miễn giảm học phí, miễn tiền ở KTX đã hấp dẫn NH. Chính sách TS hàng năm của nhà trường đã được công bố rộng rãi, công khai, cập nhật thường xuyên bằng các hình thức truyền thông TS đa dạng, phong phú cả trực tiếp và trực tuyến.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về chính sách TS trong đó có ngành Luật chưa rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, phòng ĐT&HSSV phối hợp với khoa Luật, CTH&QHQT lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động ngành Luật về chính sách TS hàng năm của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chuẩn đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH ngành Luật được Nhà trường và khoa xác định rõ ràng thể hiện trong Đề án TS. Hàng năm, căn cứ vào quy chế TS, quy định cách thức xác định chỉ tiêu TS của Bộ GDĐT, nhu cầu xã hội, điều kiện thực tế của Nhà trường và đề xuất của các khoa; Hội đồng TS Nhà trường đã xây dựng Đề án TS [H08.2.01] với những tiêu chí và phương pháp TS phù hợp và được cải tiến hàng năm nhằm tuyển chọn được những NH đủ tiêu chuẩn và phù hợp với từng CTĐT. Nhà trường đã thường xuyên đổi mới và cải tiến các tiêu chí và phương thức xét tuyển cho phù hợp với đối tượng thí sinh. Từ năm 2019-2021 Nhà trường đồng thời áp dụng 4 phương thức xét tuyển đối với trình độ ĐH hệ chính quy (Phương thức 1: xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GDĐT, phương thức 2: xét tuyển thí sinh dựa trên kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, phương thức 3: xét tuyển thí sinh dựa vào KQHT cấp trung học phổ

thông, phương thức 4: Xét tuyển theo đặt hàng và học bổng của doanh nghiệp), năm 2022 Nhà trường áp dụng 3 phương thức TS (Phương thức 1: Xét kết quả thi TN trung học phổ thông; Phương thức 2: Xét KQHT cấp trung học phổ thông; Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế TS), Năm 2023-2024 Nhà trường áp dụng 4 phương thức TS (Phương thức 1: xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GDĐT, phương thức 2: xét tuyển thí sinh dựa trên kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, phương thức 3: xét tuyển thí sinh dựa vào KQHT cấp trung học phổ thông, phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc Gia Hà Nội, đánh giá tư duy của ĐH Bách Khoa Hà Nội). Trong mục II (TS đào tạo chính quy) của đề án TS năm 2024 của Nhà trường xác định tiêu chí xét tuyển thí sinh vào ngành Luật cụ thể là: Đối tượng TS là thí sinh đã TN trung học phổ thông; Thí sinh đã TN trung cấp nhưng chưa có bằng TN trung học phổ thông phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình trung học phổ thông theo quy định của Bộ GDĐT, có đủ sức khỏe học tập; phạm vi TS trong cả nước; thí sinh tự lựa chọn 01 trong 04 hình thức xét điểm trên khi đăng ký dự thi (đăng ký trên hồ sơ đăng ký dự thi). Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển môn văn hóa theo kết quả 03 năm trung học phổ thông, điểm trung bình cộng từng môn văn hóa xét theo từng ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển phải đạt từ 5,0 (Điều kiện này có thể thay đổi tùy theo Quy định của Bộ GDĐT). Để ĐBCL NH đối với từng CTĐT, việc xét tuyển theo tổ hợp môn học được Nhà trường lựa chọn phù hợp đối với từng CTĐT đảm bảo theo đúng quy định của Bộ GDĐT như đối với ngành Luật áp dụng 4 tổ hợp A00 (Toán - Lý - Hóa), C00 (Văn - Sử - Địa), C14 (Toán - Văn - Giáo dục công dân), D01 (Toán - Văn - Anh). Điểm thi ĐGNL của ĐHQG Hà Nội từ 60 điểm trở lên, của ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh từ 600 điểm trở lên, Đánh giá tư duy của ĐHBK Hà Nội từ 50 điểm trở lên. **[H08.2.02]**.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được rà soát, đánh giá hàng năm. Sau mỗi đợt TS, khoa Luật, CTH&QHQT đã tiến hành rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH ngành Luật dựa vào việc lấy ý kiến của CBGV trong khoa **[H08.2.03]**. Từ đó đề xuất về nhà trường để điều chỉnh, bổ sung Đề án TS cho phù hợp. Hội đồng TS của nhà trường tiến hành họp đánh giá lại sự phù hợp của các tiêu chí TS và các phương pháp lựa chọn NH cho từng ngành đào tạo, dựa vào điểm trúng tuyển và số lượng thí sinh nhập học hàng năm **[H08.2.04]** để có những điều chỉnh phù hợp về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn cho năm học sau **[H08.2.05]**. Hàng năm, phòng ĐT&HSSV có báo cáo tổng kết công tác TS, đánh giá kết quả đạt được, ưu điểm, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và phương hướng nhiệm vụ công tác TS của năm tiếp theo, trong đó có đề xuất về phương thức, tiêu chí TS **[H08.1.06]**. Tuy nhiên việc lấy ý kiến của NH, đơn vị sử dụng lao động về phương pháp và tiêu chí tuyển chọn chưa được triển khai rộng rãi. Phương pháp TS ngành Luật chưa có nhiều điểm riêng biệt mang tính đặc thù.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, phù hợp với các quy định của Bộ GDĐT, phù hợp với thực trạng của thí sinh trong vùng TS trọng điểm của Trường ĐHTB và yêu cầu cơ bản của NH ngành Luật. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH hàng năm được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, kiểm tra, giám sát và rút kinh nghiệm trong việc xây dựng chính sách và các tiêu chí TS.

Đề án TS hàng năm của Nhà trường được đánh giá, cập nhật, bổ sung các tiêu chí và phương thức tuyển chọn NH, các tổ hợp môn xét tuyển để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh có cơ hội vào ĐH mà vẫn ĐBCL đầu vào.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của NH, đơn vị sử dụng lao động về phương pháp và tiêu chí tuyển chọn chưa được triển khai rộng rãi. Phương pháp TS ngành Luật chưa có nhiều điểm riêng biệt mang tính đặc thù.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, phòng ĐT&HSSV chủ trì cùng với khoa Luật, CTH&QHQT xây dựng KH lấy ý kiến NH, đơn vị sử dụng lao động về phương pháp và tiêu chí TS.

5. Tự đánh giá: Tiêu chuẩn đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH.

1. Mô tả

Nhà trường có một hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập (KQHT, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ) và rèn luyện của NH các ngành học nói chung và ngành Luật nói riêng một cách chặt chẽ và hiệu quả. Hệ thống giám sát này được thực hiện thông qua hệ thống CVHT, các phòng chức năng, tổ chức đoàn thể liên quan. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của phòng ĐT&HSSV [H08.3.01], và các đơn vị trực thuộc trường [H08.3.02] trong mỗi năm học phòng ĐT&HSSV triển khai KH tổ chức đăng ký, giám sát khối lượng học tập của NH trong từng học kỳ, phòng phân công cụ thể cho chuyên viên phụ trách, tổng hợp kết quả đánh giá trong học tập của NH, kịp thời phản hồi cho NH trên hệ thống phần mềm quản lý điểm. Phòng ĐT&HSSV phối hợp với khoa đào tạo chỉ đạo CVHT; triển khai tổng hợp và giám sát kết quả rèn luyện của NH. Nhà trường giao cho CVHT là người giám sát trực tiếp KQHT của từng NH, tư vấn cho NH điều chỉnh KH học tập phù hợp với kết quả và tiến độ học tập của NH, đặc biệt là NH thuộc diện cảnh báo KQHT, rèn luyện theo Quy chế đào tạo của trường. CVHT có trách nhiệm thường xuyên báo cáo với lãnh đạo khoa về tình hình học tập và rèn luyện của NH được giao phụ trách [H08.3.03].

Các phòng chức năng, các khoa trong trường thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát chặt chẽ khối lượng, KQHT, sự tiến bộ trong học tập của NH. Quá trình giám sát KQHT của NH bằng các quy trình cụ thể: Quy trình đăng ký khối lượng học tập, quy trình đăng ký học lại, học cải thiện điểm được thể hiện trong Quy chế đào tạo. Trong quá trình giám sát sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện thì CVHT có vai trò chủ chốt. CVHT theo sát từng NH, xác nhận khối lượng đăng ký học tập trong từng kỳ của NH vào đầu mỗi kỳ học, phối hợp với GV bộ môn theo dõi KQHT thường xuyên của NH, kịp thời tư vấn cho NH, KH học tập phù hợp với năng lực, hoàn cảnh; liên hệ với gia đình NH để cảnh báo học tập. Quy trình đánh giá điểm rèn luyện của NH thực hiện theo Điều 11 Quyết định số 60 ngày 16/10/2007 của Bộ GDĐT và thông tư số 16/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015. Trên cơ sở đó, trường xây dựng và ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của NH trình độ ĐH, cao đẳng, ĐH liên thông hệ chính quy. Quy trình đánh giá điểm rèn luyện được cụ thể tại Điều 3, chương II trong quyết định số 33/QĐ-ĐHTB ngày 08/01/2020 **[H08.3.04]**, **[H08.3.05]**.

Việc đánh giá kết quả rèn luyện, KQHT được thực hiện và lưu hồ sơ tại phòng ĐT&HSSV của Nhà trường. Đánh giá KQHT của NH được thực hiện và lưu hồ sơ tại khoa Luật, CTH&QHQT, phòng ĐT&HSSV và phần mềm PMT-EMS Education, đây là điều kiện thuận lợi trong khai thác, sử dụng. Phần mềm có khả năng trích xuất dữ liệu phục vụ cho xét học vụ, khen thưởng, xét TN... Mỗi CVHT được cấp 01 tài khoản cá nhân để đăng nhập, cập nhật, theo dõi các dữ liệu về KQHT, rèn luyện của NH. NH sẽ được truy cập trên trang cá nhân để nắm bắt được kết quả và tiến độ học tập, đăng ký học trả nợ HP, học cải thiện điểm. Dữ liệu quản lý đào tạo được cập nhật kịp thời, chính xác đảm bảo cho các thành viên có thể chủ động theo dõi, cải thiện KQHT **[H08.3.06]****[H08.3.07]**.

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát, kiểm tra sự tiến bộ của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, có quy trình cụ thể, phân công rõ ràng trách nhiệm của các bộ phận và có sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị, tác động tích cực đến hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm PMT-EMS Education chỉ trích xuất được dữ liệu khi sử dụng mạng internet nội bộ tại trường, điều này đôi khi dẫn đến việc CVHT không kịp thời nắm bắt thông tin NH khi cần do CVHT tại các Khoa đều là GV nên thời gian có mặt làm việc ở trường theo chế độ của GV.

4. KH hành động

Nhà trường cần có đưa ra biện pháp cải thiện điểm tồn tại: Làm việc với nhà cung cấp phần mềm cho phép trích xuất dữ liệu ở bất cứ đâu miễn là có internet.

5. Tự đánh giá: Tiêu chuẩn đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả

Nhà trường xác định công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác là nhiệm vụ quan trọng, giúp NH có điều kiện thuận lợi trong quá trình chiếm lĩnh tri thức, hoàn thiện tốt các kỹ năng và gia tăng cơ hội việc làm. Nhiều bộ phận tham gia vào công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trong đó khoa Luật, CTH&QHQT căn cứ vào chức năng nhiệm vụ thực hiện hoạt động hỗ trợ NH trong ngành đào tạo **[H08.4.01]**. Hỗ trợ quá trình học tập, NCKH, sinh hoạt, định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm; cử GV làm CVHT, tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật NH và tổ chức các cuộc thi như “Chinh phục chuông vàng”, “Tìm kiếm nhà sáng tạo tài năng”; tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao như ngày kéo co, bóng bàn, bóng rổ, ngày sách và văn hóa đọc; tổ chức hội thảo NCKH, các buổi chuyên đề nhằm nâng cao kiến thức hiểu biết cho NH, KH về việc tổ chức thực hiện “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” **[H08.4.02]**. Bên cạnh đó ngành Luật đã tổ chức thành lập câu lạc bộ nghiên cứu và thực hành pháp luật cùng các phiên tòa giả định hướng tới mục tiêu giáo dục pháp luật toàn diện, giúp NH tăng kỹ năng thực hành và tư duy luật học, góp phần xây dựng một công dân có ý thức pháp lý, trách nhiệm xã hội **[H08.4.03]**, tất cả các hoạt động này đều được truyền thông trên trang Fanpage của Trường, của Khoa và Đoàn thanh niên **[H08.4.04]**. Phòng KHCN&HTPT phối hợp với các khoa đào tạo triển khai tư vấn NH tham gia các cuộc thi SV NCKH, các cuộc thi khởi nghiệp **[H08.4.05]**. Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thành lập nhiều câu lạc bộ hội nhóm giúp NH phát huy năng lực bản thân như: câu lạc bộ hiến máu tình nguyện, câu lạc bộ Thanh niên tình nguyện, câu lạc bộ văn nghệ **[H08.4.06]**... NH có thể tham gia nhiều hoạt động để trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng chuyên môn, tăng cường khả năng, đáp ứng tốt yêu cầu của các NTD. Qua các câu lạc bộ ngoại khóa, NH được hỗ trợ hướng nghiệp, phát triển kỹ năng giao tiếp, khả năng sử dụng ngoại ngữ, phát triển chuyên môn và kinh nghiệm. Đoàn thanh niên đã chủ động hoặc phối kết hợp với các đơn vị để tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV hoạt động nhằm nâng cao hiểu biết, rèn luyện kỹ năng như: tổ chức các ngày lễ kỷ niệm, các buổi tọa đàm, các cuộc thi, các buổi tập huấn, tham gia tiếp sức mùa thi, thanh niên tình nguyện, tổ chức hiến máu nhân đạo, ... Tất cả các hoạt động trên đều được truyền thông trên trang Fanpage của Đoàn thanh niên Trường ĐHTB và Fanpage của nhà Trường, khoa Luật, CTH&QHQT **[H08.4.04]**. Hội khuyến học xây dựng quỹ học bổng, quỹ khen thưởng nhằm khuyến khích và hỗ trợ phong trào học tập

NH; đặc biệt chú ý tới những NH có hoàn cảnh khó khăn nhưng có tinh thần phấn đấu vươn lên trong học tập, những NH có thành tích học tập tốt, có năng khiếu có thể phát triển thành nhân tài, có tinh thần phấn đấu đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường, của xã hội. Tổ chức những cuộc thi trí tuệ cho NH như: “Cuộc thi vô địch điểm A”, trao tặng học bổng Hessen, khuyến khích học tập...[H08.4.07]

Về hoạt động tư vấn việc làm cho NH do phòng ĐT&HSSV phụ trách; NH cũng sẽ nhận được sự hỗ trợ đầy đủ, kịp thời; là đại diện kết nối giữa doanh nghiệp với NH trong toàn trường; chuyển tiếp các yêu cầu của doanh nghiệp, nắm bắt nguyện vọng của NH về vấn đề thực tế, thực tập, trải nghiệm. Hàng năm, phòng ĐT&HSSV cung cấp thông tin, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp trên Website của Nhà trường,... Xây dựng KH hướng nghiệp và tổ chức thực hiện một số hoạt động hướng nghiệp cho NH như: hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm, tổ chức các hoạt động xã hội, hội chợ việc làm, liên hệ cho NH thực tập tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình và các tỉnh lân cận [H08.4.08].

Hàng năm, khoa Luật, CTH&QHQT triển khai thực hiện nhiệm vụ tư vấn giới thiệu việc làm cho NH. Các cá nhân được phân công chủ động triển khai các hoạt động tư vấn học tập, tổ chức các hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH. Ban hành KH CVHT cho năm học trong đó phân công cụ thể danh sách CVHT cho từng lớp. Hàng năm, Khoa triển khai các KH công tác GVCN/CVHT ngay từ đầu năm học trong đó phân công cụ thể danh sách GVCN/CVHT cho từng lớp, GVCN/CVHT căn cứ kế hoạch công tác của Nhà trường, Khoa đề lên KH xây dựng các công việc cụ thể theo từng tháng để triển khai tới lớp. Từ năm 2024 Nhà trường bỏ GVCN do đó chức năng nhiệm vụ của CVHT nâng cao hỗ trợ SV trong công tác học tập. Còn các vấn đề học vụ của SV có trợ lý khoa hướng dẫn và bộ phận phòng một cửa. Mọi thắc mắc đơn từ khiếu nại, SV đến bộ phận một cửa để giải quyết [H08.4.09].

Nhà trường đã ban hành quy chế công tác HSSV, trong quy chế này, tại Điều 5 quy định NH được hỗ trợ cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện; NH được hỗ trợ phục vụ hệ thống thư viện, các phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, NCKH, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe. NH được sử dụng các dịch vụ xã hội hiện có của Nhà trường để phục vụ công tác học tập; trong Điều 16 quy định về việc hỗ trợ và dịch vụ NH về các lĩnh vực: tư vấn học tập, công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm, phục vụ tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ đặc biệt...[H08.4.10]

Việc tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và cuối khóa là một hoạt động giáo dục toàn diện, góp phần hình thành tư tưởng, định hướng hành vi và phát triển kỹ năng sống cho SV, giúp NH trưởng thành, có bản lĩnh, trách nhiệm và năng lực khi ra đời. Vì

vậy, hàng năm Nhà trường xây dựng KH tổ chức tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa [H08.4.11] cho SV ngay sau khi nhập học; KH tổ chức tuần sinh hoạt công dân HSSV cuối khóa [H08.4.12] cho SV chuẩn bị TN, ra trường. Tổ chức hoạt động đối thoại giữa BGH và cán sự lớp, SV các lớp thuộc các khoa, các ngành đào tạo để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của NH... [H08.4.13]. Tại ứng dụng của phần mềm đào tạo có quản lý hồ sơ NH, quản lý điểm thi NH, tính điểm rèn luyện.... đã hình thành cơ sở dữ liệu, cập nhật, đánh giá theo tiến trình học tập của NH; giúp Nhà trường quản lý, giám sát NH theo quá trình học tập chặt chẽ và đạt hiệu quả cao. Các khoa đào tạo cử trợ lý khoa, CVHT giám sát về các hoạt động đăng ký HP, thực hiện tiến độ đào tạo, thực hiện quy chế của Nhà trường, các GV bộ môn giám sát hoạt động học tập từng HP của NH. Nhà trường còn xây dựng các KH khảo sát về sự hài lòng của NH về chất lượng môi trường làm việc và học tập theo năm học [H08.4.14]. Căn cứ vào quy trình trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp của Nhà trường, khoa Luật, CTH&QHQT đã thường xuyên đưa SV đi thực tế trải nghiệm tại các doanh nghiệp như: công ty Trách nhiệm hữu hạn Newstar, công ty Trách nhiệm hữu hạn Samsung Electronics VN, Canon VN, Yazaki...[H08.4.15]. Phòng ĐT&HSSV xây dựng KH ngày hội TS và giới thiệu việc làm nhằm hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo; Ban hành thông báo về ngày hội việc làm mời doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng tham gia [H08.4.15]; Nhà trường và khoa đã tổ chức ngày hội việc làm, tổ chức các chương trình hội thảo giao lưu giới thiệu nghề nghiệp, thực hiện chương trình thoả thuận hợp tác với doanh nghiệp và ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với các doanh nghiệp, chương trình thực tập hàng năm để nâng cao khả năng tiếp cận với thực tế và tạo việc làm cho NH: công ty Trách nhiệm hữu hạn Newstar, công ty Trách nhiệm hữu hạn Samsung Electronics VN, Canon VN, công ty Trách nhiệm hữu hạn Dầu mỡ Quân Sen, công ty cổ phần Tập đoàn Perfect, công ty Trách nhiệm hữu hạn In và DVTM Phú Thịnh, công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại tổng hợp Liên Thắng, công ty SXKD tổng hợp Xuân Sinh, công ty cổ phần xe đạp, xe máy Thái Bình, công ty cổ phần Viễn thông FPT chi nhánh Thái Bình, công ty nhiệt điện Thái Bình...Hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH được tổ chức dưới nhiều hình thức như: lập group, Facebook, zalo kết nối thông tin giữa NTD với NH... [H08.4.16]

Giai đoạn 2020-2024, Nhà trường, khoa Luật, CTH&QHQT tổ chức lấy ý kiến của NH TN được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ NH. Kết quả khảo sát ý kiến NH với mức độ hài lòng các năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 cũng đều đạt trên 80%. [H08.4.17].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập được triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của NH; các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khoá được NH ngành Luật hưởng ứng tích cực, góp phần tạo động lực, khích lệ NH phát huy được các kiến thức, kỹ năng và

thái độ trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường. Tỷ lệ có việc làm đúng chuyên môn của NH ngành Luật khá cao.

3. Điểm tồn tại

Câu hỏi khảo sát chưa được thiết kế khoa học nên chưa có nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm.

4. Kế hoạch hành động.

Nhà trường và Khoa cần rà soát điều chỉnh và hoàn thiện nội dung các câu hỏi khảo sát để thu thập được nhiều thông tin hữu ích cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cảnh quan khuôn viên được chú trọng: cây xanh được trồng xung quanh trường, cây cảnh, trang trí tạo không gian học tập gần gũi, thân thiện góp phần làm giảm căng thẳng, nâng cao sức khỏe tinh thần cho NH và được bộ phận cảnh quan chăm sóc **[H08.5.01]**.

Nhằm giúp SV chủ động trong học tập và NCKH nhà trường đã nâng cấp và phủ sóng Wifi miễn phí trong phạm vi toàn trường **[H08.5.02]**. Nhà trường có Nội quy sử dụng phòng học, bố trí không gian học tập, làm việc hiện đại, thân thiện; phòng học, phòng làm việc, phòng hội thảo được trang bị nội thất, ánh sáng, âm thanh, điều hòa phù hợp với công năng sử dụng, tạo môi trường học tập thoải mái và hiệu quả cho NH và GV **[H08.5.03]**. Nhà trường bố trí Thư viện gồm phòng đọc, phòng mượn, hệ thống kho với các tài liệu được kết nối với nhau bằng phần mềm chuyên biệt để trở thành nguồn tài liệu quý giá hỗ trợ tích cực cho hoạt động giảng dạy, NCKH của GV, NH **[H08.5.04]**. Nhà trường có quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, VC, người lao động và NH Trường ĐHTB ban hành kèm theo Quyết định số 227/QĐ-ĐHTB ngày 25/4/2022 quy định 12 phương châm, quy tắc ứng xử của Cán bộ, VC, người lao động và 8 phương châm, quy tắc ứng xử của NH **[H08.5.05]**. Trong các giờ học lý thuyết, thực hành GV lấy NH làm trung tâm, GV gần gũi, thân thiện tận tình tạo không khí học tập thoải mái sáng tạo, hiệu quả; GVCN/CVHT thường xuyên trao đổi với NH để lắng nghe nguyện vọng và ý kiến phản hồi, kịp thời chia sẻ động viên tinh thần và hỗ trợ NH khi gặp những vấn đề trong học tập thông qua các buổi họp lớp giúp NH an tâm và ổn định trong quá trình học tập **[H08.5.06]**. Nhà trường quan tâm đến các hoạt động Câu lạc bộ và hoạt động ngoại khóa, NH khuyến khích tham gia các câu lạc bộ gắn liền với chuyên môn nghiệp vụ, năng khiếu thể thao. **[H08.5.07]**. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa,

viết bài thu hoạch về các chuyến đi thực tế tại các cơ sở đào tạo, các DN **[H08.5.08]**. Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động xã hội, hoạt động cộng đồng cho NH thông qua việc phát động các chương trình của Đoàn thanh niên nhằm tạo điều kiện cho SV nâng cao kỹ năng mềm, giao lưu học tập như cuộc thi Rung chuông vàng, hội diễn văn nghệ, các giải thể thao **[H08.5.09]**;

Khuôn viên của Nhà trường đồng bộ Khu hiệu bộ, giảng đường, khu vực văn phòng, các khoa chuyên môn, hội trường, thư viện trong một tòa nhà, tách biệt là khu thực hành, thí nghiệm, Ký túc xá tạo điều kiện thuận lợi cho học tập và NCKH của NH. **[H08.5.10]**. Văn phòng Khoa rộng rãi, thoáng mát, sạch sẽ đủ ánh sáng, thân thiện với môi trường đảm bảo điều kiện làm việc và NCKH cho GV **[H08.5.11]**. Các phòng học lý thuyết được bố trí cửa ra vào và cửa sổ hợp lý, trang bị đồng bộ bàn ghế, quạt, đèn, loa, mic, máy chiếu... **[H08.5.12]**. Các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm được trang bị máy móc, thiết bị, mô hình học liệu, giáo cụ trực quan sinh động đáp ứng yêu cầu thực hành nghề riêng của khoa chuyên môn, có bảng hướng dẫn, nội quy sử dụng phòng thực hành **[H08.5.13]**. Bên cạnh đó được sử dụng chung 3 phòng Hội thảo được đầu tư trang thiết bị kết nối hiện đại, bố trí trong cùng khuôn viên với khu văn phòng làm việc của khoa. **[H08.5.14]**. Ký túc xá, Nhà ăn SV gồm có 03 tòa nhà 05 tầng với 240 phòng khép kín có đủ điều kiện sử dụng đáp ứng được trên 2.000 chỗ ở tạo không gian tốt để NH sinh hoạt và học tập **[H08.5.15]**. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có khu luyện tập thể dục thể thao như sân bóng, sân cầu lông, sân bóng chuyền và bóng bàn để NH luyện tập, tăng cường thể lực tạo cảm giác thoải mái sau mỗi giờ học **[H08.5.16]**. Nhà trường có đội thanh niên tự quản, Quy chế quản lý NH ở nội trú, ngoại trú; quản lý sổ nội, ngoại trú của NH **[H08.5.17]**. NH và GV được chăm sóc sức khỏe định kỳ tham gia bảo hiểm đầy đủ, phòng chống dịch bệnh đảm bảo sức khỏe và môi trường học tập lành mạnh **[H08.5.18]**; Nhà trường có bộ phận An ninh trật tự có chức năng nhiệm vụ trực 24/24 bảo vệ an ninh trật tự, an toàn về tính mạng và tài sản của Nhà trường, của CBGV-NV và của NH **[H08.5.19]**. Nhà trường phối hợp với chính quyền và lực lượng an ninh địa phương ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, phòng chống các tệ nạn xảy ra trong khu vực Nhà trường đảm bảo môi trường an toàn cho tất cả các đối tượng trong nhà trường yên tâm công tác và học tập **[H08.5.20]**. Nhà trường trang bị các thiết bị phòng cháy, chữa cháy cần thiết ở các tòa nhà, tham gia tích cực vào các KH tập huấn công tác Phòng cháy, chữa cháy do nhà trường chỉ đạo. **[H08.5.21]**.

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ về các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, trong đó Khảo sát sự hài lòng của CBVC, NH về chất lượng môi trường làm việc và học tập có nội dung liên quan đến môi trường cảnh quan và môi trường tâm lý, xã hội của trường **[H08.5.22]**; **[H08.5.23]**; **[H08.5.24]**; **[H08.5.25]**. Kết quả đánh giá hàng năm cho thấy, các BLQ hài lòng về môi trường cảnh quan và môi

trường tâm lý, xã hội của Trường. Ví dụ, với các câu hỏi “Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong trường đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và rèn luyện sức khỏe cho NH”.

Năm học 2020 - 2021, sự hài lòng về chất lượng môi trường làm việc là 86,4% (Báo cáo Số 360 a/BC-ĐHTB ngày 20/06/2020). Năm học 2021 – 2022 sự hài lòng về chất lượng môi trường là 75,4%. (Báo cáo Số 818/BC-ĐHTB ngày 30/12/2021). Năm học 2022– 2023 sự hài lòng về chất lượng môi trường có 78,1% (Báo cáo số 826/ BC-ĐBCLGD-ĐHTB ngày 31/12/2022). Năm học 2023 – 2024 sự hài lòng về chất lượng môi trường là 80,3% (Số 806/BC-ĐBCL ngày 22/07/2024). Năm học 2024 – 2025 sự hài lòng về chất lượng môi trường là 81,37% (Báo cáo số 877/BC-ĐHTB ngày 30/06/2025)[H08.5.24] [H08.5.25].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp, thoáng mát, an toàn; môi trường tâm lý xã hội tích cực cho hoạt động học tập nghiên cứu của CBGV, phát huy tối đa năng lực tự chủ của NH.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có bộ phận hoặc chuyên viên tư vấn về tâm lý học đường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Nhà trường có KH bổ sung chuyên viên/ NV chuyên nhiệm vụ tư vấn tâm lý học đường cho NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chuẩn đạt mức 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 8

Chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH là yếu tố quan trọng để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành Luật thể hiện ở điểm đầu vào của ngành cho đến KQHT, rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại trường. NH được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả từ khoa và Nhà trường về hoạt động học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển năng lực học tập, NCKH, sức khỏe thể chất, tinh thần, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng, hiệu quả cho công tác đào tạo tại Trường ĐHTB.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Luật bậc ĐH tự đánh giá tiêu chuẩn 8 có 5/5 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHTB và khoa Luật, CTH&QHQT luôn đảm bảo tốt nhất các điều kiện về CSVC và trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, trang thiết bị, phần mềm quản lý và hệ thống tài liệu, tư liệu của Thư viện và các nguồn học liệu đầy

đủ, cập nhật thường xuyên. Bên cạnh đó, nhà trường và khoa Luật, CTH&QHQT luôn đảm bảo thực hiện các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn cho SV ngành Luật, CTH&QHQT.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các HDDH và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường ĐHTB có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp, đảm bảo tỷ lệ diện tích trên NH theo quy định. Trường ĐHTB có tổng diện tích đất là 39.675m², tổng diện tích sàn xây dựng là 41.413,75m² trong đó, diện tích sàn xây dựng phục vụ trực tiếp cho đào tạo, NCKH là 25.904,3m², gồm: 04 hội trường trên 200 chỗ với tổng diện tích 815,55m², 59 phòng học lý thuyết từ 50-100 chỗ với diện tích 13.752,3m², 02 phòng đa phương tiện, 80 phòng thực hành, thí nghiệm, xưởng thực tập với diện tích 6.912m²; 23 phòng làm việc của CBGV với tổng diện tích sàn xây dựng 2.740m², bao gồm 09 phòng BGH và 14 phòng làm việc thuộc các khoa, phòng chuyên môn, cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của CBGV và NV, có khu điều hành tập trung, khu văn phòng làm việc của các khoa, trung tâm; thư viện với diện tích 1.588,45m²; diện tích sàn trên NH đạt tỷ lệ 9,09m²/SV, đảm bảo yêu cầu theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT. Sân vận động của trường diện tích 3.500m², khán đài có mái che vừa để tổ chức các hoạt động thể thao vừa là nơi giảng dạy giáo dục thể chất cho HSSV. Có sân bóng chuyền, sân bóng rổ, phòng tập bóng bàn, khu rèn luyện thể lực được trang bị các loại máy tập thông dụng [H09.1.01], [H09.1.02] [H09.1.03][H09.1.04][H09.1.05].

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Khoa Luật, CTH&QHQT có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của khoa. Hiện nay, khoa được phân sử dụng 01 phòng làm việc, lưu giữ tài liệu và sinh hoạt chuyên môn tại tầng 1 nhà F; họp khoa và hội thảo cấp khoa tại phòng F1.18 hoặc hội trường nhà D; 01 phòng thực hành và tư vấn Pháp luật tại phòng F3.05, tầng 3 nhà F; 02 phòng thực hành mô phỏng phiên tòa giả định tại phòng F3.08, tầng 3 nhà F (để SV thực hành trong các môn học cụ thể và sinh hoạt nhóm); Hội trường D (làm phiên tòa khi có diễn án, cuộc thi ...). Các phòng làm việc được trang bị đầy đủ đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, quạt điện, máy tính, máy in, điện thoại, bàn ghế, bảng... và hệ thống PCCC đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn PCCC. Các trang thiết bị có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và được đưa vào sử dụng [H09.1.06]. Thực hiện việc quản lý, giám sát trang thiết bị, phương tiện máy móc, CSHT phục vụ hoạt động dạy học, NCKH và PVCĐ của trường được giao cho phòng CSV&TV phụ trách [H09.1.07]. Phòng CSV&TV có chức năng, nhiệm vụ xây dựng, giám sát thực hiện KH đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện máy

móc, cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động dạy học, NCKH và PVCD **[H09.1.08]**. Trường đã thiết lập hệ thống dữ liệu theo dõi đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành thí nghiệm, thiết bị đối với từng loại hình đào tạo đó là sổ tài sản các đơn vị **[H09.1.05]**, lên KH, quyết định kiểm kê, lịch kiểm kê tài sản và làm báo cáo đánh giá công tác quản lý tài sản tại đơn vị hàng năm **[H09.1.09]**, **[H09.1.10]**, các bảng theo dõi sửa chữa, bảo trì thiết bị **[H09.1.11]**, biên bản kiểm kê nhà đất, hồ sơ các công trình xây dựng được lưu giữ và quản lý tại phòng CSVC&TV. Nhà trường triển khai xây dựng các KH mua sắm, bảo trì, sửa chữa CSVC theo đúng quy trình; hàng năm, theo thông báo trên KH, dựa trên định mức trang bị và nhu cầu thực tế, các đơn vị gửi đề xuất KH mua sắm, bảo trì, sửa chữa trang thiết bị của đơn vị mình về phòng CSVC&TV **[H09.1.12]**. Trên cơ sở đó, phòng CSVC&TV tổng hợp, trình hiệu trưởng xem xét phê duyệt KH mua sắm, bảo trì sửa chữa trang thiết bị, CSHT chung cho toàn trường **[H09.1.13]**. Kết quả đầu tư mua sắm trang thiết bị, sửa chữa cơ sở hạ tầng được thống kê theo dõi tại bảng thống kê tăng tài sản cố định **[H09.1.14]**, xây dựng, sửa chữa hằng năm **[H09.1.15]**. Đối với công tác sửa chữa thường xuyên, phòng CSVC&TV căn cứ vào phiếu báo hỏng của các đơn vị, tập hợp thành KH sửa chữa trình BGH phê duyệt để triển khai. Việc bảo trì bảo dưỡng được thực hiện tập trung chủ yếu trong kỳ hè. Các báo cáo kết quả khảo sát CBGV và HSSV về CSVC, chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập, chất lượng môi trường làm việc do phòng TCCB, TT&KĐCL thực hiện hằng năm cũng là cơ sở để đánh giá hiệu quả sử dụng, mức độ đáp ứng CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học đối với từng loại hình đào tạo. Tỷ lệ hài lòng về điều kiện CSVC đối với CBGV và SV trường ĐHTB luôn ở mức khá cao (từ 73% đến 83%), trong đó SV ngành Luật cũng luôn ở mức khá cao (từ 70% đến 82%) **[H09.1.16]**.

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng hiện đại, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu làm việc của CBGV và nhu cầu học tập của SV; đạt các tiêu chí theo chuẩn cơ sở GDĐH, có diện tích sử dụng phòng học trên NH vượt tiêu chuẩn quy định (9,09 m²/1 SV).

3. Điểm tồn tại

Một số trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy trong các phòng học, phòng làm việc, phòng thực hành đã cũ, bị hư hỏng cần được thay mới, sửa chữa kịp thời hơn.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026, khoa Luật, CTH&QHQT đề xuất với nhà trường và các phòng chuyên môn có phương án kịp thời sửa chữa, thay thế các thiết bị hỗ trợ giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các HDDH và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường ĐHTB có thư viện, phòng đọc phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Ngày 28/12/2023, thư viện Trường ĐHTB sáp nhập với phòng Quản trị thiết bị và được đổi tên thành phòng CSV&TV (QĐ số 971/QĐ- ĐHTB). Bộ phận Thư viện trong phòng CSV&TV có chức năng “Tham mưu giúp Hiệu trưởng về quản lý, lưu trữ và phát triển tài nguyên thông tin phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH của Trường” và nhiệm vụ: “Bổ sung, phát triển nguồn lực thông tin đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, NCKH, chuyên giao công nghệ của Nhà trường, cung cấp, chia sẻ thông tin của thư viện cho các đơn vị của trường, tổ chức xử lý, sắp xếp, lưu trữ, bảo quản, quản lý nguồn tài nguyên của thư viện...” Với tổng diện tích sàn hiện nay là 1.588,45m², được đặt tại tầng 1 nhà F gồm: 01 phòng làm việc, 01 kho sách với 02 phòng máy tính để hỗ trợ SV đọc và tra cứu tài liệu **[H09.2.01], [H09.2.02]**.

Nhà trường xây dựng các văn bản quy định về hoạt động của Thư viện gồm: quy định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Thư viện; nội quy sử dụng Thư viện; các quy định về mượn trả tài liệu; hướng dẫn sử dụng kho sách; hướng dẫn sử dụng phòng đa phương tiện; thời gian phục vụ bạn đọc, nội quy được tóm tắt thành bảng và treo ở các cửa ra vào của Thư viện **[H09.2.03]**. Thư viện phục vụ bạn đọc 02 buổi/ngày thời gian hoạt động: sáng từ 7^h00giờ đến 11^h00 phút, chiều từ 13^h00 đến 17^h00 giờ, có sổ theo dõi bạn đọc vào mượn, trả tài liệu **[H09.2.04]**. Các nguồn học liệu của thư viện được sử dụng miễn phí, bạn đọc có thể sử dụng tại chỗ hoặc mượn về, thư viện có phòng đa phương tiện với hệ thống máy tính có kết nối Internet để tra cứu thư viện điện tử. Dữ liệu theo dõi bạn đọc vào Thư viện mượn trả tài liệu được kết hợp cả số liệu trên máy (lưu trên phần mềm quản lý Thư viện) với số liệu trong sổ (sổ theo dõi mượn trả tài liệu). Theo số liệu thống kê trên thực tế trong những năm gần đây, số lượt bạn đọc đến Thư viện mượn trả tài liệu có sự gia tăng, cụ thể: năm 2020 có 1.524 lượt; năm 2021 có 1.016 lượt; năm 2022 có 1.016 lượt, năm 2023 có 1.387 lượt, năm 2024 có 2.018 lượt, và tổng 12.065 lượt sử dụng thư viện điện tử **[H09.2.04]**. Từ năm 2019, phần mềm quản lý Thư viện được đưa vào sử dụng, quản lý bằng phần mềm do công ty cổ phần giải pháp giáo dục - y tế Nam Việt cung cấp **[H09.2.05]**. Năm 2021, Thư viện tham gia vào dự án “Xây dựng Thư viện điện tử dùng chung cho các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam” Thư viện Trường ĐH Kinh tế Quốc dân là đầu mối, được sử dụng 2 bộ cơ sở dữ liệu: Bộ CSDL Tạp chí điện tử đa ngành SAGE e-Journals Collection và Bộ Cơ sở dữ liệu Tạp chí điện tử Emerald e-Journals Collection. Năm 2023, Thư viện chính thức trở thành thành viên của Thư viện số dùng chung thuộc Viện Nghiên cứu và Phát triển Tri thức số do Hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam chủ trì **[H09.2.06]**.

Thư viện có 14.220 đầu sách (68.403 bản), trong đó có 91,1% tài liệu Tiếng Việt, 6,0% tài liệu ngoại văn; 2,9% luận văn, luận án, KLTN [H09.2.07]. Thư viện điện tử có 250 bản ghi được tích hợp vào phần mềm, phục vụ người đọc tra cứu tài liệu online trên cổng thông tin: <http://thuvien.tbu.edu.vn/>; 02 cơ sở dữ liệu: bộ CSDL Tạp chí điện tử đa ngành SAGE e-Journals Collection gồm 962 tạp chí, địa chỉ truy cập: <https://journals.sagepub.com> và bộ Cơ sở dữ liệu Tạp chí điện tử chuyên ngành kinh tế Emerald e-Journals Collection gồm 160 tạp chí, địa chỉ truy cập: <https://www.emerald.com/insight>; tra cứu tài liệu trên Thư viện số dùng chung thuộc Viện Nghiên cứu và Phát triển Tri thức số do Hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam chủ trì theo link kết nối: <https://hub.idk.org.vn/>. Thư viện của Trường còn kết nối với Trung tâm Thông tin - Thư viện trường ĐH Hùng Vương với quyền được khai thác tài liệu điện tử thuộc nhiều lĩnh vực, chuyên ngành khác nhau nhằm làm phong phú thêm nguồn học liệu, người đọc tra cứu tài liệu liên kết qua cổng thông tin: <http://27.72.116.103> (tên đăng nhập: dhtb, pass: dhtb) [H09.2.07]. Theo CTĐT ngành Luật có 64 ĐCCT HP (không bao gồm GDQP và GDTC, Khóa luận tốt nghiệp không sử dụng Tài liệu học tập) [H09.2.08], nguồn học liệu phục vụ cho ngành Luật trong Thư viện Trường hiện có 166 đầu sách, bao gồm 64 đầu giáo trình 102 đầu tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu cho hoạt động đào tạo và NCKH của CBGV và NH CTĐT ngành Luật. Như vậy, với nguồn học liệu hiện có tại thư viện Trường và học liệu được kết nối với Thư viện điện tử dùng chung cho các cơ sở GDĐH ở Việt Nam, Thư viện số dùng chung và Thư viện trường ĐH Hùng Vương đã cung cấp đầy đủ tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ của CTĐT ngành Luật.

Hàng năm, Thư viện đã gửi thông báo đề xuất bổ sung nguồn học liệu đến các đơn vị trong Nhà trường [H09.2.09]. Khoa Luật, CTH&QHQT căn cứ theo nhu cầu của CTĐT, các HP giảng dạy lập danh sách bổ sung học liệu phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Thư viện tổng hợp số lượng sách cần mua, hoàn thiện quy trình bổ sung tài liệu nhằm đảm bảo tài liệu được bổ sung đầy đủ, phù hợp với CTĐT của Nhà trường và kịp thời phục vụ bạn đọc. Trong chu kỳ KĐCLGD, Thư viện đã được bổ sung 801 đầu giáo trình/tài liệu với 1.588 bản sách (tài liệu in) và 250 tài liệu điện tử [H09.2.10]. Ngoài ra, Thư viện còn nhận được sự hỗ trợ miễn phí từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Tỉnh để bổ sung thêm các nguồn học liệu [H09.2.11]. Tuy nhiên, tài liệu được bổ sung chủ yếu là tài liệu in truyền thống, tài liệu nước ngoài còn hạn chế và chưa được cập nhật thường xuyên. Hàng năm, Nhà trường cũng tiến hành kiểm kê và đánh giá công tác kiểm kê tài sản và trang thiết bị của Thư viện [H09.2.12][H09.2.13]. Trong giai đoạn 2019 - 2024 đã đầu tư gần 2 tỷ đồng mua sắm phần mềm, tài liệu, thiết bị, sửa chữa hạ tầng cho Thư viện gồm: 02 bộ máy vi tính, 01 phần mềm quản lý Thư viện, 01 công trình xử lý môi tại Thư viện, và tài liệu... [H09.2.14]. Hàng năm, Thư viện tổ chức ngày Sách và Văn hóa đọc

cùng các hoạt động khác như trao đổi sách để quảng bá Thư viện và nâng cao văn hóa đọc trong CBGV-NV và HSSV [H09.2.15][H09.2.16].

KH tập huấn sử dụng và tra cứu tài liệu cho SV năm đầu đều được lồng ghép vào tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khoá [H09.2.17]. Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của các BLQ về các hoạt động giảng dạy và công tác hỗ trợ giảng dạy, trong đó có khảo sát về CSVC, nguồn tài liệu, thái độ phục vụ của NV Thư viện. Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ bạn đọc trả lời hài lòng về CSVC, nguồn tài liệu và thái độ phục vụ của NV Thư viện đạt trên 77% và tăng dần qua các năm [H09.2.18][H09.2.19].

2. Điểm mạnh

Thư viện rộng rãi, tiện nghi, số đầu sách lớn và được quản lý khoa học bằng phần mềm chuyên dụng đáp ứng tốt yêu cầu truy cập tài liệu của CBGV và HSSV.

3. Điểm tồn tại

Giáo trình nội sinh ít, nguồn tài liệu tiếng nước ngoài của ngành Luật còn hạn chế, tài liệu tiếng Anh chưa được cập nhật thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026, khoa Luật, CTH&QHQT đề xuất bổ sung thêm nhiều giáo trình chuyên ngành Luật kể cả tài liệu tiếng Việt và tiếng Anh. Bên cạnh đó, khoa Luật, CTH&QHQT đề xuất hàng năm phải cập nhật thường xuyên tài liệu tiếng Anh phục vụ dạy và học của ngành Luật.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các HDDH và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường ĐHTB đảm bảo đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Hiện tại, nhà trường có 80 phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng thực tập, NCKH với tổng diện tích sàn xây dựng là 6.912 m². Các phòng được trang bị hệ thống chiếu sáng, quạt thông gió đầy đủ, điều hòa không khí, bảo đảm điều kiện thuận lợi cho công tác đào tạo và NCKH.

Các phòng thực hành, thí nghiệm đặt tại các tòa nhà G, D, H và F. Sơ đồ các phòng thực hành được gắn tại lối vào các khu giảng đường, thiết kế chỉ dẫn rõ ràng giúp người sử dụng dễ dàng tiếp cận [H09.3.01(1)]. Trường đã ban hành đầy đủ các quy chế, quy định liên quan như: quy chế quản lý tài sản, nội quy sử dụng điện, quy định phòng học, hướng dẫn sử dụng máy chiếu, nội quy phòng thực hành, phòng học [H09.3.02], [H09.3.03], [H09.3.04].

Để phục vụ đào tạo ngành Luật, Nhà trường đã đầu tư trang bị 13 phòng thực hành máy tính tại tầng 1, tầng 2 và tầng 3 nhà F để dạy và học Tin học Đại cương và các môn Tin thuộc CTĐT ngành Luật, thiết bị phần cứng – linh kiện máy tính, thiết bị mạng, hệ

thông mạng LAN, WLAN và Internet. Trong các phòng thực hành được trang bị tổng số 455 bộ máy tính phần lớn được trang bị mới vào các năm 2023, 2024 đáp ứng đủ tiêu chuẩn về cấu hình tốc độ để học các HP ứng dụng đáp ứng chương trình đào tạo; trong đó có 186 máy tính có cấu hình đủ mạnh được cài đặt các phần mềm dạy học chuyên dụng và các trang thiết bị đủ tiện nghi, giúp SV chuyên ngành học tập và nghiên cứu **[H09.3.05]**. Các phòng máy tính có diện tích sàn xây dựng là 1245m² đảm bảo ánh sáng, quạt mát, điều hòa không khí và hệ thống PCCC đạt tiêu chuẩn **[H09.3.06]**. Phòng học đa phương tiện F3.05 với máy quay, bảng thông minh,... để thực hành và tư vấn pháp luật. Để phục vụ đào tạo ngành Luật Nhà trường đã đầu tư trang bị 2 phòng thực hành mô phỏng phiên tòa giả định: F3.08 (để SV thực hành trong các môn học cụ thể và sinh hoạt nhóm); Hội trường D để làm phiên tòa khi có diễn án, cuộc thi...**[H09.3.01(2)]**.

Tất cả các máy móc, trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm, phòng thực hành của Nhà trường nói chung, cụ thể của khoa Luật, CTH&QHQT đều được cập nhật, thường xuyên duy tu và bảo dưỡng định kỳ theo từng học kỳ, năm học để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường chỉ đạo Khoa Luật, CTH&QHQT phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua mới các thiết bị tại phòng thực hành, phòng đa phương tiện. Hằng ngày, nhà trường bố trí nhân viên trực tại các khu giảng đường để xử lý kịp thời các sự cố về điện, điều hòa, máy chiếu, hệ thống mạng và máy tính...**[H09.3.07]**, **[H09.3.08]**, **[H09.3.09]**, **[H09.3.10]**, **[H09.3.11]**, **[H09.3.12]**, **[H09.3.13]**, **[H09.3.14]**.

Các phòng thí nghiệm, thực hành đều được Nhà trường bố trí cán bộ phụ trách, có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Tại các phòng thực hành đều có sơ đồ bố trí máy tính, nội quy phòng thực hành, nội quy an toàn thiết bị, quy định rõ về nguyên tắc sử dụng **[H09.3.04]**. Đối với các phòng thực hành máy tính, phòng đa phương tiện Trưởng ngành trực tiếp phân công cho GV giảng dạy ngành Luật mượn phòng để thực hành luật, sau đó kiểm tra, tắt tất cả các thiết bị trước khi trả phòng. Đối với các môn thực hành máy tính, GV phụ trách giảng dạy tại phòng thực hành máy tính có trách nhiệm trực tiếp quản lý, kiểm tra và ghi nhật ký sử dụng thiết bị trước và sau mỗi buổi học **[H09.3.15]**, **[H09.3.16]**. Các trang thiết bị máy móc luôn được thống kê, báo cáo định kỳ về số lượng, chất lượng, đánh giá hiệu suất sử dụng phòng thực hành, bảo đảm tính khoa học, minh bạch trong quản lý và vận hành **[H09.3.08]**, **[H09.3.17]**, **[H09.3.18]**, **[H09.3.19]**, **[H09.3.20]**. Qua đó tổng hợp, đánh giá và lập kế hoạch sửa chữa, bảo trì hoặc đầu tư nâng cấp thiết bị và cơ sở hạ tầng phù hợp **[H09.3.10]**, **[H09.3.11]**, **[H09.3.12]**, **[H09.3.13]**, **[H09.3.14]**.

Từ năm 2020 đến năm 2024, tổng kinh phí nhà trường đầu tư cho hoạt động mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và cơ sở hạ tầng là 8.265.492.526 đồng, chủ yếu từ nguồn kinh phí thường xuyên **[H09.3.12]**. Riêng trong năm 2023, Trường được Ngân hàng SHB

tài trợ 147 bộ máy tính và 3 máy chủ trị giá 3.535.045.250 đồng; năm 2025, tiếp tục nhận tài trợ 70 bộ máy tính trị giá khoảng 1 tỷ đồng từ Công ty Cổ phần Phát hành sách Thanh Hóa và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguồn nhân lực Tâm Việt **[H09.3.21]**.

Hàng năm, GV và SV ngành Luật được khảo sát ý kiến về chất lượng môi trường làm việc, học tập. Kết quả khảo sát cho thấy các phòng thực hành có đủ trang thiết bị đã hỗ trợ khá tốt cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tỉ lệ hài lòng của SV ngành Luật đánh giá khá cao luôn ở mức trung bình là trên 80%, GV ngành Luật đánh giá mức độ hài lòng là 87 % và tăng dần qua các năm **[H09.3.22]**.

2. Điểm mạnh

Các phòng máy tính được trang bị đầy đủ về số lượng và chất lượng, phục vụ tốt cho hoạt động học tập và nghiên cứu của SV trong toàn trường và đặc biệt SV ngành Luật; các phòng máy, trang thiết bị được bảo trì, thay mới kịp thời; phân công cán bộ phụ trách, có hồ sơ theo dõi đầy đủ và khoa học, việc đánh giá hiệu quả các trang thiết bị được thực hiện thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Một số thiết bị dùng riêng cho SV thực hành trong các HP về phần cứng và mạng máy tính hiện vẫn còn thiếu, đặc biệt là các trang thiết bị hiện đại dùng cho các lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu như: Bộ định tuyến và chuyển mạch tốc độ cao, thiết bị Wifi tốc độ cao, máy chủ, tủ rack..

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025–2026, khoa Luật, CTH&QHQT đề xuất với Nhà trường và các phòng chức năng xây dựng kế hoạch bổ sung trang thiết bị cần thiết để hỗ trợ SV trong các HP về phần cứng và mạng máy tính, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các HĐDH và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhà trường có hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Nhà trường đầu tư hạ tầng CNTT một cách đồng bộ, gồm 05 máy chủ, 03 UPS, 02 thiết bị Draytek Vigor, 01 tường lửa (Firewall) và 02 ổ cứng lưu trữ dữ liệu, được bố trí trong phòng riêng có điều hòa nhằm đảm bảo nhiệt độ vận hành ổn định; Trường đang sử dụng 36 đường truyền Internet, 56 bộ phát Wifi cùng nhiều thiết bị phụ trợ khác; trong giai đoạn 2020–2024, Nhà trường nâng cấp 27 đường truyền từ 80 Mbps lên 200 Mbps (IP tĩnh) và 01 đường truyền từ 90 Mbps lên 1000 Mbps, đồng thời đầu tư thêm 30 bộ phát Wifi miễn phí phủ sóng toàn bộ khuôn viên trường **[H09.4.01]**, **[H09.4.02]**, **[H09.4.03]**.

Song song với hạ tầng mạng, Nhà trường đã trang bị phần mềm hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy, NCKH và quản lý, bao gồm: Phần mềm quản lý đào tạo PMT-EMS Education, phần mềm quản lý Thư viện điện tử, phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp MISA.MIMOSA và phần mềm kế toán doanh nghiệp MISA SME.NET, phần mềm Zoom **[H09.4.04]**. Toàn bộ hệ thống máy tính, máy in, máy scan và máy photocopy phục vụ các phòng ban, giảng đường và phòng thực hành đều được kết nối Internet và mạng LAN. Hiện Trường có tổng cộng 613 máy vi tính phục vụ thực hành – thí nghiệm, 89 máy vi tính phục vụ hành chính, 52 máy in, 09 máy scan và 03 máy photocopy siêu tốc. Riêng khoa Luật, CTH&QHQT có 269 máy tính tại các phòng học thực hành ở nhà F; giảng đường nhà F được trang bị Internet, máy chiếu và phong chiếu đáp ứng tốt yêu cầu học tập **[H09.4.05], [H09.4.06], [H09.4.07], [H09.4.08]**.

Trường duy trì cổng thông tin điện tử chính tại địa chỉ <https://tbu.edu.vn> và cổng thông tin điện tử của khoa Luật, CTH&QHQT có fb: <https://www.facebook.com/share/1744cP7Wb2/>, phục vụ giới thiệu thông tin, công khai tài liệu, tư vấn TS, thông báo tuyển dụng và hỗ trợ các hoạt động đào tạo **[H09.4.09]**.

Hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định, quy chế về an toàn thông tin và bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL **[H09.4.10], [H09.4.11]**, trong đó quy định rõ các yêu cầu về quản lý vận hành và biện pháp kỹ thuật nhằm bảo vệ hệ thống. 100% phòng làm việc, hội trường, thư viện, ký túc xá và các phòng thực hành đều được kết nối mạng Internet, mạng LAN và Wifi, đảm bảo hệ thống CNTT toàn trường hoạt động ổn định **[H09.4.12], [H09.4.13], [H09.4.14], [H09.4.15]**.

Việc phân quyền sử dụng các phần mềm được thực hiện rõ ràng đảm bảo CBGV, NV và NH có thể truy cập, khai thác dữ liệu liên quan đến đào tạo và nghiên cứu thông qua tài khoản cá nhân. CBGV, NV được cấp email nội bộ; NH được cấp tài khoản để đăng ký HP, tra cứu điểm, theo dõi học phí, thời khóa biểu và điểm rèn luyện **[H09.4.16], [H09.4.17], [H09.4.18]**.

Để đảm bảo hệ thống hạ tầng CNTT được vận hành liên tục, ổn định, nhà trường thường xuyên thực hiện công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật hệ thống mạng, thiết bị CNTT, đồng thời phát triển và khai thác ứng dụng tiện ích trên Website để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các hoạt động sửa chữa, duy tu và nâng cấp hệ thống CNTT được thực hiện theo đúng quy trình mua sắm tài sản **[H09.4.19], [H09.4.20], [H09.4.21]**. Nhà trường hiện có bộ phận Quản trị mạng trực thuộc Văn phòng với 02 nhân sự chuyên trách, đồng thời thành lập Ban điều hành Website gồm 8 thành viên và Ban biên tập – quản trị Website gồm 28 thành viên do một Phó Hiệu trưởng làm Trưởng ban **[H09.4.22], [H09.4.23]**.

Hàng năm, Nhà trường lập kế hoạch rà soát, bảo mật và đánh giá hạ tầng CNTT [H09.4.24], thống kê và theo dõi thiết bị [H09.4.25], đồng thời tổ chức bảo trì máy tính, thiết bị mạng vào dịp hè [H09.4.26]. Trong giai đoạn 2020–2024, Trường đã đầu tư 8.265.492.526 đồng cho mua sắm mới, duy tu và bảo dưỡng hệ thống CNTT; mua sắm 192 máy tính, 27 máy in, 17 máy chiếu, 3 máy photocopy, 4 hệ thống camera, 1 máy chủ, 2 UPS, 1 Draytek Vigor, 1 Firewall, 5 ổ cứng lưu trữ, cùng các phần mềm diệt virus, quản lý thư viện, QLĐT [H09.4.01], [H09.4.04], [H09.4.21], [H09.4.27]. Ngoài ra, Trường được Ngân hàng SHB tài trợ 147 bộ máy tính và 3 máy chủ trị giá 3.535.045.250 đồng; năm 2025, tiếp tục nhận tài trợ 70 bộ máy tính trị giá khoảng 1 tỷ đồng từ Công ty Cổ phần Phát hành sách Thanh Hóa và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguồn nhân lực Tâm Việt [H09.4.28].

Hàng năm, nhà trường lấy ý kiến phản hồi của GV, NH về mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của người học về “Trang thiết bị phòng máy tính/thực hành đáp ứng yêu cầu học tập” đạt từ 76,60% đến 85,68% trong giai đoạn 2020–2024; mức độ hài lòng của CBGV về “Trang thiết bị phục vụ phòng thực hành đáp ứng yêu cầu hỗ trợ giảng dạy và nghiên cứu” đạt trung bình trên 80% trong giai đoạn 2020–2024 [H09.4.29].

2. Điểm mạnh

Hạ tầng CNTT đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng, các máy tính đều được nối mạng internet và mạng LAN, mạng văn phòng của tỉnh. Các phần mềm được khai thác và sử dụng hiệu quả cao, chế độ bảo mật tốt.

3. Điểm tồn tại

Máy tính tại một số phòng làm việc đã sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026, phòng CSVC&TV lập KH đề xuất trang bị thêm thiết bị phát Wifi phủ sóng toàn khuôn viên trường. Khoa Luật, CTH&QHQT đề xuất thay thế một số máy tính đã quá niên hạn để phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Nhà trường đã xác định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn theo đúng quy định hiện hành, đồng thời chú trọng đến nhu cầu của người khuyết tật. Trường đã ban hành hệ thống văn bản, quy chế, nội quy và triển khai nhiều giải pháp nhằm đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn tại khuôn viên, khu chức năng, phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và ký túc xá. Các tiêu chuẩn được áp dụng tuân thủ TCVN 3981:1985 về thiết kế trường ĐH, đảm bảo mức chiếu sáng, hạn chế tiếng ồn,

cung cấp nước uống đạt chuẩn, nhà vệ sinh hợp vệ sinh và cảnh quan xanh – sạch – đẹp. Nội quy, quy định được tóm tắt, niêm yết công khai tại các phòng học, khu nhà để mọi thành viên nắm rõ và thực hiện **[H09.5.01]**.

Nhà trường đã ban hành quy định về công tác y tế học đường, PCCC, nội quy sử dụng điện an toàn, thông báo về vệ sinh phòng học... **[H09.5.01]**, **[H09.5.02]**, **[H09.5.03]**, đồng thời ký kết quy chế phối hợp với công an và chính quyền địa phương để tăng cường đảm bảo an ninh trật tự trong môi trường giáo dục **[H09.5.04]**, **[H09.5.05]**.

Các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn luôn được triển khai thực hiện, cụ thể như sau: đầu tư thiết bị bảo vệ môi trường, chăm sóc cây xanh, mua sắm dụng cụ vệ sinh, nâng cấp hệ thống nước sạch, nạo vét thoát nước, thu gom rác thải, phòng chống dịch bệnh, trang bị y tế **[H09.5.06]**, **[H09.5.07]**, **[H09.5.08]**; Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ, tổ chức cho CBGV, SV toàn trường ký cam kết về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ, dịp lễ tết các năm **[H09.5.09]**; xây dựng kế hoạch tập huấn nghiệp vụ PCCC và phương án cứu nạn cứu hộ **[H09.5.10]**.

Bộ phận y tế với nhân sự có trình độ chuyên môn (cử nhân điều dưỡng, chứng chỉ hành nghề) và trang bị đầy đủ tủ thuốc, dụng cụ khám chữa bệnh ban đầu; về vấn đề sức khỏe, hằng năm nhà trường tổ chức khám định kỳ cho CBGV và SV nhằm đảm bảo đủ tiêu chuẩn sức khỏe và tinh thần để làm việc và học tập; SV được tham gia đóng Bảo hiểm y tế theo đúng quy định **[H09.5.11]**, **[H09.5.08]**, **[H09.5.12]**. Công tác phòng chống dịch bệnh theo mùa được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn: phun khử khuẩn, phun thuốc phòng dịch; bổ sung dụng cụ, thuốc **[H09.5.07]**, **[H09.5.08]**. Để tăng cường rèn luyện sức khỏe Nhà trường đầu tư phòng tập, sân bãi và các thiết bị thể thực thể thao **[H09.5.12]**.

Bộ phận vệ sinh, cảnh quan môi trường gồm 10 nhân viên đảm nhiệm vệ sinh giảng đường, xưởng thực hành, khu vệ sinh, chăm sóc cây xanh, đảm bảo môi trường học tập xanh – sạch – đẹp **[H09.5.13]**. Hệ thống thoát nước được bảo dưỡng định kỳ **[H09.5.14]**, rác thải được thu gom hằng ngày **[H09.5.15]**, nước sạch được xét nghiệm thường xuyên **[H09.5.16]**.

Đội An ninh, trật tự Trường DHTB gồm 13 người, phối hợp với chính quyền địa phương; trong đó Đội trưởng là Cán bộ Công an xã Tân Bình, 3 Phó đội trưởng và các thành viên là cán bộ, NV phòng CSVC&TV; Đội trực 24/24, đảm bảo an ninh, an toàn tài sản và tính mạng cho CBGV, NV và SV **[H09.5.04]**, **[H09.5.05]**. Nhà trường đầu tư hệ thống camera giám sát tại cổng, các khu vực trọng yếu và các phòng học **[H09.5.17]**, **[H09.5.18]**. Ban Chỉ đạo PCCC và các đội PCCC cơ sở được thành lập với 85 thành viên, thường xuyên được tập huấn và được trang bị phương tiện chữa cháy đầy đủ **[H09.5.19]**, **[H09.5.20]**.

Giai đoạn 2020–2024, Nhà trường đã cải thiện đáng kể môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận: nâng cấp hệ thống nước sạch, bổ sung camera, thiết bị PCCC, ký kết quy chế phối hợp an ninh, lắp đường xe lăn và dụng cụ hỗ trợ người khuyết tật **[H09.5.21]**. Hằng năm có báo cáo về chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và môi trường **[H09.5.11]**.

Trong nhiều năm qua, Nhà trường không xảy ra dịch bệnh, cháy nổ, mất mát tài sản hoặc các tệ nạn xã hội; môi trường học tập luôn an toàn, thân thiện và nhân văn.

Hằng năm, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi của GV, SV về chất lượng môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật, Trường đã tiến hành khảo sát các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng của người học về “công tác chăm sóc sức khỏe đáp ứng nhu cầu” qua các năm 2020–2024 đạt trung bình 79% **[H09.5.22]**. Ngoài ra, kết quả khảo sát và biên bản kiểm tra của cơ quan PCCC **[H09.5.23]** được sử dụng làm cơ sở cải tiến. Tuy nhiên, phiếu khảo sát hiện chưa có nội dung riêng về nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm đến sức khỏe của CBGV và SV; có quy định các tiêu chuẩn, tổ chức triển khai và thực hiện về môi trường, sức khỏe và an toàn; hằng năm đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ để đảm bảo cho mọi người đủ sức khỏe trong đào tạo và nghiên cứu, đồng thời chú trọng đến nhu cầu của người khuyết tật.

Cảnh quan môi trường, hệ thống cây xanh tạo không gian thoáng mát, thoải mái. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn tài sản và tính mạng cho CBGV-NV và SV được đặc biệt chú trọng.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống hỗ trợ dành cho người khuyết tật chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026 kiến nghị Nhà trường bổ sung, cải tạo các hạng mục CSVC để phục vụ người khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 9

CSVC và trang thiết bị của Nhà trường đã đáp ứng cho các hoạt động đào tạo của Nhà trường nói chung và SV ngành Luật nói riêng. Phòng máy tính để thực hành được trang bị hiện đại, thư viện của Trường được đầu tư đầy đủ trang thiết bị và các đầu sách học tập, tham khảo. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT, các phần mềm hỗ trợ công việc đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. Nhà trường có hội trường, ký túc xá, nhà ăn và Phòng khám sơ cứu ban đầu để phục vụ nhu cầu thể thao, văn nghệ, chăm sóc sức khỏe cho CB, GV và SV. Trường thực hiện tốt các chính sách quy định về bảo vệ an toàn sức khỏe và môi trường. Trong thời gian tới, Nhà trường

tiếp tục nâng cấp CSVC, các trang thiết bị phần mềm thông tin, các tài liệu tham khảo, giáo trình. Nâng cao công tác an toàn môi trường sức khỏe để nâng cao chất lượng về CSVC để phục vụ cho công tác giảng dạy NCKH. Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Luật bậc ĐH tự đánh giá tiêu chuẩn 9 có 5/5 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Trường ĐHTB trong CTĐT đã tổ chức lấy thông tin phản hồi từ các BLQ để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH.

Trên cơ sở Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam; các văn bản của Bộ GDĐT về điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo trình độ ĐH, trình độ cao đẳng; Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi TN đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH **[H10.1.01]**, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định hoạt động xây dựng, phát triển CTĐT: Quy định phát triển CTĐT trình độ ĐH của Trường ĐHTB ban hành theo Quyết định số 111/QĐ-ĐHTB ngày 25/03/2019 **[H10.1.02(1)]**; Quyết định số 489/QĐ-ĐHTB ngày 09/8/2021 về ban hành mẫu CTĐT và ĐCCT HP **[H10.1.02(2)]**; Quyết định số 640/QĐ-ĐHTB ngày 14/12/2019 về ban hành CTĐT trình độ ĐH hình thức đào tạo chính quy - đào tạo theo hệ thống TC năm 2019 **[H10.1.02(3)]**; Quyết định số 762/QĐ-ĐHTB ngày 01/12/2021 về ban hành CTĐT trình độ ĐH hình thức đào tạo chính quy - đào tạo theo hệ thống TC **[H10.1.02(4)]**; Quyết định số 823/QĐ-ĐHTB ngày 28/07/2024 về ban hành CTĐT trình độ ĐH của Trường ĐHTB rà soát, điều chỉnh năm 2023 **[H10.1.02(5)]**.

Nhà trường đã ban hành Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định, ban hành CDR và CTĐT trình độ ĐH tại Trường ĐHTB ban hành theo Quyết định số 591/QĐ-ĐHTB ngày 14/9/2021 **[H10.1.02(6)]**, trong đó có quy định thu thập thông tin phản hồi các BLQ về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH. Đồng thời, Nhà trường ban hành văn bản về Quy định hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ phục vụ công tác tự đánh giá và KĐCLGD theo Quyết định số 121/QĐ-ĐHTB, ngày 02/4/2019 **[H10.1.03]**. Để tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các BLQ phát triển CTDH, Trường ĐHTB đã ban hành KH số 1212/KH-ĐHTB ngày 05/11/2024 về Quy trình lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV **[H10.1.04]**.

Để tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo hoạt động khảo sát ý kiến, Tổ khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH **[H10.1.05]**; giao cho phòng TCCB, TT&KĐCL là đơn vị đầu mối phối hợp

với các đơn vị trong trường triển khai các hoạt động thu thập thông tin phản hồi của các BLQ để xây dựng, điều chỉnh CTĐT. Trên cơ sở KH của Nhà trường, khoa Luật, CTH & QHQT cũng đã tiến hành khảo sát các BLQ (CBGV, SV, chuyên gia, nhà khoa học, NTD, CSV) để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTĐT. Thông tin phản hồi các BLQ được thu thập thông qua các phương thức khác nhau: khảo sát, tổ chức tọa đàm, thông qua các hoạt động hướng nghiệp, các buổi tham quan, kiến tập,..[H10.1.06]. Nội dung khảo sát thể hiện trong phiếu khảo sát của khoa và Nhà trường, bao gồm các câu hỏi về mục tiêu, CDR CTĐT, các hoạt động tổ chức dạy học, sự hài lòng của các bên về CTĐT và tổ chức đào tạo của khoa và Nhà trường [H10.1.07]. Tất cả nội dung này đều được thể hiện đầy đủ trong các báo cáo khảo sát, bản tổng hợp kết quả khảo sát lấy ý kiến các BLQ về điều chỉnh CTĐT ngành Luật qua các năm [H10.1.08] [H10.1.09] [H10.1.10].

Dựa trên báo cáo khảo sát, khoa và Nhà trường đã xây dựng KH rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành CDR, CTĐT, ĐCCT HP, hướng dẫn và tổ chức triển khai đến đơn vị phối hợp thực hiện [H10.1.11].

Trên cơ sở thông tin phản hồi của các BLQ, khoa Luật, CTH & QHQT đã xử lý và sử dụng để thiết kế, phát triển CTDH. Sự thay đổi các nội dung trong CTDH một phần được căn cứ trên số liệu khảo sát và tổng hợp ý kiến của các BLQ đã thực hiện. Ví dụ: CTĐT năm 2023 được điều chỉnh tăng lên 130 TC với 64 HP (gồm cả các HP tự chọn, không tính HP Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng); điều chỉnh tên, số lượng khối kiến thức thuộc ngành đào tạo, từ 3 khối kiến thức thành 5 khối kiến thức; bổ sung 12 TC thuộc 06 HP mới trong khối kiến thức cơ sở liên ngành; khung CTĐT cũng được thay đổi để phù hợp nhất thực tiễn Nhà trường và yêu cầu xã hội [H10.1.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai nhiều phương pháp lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các BLQ khi xây dựng, phát triển, rà soát, điều chỉnh CTĐT, đề cương HP.

CTĐT của Nhà trường được cải tiến theo hướng liên thông, liên ngành, liên khoá đáp ứng nhu cầu của SV và NTD.

Khoa Luật, CTH & QHQT đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, tổng hợp, lựa chọn và sử dụng thông tin phản hồi vào thiết kế, phát triển CTDH ngành Luật một cách khoa học và có những thay đổi phù hợp với tình hình thực tế trong các lần rà soát, điều chỉnh CTDH.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa áp dụng linh hoạt và đa dạng các phương thức thu thập thông tin phản hồi của các BLQ; việc lấy ý kiến phản hồi của các chuyên gia, nhà khoa học về CTDH ngành Luật của khoa còn ít; số lượng chuyên gia tham gia góp ý chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Trong lần rà soát, chỉnh sửa CTDH tiếp theo, khoa Luật, CTH&QHQT sẽ phối hợp với phòng TCCB, KT&KĐCL, phòng ĐT&HSSV bổ sung thêm phương pháp kiểm tra/đánh giá thi trắc nghiệm vào một số HP trong CTĐT của khoa; tổ chức hội nghị giao ban để rà soát, điều chỉnh bộ công cụ khảo sát các BLQ phục vụ công tác phát triển CTĐT ngành Luật; kết nối với các trường ĐH đối tác, viện nghiên cứu để tham khảo được nhiều ý kiến phản hồi của các chuyên gia và nhà khoa học về CTĐT ngành Luật.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Tại Trường ĐHTB, công tác thiết kế và phát triển CTDH trình độ cử nhân Luật hệ chính quy được thực thi song hành với việc phát triển CTĐT theo một trình tự hợp lý, khoa học, tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Bộ GD&ĐT, đồng thời cụ thể hóa trong hệ thống văn bản nội bộ của Nhà trường [H10.2.01].

Căn cứ vào kế hoạch cải tiến định kỳ, Trường ĐHTB đã ban hành Kế hoạch rà soát, cập nhật CĐR, chương trình đào tạo trình độ ĐH năm 2023, trong đó xác định rõ nhiệm vụ, thời gian và đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện [H10.2.02]. Trên cơ sở đó, Quyết định số 364/QĐ-ĐHTB ngày 22/5/2023 đã được ban hành để thành lập Tổ rà soát, cập nhật CTĐT ngành Luật, với thành phần bao gồm: GV chuyên môn, cán bộ quản lý đào tạo, đại diện doanh nghiệp và cựu sinh viên [H10.2.03]. Việc thành lập tổ thiết kế có sự tham gia của các BLQ bảo đảm yếu tố thực tiễn và khách quan trong việc xây dựng chương trình.

Trong quá trình thực hiện, Tổ rà soát đã tiến hành đối sánh chương trình đào tạo ngành Luật với chương trình của các cơ sở đào tạo có uy tín như: Trường ĐH Luật, ĐH Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Hồng Đức... để xác định mức độ phù hợp và lựa chọn mô hình đào tạo tối ưu. Nội dung đối sánh được ghi nhận trong Bản đối sánh mục tiêu, CĐR CTĐT ngành Luật và biên bản họp tổ rà soát [H10.2.04], [H10.2.05].

Song song với hoạt động đối sánh, tổ rà soát đã tiến hành thu thập phản hồi từ các BLQ, bao gồm sinh viên năm cuối, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và GV thông qua các phiếu khảo sát chuyên biệt cùng với báo cáo khảo sát ý kiến các BLQ về CĐR chương trình đào tạo ngành Luật và báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp [H10.2.06], [H10.2.07], [H10.2.08], [H10.2.09]. Các thông tin này được tổng hợp, phân tích và là căn cứ để thiết kế lại CĐR, cơ cấu HP và khung chương trình.

Trên cơ sở tổng hợp kết quả khảo sát và phân tích thực tiễn, Khoa đã xây dựng Hồ sơ rà soát, chỉnh sửa CĐR, CTĐT và ĐCCT HP ngành Luật, đề xuất rõ các điều chỉnh về HP, kỹ năng tích hợp và CĐR trong Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt nội dung điều

chỉnh chương trình đào tạo ĐH chính quy ngành Luật năm 2023, thể hiện quá trình xây dựng có căn cứ thực tiễn và khoa học **[H10.2.10]**.

Sau khi hoàn thiện dự thảo, nội dung chương trình được xem xét, phê duyệt. Kết quả của quá trình này là cơ sở để Hiệu trưởng ban hành chính thức chương trình đào tạo **[H10.2.10]**, **[H10.2.11]**, **[H10.2.12]**.

Có thể khẳng định rằng, quy trình thiết kế và phát triển CTDH, CTĐT ngành Luật tại Trường ĐHTB được thực hiện nghiêm túc, minh bạch, có sự tham gia đầy đủ của các BLQ và bám sát yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục **[H10.2.06]**, **[H10.2.07]**, **[H10.2.08]**, **[H10.2.09]**, **[H10.2.13]**. Các minh chứng đầy đủ và hệ thống văn bản chuẩn hóa là cơ sở khẳng định chất lượng và sự chuyên nghiệp trong hoạt động phát triển chương trình đào tạo của Nhà trường .

Hoạt động đánh giá quá trình thiết kế và phát triển CTDH ngành Luật tại Trường ĐHTB được triển khai định kỳ, có hệ thống và bám sát các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT cũng như quy định nội bộ của Trường.

Căn cứ vào Quyết định số 591/QĐ-ĐHTB ngày 14/9/2021 về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CDR và chương trình đào tạo trình độ ĐH, Trường đã thiết lập quy trình rõ ràng cho việc tổ chức đánh giá hoạt động thiết kế và phát triển chương trình. Theo đó, hoạt động đánh giá được thực hiện qua nhiều cấp độ, từ đánh giá nội bộ tại tổ thiết kế đến đánh giá phản biện bởi Hội đồng chuyên môn và tổng hợp trong các hồ sơ chính thức trình lãnh đạo Trường **[H10.2.01]**.

Cụ thể, trong quá trình điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2023, Tổ rà soát đã tiến hành họp rà soát và đánh giá lại toàn bộ quy trình xây dựng và cải tiến chương trình. Nội dung các buổi họp được thể hiện trong Biên bản họp tổ xây dựng chương trình đào tạo ngành Luật, trong đó nêu rõ các phân tích về mức độ phù hợp giữa quy trình triển khai và mục tiêu đào tạo, hiệu quả của việc tham vấn ý kiến các BLQ, và kiến nghị cải tiến để tăng cường tính thích ứng của chương trình trong bối cảnh chuyển đổi số **[H10.2.13]**.

Tiếp đó, chương trình được trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Trường để đánh giá phản biện. Biên bản họp Hội đồng ghi nhận các ý kiến đánh giá về sự đầy đủ, logic và minh bạch của quy trình thiết kế, đồng thời đề xuất bổ sung một số HP mang tính thời sự trong đào tạo **[H10.2.11]**. Việc tổ chức thẩm định với sự tham gia của chuyên gia độc lập, đại diện doanh nghiệp và GV có chuyên môn là cơ sở quan trọng đảm bảo tính khách quan và tính thực tiễn của quy trình đánh giá.

Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến đánh giá từ tổ thiết kế và Hội đồng chuyên môn, khoa Luật, CTH&QHQT đã lập Tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung điều chỉnh chương

trình đào tạo **[H10.2.10]**, trong đó có CTDH. Văn bản này thể hiện rõ việc đánh giá quy trình thiết kế được thực hiện bài bản, làm căn cứ pháp lý cho các điều chỉnh tiếp theo.

Kết quả đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH, CTĐT còn được phản ánh trong các hồ sơ tổng hợp như: Hồ sơ rà soát, chỉnh sửa CĐR, CTĐT và ĐCCT HP ngành Luật; Biên bản họp nghiệm thu CTĐT ngành Luật **[H10.2.10]**. Các tài liệu này cho thấy Nhà trường đã không chỉ dừng lại ở việc xây dựng quy trình mà còn đánh giá tính hiệu quả trong từng giai đoạn thực hiện, đồng thời thể hiện rõ vai trò của các BLQ trong việc giám sát và cải tiến quy trình thiết kế chương trình.

Căn cứ kết quả khảo sát và đánh giá từ người học, GV, cựu sinh viên và doanh nghiệp, Nhà trường đã tiến hành rà soát tổng thể quy trình thiết kế CTDH, CTĐT, xác định một số bất cập như: thời gian tổ chức các vòng phản biện còn kéo dài, công cụ xử lý dữ liệu khảo sát còn thủ công, mức độ tích hợp phản hồi doanh nghiệp chưa sâu **[H10.2.06]**, **[H10.2.07]**, **[H10.2.13]**. Từ đó, quy trình đã được cải tiến theo hướng rút gọn một số thủ tục hành chính, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ trong tổng hợp – phân tích dữ liệu phục vụ xây dựng chương trình.

Đặc biệt, các nội dung thảo luận được ghi nhận trong Biên bản họp Tổ rà soát chương trình và Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo cho thấy quá trình thiết kế và phát triển CTDH, CTĐT đã có những cải tiến rõ nét **[H10.2.10]**. Cụ thể, quy trình đã được điều chỉnh theo hướng mở rộng phạm vi tham vấn, tăng cường mời chuyên gia bên ngoài và đại diện doanh nghiệp tham gia phản biện chương trình, nhằm đảm bảo tính khách quan, thực tiễn và phù hợp với xu thế ngành nghề **[H10.2.13]**.

Song song với đó, ngay sau khi chương trình được phê duyệt chính thức, Nhà trường và khoa Luật, CTH&QHQT đã thực hiện việc công khai mục tiêu đào tạo, CĐR và cấu trúc chương trình trên cổng thông tin điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và sinh viên dễ dàng tiếp cận, tra cứu và triển khai đúng định hướng đã được thống nhất. Việc minh bạch hóa thông tin trên hệ thống website góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng triển khai chương trình trong thực tiễn **[H10.2.14]**.

Quá trình cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH, CTĐT tại Trường ĐHTB – đặc biệt là tại khoa Luật, CTH&QHQT – không chỉ hướng tới nâng cao chất lượng học thuật, mà còn chú trọng tính hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Sự cải tiến được minh chứng bằng các điều chỉnh cụ thể về quy trình, phương pháp, công cụ và cơ chế phối hợp, góp phần khẳng định năng lực tự chủ và sự chuyên nghiệp trong quản lý đào tạo của Nhà trường trong bối cảnh đổi mới GDĐH.

2. Điểm mạnh

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH, CTĐT ngành Luật được xây dựng rõ ràng, đúng quy định. CTDH được cải tiến định kỳ, dựa trên kết quả của việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

3. Tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về quy trình thiết kế, phát triển CTDH đôi lúc còn chưa kịp thời, chưa toàn diện, phương thức khảo sát lấy ý kiến chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, Trường và Khoa phối hợp thường xuyên thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về quy trình thiết kế, phát triển CTDH bằng nhiều phương thức khác nhau

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng đào tạo, ngoài việc thiết kế và phát triển CTĐT thì trong quá trình dạy và học, đánh giá kết quả của NH cũng vô cùng quan trọng. Để đạt được mục tiêu đó, quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Trong giai đoạn 2020-2024, các quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR của Nhà trường đã được cụ thể hóa bằng các văn bản: Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và các đội đồng trực thuộc Trường **[H10.3.01]**; Quy chế đào tạo trình độ đạo học **[H10.3.02]**; Quy định chế độ làm việc đối với GV cơ hữu của Trường ĐHTB **[H10.3.03]**; Quy định về quản lý đồ án, KLTN tại Trường ĐHTB **[H10.3.04(1)]**; Quy định về công tác thi, kiểm tra, đánh giá KQHT trong đào tạo trình độ ĐH **[H10.3.04(2)]**; Mẫu đề thi, đáp án **[H10.3.04(3)]**; Quy định về việc xây dựng, quản lý ngân hàng đề thi/đáp án kết thúc HP /môn học **[H10.3.04(4)]**; Quy định về chấm phúc khảo bài thi **[H10.3.04(5)]**; Quy định về ban hành quản lý điểm HP **[H10.3.04(6)]**; Quy trình về quản lý hoạt động giảng dạy **[H10.3.05]**; Quy định phát triển CTĐT trình độ ĐH của Trường ĐHTB **[H10.3.06(1)]**, Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định, ban hành CĐR và CTĐT trình độ ĐH tại Trường ĐHTB **[H10.3.06(2)]**; Quy định cấp xét học bổng khuyến khích học tập cho HSSV hệ đào tạo chính quy **[H10.3.07]**; Quy chế công tác HSSV **[H10.3.08]**; Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của GVCN/CVHT tại Trường ĐHTB **[H10.3.09]**; Quyết định thành lập tổ kiểm tra thực hiện nề nếp, kỉ cương Trường ĐHTB **[H10.3.10]**....

Nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng đào tạo, Trường ĐHTB đã có nhiều hình thức giám sát các hoạt động dạy và học. Việc giám sát hoạt động dạy và học trong Trường được giao cho các phòng chức năng: phòng ĐT&HSSV; phòng TCCB,

TT&KĐCL và các khoa chuyên môn. Phòng ĐT&HSSV theo dõi tiến độ giảng dạy, tình thực thực hiện thời khóa biểu lên lớp của GV, cập nhật dữ liệu giảng dạy hàng ngày, duyệt tạm ngưng, báo bù, dạy thay, điều chỉnh phòng học, điều chỉnh thời khóa biểu. Mọi sự thay đổi về thời khóa biểu phải thực hiện trước 16h00 của ngày hôm trước được phòng ĐT&HSSV duyệt và công bố công khai cho SV, GV và các đơn vị có liên quan biết qua trang thông tin của Nhà trường. Phòng ĐT&HSSV kiểm tra chuyên cần của SV thông qua việc GV điểm danh trên phần mềm PMT EMS Education sau mỗi buổi học [H10.3.11]. Phòng TCCB, TT&KĐCL thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động lên lớp của GV, hoạt động học trên lớp của SV, hoạt động của các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ dạy và học. Hàng ngày CB của phòng TCCB, TT&KĐCL theo dõi lịch dạy, kiểm tra chấm công, ký xác nhận giảng dạy đối với GV. GV phải lên lớp đúng theo thời khóa biểu, đúng giờ. Các hành vi lên lớp muộn, về sớm của GV và SV, thái độ học tập không nghiêm túc trong giờ học của SV sẽ bị ghi vào sổ theo dõi của thanh tra. Phòng TCCB, TT&KĐCL lập báo cáo kết quả thanh tra theo tháng gửi về lãnh đạo Nhà trường và các khoa biết để kịp thời kiểm điểm, chấn chỉnh, báo cáo này được sử dụng là một trong những căn cứ để đánh giá thi đua của GV [H10.3.12]. Ngoài hoạt động thanh tra chuyên trách của phòng TCCB, TT&KĐCL, Nhà trường còn có các hoạt động kiểm tra đột xuất hoạt động giảng dạy và học do BGH chủ trì. Nhà trường thành lập tổ kiểm tra việc thực hiện nề nếp và quản lý hoạt động giảng dạy hàng ngày, thực hiện kiểm tra đột xuất với nội dung: thực hiện quy trình lên lớp, giảng dạy của GV; ý thức chấp hành nội quy, quy định lớp học của HSSV [H10.3.10].

Khoa Luật, CTH&QHQT; các trưởng ngành và trưởng HP thực hiện giám sát các hoạt động dạy và học qua việc kiểm tra tình hình thực hiện KH đào tạo, Thời khóa biểu mà Phòng ĐT&HSSV gửi về Khoa [H10.3.13]. GV khi lên lớp sử dụng phần mềm PMT-EMS Education để theo dõi chuyên cần của SV, ghi nhận KQHT, điểm danh từng buổi học [H10.3.11]. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2020-2022, Trường ĐHTB tổ chức hội giảng và kiểm tra hồ sơ chuyên môn của GV [H10.3.14 (1), (2), (3)]. Đến năm 2024, Trường ĐHTB có sự thay đổi trong công tác quản lý chuyên môn theo Trưởng ngành và trưởng HP. Trưởng ngành chịu trách nhiệm về khung CTĐT, phát triển CTĐT, rà soát, điều chỉnh CTĐT và chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng đào tạo của ngành đào tạo phụ trách; phân công quản lý trưởng các HP theo quy định. Trưởng HP /môn học chịu trách nhiệm toàn diện đối với nội dung liên quan đến HP được giao phụ trách về việc bố trí, sắp xếp nhân sự giảng dạy, ra đề, chấm thi, chất lượng giảng dạy, ... [H10.3.14 (3), (4)]

Vào cuối mỗi học kỳ, phòng TCCB, TT&KĐCL phối hợp cùng trợ lý giáo vụ khoa Luật, CTH&QHQT thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV ở mỗi HP/môn học thông qua phiếu khảo sát NH gồm các câu hỏi

đóng và câu hỏi mở với các nội dung tập trung vào 4 tiêu chí. Trong đó, nội dung khảo sát về hoạt động giảng dạy nói về hoạt động dạy học đáp ứng CĐR HP, hoạt động dạy của GV hỗ trợ việc học tập của SV,...Đối với nội dung khảo sát về hoạt động kiểm tra đánh giá đưa ra các tiêu chí đánh giá cụ thể như phù hợp với mức độ đạt chuẩn của CĐR HP, phương pháp đánh giá đa dạng, phương pháp đánh giá tương thích với CĐR CTĐT,... [H10.3. 15 (1), (2)]. Việc lấy ý kiến phản hồi của NH về quá trình dạy - học và đánh giá KQHT của NH đã được Nhà trường thực hiện định kỳ với các HP và coi đó là cơ sở cho việc cải tiến công tác dạy-học và kiểm tra đánh giá, đảm bảo sự tương thích với CĐR của HP, CĐR của ngành học. Kết quả mức độ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy của GV của ngành Luật, trong đó bao gồm hoạt động dạy học và hoạt động kiểm tra đánh giá qua 8 học kỳ liên tiếp trong toàn trường cơ bản là ổn định trung bình đạt mức trên 80%, đây là con số phản ánh sự hài lòng của NH khá cao [H10.3.15(3)].

Khoa cũng tổ chức các hội thảo với chủ đề về đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá KQHT với sự tham gia của CBGV trong Khoa, các chuyên gia, SV,... để trình bày tham luận, đưa ra các ý kiến nhằm cải tiến phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá; tuy nhiên, Khoa chưa tổ chức được nhiều hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các BLQ để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT ngành Luật [H10.3.16]. Dựa trên kết quả khảo sát của SV và các ý kiến đóng góp trong các hội thảo, Khoa sẽ tiến hành họp trao đổi với GV, rút kinh nghiệm về nội dung, PPGD, các hình thức kiểm tra và đánh giá trong CTĐT. Từ đó, nhiều HP/môn học đã được cải tiến, đổi mới (Ví dụ, HP Luật Hiến pháp bổ sung thêm phương pháp đóng vai, thảo luận nhóm; HP Lí luận nhà nước và pháp luật đổi mới từ hình thức thi tự luận sang hình thức thi vấn đáp,...) [H10.3.17][H10.3.18][H10.3.19].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học ngành Luật thực hiện đúng các quy định, quy chế đào tạo ĐH và hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng. Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ và chặt chẽ, đảm bảo sự tương thích với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa tổ chức được nhiều hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các BLQ để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT ngành Luật.

4. Kế hoạch hành động

Trong chu kỳ đánh giá và cải tiến CTĐT ngành Luật tiếp theo, khoa Luật, CTH&QHQT tổ chức hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các BLQ để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá KQHT của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Đối với GV, NCKH là một trong những nhiệm vụ chính, NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà là trách nhiệm. Nhà trường đã có các đề tài NCKH, sách và hội thảo khoa học liên quan đến việc dạy và học cần được sử dụng vào thực tiễn công việc, giúp GV đưa vào bài giảng những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy.

Nhà trường đã đưa ra các CLPT và KH thực hiện; các quy định, quản lý, KH hoạt động KHCN của Trường ĐHTB, có sự điều chỉnh, bổ sung và cải tiến theo từng giai đoạn [H10.4.01].

Đối với GV khoa Luật, CTH&QHQT, nhiệm vụ NCKH được thể hiện qua số lượng các sản phẩm NCKH của Khoa trong 5 năm học vừa qua được thống kê cụ thể theo bảng 10.4.01.

Bảng 10.4.01. Các công trình khoa học đã công bố của khoa Luật, CTH&QHQT giai đoạn 2020-2024

Năm	Đề tài NCKH cấp quốc gia	Đề tài NCKH cấp tỉnh	Đề tài NCKH cấp trường	Đề tài NCKH cấp khoa	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí ngành trong nước	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài	Tập san do Trường ĐHTB ban hành	Sách xuất bản
2020	0	0	0	3	0	0	0	0
2021	0	0	1	4	0	0	0	0
2022	0	0	1	4	0	2	3	0
2023	0	0	4	5	0	3	2	0
2024	0	0	3	0	7	2	9	1
Cộng	0	0	9	16	7	7	14	1

Trong 05 trở lại đây, các GV trong Khoa đã tích cực tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học. Trong đó có 09 đề tài cấp Trường, 16 đề tài cấp Khoa, 14 bài đăng tập san của Nhà trường, 07 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước, 07 bài báo quốc tế và 01 đầu sách đã xuất bản phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của SV [H10.4.02].

Bảng 10.4.02. Danh mục đề tài NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung giảng dạy ngành Luật giai đoạn 2020-2024

TT	Tên đề tài nghiên cứu khoa học	Tác giả/ nhóm tác giả	Quyết định giao đề tài/ Mã số đề tài	Năm thực hiện	Áp dụng/ Chuyển tải thành nội dung giảng dạy các HP
ĐỀ TÀI NCKH CẤP TRƯỜNG					
1	Biên soạn tập tài liệu hỏi và đáp về Triết học Mác – Lê nin sử dụng trong dạy và học ở trường Đại học Thái Bình	ThS. Phạm Văn Hùng	Số 317/QĐ-ĐHTB ngày 18/5/2021; Mã số: ĐHTB 11/2021	2021	Triết học
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và một số giải pháp để xây dựng văn hóa học đường trong sinh viên Đại học Thái Bình	ThS. Trần Thị Chiều;	Số 317/QĐ-ĐHTB ngày 18/5/2021; Mã số: ĐHTB 10/2021	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3	Tập tài liệu bổ trợ Tiếng anh chuyên ngành Luật dành cho sinh viên ngành Luật Trường Đại học Thái Bình.	ThS. Nguyễn Thị Lan Hương 90; ThS. Vũ Mai Duyên	Số 236/QĐ-ĐHTB ngày 27/4/2022; Mã số: ĐHTB32/2022	2023	TACN Luật
4	Một số biện pháp cải thiện, nâng cao kỹ năng học tập nhóm trong giờ học ngoại ngữ cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Thái Bình.	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Số 236/QĐ-ĐHTB ngày 27/4/2022; Mã số: ĐHTB45/2022	2023	NNCB1
5	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về quân sự vào việc giáo dục ý thức quốc phòng cho	ThS. Vũ Thị Nga	Số 186/QĐ-ĐHTB ngày 20/3/2023; Mã số: ĐHTB	2023	Tư tưởng Hồ Chí Minh

TT	Tên đề tài nghiên cứu khoa học	Tác giả/ nhóm tác giả	Quyết định giao đề tài/ Mã số đề tài	Năm thực hiện	Áp dụng/ Chuyển tải thành nội dung giảng dạy các HP
	sinh viên Trường Đại học Thái Bình hiện nay.		26/2023		
6	Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ Thái Bình phát triển Luật, Chính trị học và Quan hệ quốc tế biên tại địa phương giai đoạn 2010-2025 và tầm nhìn đến năm 2035.	ThS. Trần Thị Chiều; ThS. Trần Thị Chinh	Số 186/QĐ-ĐHTB ngày 20/3/2023; Mã số: ĐHTB 25/2023	2024	Lịch sử Đảng sản Việt Nam
7	Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong giai đoạn hiện nay	ThS.NCS Hoà Thị Linh	Số 187/QĐ-ĐHTB ngày 20/3/2023; Mã số: ĐHTB 42/2023	2024	Luật Hôn nhân và gia đình
8	Một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên Trường Đại học Thái Bình về chủ quyền biển đảo hiện nay.	ThS. Trần Hữu Thúy	Số 186/QĐ-ĐHTB ngày 20/3/2023; Mã số: ĐHTB 28/2023	2024	Luật Quốc tế

Trong 5 năm qua, các đề tài của CBGV của khoa Luật, CTH&QHQT đã được áp dụng, chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTĐT ngành Luật. Cụ thể, một số sản phẩm điển hình như: **(1)** Đề tài “Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong giai đoạn hiện nay”, Số 187/QĐ- ĐHTB ngày 20/3/2023; Mã số: ĐHTB 42/2023 chủ nhiệm Hòa Thị Linh, được chuyển thành nội dung giảng dạy HP Luật Hôn nhân và gia đình **(2)** Đề tài “Biên soạn tập tài liệu hỏi và đáp về Triết học Mác – Lê nin sử dụng trong dạy và học ở trường Đại học

Thái Bình”, Số 317/QĐ- ĐHTB ngày 18/5/2021; Mã số: ĐHTB 11/2021, chủ nhiệm ThS Phạm Văn Hùng được chuyển thành nội dung giảng dạy trong HP Triết học Mác-Lênin; **(3)** Đề tài “Một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên Trường Đại học Thái Bình về chủ quyền biển đảo hiện nay.”, Số 186/QĐ- ĐHTB ngày 20/3/2023 chủ nhiệm ThS. Trần Hữu Thúy được chuyển thành nội dung giảng dạy HP Luật Quốc tế;.... **[H10.4.02].**

Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học sau khi nghiệm thu và công bố được sử dụng theo đúng quy định, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và được sử dụng trong hoạt động dạy và học phù hợp với chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu, đồng thời, được phổ biến tại các hội nghị, hội thảo của Khoa và Nhà trường **[H10.4.03], [H10.4.04].**

Ngoài ra, GV trong Khoa đã tham gia hướng dẫn SV NCKH. Trong 05 năm từ 2020-2024, GV Khoa đã hướng dẫn 10 đề tài SV NCKH được nghiệm thu cấp khoa. Đặc biệt trong năm học 2024-2025, GV Khoa đã hướng dẫn 15 đề tài SV NCKH cấp khoa, trong số đó có 08 đề tài được lựa chọn để tham gia Hội thi SV NCKH cấp trường và cả 08 đề tài đều đạt giải **[H10.4.05]**. Đồng thời, GV hỗ trợ SV tổ chức phiên toà giả định với vai trò cố vấn chuyên môn **[H10.4.06]**. GV Khoa còn hỗ trợ chuyên môn cho SV trong các cuộc thi liên quan đến lĩnh vực pháp luật như cuộc thi “Tìm hiểu về luật phòng chống tác hại thuốc lá” **[H10.4.07]**. GV tích cực khích lệ SV làm seminar giúp SV chủ động tìm kiếm, đọc và phân tích tài liệu khoa học, hình thành thói quen trao đổi học thuật và cập nhật kiến thức mới, nâng cao kỹ năng học thuật trong SV **[H10.4.08]**.

2. Điểm mạnh

Các sản phẩm NCKH của Khoa ngày càng tăng, đa dạng hơn về nội dung, hình thức; chất lượng các sản phẩm NCKH ngày càng cao. Khoa đã vận dụng có hiệu quả các kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Việc vận dụng kết quả NCKH vào mục đích chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy, thảo luận, tiểu luận ở các HP Luật học ngành Luật còn hạn chế. Các đề tài NCKH ở cấp quốc gia, cấp tỉnh chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025 – 2026, Khoa đăng kí tham gia các hội thảo quốc gia, chú trọng phát triển các bài báo và thực hiện các đề tài NCKH nhằm ứng dụng vào hoạt động dạy và học cho nhiều HP thuộc chuyên ngành Luật trong CTĐT.

Từ năm học 2025-2026, khoa Luật, CTH&QHQT kết hợp với phòng KHCN&HTPT tăng cường các hoạt động hỗ trợ GV NCKH, các đề tài nghiên cứu về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá KQHT để có nhiều hơn sản phẩm NCKH được khai thác áp dụng vào việc nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của GV và

hoạt động học tập của SV ngành Luật, CTH &QHQT; khuyến khích và hỗ trợ kinh phí cho GV viết các bài báo đăng trên các tạp chí có tính điểm, trong đó có các tạp chí nước ngoài.

Tăng cường tham gia nghiên cứu, có các sản phẩm khoa học cấp quốc gia, cấp tỉnh trong những năm tới.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. *Mô tả*

Nhà trường có các văn bản quy định về việc khảo sát, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác **[H10.5.01]**.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng các KH khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác; KH khảo sát, lấy ý kiến của GV đánh giá về môi trường làm việc, lấy ý kiến phản hồi của SV đánh giá về các hoạt động hỗ trợ phục vụ học tập. **[H10.5.02]**.

Trường ĐHTB có thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...). Nhà trường ra quyết định thành lập ban chỉ đạo, tổ khảo sát các BLQ và giao cho phòng TCCB, TT&KĐCL phối hợp với các đơn vị tổ chức họp triển khai KH khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ đánh giá về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường **[H10.5.03]**, **[H10.5.04]**. Căn cứ KH của Nhà trường, ngành Luật tổ chức họp triển khai các văn bản và mục đích, ý nghĩa hoạt động khảo sát, phân công nhiệm vụ GVCN/CVHT, trợ lý khoa cũng như công tác truyền thông đến các BLQ **[H10.5.05]**. Cùng với các đợt khảo sát, hàng năm Nhà trường đã tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa BGH, Lãnh đạo nhà trường với NH **[H10.5.06]**. Thông qua các báo cáo khảo sát, Nhà trường nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của NH, các ý kiến phản hồi của NH về chất lượng các dịch vụ để kịp thời chỉ đạo các đơn vị, cá nhân điều chỉnh hoạt động tạo điều kiện thuận lợi nhất để NH phấn đấu đạt CDR **[H10.5.07]**.

Bên cạnh đó, trong các báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học tiếp theo và trong biên bản họp của Nhà trường và của Khoa cũng có những nội dung đánh giá về các dịch vụ hỗ trợ GV, NH và CSVN của Nhà trường từ năm học 2020-2021 đến nay. Các báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm của các đơn vị thực hiện dịch vụ hỗ trợ như Thư viện, hệ thống CNTT, tư vấn đào tạo, công tác SV, các hoạt động đoàn thể

... đã cho thấy các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này đã được tổ chức thực hiện hàng năm, được định kỳ đánh giá kết quả đạt được thông qua kết quả khảo sát các BLQ của Nhà trường[H10.5.08] [H10.5.06].

Bảng 10.5.01. Bảng tổng hợp mức độ hài lòng của NH toàn trường về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích năm 2020-2024

TT	Dịch vụ hỗ trợ	2020 (%)	2021 (%)	2022 (%)	2023 (%)	2024 (%)	TB
1	Thư viện	83,75	84,20	83,75	87,70	82,20	84,32
2	Phòng thí nghiệm, thực hành	82,20	85,68	82,10	85,68	81,40	83,41
3	Hệ thống CNTT	76,80	81,36	76,70	81,36	81,00	79,44
4	GVCN/CVHT	88,70	90,05	87,57	90,03	83,40	87,95
5	Ký túc xá	81,30	83,55	79,43	83,49	83,20	82,19
6	Y tế	80,20	82,67	78,33	82,61	82,40	81,20
7	Hoạt động ngoại khóa	81,40	83,63	79,54	83,58	84,90	82,61
8	Dịch vụ hỗ trợ khác	84,10	85,92	82,40	85,88	84,00	84,40

Năm 2023 Nhà trường tập trung vào công tác kiểm định chất lượng các ngành nên không khảo sát mức độ hài lòng của người học về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Năm 2024, 2025 Nhà trường đã thực hiện cải tiến mẫu phiếu từ 15 tiêu chí lên 40 câu hỏi, chia thành 8 nhóm (2024) và 52 câu hỏi, chia thành 7 (2025) để đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ, đặc biệt theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 để làm cơ sở xây dựng CLPT nhà trường theo Kế hoạch số 485/KH-ĐHTB ngày 25/4/2025 của Hiệu trưởng trường ĐHTB, kết quả khảo sát như sau%.

Bảng 10.5.02. Tổng hợp mức độ hài lòng của người học về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của trường ĐHTB và ngành Luật giai đoạn 2024

T	Dịch vụ hỗ trợ	Toàn trường	Ngành Luật
1	Công tác SV	83,6	85.4
2	Tổ chức và quản lý đào tạo	87,4	81.6
3	Công tác tài chính	86,1	86.7
4	CSVC phục vụ SV	82,5	84.4
5	Môi trường văn hóa	87,2	85.6
6	Phục vụ thư viện	83,7	80.7
7	Hỗ trợ SV trong hoạt động NCKH	87,1	87.6
8	Hoạt động PVCD	84,5	86.6

Bảng 10.5.03. Tổng hợp mức độ hài lòng của người học về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của trường ĐHTB và ngành Luật giai đoạn 2025

TT	Dịch vụ hỗ trợ	Toàn trường	Ngành Luật
1	Tiếp cận dịch vụ giáo dục	82,9	85.0
2	CSVCL, thư viện	80,9	81.1
3	Môi trường đào tạo	83,4	85.2
4	Hoạt động đào tạo, NCKH	83,3	83.1
5	Kết quả đào tạo	82,7	83.1

Trên cơ sở các ý kiến phản hồi qua các lần khảo sát, Nhà trường đã ghi nhận và cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm đáp ứng nhu cầu NH. Về ứng dụng CNTT, Nhà trường đầu tư kinh phí hàng năm cho xây dựng hạ tầng và dịch vụ CNTT; xây dựng hệ thống cổng thông tin điện tử của Nhà trường; xây dựng KH mua sắm, sửa chữa và nâng cấp hệ thống CNTT, các phòng máy tính, hệ thống mạng internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của GV và NH **[H10.5.09]**. Thư viện được đầu tư phần mềm quản lý, bố trí đủ chỗ ngồi, các phòng đọc được lắp điều hòa, có mạng Wifi, có căng tin giúp SV được thư giãn sau mỗi giờ đọc; chất lượng phục vụ của thư viện được cải thiện, **[H10.5.09]**, **[H10.5.10]**. Để tạo sân chơi cho NH, Đoàn thanh niên đã tổ chức các hoạt động như: hội thao, các giải bóng đá trong SV, văn nghệ, hiến máu tình nguyện...**[H10.5.11]**. Nhà trường tổ chức ngoại ngữ, kỹ năng làm việc giúp cho SV được trang bị đầy đủ hơn các kỹ năng mềm và ngoại ngữ **[H10.5.12]**. Các dịch vụ hỗ trợ SV, từ năm 2020 đến nay ban quản lý ký túc xá đã mở thêm dịch vụ căn-tin, giặt là, phòng chơi bóng bàn, sân chơi bóng rổ, tập thể dục thể thao... NH được hướng dẫn cụ thể và giải quyết tận tình các giấy tờ hành chính, làm thủ tục vay vốn tín dụng, làm hồ sơ miễn, giảm học phí. Tại hội nghị CCVC hàng năm, BGH và các phòng chức năng thực hiện giải trình và đưa ra biện pháp thực hiện các ý kiến góp ý từ cán bộ, VC nhằm nâng cao chất lượng quản lý, phục vụ. Nhà trường đã cải tạo hệ thống các phòng học, lắp máy điều hòa không khí, đầu tư thêm nhiều trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy và học, bố trí lại hệ thống các phòng làm việc để phục vụ tốt hơn cho hoạt động đào tạo và phục vụ NH của Nhà trường **[H10.5.13]**, **[H10.5.14]**.

Các hoạt động hỗ trợ và tiện ích mà Nhà trường và Khoa đã triển khai thực hiện tương đối đa dạng và linh hoạt, đáp ứng nhu cầu thực tế của NH. Tuy nhiên, Khoa chưa tổ chức được nhiều các chương trình ngoại khóa gắn với nghiệp vụ chuyên môn của ngành Luật như các hội thảo khoa học cho SV ngành Luật.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được thực hiện thường xuyên, trên cơ sở đó Trường và ngành Luật đã thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm nâng cao chất lượng CTĐT ngành Luật.

3. Điểm tồn tại

Phiếu khảo sát việc thực hiện lấy ý kiến các BLQ để đánh giá hiệu quả của các các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống CNTT) chưa khoa học, độ bao phủ chưa rộng để khảo sát được toàn diện các thông tin cần thu thập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học tiếp theo, phòng TCCB,TT&KĐCL phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, bổ sung, điều chỉnh bộ phiếu khảo sát các BLQ về chất lượng các dịch vụ tiện ích để đánh giá được đầy đủ hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ NH đối với hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD của Trường, CTĐT ngành Luật.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trường ĐHTB đã xây dựng cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống và được quy định trong văn bản số 310/QĐ- ĐHTB ngày 10/5/2017, điều chỉnh bổ sung tại văn bản số 121/QĐ-ĐHTB ngày 02/04/2019 về triển khai Quyết định ban hành Quy trình lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV; quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ phục vụ công tác tự đánh giá và KĐCL giáo dục **[H10.6.01]**; Nhà trường giao cho phòng TCCB,TT&KĐCL là đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của các BLQ; tiếp nhận và tổng hợp kết quả các hoạt động khảo sát của Trường; báo cáo BGH về kết quả khảo sát các BLQ. Theo Quy định tại Điều 4, Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ ban hành kèm theo Quyết định số 121/QĐ-ĐHTB ngày 02/4/2019, phòng TCCB,TT&KĐCL chịu trách nhiệm lấy ý kiến SV về bốn hoạt động: khảo sát hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát về chất lượng CSVC, các hoạt động hỗ trợ, phục vụ học tập; khảo sát CB, GV, NV về chất lượng môi trường làm việc; khảo sát NH trước khi TN về chất lượng khóa học. Các khoa đào tạo thực hiện hai hoạt động: khảo sát tình hình việc làm, chất lượng CTĐT của SV TN; khảo sát NTD về chất lượng cựu SV đang làm việc tại doanh nghiệp về CTĐT **[H10.6.01 (2)]**.

Theo quy định của Nhà trường, mỗi đợt khảo sát, Nhà trường đều thực hiện phiếu khảo sát **[H10.6.02]**; KH khảo sát **[H10.6.03]**; quyết định thành lập Ban chỉ đạo và Tổ khảo sát **[H10.6.04]**. Sau khảo sát đều có Báo cáo kết quả khảo sát **[H10.6.05]**.

Thực hiện công tác ĐBCL giáo dục của Nhà trường, ngoài hai loại khảo sát được giao, khoa Luật, CTH&QHQT còn tiến hành khảo sát các BLQ khi xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT ngành Luật. Các phương pháp thu thập ý kiến chủ yếu là phát phiếu khảo sát, lấy ý kiến trực tiếp **[H10.6.06]**.

Hàng năm, sau khi kết thúc các đợt khảo sát, các đơn vị tiến hành thống kê kèm theo nội dung đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến nội dung, phương pháp khảo sát và viết báo cáo khảo sát **[H10.6.07]**. Việc khảo sát được giao cho một số đơn vị trong Nhà trường thực hiện thu thập thông tin và viết báo cáo. Phòng TCCB, TT&KĐCL tổng hợp, ghi nhận ý kiến đóng góp, những đề xuất cần cải tiến của các đơn vị trong đó có nhiều ý kiến đóng góp và đề xuất các giải pháp cải tiến cơ chế phản hồi. Năm 2021, Nhà trường đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến phản hồi SV về hoạt động giảng dạy, trong đó thống nhất và xây dựng Quy trình khảo sát theo hình thức online qua Google Form; năm 2022, Nhà trường tổ chức hội nghị thảo luận khảo sát, công cụ khảo sát, quy trình khảo sát các BLQ... Hội nghị đã đánh giá và thống nhất đẩy mạnh khảo sát các doanh nghiệp và cựu SV, đóng góp chi tiết cho bộ công cụ khảo sát, đáp ứng tiêu chuẩn KĐCL CSGD và CTĐT. Năm 2023, Nhà trường tổ chức hội nghị thảo luận khảo sát, công cụ khảo sát, quy trình khảo sát các BLQ, thống nhất khảo sát theo hình thức online qua đường link; năm 2024, Nhà trường tổ chức hội nghị thảo luận khảo sát, quy trình khảo sát các BLQ thống nhất khảo sát theo hình thức trực tuyến qua Google forms, tổ khảo sát gửi link đến SV, SV hoàn thành phiếu khảo sát theo hướng dẫn; năm 2025, nhà trường tổ chức hội nghị thảo luận khảo sát, quy trình khảo sát các BLQ thống nhất khảo sát theo hình thức trực tuyến qua Google forms, tổ khảo sát gửi link đến SV, SV hoàn thành phiếu khảo sát theo yêu cầu **[H10.6.02] [H10.6.05]**.

Cơ chế phản hồi của các BLQ được cải tiến. Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ phục vụ công tác tự đánh giá và KĐCLGD **[H10.6.01 (2)]**, trong đó có phân công lại nhiệm vụ cho từng đơn vị cụ thể với từng loại khảo sát, có hướng dẫn xây dựng phiếu hỏi, báo cáo khảo sát. Mẫu phiếu khảo sát được điều chỉnh bổ sung thêm nội dung câu hỏi để làm rõ thêm về chất lượng đào tạo qua mỗi lần khảo sát đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế **[H10.6.08]**. Đối với mẫu biểu công cụ khảo sát, trước đây, các khảo sát thiết kế trên các mẫu biểu giấy là chủ yếu, sau cải tiến thay thế bằng các công cụ khảo sát như Google form hoặc các phần mềm riêng do các đơn vị thiết kế. Hàng năm, Nhà trường và khoa thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo hướng đến sự hài lòng của các BLQ như: đầu tư thêm, sửa chữa CSVC, trang thiết bị dạy học; tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo tổ chức hội thảo đổi mới PPGD, đổi mới phương pháp học tập; tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp về đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực ngành Luật **[H10.6.06] [H10.6.07]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai các hoạt động khảo sát các BLQ với các quy định, KH đầy đủ, thành lập ban chỉ đạo, tổ khảo sát; tổ chức các hội nghị đánh giá về kết quả hoạt động khảo sát hằng năm.

Cơ chế phản hồi của Nhà trường được thiết lập, có tính hệ thống và nhận được nhiều ý kiến phản hồi của các BLQ trong các hoạt động của Nhà trường có độ tin cậy.

Cơ chế phản hồi của các BLQ được đánh giá và cải tiến, làm căn cứ để nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Một số mẫu phiếu khảo sát chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cung cấp thông tin nên kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ trong một số trường hợp chưa đạt kết quả mong đợi.

Vẫn còn tồn tại một số ít các BLQ chưa tham gia đầy đủ khảo sát; việc đưa ra các ý kiến phản hồi còn mang tính cá nhân, cảm tính và chưa khách quan.

4. Kế hoạch hành động

Trong các năm tiếp theo, Nhà trường và các khoa cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để các BLQ hiểu rõ hơn mục đích, ý nghĩa của việc tham gia khảo sát.

Nhà trường cần tổ chức hội nghị đóng góp ý kiến để cải tiến, thống nhất bộ công cụ khảo sát nhằm sử dụng hiệu quả kết quả thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 10

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ngành Luật đã được Trường ĐHTB và khoa Luật, CTH&QHQT thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được căn cứ vào CDR ngành Luật và KH thiết kế và phát triển chương trình GDDH hệ chính quy của Nhà trường; thông tin phản hồi từ các BLQ được tổng hợp và đánh giá, làm cơ sở để Khoa bổ sung, chỉnh sửa CTĐT ngành Luật đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành Luật trong từng giai đoạn; quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của NH ở từng HP theo CDR; khoa đã thực hiện các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, các kết quả NCKH được áp dụng và chuyển tải thành nội dung giảng dạy, đã sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động dạy và học; Bên cạnh đó, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của NH, có sự cải tiến hằng năm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, một số tồn tại, hạn chế cần được khắc phục và xây dựng KH cải tiến, như: áp dụng linh hoạt và đầy đủ các phương thức thu thập thông tin, nâng cao chất lượng thông tin

phản hồi của các BLQ về cải tiến chất lượng đào tạo; kiểm tra, rà soát chặt chẽ đối với đề thi của các HP chưa có ngân hàng đề thi; thúc đẩy hoạt động NCKH của SV ngành Luật; xây dựng phòng thực hành kế toán đáp ứng nhu cầu thực hành, thực tập của SV. Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Luật bậc ĐH tự đánh giá tiêu chuẩn 10 có 1/6 tiêu chí đạt 5/7 và 5/6 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra là thước đo phản ánh chất lượng của một CSGD ĐH. Do đó, Trường ĐHTB cũng như khoa Luật, CTH&QHQT rất coi trọng công tác đánh giá, giám sát, đối sánh kết quả đầu ra thông qua tỷ lệ SV TN, tỷ lệ thôi học, số lượng SV có việc làm, loại hình và số lượng bài NCKH.

Bên cạnh đó, Nhà trường và khoa Luật, CTH&QHQT còn chú trọng đến việc khảo sát sự hài lòng của các BLQ, tổng hợp và đối sánh sự hài lòng qua các năm để có cơ sở cải tiến CTĐT cũng như các dịch vụ tiện ích để ngày càng nâng cao kết quả đầu ra.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Để thực hiện các hoạt động đào tạo, Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo phù hợp với văn bản của Bộ GDĐT và được điều chỉnh phù hợp thực tiễn Nhà trường: Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHTB, Quyết định v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ ĐH của trường ĐHTB **[H11.1.01]**, trong đó quy định cụ thể về việc đăng ký khối lượng học tập; đăng ký học lại; nghỉ học tạm thời; nhắc nhở, cảnh báo học tập, bị buộc thôi học, xin thôi học... Theo Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường ĐHTB, Nhà trường giao cho Phòng ĐT& HSSV cùng các Khoa thực hiện cập nhật, theo dõi tỷ lệ SV thôi học, TN đúng hạn trên phần mềm quản lý đào tạo **[[H11.1.02], [H11.1.03], [H11.1.04]**. Dữ liệu về KQHT của SV là cơ sở để Nhà trường xác lập KQHT, tỷ lệ thôi học, TN trong tiến trình đào tạo toàn khóa học của SV ngành Luật và KQHT của SV được cập nhật thường xuyên và kịp thời trên hệ thống cũng như qua tài khoản cá nhân để giúp SV theo dõi và có KH cải thiện KQHT theo từng thời điểm cụ thể.

Theo Quy chế đào tạo, hằng năm, Nhà trường tổ chức 2 đợt xét TN cho SV đã tích lũy đủ số TC học tập, đồng thời thỏa mãn các điều kiện theo quy định. Sau mỗi học kỳ và mỗi năm học, phòng ĐT&HSSV và khoa trích xuất số liệu thống kê về danh sách SV bảo lưu, thôi học, danh sách SV TN từ phần mềm quản lý đào tạo PMT - EMS Education, **[H11.1.04(1)]**. Danh sách SV TN, thôi học hằng năm được cập nhật và lưu lại tại phòng ĐT&HSSV **[H11.1.05]; [H11.1.06]**.

Căn cứ vào danh sách thí sinh trúng tuyển hằng năm **[H11.1.07]**, kết quả SV TN, SV thôi học, Nhà trường và khoa đã tiến hành thống kê tỷ lệ SV thôi học và TN đối với CTĐT trình độ DH ngành Luật nhằm xác định được nguyên nhân thôi học, chậm TN từ đó có các biện pháp khắc phục **[H11.1.08]**.

Bảng 11.1.01. Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học ngành Luật theo các khóa học

Khóa học	Số SV nhập học	Số SV TN	Tỷ lệ TN (%)	Tỷ lệ SVTN theo thời gian (%)			Tỷ lệ thôi học (%)				
				Sớm	Đúng hạn	Quá hạn	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Sau năm thứ 3	Tổng
2016-2020	93	74	79,57	0,00	75,27	4,30	3,23	5,56	7,06	6,33	20,43
2017-2021	101	75	74,26	0,00	73,27	0,99	4,95	7,29	11,24	5,06	25,74
2018-2022	27	20	74,07	0,00	74,07	0,00	18,52	4,55	0,00	4,76	25,93
2019-2023	12	10	83,33	0,00	83,33	0,00	8,33	0,00	9,09	0,00	16,67
2020-2024	14	10	71,43	0,00	71,43	7,14	14,29	8,33	0,00	0,00	21,43
TB	49,40	37,8	76,53	0,00	75,28	2,68	9,86	5,15	5,48	3,23	22,04

Bảng 11.1.01 cho thấy tỷ lệ TN đúng hạn của SV CTĐT ngành Luật tương đối cao, trong khoảng 71,43% đến 83,33%, khóa 2019-2023 có tỷ lệ cao nhất đạt 83,33%, khóa 2020-2024 có tỷ lệ thấp nhất đạt 71,43%, tỷ lệ TN đúng hạn trung bình 72,53%. Tỷ lệ thôi học trong khoảng 16,67% đến 25,93%, khóa 2018-2022 có tỷ lệ thôi học cao nhất với tỷ lệ 25,93%, khóa 2019-2023 có tỷ lệ thôi học thấp nhất đạt 16,67%, tỷ lệ thôi học trung bình 22,04%.

Hằng năm, căn cứ vào số liệu, danh sách và tỷ lệ trong các báo cáo: báo cáo đánh giá KQHT các học kỳ, báo cáo đánh giá kết quả rèn luyện các học kỳ **[H11.1.09]**; báo cáo của GVCN/CVHT về tình hình SV chậm TN CTĐT ngành Luật của khoa Luật, CTH&QHQT **[H11.1.10(2)]**, khoa Luật, CTH&QHQT phối hợp với các phòng chức năng đã tiến hành họp, phân tích các dữ liệu thống kê, số liệu đối sánh, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ TN đúng hạn thông qua các hoạt động của Tuần công dân SV đầu khoá, giữa khoá, cuối khoá, công tác GVCN/CVHT **[H11.1.11]**. Nhìn chung, SV CTĐT ngành Luật chậm TN, thôi học có nhiều nguyên nhân khác nhau như: SV nộp chậm hồ sơ xét TN, học lực yếu, không nỗ

lực học tập, trả nợ môn không đúng thời hạn, nguyên nhân khác do một số SV muốn đi làm hoặc đi du học... Trên cơ sở đánh giá, phân tích, khoa Luật, CTH&QHQT đề ra chỉ tiêu, phương hướng cho từng học kỳ, năm học kế tiếp nhằm cải thiện tỷ lệ thôi học và tăng tỷ lệ TN **[H11.1.10(1)]**. Cuối mỗi học kỳ, phòng ĐT&HSSV gửi bản thống kê KQHT từng lớp cho GVCN và khoa **[H11.1.12]**, đồng thời gửi thông báo các trường hợp SV thuộc diện cảnh báo học tập **[H11.1.13]** để khoa và GVCN/CVHT có biện pháp xử lý kịp thời giúp đỡ SV cải thiện KQHT. GVCN/CVHT liên hệ với gia đình SV để tìm biện pháp khắc phục, GVCN/CVHT thường xuyên sát sao tình hình học tập cũng như đưa ra những tư vấn về việc lựa chọn khối lượng TC học tập, đăng ký học lại, học cải thiện, thời điểm học... tăng cường hơn vai trò của GVCN/CVHT trong tư vấn lựa chọn phương pháp học cho SV khi mới vào trường, giám sát chặt chẽ KQHT của SV, cử SV học lực tốt kèm và giúp đỡ.

Khoa Luật, CTH&QHQT đã có 06 khóa đào tạo ĐH chính quy TN, hằng năm khoa thực hiện đối sánh tỷ lệ TN, tỷ lệ thôi học với các CTĐT của Trường để tìm các giải pháp cải thiện kết quả **[H11.1.14]**.

Bảng 11.1.02. Đối sánh về tỷ lệ tốt nghiệp tỷ lệ thôi học SV CTĐT ngành Luật với các CTĐT trong Trường (tỷ lệ %)

Chương trình đào tạo	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Trung bình	
	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH
Luật	79,57	20,43	74,26	25,74	74,07	25,93	83,33	16,67	71,43	21,43	76,53	22,04
CNTT	90,63	9,38	69,90	30,10	65,67	34,33	69,84	30,16	67,21	32,79	72,65	27,35
TCNH	-	-	-	-	77,78	22,22	50	50	91,67	8,33	73,15	26,85
CNKT Cơ khí	77,8	22,2	97,06	2,94	100	0,00	100	0,00	68,75	31,25	88,72	11,28

Đối sánh hằng năm tỷ lệ TN của SV CTĐT ngành Luật cho thấy tỷ lệ TN cao nhất là khóa SV TN năm 2023 đạt tỷ lệ 83,33% tỷ lệ thấp nhất là khóa TN năm 2024 có tỷ lệ 71,43%, tỷ lệ thôi học của SV CTĐT ngành Luật qua các năm cho kết quả tỷ lệ thôi học cao nhất là khóa SV TN năm 2022 có tỷ lệ 25,93% tỷ lệ thấp nhất là năm 2020 tỷ lệ 20,43%. Đối sánh tỷ lệ TN, tỷ lệ thôi học của SV CTĐT ngành Luật với ngành CNTT cho thấy: tỷ lệ TN trung bình qua các năm của SV CTĐT ngành Luật cao hơn ngành CNTT với tỷ lệ 76,53% - 72,65% tỷ lệ thôi học thấp hơn với tỷ lệ 22,04% - 27,35%. Đối sánh tỷ lệ TN, tỷ lệ thôi học của SV CTĐT ngành Luật với ngành CNKT Cơ khí cho thấy: tỷ lệ TN trung bình qua các năm của SV CTĐT ngành Luật thấp hơn ngành CNTT với tỷ lệ 76,53% - 88,72% tỷ lệ thôi học cao hơn với tỷ lệ 22,04% - 11,28%. Đối sánh tỷ lệ TN, tỷ lệ thôi học của SV CTĐT ngành Luật với ngành TCNH cho thấy: tỷ lệ TN

trung bình qua các năm của SV CTĐT ngành Luật cao hơn ngành CNTT với tỷ lệ 76,53% - 73,15% tỷ lệ thôi học thấp hơn với tỷ lệ 22,04% - 26,85%.

Ngoài ra, Nhà trường thực hiện đối sánh về tỷ lệ NH thôi học, tỷ lệ NH TN và đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ NH thôi học, tỷ lệ NH TN ngành Luật với tỷ lệ SV cùng ngành của Trường ĐH Luật Hà Nội để cải tiến chất lượng [H11.1.15].

Bảng 11.1.03. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp CTĐT ngành Luật, với cùng ngành của các CSGD ĐH khác (Tỷ lệ %)

DVT: (%)

Trường	2022		2023		2024		Trung bình	
	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH
Trường ĐH Thái Bình	74,07	25,92	83,33	16,67	83,33	8,33	80,24	16,97
Trường ĐH Luật Hà Nội	74,76	25,24	71,18	28,82	72,26	27,74	72,73	27,27

Kết quả bảng 11.1.03 cho thấy tỷ lệ TN trung bình qua 3 năm của SV ngành Luật Trường ĐHTB cao hơn SV ngành Luật của Trường ĐH Luật Hà Nội theo tỷ lệ 76,27% - 72,73% đối sánh tỷ lệ thôi học trung bình qua 3 năm Trường ĐHTB thấp hơn Trường ĐH Luật Hà Nội với tỷ lệ 21,34% – 27,27%.

Căn cứ kết quả đối sánh này, khoa Luật, CTH&QHQT, Nhà trường có biện pháp cải tiến, khắc phục kịp thời để hạn chế tình trạng SV thôi học. Tuy nhiên, khoa Luật, CTH&QHQT chưa có phân tích dự báo về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ TN qua các năm.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ TN của SV ngành Luật được xác lập.

Có hệ thống giám sát tỷ lệ thôi học và tỷ lệ TN của SV ngành Luật.

Thực hiện đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ TN trong và ngoài trường phục vụ công tác cải tiến, nâng cao chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ SV CTĐT ngành Luật thôi học còn tương đối cao do nguyên nhân SV đi xuất khẩu lao động, nghỉ do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19, nghỉ đi làm hoặc lập gia đình.

Chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ thôi học và tỷ lệ TN của ngành với các cơ sở đào tạo nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026, Khoa sẽ xây dựng KH cụ thể, tổ chức Hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo, tìm các giải pháp hỗ trợ, phục vụ SV, tháo gỡ các vướng mắc của NH để tiếp tục giảm tỷ lệ SV thôi học.

Năm học 2025-2026 thực hiện đối sánh tỷ lệ TN với thêm ít nhất 1 cơ sở đào tạo trong nước và 02 cơ sở đào tạo nước ngoài.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Thời gian TN trung bình ngành Luật trình độ DH được quy định tại Điều 6 của Quy chế đào tạo DH hệ chính quy theo hệ thống TC tại Trường ĐHTB [H11.2.01(1)]; Khoản 6, 7 Điều 2 của Quy chế đào tạo trình độ DH của Trường ĐHTB [H11.2.01(2)(3)]; được xác định cụ thể trong các bản mô tả CTĐT và CTDH trình độ DH hệ chính quy theo hệ thống TC ngành Luật và quyết định ban hành CTĐT trình độ DH hình thức đào tạo chính quy - đào tạo theo hệ thống TC trường ĐHTB [H11.2.02], [H11.2.03].

Theo đó, thời gian học tập theo KH học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo chính quy là 4 năm, thời gian học tập tối đa để NH hoàn thành khóa học đối với hình thức đào tạo chính quy là 8 năm. Phòng ĐT& HSSV có nhiệm vụ thống kê, tổng hợp kết quả tích lũy toàn khóa học, tỷ lệ thôi học của NH theo các CTĐT báo cáo trước Hội đồng xét công nhận TN [H11.2.04], [H11.2.05]. [H11.2.06], [H11.2.07].

Khoa Luật, CTH&QHQT thống kê số lượng SV TN đúng thời gian và số lượng SV TN chậm hơn so với thời gian 4 năm [H11.2.08], [H11.2.09], kết quả tại Bảng 11.2.01.

Bảng 11.2.01. Bảng tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình SV ngành Luật các khóa đào tạo

Khóa học	Số SV nhập học	Số SVTN sớm	Số SVTN đúng hạn	Số SVTN chậm 1 năm	Số SVTN chậm 2 năm	Số SVTN chậm 3 năm	Số SVTN chậm 4 năm	Thời gian TNTB
2016-2020	93	0	70	3	1	0	0	4.07
2017-2021	101	0	74	0	1	0	0	4.03
2018-2022	27	0	20	0	0	0	0	4.0
2019-2023	12	0	10	0	0	0	0	4.0
2020-2024	14	0	10	0	0	0	0	4.0

Trên cơ sở các số liệu theo dõi thống kê về thời gian TN trung bình của NH ngành Luật cho thấy thời gian TN trung bình của các khóa từ 4,0 đến 4,07 năm. Các khóa có thời gian TN trung bình dài nhất là khóa 2016 - 2020, 2017 – 2021, còn các khóa khác có thời gian TN trung bình là 4,0 năm, thời gian TN trung bình của các khóa trên là 4,02 năm, gần đúng với thời gian thiết kế CTĐT, không có NH TN trước hạn, có 58/247 NH thôi học. [H11.2.10]. Để có kết quả này, Ban chủ nhiệm khoa Luật, CTH&QHQT đã chỉ

đạo GVCN/CVHT, trợ lý giáo vụ khoa giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của NH [H11.2.11], [H11.2.12].

Hàng tháng, hàng kỳ tổ chức họp với GVCN/CVHT, trợ lý giáo vụ khoa để nắm được tình hình học tập của NH và triển khai một số giải pháp: hướng dẫn phương pháp học tập phù hợp, tư vấn lựa chọn trả nợ HP vào thời gian thích hợp, hội thảo đổi mới PPGD, phương pháp học tập; giao nhiệm vụ cho GVCN/CVHT thường xuyên nhắc nhở, thông báo, hỗ trợ NH hoàn thành CTĐT [H11.2.13]. Bên cạnh đó, khoa tổ chức các hoạt động, các buổi gặp gỡ, đối thoại để đưa ra các giải pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian TN như: (1) NH đăng ký các học kỳ phụ để học vượt; (2) Đối với NH có KQHT khá, giỏi, GVCN/CVHT sẽ trao đổi, động viên, khuyến khích NH học đăng ký khối lượng học tập tối đa ở kỳ học tiếp theo [H11.2.14].

Sau mỗi kỳ học, năm học, khoa tổ chức buổi họp tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trong đó có đưa ra các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian TN, giảm tỷ lệ NH thôi học [H11.2.15]. Do được tư vấn, tiếp cận các thông tin một cách đầy đủ, kịp thời nên tỷ lệ NH TN ngành Luật đạt loại khá, giỏi tương đối cao, đặc biệt có NH TN loại xuất sắc, theo bảng thống kê NH TN đúng hạn đạt 97,35% (không tính NH thôi học) [H11.2.05].

Căn cứ KQHT từng khóa, khoa Luật, CTH&QHQT đã thực hiện đối sánh với thời gian TN trung bình của NH ngành Luật với các ngành trong trường và tổ chức họp tổng kết, đề ra các giải pháp cải tiến, khắc phục tồn tại. Tuy nhiên, trong chu kỳ đánh giá, khoa Luật, CTH&QHQT chưa đưa ra được các biện pháp hiệu quả hỗ trợ NH rút ngắn thời gian TN so với thời gian thiết kế của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Đã có sự xác lập thời gian TN trung bình đối với NH ngành Luật, đồng thời có theo dõi, giám sát thời gian TN trung bình.

Trường và khoa Luật, CTH&QHQT đã có những biện pháp hỗ trợ cần thiết phục vụ NH trong quá trình học tập tại trường, tạo điều kiện cho NH TN đúng hạn.

3. Điểm tồn tại

Chưa có SV CTĐT của ngành Luật đăng ký học vượt để TN sớm, tỷ lệ NH thôi học vẫn còn đặc biệt là năm học 2016-2020 (ĐH ngành Luật khóa 5).

Một số NH chưa chủ động xây dựng KH học tập khoa học nên KQHT còn chưa cao, vẫn còn NH TN chậm so với tiến độ chung của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026, khoa Luật, CTH&QHQT sẽ xây dựng KH cụ thể, tăng cường theo dõi quá trình giảng dạy và học tập của GV và NH để có những giải pháp tích cực nhằm rút ngắn hơn nữa thời gian TN trung bình, giảm thiểu NH TN chậm, có NH TN trước hạn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để hỗ trợ NH sau ^{TN} và có thông tin phản hồi nhằm cải tiến chất lượng, Nhà trường giao các khoa đào tạo là đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát SV tình hình việc làm sau TN, qua đó nắm bắt thông tin và lưu trữ danh sách NH TN có việc làm (QĐ số 121/QĐ-ĐHTB ngày 2/4/2019) **[H11.3.01]**. Theo đó, hằng năm các khoa đã triển khai việc khảo sát SV TN về tỷ lệ SV có việc làm trong vòng 12 tháng sau ^{TN}. Việc khảo sát được thực hiện theo đúng quy trình, biểu mẫu trong Công văn số 3943/BGDĐT-GDĐH ngày 31/8/2018 của Bộ GDĐT về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của SV ^{TN}; Công văn số 2919/BGDĐT-GDĐH ngày 10/7/2017 về việc khảo sát tình hình việc làm của SV TN **[H11.3.02]**. Dữ liệu khảo sát được tổng hợp và phân tích tại báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV TN, báo cáo Bộ GDĐT, được lưu giữ tại các khoa và công khai trên Cổng thông tin điện tử của Nhà trường **[H11.3.03]**.

Bảng 11.3.01. Số lượng SV khảo sát, tỷ lệ có việc làm SV ngành Luật sau 1 năm

Nội dung	Năm tốt nghiệp				Tổng
	2020	2021	2022	2023	
Số lượng khảo sát (người)	70	65	20	10	165
Số lượng phản hồi (người)	69	65	18	8	160
Tỷ lệ %					TB
Tỷ lệ phản hồi (%)	98,6	100	90	80	92,15
Tỷ lệ có việc làm (%)	84,06	89,23	90	90	88,32
Tỷ lệ chưa có việc làm (%)	15,94	10,77	0,00	0,00	6,68
Tỷ lệ đúng ngành (%)	56,52	69,23	94,45	75	73,80
Tỷ lệ không liên quan ngành(%)	27,54	20,00	5,55	25	19,52

Theo số liệu bảng 11.3.01, trong 3 năm Nhà trường đã khảo sát 165 SV TN CTĐT ngành Luật trong đó tỷ lệ phản hồi của SV đều đạt trên 80% qua các năm khảo sát. Tỷ lệ có việc làm của SV ngành Luật đạt 88,32%,. Tỷ lệ chưa có việc làm ở mức 6,68% Theo Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019, tỷ lệ có việc làm của SV ngành Luật cao hơn nhiều so với quy định (Tỷ lệ có việc làm trong vòng 01 năm sau khi TN đạt từ 70% trở lên). Tỷ lệ làm việc đúng ngành của SV ngành Luật trung bình 73,80%. Tỷ lệ việc làm không liên quan đến ngành trung bình 19,52%.

Bảng 11.3.02. Môi trường làm việc của SV ngành Luật qua các năm khảo sát

Môi trường làm việc	Năm tốt nghiệp (tỷ lệ %)				TB
	2020	2021	2022	2023	
Nhà nước	26,09	33,80	11,11	25	24
Tư nhân	57,97	55,38	72,22	50	58,89
Tự tạo việc làm	15,94	10,76	11,11	25	15,70
Có yếu tố nước ngoài	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

Về môi trường làm việc, SV CTĐT ngành Luật có môi trường làm việc tập trung chủ yếu ở khu vực tư nhân dao động trong tỷ lệ 50% đến 72,22%, trung bình 58,89%. Khu vực Nhà nước dao động trong khoảng 11,11% đến 33,80%, trung bình 24%. Khu vực có yếu tố nước ngoài là 0%. Tự tạo việc làm dao động từ 10,76% đến 25%; trung bình 15,70%.

Bảng 11.3.03. Mức thu nhập bình quân của SV ngành Luật

Mức thu nhập (triệu đ/tháng)	Năm tốt nghiệp (Tỷ lệ %)				TB
	2020	2021	2022	2023	
< 6	49,28	35,38	44,45	25	38,53
6 - <8	42,03	47,69	27,78	50	41,88
8 - <10	5,80	13,84	16,67	12,5	12,20
10-<12	2,90	3,07	11,11	12,5	7,40
>12	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

Về mức thu nhập SV ngành Luật có mức thu nhập dưới 6 triệu đồng/tháng chiếm tỷ lệ trung bình 38,53%; mức thu nhập từ 6 triệu đến < 8 triệu đồng/tháng chiếm tỷ lệ 41,88%; mức thu nhập từ 8 triệu đến < 10 triệu đồng/tháng chiếm tỷ lệ 12,20%; mức thu nhập từ 10 triệu đến < 12 triệu đồng/tháng chiếm tỷ lệ 7,40%; mức thu nhập trên 12 triệu đồng/tháng có tỷ lệ 0%.

Bộ phận TT&KĐCL lập báo cáo tổng hợp tình hình có việc làm theo chu kỳ đánh giá [H11.3.04]. Trong đó có thực hiện đối sánh giữa các khóa học của CTĐT với nhau và đối sánh với các CSGD khác.

Bảng 11.3.04. Đối sánh tỷ lệ SV có việc làm của SV CTĐT ngành Luật với các CTĐT khác trong Trường

TT	Ngành học	2020	2021	2022	2023	Trung Bình
1	Luật	84,06	89,23	90	90	88,32
2	CNKT Cơ khí	89,47	85,71	94,44	91,66	90,32
3	TCNH	-	-	100	100	100
4	CNTT	100	97,8	100	88,64	96,61

Đối sánh tỷ lệ tỷ lệ có việc làm của SV CTĐT ngành Luật với các CTĐT khác trong Trường cho thấy tỷ lệ có việc làm của SV CTĐT ngành Luật thấp hơn ngành CNKT Cơ khí với tỷ lệ 88,32/90,32%, thấp hơn ngành TCNH với tỷ lệ 88,32/100% và thấp hơn ngành CNTT với tỷ lệ 88,32/96,61%.

Bảng 11.3.05. Đối sánh tỷ lệ SV có việc làm CTĐT với cùng nhóm ngành Trường ĐH Nguyễn Tất Thành

Trường đại học	2021	2022	2023	TB
Thái Bình (%)	89,23	90	90	89,74
Nguyễn Tất Thành (%)	86,00	75,00	89,27	83,42

Đối sánh tỷ lệ có việc làm của SV CTĐT với cùng nhóm ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành cho thấy tỷ lệ có việc làm trung bình qua các năm của SV CTĐT ngành Luật Trường ĐHTBcao hơn SV Trường ĐH Nguyễn Tất Thành với tỷ lệ 89,74%/83,42% **[H11.3.05]**.

Hàng năm, Nhà trường và khoa đều tổ chức các hội nghị, hội thảo, các cuộc họp chuyên đề để thảo luận về tình hình việc làm của SV **[H11.3.05]**. Trong các cuộc họp đã phân tích và chỉ ra các nguyên nhân như: một bộ phận NH chưa tiếp cận được các thông tin tư vấn việc làm, NH chọn ngành học chưa đúng, NH lập gia đình ngay sau khi TN, NH học tiếng nước ngoài để đi xuất khẩu lao động hoặc đi học tiếp ở nước ngoài. Kết quả thảo luận về tỷ lệ SV TN có việc làm sau 1 năm TN và kết quả đối sánh giúp Nhà trường/Khoa dự đoán nhu cầu xã hội và xu hướng việc làm của SV thuộc CTĐT ngành Luật. Từ các nguyên nhân một bộ phận nhất định SV TN chưa có việc làm hoặc việc làm không đúng ngành, khoa đã có đề xuất các giải pháp để tăng hơn nữa tỷ lệ NH TN có việc làm và giảm tỷ lệ việc làm không đúng ngành của CTĐT. Trên cơ sở đề xuất của các khoa, Nhà trường có một số giải pháp cụ thể tăng cường khả năng việc làm cho SV TN, như: tăng kỹ năng thực hành, trải nghiệm thực tế, tăng kỹ năng mềm cho NH; tổ chức mời một số đại diện cơ quan tuyển dụng lao động đến giao lưu giới thiệu nhu cầu tuyển dụng; đăng thông tin tuyển dụng trên fanpage khoa, Trường; duy trì hội cựu SV... mở lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm cho NH ở năm cuối để bồi dưỡng kỹ năng văn phòng, kỹ năng viết văn bản và phỏng vấn; kỹ năng giao tiếp... Nhà trường tổ chức các chương trình như “Ngày hội việc làm”... nhằm hỗ trợ NH tìm kiếm công việc tốt hơn **[H11.3.06]**.

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm sau khi TN; thực hiện khảo sát, đối sánh từ đó tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho NH; hợp tác với các doanh nghiệp để NH thực tập/trải nghiệm và tìm kiếm việc làm sau TN.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ có việc làm của SV CTĐT ngành Luật tương đối cao, nhưng vẫn còn tỷ lệ nhỏ SV TN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026, Nhà trường và khoa Luật, CTH&QHQT đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tạo cơ hội có việc làm đúng chuyên ngành cao hơn sau khi TN cho SV ngành Luật.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trong CLPT trường các giai đoạn, hoạt động KHCN được thể hiện với những mục tiêu cụ thể, trong đó tăng cường hoạt động KHCN của NH là một trong bốn nhóm giải pháp để thực hiện mục tiêu, chiến lược đó **[H11.4.01]**. Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ Trường ĐHTB theo Quyết định số 394/QĐ-ĐHTB ngày 01/6/2018 trong đó ở Chương 7 đã xác định hoạt động NCKH của NH là: Nghiên cứu những vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo và lĩnh vực khác phù hợp với năng lực của SV; Tham gia triển khai áp dụng những tiến bộ KH&CN vào sản xuất kinh doanh, đời sống và an ninh quốc phòng; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, thông tin KHCN, câu lạc bộ khoa học SV, hội thi SV NCKH...**[H11.4.02]**. Đối với NH, các nhiệm vụ KHCN bao gồm: Đề tài NCKH cấp Khoa, đề tài NCKH cấp trường, tham gia Hội thi SV NCKH cấp trường, tham gia các dự án khởi nghiệp cấp tỉnh, cấp quốc gia; tham gia các hội nghị, hội thảo cấp Khoa, cấp trường. Các sản phẩm nghiên cứu phải đảm bảo các tiêu chí về chất lượng như: tính thiết thực, tính khả thi, tính hiệu quả; đảm bảo đúng quy định xét chọn đề xuất, nghiệm thu và lưu trữ **[H11.4.02(3)]**. . Trên cơ sở đó, hằng năm Nhà trường đã xây dựng KH hoạt động KHCN của CB, GV, SV, trong đó cụ thể các KH hoạt động KHCN của SV **[H11.4.03]**: KH số 55/KH-ĐHTB ngày 14/01/2020; số 68/KH-ĐHTB ngày 20/01/2021; số 794/KH-ĐHTB ngày 09/11/2021; số 771/KH-ĐHTB ngày 28/11/2022; số 1097/KH-ĐHTB ngày 07/10/2024. Các hoạt động NCKH của SV đã được định hướng gắn với lĩnh vực được đào tạo, với hướng nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tương thích với sứ mạng của Nhà trường, giúp SV vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực luật, đời sống xã hội,... ; góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội **[H11.4.04]**. Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng KH hoạt động NCKH trong đó ghi rõ nội dung NCKH của NH; KH triển khai và yêu cầu các đơn vị phòng, ban, khoa, trung tâm trong Nhà trường triển khai, phổ biến KH đến toàn thể CBGV và NH để đăng ký thực hiện nhiệm vụ NCKH trong năm. Trên cơ sở đó, Khoa thực hiện tổ chức SV đăng ký số lượng các loại hình NH tham gia NCKH các cấp **[H11.4.05]**. Trong giai đoạn từ năm

học 2019-2020 đến nay, SV ngành Luật đã thực hiện đa dạng các hoạt động NCKH. Thứ nhất, SV thực hiện các đề tài NCKH. Trong giai đoạn từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, SV thuộc CTĐT ngành Luật đã thực hiện được 10 đề tài NCKH cấp Khoa, 01 bài đăng tập san khoa học Trường ĐHTB **[H11.4.06]**. Đặc biệt, trong năm học 2024-2025, ngành Luật đã thực hiện 15 đề tài NCKH cấp Khoa, trong đó có 08 đề tài được lựa chọn tham dự Hội thi SV NCKH cấp Trường **[H11.4.06]**. Thứ hai, SV thực hiện hoạt động NCKH thông qua việc tham gia các Phiên toà giả định **[H11.4.07]**. Tại đây, NH có cơ hội nghiên cứu chuyên sâu về các quy định pháp luật nội dung và trình tự thủ tục tố tụng thông qua việc giải quyết các vụ việc **[H11.4.07]**. Thứ ba, SV thực hiện hoạt động NCKH qua việc tham dự và viết bài tại các Hội thảo **[H11.4.08]**. Ngoài ra, SV ngành Luật còn tham gia và đạt giải cao các hội thi, cuộc thi tìm hiểu pháp luật **[H11.4.09]**.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được giám sát. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của NH được nhà trường giao cho phòng KHCN&HTPT thực hiện **[H11.4.02(3)]**. Theo đó, việc tổ chức thực hiện các đề tài NCKH của NH từ khi đăng ký, xét duyệt, đến nghiệm thu, công nhận kết quả được hướng dẫn và tổ chức triển khai đầy đủ, chi tiết theo đúng quy trình. Phòng KHTC, các khoa có nhiệm vụ theo dõi giám sát việc sử dụng kinh phí dành cho các đề tài NCKH. Khoa phối hợp với phòng KHCN&HTPT theo dõi tiến độ thực hiện đề tài, tổ chức đánh giá sản phẩm nghiên cứu của NH thông qua hội đồng nghiệm thu đảm bảo tính công khai, minh bạch **[H11.4.10]** **[H11.4.11]**. Kết quả NCKH được lưu trữ tại Khoa và phòng KHCN&HTPT, ngoài ra còn được công bố trang thông tin điện tử của Khoa/Nhà trường **[H11.4.12]**, **[H11.4.08(3)]**, **[H11.4.09]**. Đối với các đề tài NCKH của NH, tùy theo cấp độ của đề tài được theo dõi giám sát bởi Khoa, phòng KHCN&HTPT, Nhà trường **[H11.4.11]**, **[H11.4.13]**, **[H11.4.14]**.

Phòng KHCN&HTPT, các khoa có nhiệm vụ theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của NH được thực hiện dựa theo văn bản Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ Trường ĐHTB số 358/QĐ-ĐHTB ngày 18/5/2023 **[H11.4.02 (3)]**. Kinh phí dành cho NCKH của NH được trích từ ngân sách của trường **[H11.4.15]**. Trong quá trình NH thực hiện NCKH, phòng KHCN&HTPT theo dõi, đôn đốc về mặt tiến độ. Tại Khoa, Trợ lý KHCN&HTPT của Khoa cùng các GV hướng dẫn NH triển khai thực hiện theo kế hoạch, theo dõi, giám sát loại hình và các hoạt động NCKH của NH **[H11.4.13]**, **[H11.4.14]**.

Năm 2024, Khoa đã thực hiện việc đối sánh về số lượng các loại hình NCKH của NH ngành Luật với các ngành đào tạo của Nhà trường trong giai đoạn 2020 - 2024, kết quả như sau **[H11.4.10]**.

Bảng 11.4.01. Đối sánh đề tài cấp trường các ngành trong trường

Năm	TCNH		CNTT		CNKT cơ khí		Luật	
	Số SV tham gia	Số lượng đề tài	Số SV tham gia	Số lượng đề tài	Số SV tham gia	Số lượng đề tài	Số SV tham gia	Số lượng đề tài
2020	6	2	8	2	5	1	0	0
2021	8	3	10	3	5	1	0	0
2022	14	4	15	4	5	1	0	0
2024	0	0	5	1	5	1	0	0
Tổng	28	9	38	10	20	4	0	0

Bên cạnh đó, ngành Luật cũng tiến hành đối sánh về số lượng các đề tài NCKH cấp trường của NH ngành Luật với ngành Luật Học viện Phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn 2020-2024, kết quả như sau [H11.4.11], [H11.4.16]

Bảng 11.4.2. Đối sánh đề tài SV NCKH cấp trường ngành Luật của Trường DHTB và Học viện Phụ nữ Việt Nam

Năm học	Trường Đại học Thái Bình	Học viện Phụ nữ Việt Nam
2020 - 2021	0	0
2021 - 2022	0	2
2022 - 2023	0	4
2023 - 2024	0	5
Tổng	0	11

Kết quả thống kê và đối sánh về số lượng đề tài NCKH cấp trường của SV cho thấy SV ngành Luật tham gia NCKH cấp trường còn hạn chế. Kết quả này cũng giúp Nhà trường/Khoa dự báo xu hướng SV tham gia NCKH của Khoa, từ đó xây dựng KH định hướng cải tiến công tác NCKH của SV của Nhà trường trong những năm kế tiếp.

Đề thúc đẩy hoạt động NCKH của SV, Nhà trường đã có chính sách như: được hỗ trợ kinh phí NCKH của NH theo quy chế chi tiêu nội bộ với các đề tài đạt giải và cả các đề tài không đoạt giải [H11.4.15]; được Sở KHCN và Nhà trường khen thưởng trong công tác NCKH [H11.4.17]. Hằng năm, Nhà trường, Khoa tổ chức tổng kết các hoạt động KHCN và trao thưởng các hội thi như: Hội thi SV NCKH cấp trường, qua đó đánh giá những kết quả đạt được và đề ra phương hướng nhiệm vụ NCKH phù hợp với bối cảnh, mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường với xu thế phát triển của thời đại và phù hợp khả năng của NH, đồng thời tuyên dương khen thưởng các tập thể/cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động KHCN [H11.4.18]. Nhờ các chính sách này, năm học 2024-2025, số lượng đề tài NCKH của NH trong khoa đã tăng lên đáng kể, cụ thể có 15 đề tài NCKH tham gia ở cấp khoa, trong số đó, khoa chọn được 08 tham dự tại cấp trường và cả 08 đề tài đều đạt giải [H11.4.18(5)].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa có nhiều chính sách khuyến khích NH tham gia NCKH với nhiều hình thức khác nhau: Khoa còn có những hỗ trợ về tài chính, về tinh thần, kết nối NH với các chuyên gia thực hành thuộc lĩnh vực nghiên cứu để lấy số liệu khảo sát hoặc nghiên cứu tình huống thực tế cụ thể tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Các hoạt động NCKH của NH được theo dõi giám sát đúng quy định. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của NH, được sử dụng để phục vụ hoạt động học tập của NH. Ngoài ra, SV ngành Luật còn thực hiện đa dạng các loại hình NCKH liên quan đến đặc thù của ngành như tham gia Phiên toà giả định, tham gia Hội thi tìm hiểu về pháp luật.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài và tỷ lệ SV tham gia NCKH các cấp chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa và Nhà trường quan tâm nhiều hơn đến hỗ trợ và khuyến khích SV thực hiện và tham gia các đề tài NCKH gắn với các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo bằng nhiều hình thức khác nhau như hỗ trợ về kinh phí, hỗ trợ kết nối chuyên gia và hỗ trợ khảo sát lấy số liệu thực tế.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ (cán bộ NV, GV, NH, NH đã TN, NTD) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC,... Trong Chiến lược và KH thực hiện chất lượng ĐBCL trường ĐHTB giai đoạn 2018-2021, tầm nhìn đến 2030, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho phòng TCCB, TT&ĐBCL là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, đánh giá, giám sát, đôn đốc các hoạt động liên quan đến công tác ĐBCL giáo dục của Nhà trường và giao cho các đơn vị làm đầu mối lấy ý kiến phản hồi của các BLQ **[H11.5.01]**. Nhà trường cũng xây dựng quy định về quy trình, công cụ đo lường sự hài lòng các BLQ. Trong quy định lấy ý kiến phản hồi các BLQ đã phân công nhiệm vụ cho phòng TCCB, TT&KĐCL, phòng ĐT&HSSV và các khoa **[H11.5.02]**. Hằng năm, nhà trường đã xây dựng và triển khai KH khảo sát các BLQ, trong đó xác định rõ về quy trình, nội dung, cách thức tổ chức triển khai, thống kê, phân tích, đánh giá ý kiến về mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, chất lượng đào tạo, dịch vụ hỗ trợ, CSVC...**[H11.5.03]** **[H11.5.04]**, **[H11.5.05]**, **[H11.5.06]**. **[H11.5.07]**. Các khảo sát của Nhà trường đều được thống kê, xử lý số liệu, phân tích, đánh giá và báo cáo, đồng thời đưa ra các kiến nghị nhằm cải tiến chất lượng các lĩnh vực của Nhà trường **[H11.5.08]**, **[H11.5.09]**,

[H11.5.10], [H11.5.11]. Lĩnh vực phục vụ, hỗ trợ hoạt động học tập, CSVC đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH, số liệu được tổng hợp từ Báo cáo khảo sát của NH về chất lượng môi trường học tập hằng năm **[H11.5.08]**. Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ các điều kiện làm việc của GV, số liệu được tổng hợp từ báo cáo khảo sát CBGV về chất lượng môi trường làm việc hằng năm **[H11.5.09]**. Hoạt động NCKH được khảo sát từ GV, NH, DN, số liệu được tổng hợp từ Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của CBGV, doanh nghiệp và NH về hoạt động NCKH năm 2020 -2024. **[H11.5.10]**. Nhà trường thực hiện khảo sát SV trước khi TN về chất lượng toàn khoá học, trong đó cũng có tiêu chí về dịch vụ hỗ trợ, CSVC trong toàn khoá học, số liệu được tổng hợp từ Báo cáo khảo sát SV trước khi TN năm 2020-2024 **[H11.5.11]**. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của các BLQ ngành Luật về chất lượng các hoạt động ở mức khá cao.

Căn cứ vào số liệu báo cáo, khoa Luật, CTH&QHQT đã tổng hợp số liệu khảo sát các đối tượng (GV, NH, NH TN, NTD) theo các lĩnh vực và thực hiện đối sánh tỷ lệ hài lòng đối với CTĐT ngành Luật giữa các năm với các CTĐT khác cùng trình độ trong Trường làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD của Khoa **[H11.5.12]**. kết quả tại Bảng 11.5.01.

Bảng 11.5.01. Tỷ lệ hài lòng các BLQ CTĐT ngành Luật qua các năm

ĐVT: %

Lĩnh vực	GV	NH	NH trước khi TN	Trung Bình
Năm 2020				
NCKH	91,25	91,,30	-	91,28
Dịch vụ hỗ trợ	86,00	81,75	68,19	78,65
CSVC	66,70	85,70	67,43	73,28
Năm 2021				
NCKH	84,85	88,75	-	86,86
Dịch vụ hỗ trợ	-	86,60	81,76	84,18
CSVC	79,60	86,60	81,76	82,65
Năm 2022				
NCKH	84,85	88,87	-	93,18
Dịch vụ hỗ trợ	73,60	82,30	81,60	79,17
CSVC	71,70	83,10	82,00	78,93
Năm 2023				

NCKH	84,85	88,75	-	87,58
Dịch vụ hỗ trợ	-	85,55	89,30	87,43
CSVC	82,64	-	91,70	87,17
Năm 2024				
NCKH	87,85	88,75	-	88,30
Dịch vụ hỗ trợ	82,00	81,90	83,00	82,30
CSVC	76,10	81,00	78,70	78,60
Giai đoạn 2020 – 2024				
NCKH	86,73	89,28	-	87,40
Dịch vụ hỗ trợ	80,53	83,62	80,77	81,64
CSVC	75,35	84,10	80,32	79,92
Trung bình	80,87	85,67	81,44	82,98
Năm 2025				
NCKH	-	80,9		80,90
Dịch vụ hỗ trợ	88,20	82,10	87,50	85,93
CSVC	80,50	80,20	84,50	81,73

Trong giai đoạn 2020-2024, Nhà trường và Khoa đã tiến hành thống kê, phân tích mức độ hài lòng của các BLQ đối với các dịch vụ hỗ trợ đào tạo CTĐT ngành Luật. Kết quả cho thấy, GV có mức hài lòng trung bình về NCKH đạt 86,73%; NH có mức hài lòng trung bình về NCKH đạt 89,28%; GV có mức hài lòng trung bình về Dịch vụ hỗ trợ đạt 80,53%; NH có mức hài lòng trung bình về Dịch vụ hỗ trợ đạt 83,62%; NH trước khi TN có mức hài lòng trung bình về Dịch vụ hỗ trợ đạt 80,77%; GV có mức hài lòng trung bình về CSVC đạt 80,53%; NH có mức hài lòng trung bình về Dịch vụ hỗ trợ đạt 84,10%; NH trước khi TN có mức hài lòng trung bình về Dịch vụ hỗ trợ đạt 80,32%; Mức hài lòng trung bình của tất cả các nhóm đối tượng đạt 82,98%, phản ánh sự đánh giá tích cực về chất lượng đào tạo và các hoạt động hỗ trợ của chương trình.

Xét theo từng lĩnh vực, mức độ hài lòng về hoạt động NCKH dao động từ 84,85% - 91,25%, trung bình 5 năm đạt 87,40%. Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ có mức hài lòng dao động từ 73,60% - 87,85%, trung bình đạt 81,64%. Đối với CSVC, mức hài lòng dao động từ 66,70% - 82,64%, trung bình đạt 79,92%. Đối sánh theo từng nhóm đối tượng với cả ba lĩnh vực cho thấy: NH có mức độ hài lòng cao nhất (85,67%), tiếp theo là NH trước TN (81,44%) và GV (80,87%). Kết quả này khẳng định chất lượng đào tạo, dịch vụ hỗ trợ và CSVC của chương trình đào tạo ngành Luật đang được các BLQ đánh giá ở mức khá cao. Đồng thời, khoa Luật, CTH&QHQT cũng lập bảng tổng hợp số liệu về mức độ

hài lòng các BLQ đối với 04 CTĐT ngành CNTT, Cơ khí, TCNH, Luật và thực hiện đối sánh.

Bảng 11.5.02. Đối sánh tỷ lệ hài lòng các BLQ GV, NH, NH tốt nghiệp, NTD trung bình trong 5 năm 2020-2024 giữa 4 CTĐT

NGÀNH	GV	NH	NH trước khi tốt nghiệp	Trung bình
CNTT	79,85	83,32	84,74	82,64
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	79,78	81,96	83,47	81,74
Tài chính ngân hàng	80,87	85,67	81,44	82,66
Luật	80,87	85,67	84,44	83,66
Trung bình	80,34	84,16	83,52	82,67

Trên cơ sở phân tích các kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh tỷ lệ hài lòng của các BLQ, Nhà trường và khoa Luật, CTH&QHQT đã lập KH cải tiến chất lượng. Nhiều giải pháp thiết thực đã được triển khai như: đa dạng các công cụ lấy ý kiến, đầu tư nâng cấp hệ thống mạng Internet, cải thiện hiệu quả các kênh thông tin kết nối chính thống giữa Nhà trường với SV và GV.

Nhà trường, khoa Luật, CTH&QHQT đã thu thập, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các BLQ, sử dụng kết quả đối sánh CTĐT ngành Luật giữa các năm và đối sánh với các CTĐT khác cùng trình độ trong Trường và ngoài Trường làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ của Khoa.

Phòng TCCB, TT&KĐCL định kỳ báo cáo kết quả khảo sát ý kiến các BLQ lên Ban Giám hiệu và thông tin đến các đơn vị có liên quan để phân tích, đánh giá và sử dụng dữ liệu phản hồi phục vụ công tác cải tiến chất lượng. Trên cơ sở đó, nhiều giải pháp thiết thực đã được triển khai như: đầu tư nâng cấp hệ thống mạng Internet, cải thiện hiệu quả các kênh thông tin kết nối chính thống giữa Nhà trường với NH và GV [H11.5.13]; bổ sung giáo trình, học liệu phục vụ giảng dạy và học tập [H11.5.14]. CTĐT ngành Luật cũng đã được rà soát, cập nhật và đổi mới trong giai đoạn 2020–2024 nhằm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và xu hướng phát triển của ngành nghề. Cụ thể, năm 2021, CTĐT được điều chỉnh theo sứ mạng, tầm nhìn của Trường, trong đó, một số HP được thiết kế tích hợp với nhau thành module môn học nhằm giúp NH đạt được các CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Đến năm 2023, CTĐT tiếp tục được điều chỉnh theo hướng nâng cao kỹ năng nghề cho NH, phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực ngành Luật hiện nay [H11.5.15]. Đối với chất lượng dịch vụ hỗ trợ, khoa Luật, CTH&QHQT phối hợp với các phòng ban trong phạm vi Trường để lập KH cải tiến nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ, đặc biệt là GV, NH như: cải thiện về CSVC, tích cực hỗ trợ NH trong

hoạt động đào tạo, giải quyết vấn đề học vụ. Tuy nhiên, trong hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ, Nhà trường cũng như các đơn vị liên quan chưa khác thác hết kết quả khảo sát làm căn cứ cho việc cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Thiết lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp cận phản hồi từ các BLQ.

- Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, lập thành báo cáo lấy ý kiến phản hồi của các BLQ và gửi đến các BLQ theo quy định.

- Đã tiến hành đối sánh CTĐT của ngành Luật với các ngành đào tạo trong trường, ngoài trường.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ phản hồi của các BLQ như GV tương đối cao nhưng chưa đạt được mức độ tối đa 100% và việc thu thập và đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ còn gặp nhiều khó khăn do số lượng các BLQ tham gia khảo sát và hình thức khảo sát còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025–2026, khoa Luật, CTT&QHQT phối hợp với Phòng TCCB, TT&KĐCL đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến các BLQ, tăng số lượng đơn vị tham gia khảo sát; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền để tăng tính hiệu quả, tăng tỷ lệ phản hồi; đồng thời rà soát, cải tiến và triển khai hệ thống khảo sát ý kiến các BLQ, đảm bảo phân tích, giám sát, đối sánh mức độ hài lòng với các quy định, nhằm cải tiến chất lượng một cách hệ thống và hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Kết luận tiêu chuẩn 11

Nhìn chung, nhờ sự giám sát, hỗ trợ thường xuyên cho NH và có các biện pháp cải tiến kịp thời, số lượng SV thôi học của CTĐT ngành Luật giảm, tỉ lệ TN đúng hạn và có việc làm sau khi TN cao. Kết quả khảo sát cho thấy SV sau khi TN nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. GV, SV, cựu SV và NTD đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên, số lượng các hoạt động NCKH của SV còn chưa nhiều. Để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần xây dựng KH khuyến khích các em làm NCKH, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm... nhằm trang bị cho SV để các em đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi TN. Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Luật trình độ ĐH tự đánh giá tiêu chuẩn 11 có 1/5 tiêu chí đạt 5/7, 4/5 tiêu chí đạt 4/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Trường ĐHTB đã triển khai tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Luật một cách nghiêm túc, đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành Luật dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GDĐT. Qua việc tự đánh giá, khoa Luật, CTH&QHQT đã nhận diện được những điểm mạnh và những điểm tồn tại trong công tác quản lý, đào tạo, trong các hoạt động chuyên môn của đơn vị...; trên cơ sở đó đề ra KH hành động nhằm phát huy những ưu điểm, những mặt đã làm được, khắc phục những mặt còn hạn chế, tiếp tục duy trì và cải tiến chất lượng.

Một số điểm được rút ra từ kết quả tự đánh giá như sau:

1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Luật

1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT ngành Luật được xác định rõ ràng, được rà soát, chỉnh sửa định kỳ 2 năm một lần, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHTB qua từng giai đoạn, đồng thời phù hợp với mục tiêu chung theo quy định của Luật GDĐH và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

CĐR của CTĐT ngành Luật được xây dựng dựa trên tiếp cận phát triển năng lực, các nội dung được mô tả cụ thể, rõ ràng, phản ánh đúng mục tiêu của CTĐT, đồng thời đảm bảo tính đo lường và khả năng đánh giá. CĐR được thiết kế nhằm khuyến khích sự chủ động và sáng tạo của SV, tạo môi trường thuận lợi để SV tự định hướng trong học tập và tìm hiểu thông tin. Qua đó, SV có điều kiện phát triển toàn diện về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm và triển vọng việc làm trong tương lai.

CĐR của CTĐT đã được xây dựng và điều chỉnh theo quy định hiện hành, được rà soát, điều chỉnh 2 năm/lần và công bố công khai dưới nhiều hình thức và có sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các BLQ, đặc biệt là các NTD và CSV TN do khoa đào tạo.

1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Nhà trường đã ban hành bản mô tả CTĐT ngành Luật trình độ ĐH được điều chỉnh vào các năm 2021, 2023.

Bản mô tả CTĐT ngành Luật năm 2023 có đầy đủ các nội dung bao gồm thông tin về chương trình; mục tiêu và CĐR; chuẩn đầu vào; đối sánh CTĐT; cấu trúc CTĐT; vị trí NH sau TN, mô tả tóm tắt nội dung HP; tổ chức thực hiện CTĐT.... cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện chương trình, hỗ trợ người dạy, NH trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các BLQ và được tích hợp những nội dung mới nhất liên quan. Bản mô tả CTĐT được cập nhật thường xuyên qua từng đợt rà soát, được điều chỉnh đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội.

ĐCCT các HP ngành Luật được chuẩn hoá theo quy định của Nhà trường, có đầy đủ các thông tin và được định kỳ bổ sung, cập nhật. Trong quá trình chỉnh sửa, cập nhật ĐCCT đã có sự tham gia ý kiến của các BLQ.

100% ĐCCT HP thuộc CTĐT ngành Luật đều có đầy đủ các nội dung cấu thành theo quy định; được thiết kế khoa học, cung cấp thông tin đầy đủ và rõ ràng, thể hiện nội dung cần thiết cho người dạy, NH, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các BLQ để giám sát. ĐCCT các HP được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay. Mọi thông tin liên quan đến HP, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của HP đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, KH học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

ĐCCT các HP của CTĐT ngành Luật được xây dựng cập nhật, bổ sung và hoàn thiện để hướng đến việc SV có thể đạt được CĐR HP và CĐR của CTĐT.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP trong CTĐT ngành Luật được công bố công khai, đa dạng các hình thức đến các BLQ, đáp ứng nhu cầu tra cứu linh hoạt của nhiều nhóm đối tượng (SV, phụ huynh, GV, NTD), dễ dàng truy cập thông qua thiết bị di động, máy tính cá nhân ở mọi thời điểm để các BLQ dễ dàng tiếp cận, giúp cho SV có KH học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho GV phụ trách HP trong CTĐT hiểu rõ kiến thức SV cần nắm được sau khi kết thúc HP; giúp các khoa chuyên mô và các đơn vị liên quan trong Trường dễ dàng phối hợp, triển khai thực hiện và giám sát; giúp cho NTD biết được các kỹ năng đạt được của SV TN.

1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành Luật đã thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR và nội dung chương trình đã đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; Do CĐR được xây dựng rõ ràng, có thể đo lường được nên chương trình được vận hành một cách hiệu quả có hệ thống. Kết cấu chương trình bao gồm các HP được xây dựng khoa học, logic đảm bảo cho SV tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối kiến thức đại cương đến kiến thức chuyên ngành; các HP trong CTDH xác định phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp góp phần đạt được CĐR.

CTDH ngành Luật xác định rõ ràng sự đóng góp của HP đối với CĐR của CTĐT, những nội dung các HP hướng tới đạt CĐR. Tất cả các HP trong CTDH đều được thiết kế nội dung có sự tương thích và thể hiện được sự đóng góp vào việc đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Các HP đều xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp nhằm hỗ trợ tốt cho việc đảm bảo đạt được CĐR. Các HP trong CTDH thể hiện rõ việc đạt được CĐR và định kỳ rà soát trên cơ sở ý kiến của các BLQ.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống theo hướng linh hoạt, đáp ứng xu hướng phát triển của ngành Luật hiện nay, được cập nhật định kỳ theo quy định trên cơ sở ý kiến các BLQ và đối sánh với các CTĐT tiên tiến. Cấu trúc CTDH chú trọng cả bề rộng lẫn bề sâu; các HP được thiết kế đề cao tính đặc trưng của ngành Luật là tính ứng dụng và thực hành; các HP chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo. Trong CTĐT năm 2023, đa số các HP có ĐCCT được thiết kế với nội dung học tập linh hoạt, ít bị ràng buộc với các HP khác để SV có thể chủ động trong xây dựng KH học tập của bản thân.

1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới CBGV và SV để hiểu rõ và thực hiện.

Các hoạt động dạy và học của các HP được thiết kế phù hợp nhằm đạt CĐR; đội ngũ GV trong Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm giúp SV lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất. Việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển tính tích cực, sáng tạo của NH, năng lực NH được chú trọng phát triển. Việc sử dụng đa dạng phương pháp dạy học như tổ chức học tập theo nhóm, thuyết trình, phát vấn, đi thực tế, thực tập, đọc tài liệu tiếng Anh... đã giúp NH phát triển kỹ năng mềm, hỗ trợ tốt cho SV đạt được CĐR.

100% ĐCCT HP trong CTĐT ngành Luật được mô tả rõ ràng việc sử dụng các phương pháp dạy và học phù hợp để đạt được CĐR. Các PPDH đa dạng đã góp phần thúc đẩy NH rèn luyện các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. GV đã triển khai đa dạng các hoạt động hỗ trợ NH nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu.

1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Trường đã xây dựng quy trình đánh giá KQHT của NH, từ đó ban hành các quy định cũng như các văn bản hướng dẫn về phương pháp và hình thức đánh giá KQHT của NH, phù hợp với mục tiêu giáo dục và tương ứng với mức độ đạt được của CĐR.

Phương pháp đánh giá KQHT được Trường, Khoa và ngành Luật tiến hành tổng kết, rà soát và điều chỉnh hằng năm.

Trường có hệ thống văn bản quy định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi về đánh giá KQHT của NH và được thông báo công khai đến NH thông qua nhiều phương thức khác nhau.

Khoa, ngành đã có nhiều hình thức tiếp cận đến NH để cung cấp những thông tin kịp thời, hữu ích tới NH để đạt được kết quả tốt nhất.

Ngành Luật sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau phù hợp với đặc thù nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực Luật và đáp ứng CĐR của CTĐT, đồng thời xác định được tiêu chí đánh giá rõ ràng của từng nội dung đánh giá.

Nhà trường có những quy định, hướng dẫn cụ thể trong công tác quản lý KQHT của NH, đảm bảo KQHT được phản hồi kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và bảo mật, giúp NH chủ động trong việc cải thiện KQHT của bản thân, tạo điều kiện tốt nhất trong học tập cho NH. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, việc nhập điểm thành phần, điểm thi kết thúc HP trên phần mềm giúp NH cập nhật nhanh chóng, thuận lợi, qua đó có thể chủ động trong việc cải thiện KQHT của bản thân.

Nhà trường có đầy đủ các quy trình, quy định về khiếu nại, kiểm tra KQHT và được phổ biến, công khai đến toàn thể SV nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại về KQHT được tiến hành đúng quy trình, quy định, đảm bảo công bằng, minh bạch, kịp thời.

SV ngành Luật rất hài lòng với kết quả điểm thi, trong 05 năm gần đây, không phát sinh khiếu nại hoặc đơn phúc khảo bài thi ở tất cả các HP do Khoa quản lý.

1.6. Đội ngũ giảng viên

Việc thực hiện KH phát triển đội ngũ GV của Khoa phù hợp với CLPT và quy hoạch cán bộ của Trường. Vì vậy, đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Nhà trường có văn bản quy định cụ thể và triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về khối lượng công việc và quy đổi giờ chuẩn đối với GV theo từng chức danh và đáp ứng được yêu cầu.

Công tác giám sát, đo lường, đánh giá về khối lượng công việc đối với đội ngũ GV được chú trọng, thực hiện một cách chặt chẽ làm căn cứ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Nhà trường để bổ nhiệm, điều chuyển, tuyển dụng lao động hợp đồng cho Khoa được thực hiện theo quy định rõ ràng, minh bạch và công khai.

Năng lực của đội ngũ GV trong Khoa được xác định rõ ràng và được đánh giá đa dạng về hình thức. Đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao.

Quy định về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đã được xây dựng và thực hiện có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của CTĐT, CLPT đội ngũ của Nhà trường.

Trường đã có các hoạt động và chính sách hỗ trợ cho GV đi đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn.

Đội ngũ GV của Khoa có ý thức và luôn chủ động học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Hàng năm, Khoa đều xây dựng được kế hoạch năm học của đơn vị, phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi GV. Trên cơ sở đó có căn cứ để đánh giá, quản lý được việc thực hiện nhiệm vụ đối với GV và đề xuất thi đua khen thưởng. Nhà trường có hệ thống văn bản đánh giá thi đua khen thưởng rõ ràng, được công khai minh bạch.

Nhà trường có văn bản quy định chi tiết về các loại hình và hoạt động NCKH. Khoa đã thực hiện được nhiều đề tài NCKH thuộc lĩnh vực chuyên ngành Luật. Số lượng và loại hình các sản phẩm khoa học của Khoa có sự phát triển và đa dạng hơn qua các năm. Có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Việc tổ chức theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ NCKH được diễn ra thường xuyên, kịp thời. Trường yêu cầu đánh giá kết quả NCKH thông qua bảng kê khai giờ NCKH, đây là một trong những chỉ số quan trọng nhất để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cũng như bình xét danh hiệu thi đua đối với mỗi cá nhân, VC, GV.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ NV tại các đơn vị có trình độ đáp ứng nhu cầu, có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp, hỗ trợ đủ về số lượng, chất lượng, đáp ứng tốt các yêu cầu về đào tạo và nghiên cứu, tận tình hỗ trợ SV học tập, NCKH, rèn luyện và PVCĐ.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích ý kiến của các bên liên quan, đồng thời được phổ biến và công khai bằng nhiều hình thức.

Trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV, năng lực của đội ngũ NV làm việc tại các khoa, phòng, trung tâm đều đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Hằng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Các tiêu chí xác định lựa chọn đi học tập, bồi dưỡng được quy định rõ ràng, cụ thể trong quy định của Trường.

Nhà trường có hệ thống theo dõi giám sát chặt chẽ để đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc.

1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách TS của nhà trường trong đó có ngành Luật là phù hợp, tuân thủ nghiêm túc quy định, quy chế của Bộ GDĐT, của Trường ĐHTB; đa dạng các phương thức TS để NH có nhiều cơ hội lựa chọn các ngành học của Nhà trường. Các chính sách ưu đãi TS như học bổng đầu vào của nhà trường, của nhà tài trợ đã thu hút được nhiều học sinh có điểm xét tuyển cao góp phần nâng cao chất lượng đầu vào của ngành học. Chính sách ưu đãi về miễn giảm học phí, miễn tiền ở KTX đã hấp dẫn NH. Chính sách TS hàng năm của nhà trường đã được công bố rộng rãi, công khai, cập nhật thường xuyên bằng các hình thức truyền thông TS đa dạng, phong phú cả trực tiếp và trực tuyến.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, phù hợp với các quy định của Bộ GDĐT, phù hợp với thực trạng của thí sinh trong vùng TS trọng điểm của Trường ĐHTB và yêu cầu cơ bản của NH ngành Luật. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH hàng năm được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, kiểm tra, giám sát và rút kinh nghiệm trong việc xây dựng chính sách và các tiêu chí TS.

Đề án TS hàng năm của Nhà trường được đánh giá, cập nhật, bổ sung các tiêu chí và phương thức tuyển chọn NH, các tổ hợp môn xét tuyển để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh có cơ hội vào ĐH mà vẫn ĐBCL đầu vào.

Hệ thống giám sát, kiểm tra sự tiến bộ của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, có quy trình cụ thể, phân công rõ ràng trách nhiệm của các bộ phận và có sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị, tác động tích cực đến hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH.

Các hoạt động tư vấn học tập được triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của NH; các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khoá được NH ngành Luật hưởng ứng tích cực, góp phần tạo động lực, khích lệ NH phát huy được các kiến thức, kỹ năng và thái độ trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường. Tỷ lệ có việc làm đúng chuyên môn của NH ngành Luật khá cao.

Nhà trường có môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp, thoáng mát, an toàn; môi trường tâm lý xã hội tích cực cho hoạt động học tập nghiên cứu của CBGV, phát huy tối đa năng lực tự chủ của NH.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng hiện đại, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu làm việc của CB, GV và nhu cầu học tập của SV; đạt các tiêu chí theo chuẩn cơ sở GDĐH, có diện tích sử dụng phòng học trên người học vượt tiêu chuẩn quy định (9,09 m²/1 SV).

Thư viện rộng rãi, tiện nghi, số đầu sách lớn và được quản lý khoa học bằng phần mềm chuyên dụng đáp ứng tốt yêu cầu truy cập tài liệu của CBGV và HSSV.

Các phòng máy tính được trang bị đầy đủ về số lượng và chất lượng, phục vụ tốt cho hoạt động học tập và nghiên cứu của SV trong toàn trường và đặc biệt SV ngành Luật; các phòng máy, trang thiết bị được bảo trì, thay mới kịp thời; phân công cán bộ phụ trách, có hồ sơ theo dõi đầy đủ và khoa học, việc đánh giá hiệu quả các trang thiết bị được thực hiện thường xuyên.

Hạ tầng CNTT đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng, các máy tính đều được nối mạng internet và mạng LAN, mạng văn phòng của tỉnh. Các phần mềm được khai thác và sử dụng hiệu quả cao, chế độ bảo mật tốt.

Nhà trường luôn quan tâm đến sức khỏe của CBGV và SV; có quy định các tiêu chuẩn, tổ chức triển khai và thực hiện về môi trường, sức khỏe và an toàn; hằng năm đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ để đảm bảo cho mọi người đủ sức khỏe trong đào tạo và nghiên cứu, đồng thời chú trọng đến nhu cầu của người khuyết tật.

Cảnh quan môi trường, hệ thống cây xanh tạo không gian thoáng mát, thoải mái. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn tài sản và tính mạng cho CBGV-NV và SV được đặc biệt chú trọng.

1.10. Nâng cao chất lượng

Nhà trường đã triển khai nhiều phương pháp lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các BLQ khi xây dựng, phát triển, rà soát, điều chỉnh CTĐT, đề cương HP.

CTĐT của Nhà trường được cải tiến theo hướng liên thông, liên ngành, liên khoa đáp ứng nhu cầu của SV và NTD.

Khoa LCQ đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, tổng hợp, lựa chọn và sử dụng thông tin phản hồi vào thiết kế, phát triển CTDH ngành Luật một cách khoa học và có những thay đổi phù hợp với tình hình thực tế trong các lần rà soát, điều chỉnh CTDH.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH, CTĐT ngành Luật được xây dựng rõ ràng, đúng quy định. CTDH được cải tiến định kỳ, dựa trên kết quả của việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

Quá trình dạy và học ngành Luật thực hiện đúng các quy định, quy chế đào tạo ĐH và hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng. Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ và chặt chẽ, đảm bảo sự tương thích với CĐR.

Các sản phẩm NCKH của Khoa ngày càng tăng, đa dạng hơn về nội dung, hình thức; chất lượng các sản phẩm NCKH ngày càng cao. Khoa đã vận dụng có hiệu quả các kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được thực hiện thường xuyên, trên cơ sở đó Trường và ngành Luật đã thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm nâng cao chất lượng CTĐT ngành Luật.

Nhà trường đã triển khai các hoạt động khảo sát các BLQ với các quy định, KH đầy đủ, thành lập ban chỉ đạo, tổ khảo sát; tổ chức các hội nghị đánh giá về kết quả hoạt động khảo sát hằng năm.

Cơ chế phản hồi của Nhà trường được thiết lập, có tính hệ thống và nhận được nhiều ý kiến phản hồi của các BLQ trong các hoạt động của Nhà trường có độ tin cậy.

Cơ chế phản hồi của các BLQ được đánh giá và cải tiến, làm căn cứ để nâng cao chất lượng đào tạo.

1.11. Kết quả đầu ra

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ TN của SV ngành Luật được xác lập.

Có hệ thống giám sát tỷ lệ thôi học và tỷ lệ TN của SV ngành Luật.

Thực hiện đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ TN trong và ngoài trường phục vụ công tác cải tiến, nâng cao chất lượng.

Đã có sự xác lập thời gian TN trung bình đối với NH ngành Luật, đồng thời có theo dõi, giám sát thời gian TN trung bình.

Trường và khoa Luật, CTH&QHQT đã có những biện pháp hỗ trợ cần thiết phục vụ NH trong quá trình học tập tại trường, tạo điều kiện cho NH TN đúng hạn.

Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm sau khi TN; thực hiện khảo sát, đối sánh từ đó tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho NH; hợp tác với các doanh nghiệp để NH thực tập/trải nghiệm và tìm kiếm việc làm sau TN.

Nhà trường, Khoa có nhiều chính sách khuyến khích NH tham gia NCKH với nhiều hình thức khác nhau: Khoa còn có những hỗ trợ về tài chính, về tinh thần, kết nối NH với các chuyên gia thực hành thuộc lĩnh vực nghiên cứu để lấy số liệu khảo sát hoặc nghiên cứu tình huống thực tế cụ thể tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Các hoạt động NCKH của NH được theo dõi giám sát đúng quy định. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của NH, được sử dụng để phục vụ hoạt động học tập của NH. Ngoài ra, SV ngành Luật còn thực hiện đa dạng các loại hình NCKH liên quan đến đặc thù của ngành như tham gia Phiên toà giả định, tham gia Hội thi tìm hiểu về pháp luật.

Thiết lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp cận phản hồi từ các BLQ.

Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, lập thành báo cáo lấy ý kiến phản hồi của các BLQ và gửi đến các BLQ theo quy định.

Đã tiến hành đối sánh CTĐT của ngành Luật với các ngành đào tạo trong trường, ngoài trường.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cải tiến chất lượng của CTĐT

2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Số lượng ý kiến khảo sát doanh nghiệp về xây dựng, rà soát điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành Luật còn chưa nhiều, chưa đa dạng.

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt, đối với CĐR chung của CTĐT được xác định rõ, nhưng các CĐR chuyên biệt chưa được mô tả một cách rõ ràng giữa CĐR kiến thức và CĐR kỹ năng chuyên môn.

Dữ liệu khảo sát lấy ý kiến các BLQ về CĐR của CTĐT chưa nhiều, số lượng chuyên gia tham gia góp ý còn ít.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mặc dù có khảo sát nhưng mức độ tham gia của các BLQ ngoài nhà trường còn hạn chế, ảnh hưởng đến tính khách quan và phù hợp với thị trường lao động của CTĐT. Bản mô tả CTĐT năm 2023 ngành Luật chưa tham khảo được nhiều các CTĐT tiên tiến nước ngoài.

Chưa cập nhật đầy đủ trên tờ rơi, tài liệu quảng bá HP trên bản tin của khoa.

Một số đề cương HP còn ít tài liệu tham khảo và cập nhật các nội dung mới chưa nhiều để SV có thể tham khảo dễ dàng. Các tài liệu tham khảo như giáo trình điện tử còn hạn chế. Điều này khiến cho GV, SV khó tiếp cận với các tài liệu hiện đại, mới, mang tính quốc tế nên đôi lúc chưa theo kịp những phát triển mới trong nghiên cứu, đào tạo...

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan bằng các hình thức trong đó có hình thức qua các kênh thông tin online (website) để công bố bản mô tả CTĐT còn mang tính một chiều, chưa tiếp nhận được sự phản hồi trực tiếp của NH, NTD; chưa có công cụ thống kê mức độ truy cập bản mô tả CTĐT bởi các nhóm người dùng, chưa thuận lợi nhiều khi truy cập.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Trong CTDH năm 2023, một số HP chuyên ngành thuộc khối kiến thức M5 thường áp dụng PPDH truyền thống, chưa áp dụng nhiều phương pháp dạy học tiên tiến như phương pháp đóng vai, phương pháp tình huống, phương pháp trải nghiệm thực tế....

Tuy nhiên, CTDH vẫn còn số ít các HP chưa phối hợp linh hoạt các PPDH để nâng cao mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm của NH.

Việc đối sánh vẫn còn hạn chế khi chưa đối sánh được với các trường ĐH trên thế giới do không có nhiều trường công khai toàn bộ CTĐT ngành Luật cũng như sự khác nhau về đặc điểm của NH và mục tiêu giáo dục của mỗi đất nước.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc tuyên truyền, phổ biến triết lý giáo dục của Nhà trường đến các BLQ chưa được thực hiện đa dạng; sự tham gia của các BLQ còn hạn chế.

Hình thức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động dạy học chưa được thực hiện trên phần mềm.

Việc tổ chức họp rà soát và đo lường, đánh giá cụ thể mức độ tác động của hoạt động dạy và học nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH chưa được thực hiện thường xuyên.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Một số ít HP sử dụng phương pháp đánh giá KQHT của NH chưa đa dạng.

Vẫn còn một bộ phận SV chưa nắm vững các quy định về kiểm tra đánh giá.

Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT theo Rubric chưa được áp dụng đồng nhất giữa các HP.

Còn một số ít SV cập nhật KQHT chưa kịp thời, dẫn đến KH học tập bị ảnh hưởng, không cải thiện việc học tập kịp thời, TN trễ.

Nhà trường chưa ứng dụng tính năng khiếu nại KQHT, phúc khảo bài thi online trên Website giúp NH có thể phúc khảo từ xa và đơn giản hóa thủ tục trong quá trình phúc khảo.

2.6. Đội ngũ giảng viên

Hiện nay, tỷ lệ GV đạt trình độ giáo sư, phó giáo sư còn chưa cao.

Việc quy định các hoạt động cụ thể đối với các hoạt động PVCD của GV chưa cụ thể hóa.

Trong giai đoạn này, Nhà trường chưa ban hành quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại VC quản lý.

Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH đối với GV chưa được đưa vào tiêu chí đánh giá tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và đánh giá xếp loại CB, VC của Nhà trường.

Trường chưa có đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo.

Tỷ lệ GV nhận khen thưởng cấp cao còn hạn chế.

Bài báo khoa học của GV được đăng trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế và nhiều GV chưa tham gia chủ nhiệm các đề tài cấp cao hơn.

2.7. *Đội ngũ nhân viên*

Mặc dù có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn tốt, tuy nhiên khả năng ngoại ngữ của đội ngũ NV còn hạn chế.

Việc triển khai thông báo tuyển dụng hiện nay còn tập trung vào một số kênh truyền thông, thiếu sự đa dạng và đổi mới trong phương thức truyền thông, làm giảm khả năng tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tỷ lệ NV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm chưa cao.

Hoạt động bồi dưỡng chưa bao phủ hết nhu cầu của nhóm các vị trí việc làm.

Một số NV có trình độ lao động cơ bản chưa xây dựng KH cá nhân hàng năm.

2.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Việc lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về chính sách TS trong đó có ngành Luật chưa rộng rãi.

Việc lấy ý kiến của NH, đơn vị sử dụng lao động về phương pháp và tiêu chí tuyển chọn chưa được triển khai rộng rãi. Phương pháp TS ngành Luật chưa có nhiều điểm riêng biệt mang tính đặc thù.

Phần mềm PMT-EMS Education chỉ trích xuất được dữ liệu khi sử dụng mạng internet nội bộ tại trường, điều này đôi khi dẫn đến việc CVHT không kịp thời nắm bắt thông tin NH khi cần do CVHT tại các Khoa đều là GV nên thời gian có mặt làm việc ở trường theo chế độ của GV.

Câu hỏi khảo sát chưa được thiết kế khoa học nên chưa có nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm.

Nhà trường chưa có bộ phận hoặc chuyên viên tư vấn về tâm lý học đường.

2.9. *Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Một số trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy trong các phòng học chung, phòng chuyên ngành do khoa trực tiếp quản lý đã cũ, bị hư hỏng cần được thay mới, sửa chữa kịp thời hơn.

Giáo trình nội sinh ít, nguồn tài liệu tiếng nước ngoài của ngành Luật còn hạn chế, tài liệu tiếng Anh chưa được cập nhật thường xuyên.

Một số thiết bị dùng riêng cho SV thực hành trong các HP về phần cứng và mạng máy tính hiện vẫn còn thiếu, đặc biệt là các trang thiết bị hiện đại dùng cho các lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu như: Bộ định tuyến và chuyển mạch tốc độ cao, thiết bị Wifi tốc độ cao, máy chủ, tủ rack...

Máy tính tại một số phòng làm việc đã sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao.

Hệ thống hỗ trợ dành cho người khuyết tật chưa đầy đủ.

2.10. Nâng cao chất lượng

Khoa chưa áp dụng linh hoạt và đa dạng các phương thức thu thập thông tin phản hồi của các BLQ; việc lấy ý kiến phản hồi của các chuyên gia, nhà khoa học về CTDH ngành Luật của khoa còn ít; số lượng chuyên gia tham gia góp ý chưa nhiều.

Khoa chưa tổ chức được nhiều hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các BLQ để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT ngành Luật.

Việc vận dụng kết quả NCKH vào mục đích chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy, thảo luận, tiểu luận ở các HP Luật học ngành Luật còn hạn chế. Các đề tài NCKH ở cấp quốc gia, cấp tỉnh chưa nhiều.

Phiếu khảo sát việc thực hiện lấy ý kiến các BLQ để đánh giá hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống CNTT) chưa khoa học, độ bao phủ chưa rộng để khảo sát được toàn diện các thông tin cần thu thập.

Một số mẫu phiếu khảo sát chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cung cấp thông tin nên kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ trong một số trường hợp chưa đạt kết quả mong đợi.

2.11. Kết quả đầu ra

Tỷ lệ SV CTĐT ngành Luật thôi học còn tương đối cao do nguyên nhân SV đi xuất khẩu lao động, nghỉ do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, nghỉ đi làm hoặc lập gia đình.

Chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ thôi học và tỷ lệ TN của ngành với các cơ sở đào tạo nước ngoài.

Chưa có SV CTĐT của ngành Luật đăng ký học vượt để TN sớm, tỷ lệ NH thôi học vẫn còn đặc biệt là năm học 2016-2020 (ĐH ngành Luật khóa 5).

Một số NH chưa chủ động xây dựng KH học tập khoa học nên KQHT còn chưa cao, vẫn còn NH TN chậm so với tiến độ chung của nhà trường.

Tỷ lệ có việc làm của SV CTĐT ngành Luật tương đối cao, nhưng vẫn còn tỷ lệ nhỏ SV TN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

Số lượng đề tài và tỷ lệ SV tham gia NCKH các cấp chưa nhiều.

Tỷ lệ phản hồi của các BLQ như GV tương đối cao nhưng chưa đạt được mức độ tối đa 100% và việc thu thập và đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ còn gặp nhiều khó khăn do số lượng các BLQ tham gia khảo sát và hình thức khảo sát còn hạn chế.

3. Kế hoạch hành động

Sau khi phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT ngành Luật, để khắc phục những tồn tại trên, khoa Luật, CTH&QHQT có KH hành động để cải tiến chất lượng, cụ thể như sau:

3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Từ năm học 2025-2026, khoa Luật, CTH&QHQT thực hiện khảo sát lấy được nhiều ý kiến của các BLQ, nhất là NTD với phạm vi rộng rãi hơn để rà soát, điều chỉnh CTĐT trong chu kỳ tiếp theo.

Trong lần điều chỉnh CTĐT tiếp theo (năm 2025), khoa Luật, CTH&QHQT tiếp tục lấy ý kiến các chuyên gia, NTD về CĐR của CTĐT ngành Luật để tiếp tục rà soát CĐR, làm rõ các CĐR về kiến thức, kỹ năng chuyên môn đối với các CĐR chuyên biệt.

Từ năm 2025, khoa Luật, CTH&QHQT tăng cường hoạt động khảo sát lấy ý kiến các BLQ về CĐR của CTĐT ngành Luật đặc biệt các ý kiến của chuyên gia, NTD và CSV.

3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Trong lần rà soát năm 2025, khoa Luật, CTH&QHQT thực hiện thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, CSV, các BLQ khác ngoài trường; lập KH đối sánh bản mô tả CTĐT ngành Luật với CTĐT một số nước tiên tiến trong cùng khu vực.

Trong năm học 2025-2026, khoa Luật, CTH&QHQT phối hợp cùng với phòng ĐT&HSSV cập nhật thông tin tại tờ rơi, tài liệu quảng bá HP và trên bản tin của khoa. Ngành Luật tiếp tục bổ sung tài liệu tham khảo, các giáo trình điện tử.

Trong năm học tới, Nhà trường tích hợp chức năng đếm lượt truy cập/tải về CTĐT, nhằm đánh giá mức độ tiếp cận của từng nhóm đối tượng, phát triển, tích hợp mã QR truy cập nhanh bản mô tả CTĐT, đề cương HP trên giáo trình/sổ tay SV và gắn tại văn phòng khoa, bộ phận một cửa; phát triển video tóm tắt nội dung CTĐT để tăng tính trực quan và thu hút đối tượng phổ thông, phụ huynh, doanh nghiệp.

3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Trong lần rà soát, sửa đổi CTDH tiếp theo, khoa Luật, CTH&QHQT sẽ bổ sung thêm PPGD mới như phương pháp tình huống, phương pháp đóng vai, phương pháp trải

nghiệm thực tế,.. nhằm tăng cường tính thực tiễn, định hướng hiệu quả để NH đạt được mục tiêu, CĐR của HP.

Trong năm học 2025-2026, khoa Luật, CTH&QHQT sẽ xem xét để cải tiến, kết hợp linh hoạt các PPDH như phương pháp tự học có hướng dẫn lồng ghép với phương pháp bài tập để nâng cao mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm của NH.

Trong năm học 2025 - 2026, khoa Luật, CTH&QHQT phối hợp với phòng KHCN&HTPT tiếp tục hợp tác với các đối tác nước ngoài có đào tạo ngành Luật để tham khảo CTDH phù hợp với nhu cầu của NTD lao động và yêu cầu xã hội.

3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Năm học 2025 - 2026, Nhà trường xây dựng KH đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến triết lý giáo dục tới các BLQ thông qua nhiều kênh quảng bá như facebook, zalo, tờ rơi, tờ gấp, bộ phận truyền thông của Trường,... Đặc biệt, sử dụng hiệu quả hơn các công cụ thu thập lấy ý kiến online chứ không chỉ dừng lại ở khảo sát trắc nghiệm trên giấy. Thực hiện quảng bá mục tiêu, triết lý giáo dục, lấy ý kiến NTD qua các hoạt động thực tế, giao lưu để các nhóm đối tượng cảm thấy đây là thông điệp xuất phát từ giá trị chung mà họ đồng sáng tạo.

Năm học 2025 - 2026, phòng TCCB, TT&KĐCL đề xuất nâng cấp phần mềm về hoạt động khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ về hoạt động dạy học.

Năm học 2025 - 2026, Khoa sẽ tổ chức họp, rà soát và tiến hành việc đo lường, đánh giá cụ thể mức độ tác động của hoạt động dạy và học nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cho SV, từ đó có biện pháp điều chỉnh phù hợp, góp phần nâng cao hơn nữa khả năng học tập suốt đời của NH.

3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Trong năm học 2025- 2026, ngành Luật tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề: “Áp dụng chuyển đổi số trong kiểm tra, đánh giá NH ngành Luật để đáp ứng CĐR của CTĐT”.

Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ của năm học 2025 - 2026, sẽ lồng ghép thảo luận về các phương pháp đánh giá KQHT của NH ứng với mỗi HP, để từ đó đưa ra được các phương pháp đánh giá đa dạng hơn trong các học kỳ tiếp theo.

Trong năm học 2025 - 2026, bên cạnh việc tiếp tục công khai và đẩy mạnh phổ biến các quy định về kiểm tra đánh giá như trước, ngành Luật yêu cầu toàn thể SV xác nhận về việc đã nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá thông qua các buổi sinh hoạt với GVCN/CVHT lớp.

Trong năm học 2025 - 2026, Nhà trường tổ chức tập huấn cho các GV về đánh giá theo tiêu chí Rubric.

Từ năm học 2025 - 2026, GVCN/CVHT đẩy mạnh việc nhắc nhở NH thường xuyên cập nhật KQHT của mình.

Trong năm học 2025 - 2026, phòng ĐT&HSSV tham mưu, đề xuất với Nhà trường bổ sung, nâng cấp Website để hoàn thiện tính năng khiếu nại KQHT, phúc khảo bài thi online trên Website, phục vụ cho quy trình khiếu nại và giải quyết các khiếu nại về KQHT của NH được thuận tiện.

3.6. *Đội ngũ giảng viên*

Nhà trường bổ sung thêm cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện và đề cử GV đi học NCS; đồng thời tăng cường thu hút, trọng dụng đội ngũ GV có trình độ TS, PGS, GS tham gia giảng dạy ngành Luật.

Khoa đề xuất với nhà trường ban hành các quy định về hoạt động PVCD.

Khoa kiến nghị với Nhà trường ban hành các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại VC quản lý.

Từ năm 2025, Khoa đề xuất Nhà trường đưa kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH vào các tiêu chí đánh giá, xếp loại và xét danh hiệu thi đua đối với GV.

Đánh giá hiệu quả sau mỗi khoá/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai KH tiếp theo.

Năm học 2025 – 2026, khoa Luật, CTH&QHQT phấn đấu 100% GV đều đạt các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Trong đó giao chỉ tiêu cho CBGV phấn đấu đạt khen thưởng cấp cao.

Từ năm học 2025 - 2026, khoa Luật, CTH&QHQT nghiên cứu đề nghị nhà trường có cơ chế chính sách khuyến khích GV viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế và tham gia các đề tài cấp cao hơn trong lĩnh vực ngành Luật.

3.7. *Đội ngũ nhân viên*

Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa số lượng và chất lượng đội ngũ NV: Tăng tỉ lệ đội ngũ NV viên có tính chuyên nghiệp cao, hỗ trợ kinh phí thi chứng chỉ ngoại ngữ cho NV.

Đề nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút nhân sự, từ năm học 2025-2026, Nhà trường cần đổi mới và ứng dụng các phương thức thông báo tuyển dụng hiện đại, phù hợp với xu hướng truyền thông số, từ đó tiếp cận hiệu quả hơn với nguồn nhân lực chất lượng cao.

Nhà trường có cơ chế chính sách khuyến khích CBNV đảm bảo đủ tiêu chí để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm học 2025 - 2026, Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị tìm hiểu, lập KH bổ sung các khóa bồi dưỡng để đảm bảo bao phủ hết nhu cầu của nhóm các vị trí việc làm, đồng thời khuyến khích NV tham gia các hội thảo, các chương trình học tập trao đổi kinh nghiệm thực tiễn từ các đơn vị ngoài trường.

Năm học 2025 – 2026, văn phòng tham mưu xây dựng mẫu KH cá nhân hàng năm dành riêng cho NV có trình độ lao động cơ bản.

3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Trong năm học 2025-2026, phòng ĐT&HSSV phối hợp với khoa Luật, CTH&QHQT lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động ngành Luật về chính sách TS hàng năm của Nhà trường.

Trong năm học 2025-2026, phòng ĐT&HSSV chủ trì cùng với khoa Luật, CTH&QHQT xây dựng KH lấy ý kiến NH, đơn vị sử dụng lao động về phương pháp và tiêu chí TS.

Nhà trường cần có đưa ra biện pháp cải thiện điểm tồn tại: Làm việc với nhà cung cấp phần mềm cho phép trích xuất dữ liệu ở bất cứ đâu miễn là có internet.

Nhà trường và Khoa cần rà soát điều chỉnh và hoàn thiện nội dung các câu hỏi khảo sát để thu thập được nhiều thông tin hữu ích cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm.

Từ năm học 2025-2026, Nhà trường có KH bổ sung chuyên viên/ NV chuyên nhiệm vụ tư vấn tâm lý học đường cho NH.

3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trong học kỳ I năm học 2025-2026, khoa Luật, CTH&QHQT đề xuất với nhà trường thiết kế, xây dựng đường giành riêng cho người khuyết tật.

Năm học 2025-2026, khoa Luật, CTH&QHQT đề xuất bổ sung thêm nhiều giáo trình chuyên ngành Luật kể cả tài liệu tiếng Việt và tiếng Anh. Bên cạnh đó, khoa Luật, CTH&QHQT đề xuất hàng năm phải cập nhật thường xuyên tài liệu tiếng Anh phục vụ dạy và học của ngành Luật.

Trong năm học 2025–2026, khoa Luật, CTH&QHQT đề xuất với Nhà trường và các phòng chức năng xây dựng kế hoạch bổ sung trang thiết bị cần thiết để hỗ trợ SV trong các HP về phần cứng và mạng máy tính, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của SV.

Năm học 2025-2026, phòng CSVC&TV lập KH đề xuất trang bị thêm thiết bị phát Wifi phủ sóng toàn khuôn viên trường. Khoa Luật, CTH&QHQT đề xuất thay thế một số máy tính đã quá niên hạn để phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

Năm học 2025-2026 kiến nghị Nhà trường bổ sung, cải tạo các hạng mục CSVC để phục vụ người khuyết tật.

3.10. Nâng cao chất lượng

Trong lần rà soát, chỉnh sửa CTDH tiếp theo, khoa Luật, CTH&QHQT sẽ phối hợp với phòng TCCB, KT&KĐCL, phòng ĐT&HSSV bổ sung thêm phương pháp kiểm tra/đánh giá thi trắc nghiệm vào một số HP trong CTĐT của khoa; tổ chức hội nghị giao ban để rà soát, điều chỉnh bộ công cụ khảo sát các BLQ phục vụ công tác phát triển CTĐT ngành Luật; kết nối với các trường ĐH đối tác, viện nghiên cứu để tham khảo được nhiều ý kiến phản hồi của các chuyên gia và nhà khoa học về CTĐT ngành Luật.

Trong năm học 2025-2026, Trường và Khoa phối hợp thường xuyên thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về quy trình thiết kế, phát triển CTDH bằng nhiều phương thức khác nhau.

Trong chu kỳ đánh giá và cải tiến CTĐT ngành Luật tiếp theo, khoa Luật, CTH&QHQT tổ chức hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các BLQ để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá KQHT của NH.

Năm 2025 – 2026, Khoa đăng kí tham gia các hội thảo quốc gia, chú trọng phát triển các bài báo và thực hiện các đề tài NCKH nhằm ứng dụng vào hoạt động dạy và học cho nhiều HP thuộc chuyên ngành Luật trong CTĐT.

Từ năm học 2025-2026, khoa Luật, CTH&QHQT kết hợp với phòng KHCN&HTPT tăng cường các hoạt động hỗ trợ GV NCKH, các đề tài nghiên cứu về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá KQHT để có nhiều hơn sản phẩm NCKH được khai thác áp dụng vào việc nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV ngành Luật, CTH &QHQT; khuyến khích và hỗ trợ kinh phí cho GV viết các bài báo đăng trên các tạp chí có tính điểm, trong đó có các tạp chí nước ngoài.

Tăng cường tham gia nghiên cứu, có các sản phẩm khoa học cấp quốc gia, cấp tỉnh trong những năm tới.

Từ năm học tiếp theo, Phòng TCCB, TT&KĐCL phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, bổ sung, điều chỉnh bộ phiếu khảo sát các BLQ về chất lượng các dịch vụ tiện ích để đánh giá được đầy đủ hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ NH đối với hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD của Trường, CTĐT ngành Luật.

Trong các năm tiếp theo, Nhà trường và các khoa cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để các BLQ hiểu rõ hơn mục đích, ý nghĩa của việc tham gia khảo sát.

Nhà trường cần tổ chức hội nghị đóng góp ý kiến để cải tiến, thống nhất bộ công cụ khảo sát nhằm sử dụng hiệu quả kết quả thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ.

3.11. Kết quả đầu ra

Từ năm học 2025 - 2026, Khoa sẽ xây dựng KH cụ thể, tổ chức Hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo, tìm các giải pháp hỗ trợ, phục vụ SV, tháo gỡ các vướng mắc của NH để tiếp tục giảm tỷ lệ SV thôi học.

Năm học 2025-2026 thực hiện đối sánh thời gian TN với thêm ít nhất 1 cơ sở đào tạo trong nước và 02 cơ sở đào tạo nước ngoài.

Từ năm học 2025 - 2026, khoa Luật, CTH&QHQT sẽ xây dựng KH cụ thể, tăng cường theo dõi quá trình giảng dạy và học tập của GV và NH để có những giải pháp tích cực nhằm rút ngắn hơn nữa thời gian TN trung bình, giảm thiểu NH TN chậm, có NH TN trước hạn.

Từ năm học 2025 - 2026, Nhà trường và khoa Luật, CTH&QHQT đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tạo cơ hội có việc làm đúng chuyên ngành cao hơn sau khi TN cho SV ngành Luật.

Từ năm học 2025-2026, Khoa và Nhà trường quan tâm nhiều hơn đến hỗ trợ và khuyến khích SV thực hiện và tham gia các đề tài NCKH gắn với các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo bằng nhiều hình thức khác nhau như hỗ trợ về kinh phí, hỗ trợ kết nối chuyên gia và hỗ trợ khảo sát lấy số liệu thực tế.

Từ năm học 2025–2026, khoa Luật, CTT&QHQT phối hợp với phòng TCCB, TT&KĐCL đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến các BLQ, tăng số lượng đơn vị tham gia khảo sát; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền để tăng tính hiệu quả, tăng tỷ lệ phản hồi; đồng thời rà soát, cải tiến và triển khai hệ thống khảo sát ý kiến các BLQ, đảm bảo phân tích, giám sát, đối sánh mức độ hài lòng với các quy định, nhằm cải tiến chất lượng một cách hệ thống và hiệu quả.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Thái Bình

Mã: DTB

Tên CTĐT: CTĐT ngành Luật trình độ đại học

Mã CTĐT: 7380101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4,8	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4,71	7	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5				4						

Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								5	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								5	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								5	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4,2	6	100
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								4,2	5	100%
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,81	50	100

Thái Bình, ngày tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Quốc Thành

Phần IV: PHỤ LỤC
Phụ lục 7: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT
Thời điểm báo cáo: Tính đến /07/2025

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH**
 - Tiếng Anh: **THAI BINH UNIVERSITY**
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: **DHTB**
 - Tiếng Anh: **TBU**
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên
5. Địa chỉ: phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên
6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: 02273.633.669 Số Fax:

Email: dhtb@tbu.edu Website: //tbu.edu.vn
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 08/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 9/2012
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 7/2016
10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐
11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không

II. Thông tin chung về Khoa Luật, Chính trị học và Quan hệ quốc tế

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: **Khoa Luật, Chính trị học và Quan hệ quốc tế**
 - Tiếng Anh: **Faculty of Law, Politics and International relation**
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: Khoa Luật, CTH&QHQT
 - Tiếng Anh: FLPIR
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Luật
15. Mã CTĐT: 7380101
16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không có
17. Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT: nhà F, Trường Đại học Thái Bình.
18. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: 0986964756 Số fax:

Email: vpkhoalcq.tbu@gmail.com/vanphongkhoalcqtbu@gmail.com

Website: <https://tbu.edu.vn/khoa-luat-chinh-tri-hoc-va-quan-he-quoc-te.html>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):

Quyết định số 974/QĐ-ĐHTB ngày 28/12/2023 về việc thành lập khoa Luật, CTH&QHQT.

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): tháng 9/2015

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): tháng 7/2019

III. Giới thiệu khái quát về Khoa Luật, Chính trị học và Quan hệ quốc tế

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của khoa Luật, CTH&QHQT.

**** Lịch sử hình thành và phát triển***

Khoa Luật, CTH&QHQT - Trường ĐHTB được thành lập theo Quyết định số 974/QĐ-ĐHTB ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB trên cơ sở nâng cấp khoa Luật trước đây. Với chức năng nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Luật, Chính trị học và Quan hệ quốc tế phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và khu vực đồng bằng sông Hồng.

Kế thừa và phát huy những thành quả xây dựng, phát triển của nhà trường, đội ngũ GV khoa có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, luôn tâm huyết yêu nghề, không ngừng học tập để đề trau dồi kiến thức. Đến nay với đội ngũ của khoa lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng với 25 CBGV, trong đó 100% GV có trình độ thạc sĩ trở lên.

Với mục tiêu phấn đấu trở thành đơn vị hàng đầu trong việc đào tạo cán bộ, nhân viên có kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn; cán bộ quản lý cấp cao, các doanh nhân, các nhà lập pháp, hoạch định chính sách, các nhà lãnh đạo đáp ứng nhu cầu của xã hội, khoa Luật, CTH&QHQT mang đến cho NH các CTĐT mang tính ứng dụng thực tiễn. Nội dung giảng dạy được xây dựng và cải tiến dựa trên cơ sở tham khảo các trường ĐH hàng đầu trong nước và trên thế giới. Chính vì vậy, quy mô đào tạo các ngành của Khoa tăng lên theo các năm. Tỷ lệ SV đạt loại khá, giỏi và xuất sắc luôn đạt trên 60%; gần 90% SV TN ra trường có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn đào tạo.

Tại khoa Luật, CTH&QHQT, SV không chỉ được tham gia vào các hoạt động ngoại khóa phong phú mà còn có cơ hội thực hành các hoạt động khoa học pháp lý, phát triển khả năng nghiên cứu và phân tích. Các dự án khởi nghiệp, câu lạc bộ Tiếng Anh, câu lạc bộ nghiên cứu và thực hành pháp luật, văn nghệ, thể dục thể thao và các sân chơi trí tuệ đều kết hợp với việc thực hiện các nghiên cứu pháp lý, thảo luận và áp dụng lý thuyết vào thực tiễn. Thông qua các hoạt động tình nguyện, sinh hoạt đầu khóa và gặp mặt cuối năm, SV còn có cơ hội áp dụng kiến thức pháp lý vào các tình huống thực tế, phát huy năng lực lập luận và sáng tạo, đồng thời tăng cường tinh thần đoàn kết, góp phần vào sự phát triển chung của Khoa và Nhà trường.

**** Về chất lượng đội ngũ giảng viên:***

Tính đến đến tháng 06/2025, tổng số CBGV của khoa là 25 người. Trong đó, 23 GV, đảm bảo 100% có học vị từ thạc sĩ trở lên gồm 05 tiến sĩ, 18 thạc sĩ (02 NCS); 02 cán bộ trình độ ĐH gồm 01 văn phòng khoa và 01 trợ giảng.

Ngoài ra, còn một số GV đang công tác tại các đơn vị khác trong trường tham gia giảng dạy và sinh hoạt chuyên môn tại khoa.

Đội ngũ GV của khoa trẻ năng động, sáng tạo, cầu thị, ham học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong 05 năm qua, CBGV khoa Luật, CTH&QHQT không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng dạy học trong Nhà trường, GV tích cực học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ, từ năm 2023 đến nay, Khoa có 02 GV đang làm NCS, trong đó có 01 NCS tại nước ngoài.

*** Về cơ sở vật chất**

Khoa có 01 phòng làm việc với tổng diện tích 50m² và các phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ các thiết bị như micro, máy chiếu, điều hoà, máy tính, phòng thực hành pháp luật... Các phòng chức năng đều được thiết kế đầy đủ ánh sáng, đảm bảo tốt điều kiện làm việc và học tập.

*** Về chương trình đào tạo:**

Khoa hiện đang thực hiện đào tạo 03 CTĐT trình độ ĐH gồm ngành Luật, ngành Chính trị học, ngành Quan hệ quốc tế. Khoa định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các CTĐT theo góp ý của các BLQ nhằm đạt đáp ứng mục tiêu đào tạo và CDR của chương trình.

*** Về đào tạo kỹ năng thực nghiệm:**

Khoa luôn sát sao, chỉ đạo GV thường xuyên đổi mới PPGD, chủ động và tăng cường công tác đi thực tế để làm phong phú bài giảng; tăng thời lượng thực hành, thảo luận seminar trên lớp giúp NH rèn luyện, phát triển kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm...

Hằng năm, khoa phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường tổ chức các chương trình trải nghiệm, kiến tập, các lớp đào tạo kỹ năng mềm, các sân chơi trí tuệ như: Cuộc thi Khởi nghiệp, cuộc thi Rung chuông vàng, cuộc thi Nhanh như chớp, cuộc thi Tìm hiểu Hiến pháp Việt Nam,...và các hoạt động ngoại khóa giúp NH bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng sống khác.

*** Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:**

Trong giai đoạn 2020 - 2024, loại hình và số lượng NCKH của GV của Khoa Luật, CTH&QHQT ngày càng đa dạng và tăng về mặt số lượng: 09 đề tài cấp trường, 16 đề tài cấp khoa, 7 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và 7 bài báo quốc tế, 14 bài đăng tập san khoa học của Nhà trường.

Đặc biệt, thời gian gần đây, khoa Luật, CTH&QHQT đã có bước phát triển đáng kể trong hoạt động NCKH của GV và SV. Trong năm học 2024-2025, hoạt động NCKH của khoa đạt được những bước tiến vượt trội: 1 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước; 2 nhiệm

vụ KHCN cấp tỉnh; 6 nhiệm vụ KHCN cấp trường; 2 bài báo đăng trên Tạp chí khoa học nước ngoài; 17 bài báo đăng trên Tạp chí trong nước; 46 bài tham luận tại các Hội thảo trong nước và quốc tế; hướng dẫn 15 đề tài SV NCKH các cấp.

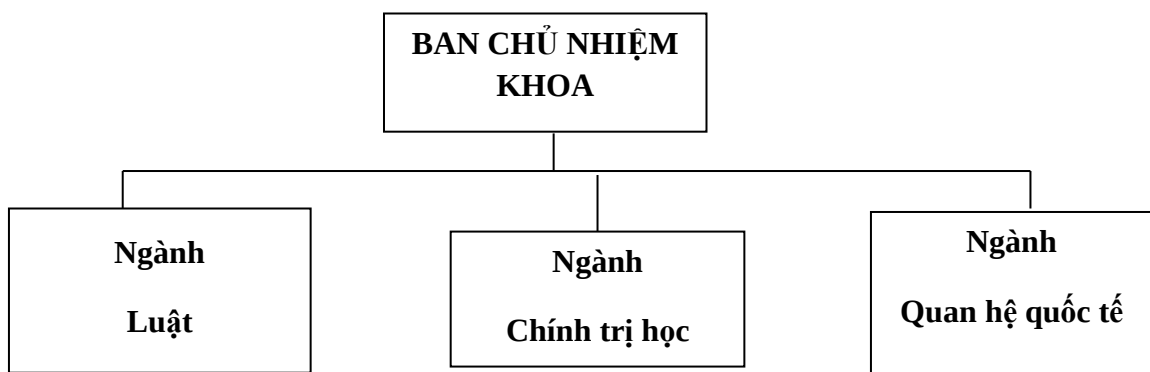
*** Về hợp tác quốc tế và quan hệ doanh nghiệp:**

Khoa cùng với Nhà trường hợp tác với các trường ĐH trong nước để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từng bước nâng cao chất lượng của CTĐT cũng như quá trình đào tạo. Khoa phối hợp cùng Nhà trường thực hiện nhiều đợt đưa SV của Khoa đi thực tập, trải nghiệm thực tế...đạt kết quả tốt.

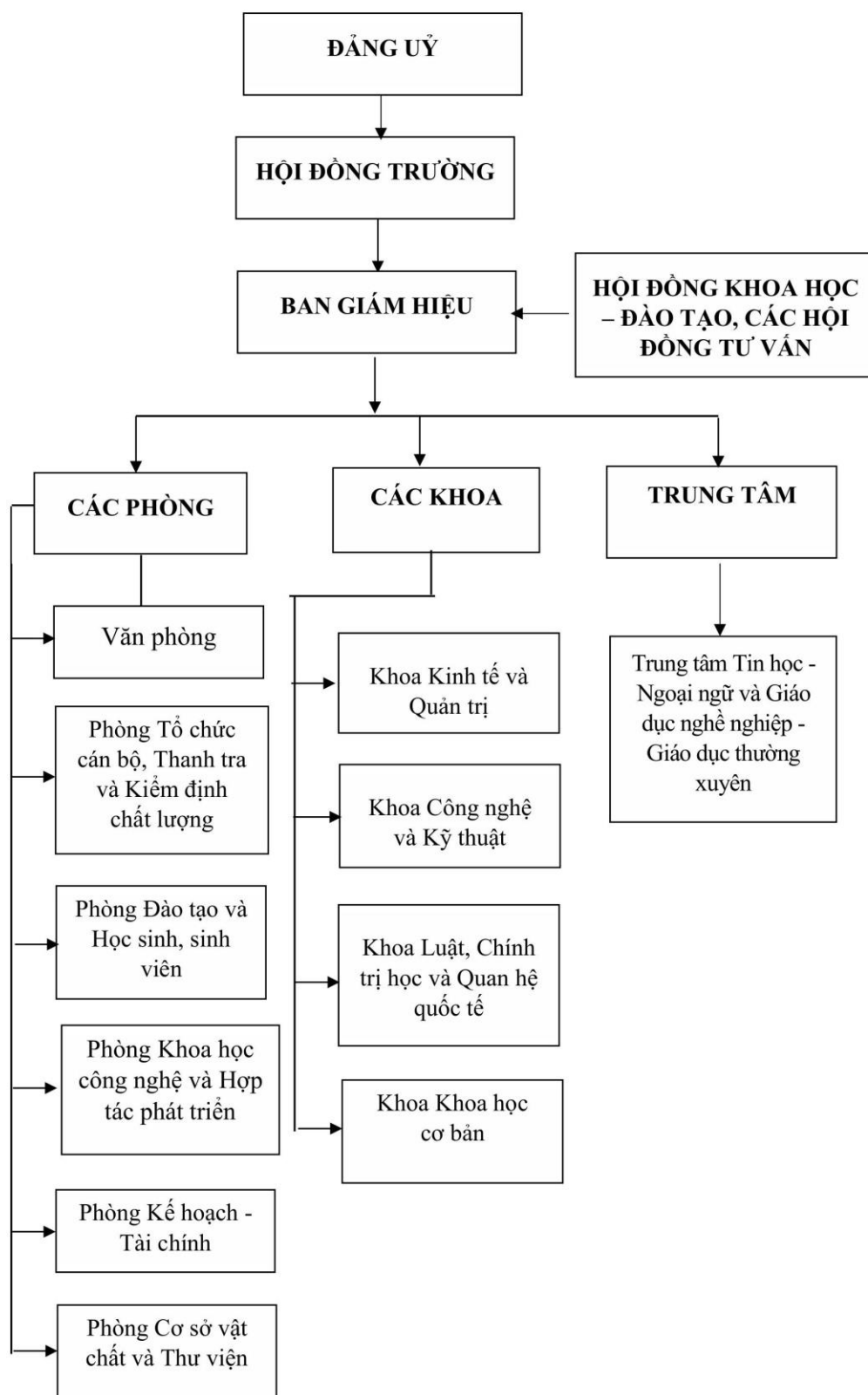
Tăng cường gắn kết tạo mối quan hệ với các sở, ban, ngành, doanh nghiệp và các tổ chức như: Toà án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Văn phòng Luật sư, Công ty Cổ phần Hoàng Hà; Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các cấp,... nhằm tạo điều kiện cho SV kiến tập, thực tập cũng như có cơ hội nhận học bổng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của CSGD và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

23.1. Cơ cấu tổ chức hành chính của khoa Luật, CTH&QHQT



23.2. Cơ cấu tổ chức hành chính của Trường Đại học Thái Bình



24. Danh sách Ban lãnh đạo CSGD và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
A	Lãnh đạo nhà trường CSGD					
1	Hội đồng trường	Trần Thị Bích Hằng	1973	Tiến sĩ, Chủ tịch Hội đồng trường	0915011569	
2	Ban Giám hiệu	Phạm Quốc Thành	1977	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng	0901295656	thanh.pham131@gmail.com
		Hà Văn Đồng	1980	Tiến sĩ, Đảng uỷ, Phó Hiệu trưởng	0912462628	donghavan.vnu@gmail.com
		Trần Thị Hoà	1979	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	0949244392	hquynh97@gmail.com
B	Khoa Luật, Chính trị học và Quan hệ quốc tế					
I	Lãnh đạo chủ chốt					
1	Khoa Luật, CTH&QHQT	Trần Bách Hiếu	1985	Trưởng khoa	0963491685	bachhieul68@gmail.com
2	Khoa Luật, CTH&QHQT	Đinh Ngọc Chính	1977	Phó trưởng khoa	0988091889	chinhdhtb@gmail.com
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn					
1	Chi bộ	Đinh Ngọc Chính	1977	Bí thư	0988091889	chinhdhtb@gmail.com
2	Đoàn Thanh niên	Hoà Thị Linh	1990	Bí thư Liên chi Đoàn	0968242648	hoalinhdhtb1990@gmail.com
3	Công đoàn khoa	Trần Thị Chiêu	1977	Chủ tịch Công đoàn bộ phận	0983587222	tranchieu77@gmail.com
III	Các ngành					
1	QHQT	Phạm Quốc Thành	1977	Trưởng ngành	0901295656	thanh.pham131@gmail.com
2	Chính trị học	Nguyễn Quỳnh Nga	1996	Trưởng ngành	0962291039	quynhngannpl@gmail.com
3	Luật	Hoà Thị Linh	1990	Trưởng ngành	0968242648	hoalinhdhtb1990@gmail.com

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Ngành Luật/ Chuyên ngành: Luật học

- Ngành Chính trị học/Chuyên ngành: Quản lý nhà nước; Lãnh đạo học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chính trị Việt Nam; Chính trị quốc tế; Chính sách công.

- Ngành Quan hệ quốc tế/ Chuyên ngành: Quan hệ chính trị quốc tế; Quan hệ kinh tế quốc tế; Chính trị và truyền thông quốc tế; Hàn quốc học; Trung Quốc học; Hoa Kỳ học; Châu Á – Thái Bình Dương học

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....		

32. Tổng số các ngành đào tạo: 03

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	7	18	25
I.1	Cán bộ trong biên chế	5	13	19
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	3	5	8
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)	7	13	20
	Tổng số	14	31	45

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, GV, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²GV thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khóa học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	0	0	0	3	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	13	3	2	2	8	0
5	Thạc sĩ	27	14	4	0	9	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	43	17	6	2	20	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 23 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 92,0%% (23/25)

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 4 Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ, được sửa đổi, bổ sung tại thông tư 01/2019/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ Tiến sĩ khoa học nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35). Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi).

TT	Trình độ,	Hệ	Số	GV cơ hữu	GV	GV	GV
----	-----------	----	----	-----------	----	----	----

³³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

	học vị, chức danh	số quy đổi	lượng GV	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	thỉnh giảng	quốc tế	quy đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	3	0	0	0	3	0	1,8
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	13	3	2	2	8	0	14,4
5	Thạc sĩ	1	27	14	4	0	9	0	19,8
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		43	17	6	2	20	0	

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	21,73	3	2	0	0	4	1	0
5	Thạc sĩ	18	78,27	3	15	1	4	12	1	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	23	100	6	17	1	4	16	2	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 42,3

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 21,73% (5/23)

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 78,27% (18/23)

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	26,09	47,83
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	13,04	39,13
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	17,39	13,04
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	34,78	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	8,70	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020	16	16	1/1	12	15/30	20,85	0
2020-2021	15	15	1/1	14	15/30	22,50	0
2021-2022	44	44	1/1	17	15/30	22,57	0
2022-2023	23	23	1/1	14	15/30	23,92	0
2023-2024	25	25	1/1	16	15/30	23,08	0
2024-2025	58	58	1/1	34	15/30	23,97	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	12/2024
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học Trong đó:	12	156	117	62	47	77
Hệ chính quy	12	14	17	14	16	34
Hệ không chính quy	0	142	100	48	31	43
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	12/2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	15.372	15.372	15.372	15.372	15.372	15.372
2. NH có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	8	5	7	9	22	9
3. NH được ở trong ký túc xá (người)	8	5	7	9	22	9
4. Tỷ số diện tích trên đầu NH ở trong ký túc xá (m ² /người)	47,15	20,2	27,8	27,15	34,5	34,5

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024

Số lượng (người)	0	3	10	7	15
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	0	2,58%	18,18%	15,56%	32,61%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	107	75	134	92	88
Hệ chính quy	74	75	20	10	10
Hệ không chính quy	33	0	114	82	78
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	74	75	20	10	10
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	79,57	74,26	74,07	83,33	71,43
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	-	-	-
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	-	-	-
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	-	-	-
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	18,92	21,33	35,71	80,00	-
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	28,38	33,33	38,87	90,00	-
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	18,3	26,67	28,58	0,00	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	Dưới 6tr	6-8tr	6-8tr	5-8tr	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	-	-	-	-	-
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- NH tốt nghiệp là NH có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- NH có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024 (tính đến T12.2024)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	2	3	4	4,5
4	Tổng		0	0	2	3	4	4,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 4,5

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,18 (4,5/25)

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2020	0	0	0
2	2021	0	0	0
3	2022	0	0	0
4	2023	0	0	0
5	2024	0	0	0

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	0	5	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	3	
Trên 6 đề tài	0	0	2	
Tổng số cán bộ tham gia	1	0	10	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-T12.2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	1	1
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	0	0	0	1

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 1,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,04 (1/25)

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách
--	--

Số lượng sách	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	1	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	1	0

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	2	5	10,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	0	0	0	7	7,0
3	Tạp chí/tập san của cấp trường	0,5	0	0	1	4	9	7,0
	Tổng		0	0	1	6	21	24,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 24,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,98 (24,5/25)

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí/tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	6	10
Từ 6 đến 10 bài báo	1	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	6	10

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	

1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	6	6
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	0	1	0,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	15	3,75
4	Tổng		0	0	0	0	22	10,25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 10,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,41 (8,25/25)

46. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	3	5	12
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	4	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	9	12

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	

Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	1	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 39.675m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 9.918,75m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 160.000m² .
- Nơi học: 17.321m²
- Nơi vui chơi giải trí: 3.560m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 390m²
- Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 2,02 m²/người

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 373

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): Sách dùng cho ngành Luật (Giáo trình, TLTK): 90

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 3
- Dùng cho NH học tập: 30

Tỷ số số máy tính dùng cho NH / NH chính quy: 0,43 (30/70)

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 23

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 92,0% (23/25)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 21,73% (5/23)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn

vị thực hiện CTĐT (%): 78,27% (18/23)

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 70

Tỷ số người học chính quy trên GV: 3,04

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 90%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 82,14%

- Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 17,86%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 76,02%

Tỷ lệ người học có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo (%): 23,98%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 8-10tr

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay: 80,0%

- Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 20,0%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,18 (4,5/25)

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,04 (1/25)

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,98 (24,5/25)

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,41 (10,25/25)

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,43 (30/70)

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,02 m²/người

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 31,36%

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)